





Khi đọc tài liệu hướng dẫn này, bạn sẽ thấy có một số thông tin đứng trước biểu tượng  CHÚ Ý. Thông tin này giúp bạn tránh gây hư hỏng cho xe, tài sản, hoặc môi trường.

Biểu tượng   trên các nhãn được dán vào xe để nhắc bạn đọc tài liệu hướng dẫn sử dụng để vận hành xe đúng cách và an toàn.

Biểu tượng  được mã hóa bằng màu để thể hiện “nguy hiểm” (màu đỏ), “cảnh báo” (màu cam), hoặc “chú ý” (màu hổ phách).

 Nhãn An Toàn Tr. 87


## Một Vài Chú Ý Về An Toàn


An toàn của bạn, an toàn của mọi người là rất quan trọng. Và vận hành xe an toàn là trách nhiệm của bạn.


Để giúp bạn có những hiểu biết về an toàn, chúng tôi cung cấp các quy trình vận hành và thông tin khác trên nhãn và trong tài liệu hướng dẫn này. Thông tin này sẽ cảnh báo bạn về những nguy cơ rủi ro có thể xảy ra làm bạn và những người khác bị thương.


Tất nhiên, nó không thể cảnh báo hết được về tất cả các tình huống rủi ro có thể xảy ra khi vận hành hoặc bảo dưỡng xe. Bạn phải tự xử lý được các tình huống.

Bạn sẽ thấy thông tin an toàn quan trọng này trong những hình thức khác nhau, bao gồm:

- **Các Nhãn An Toàn** - trên xe.
- **Thông Tin An Toàn** - dán phía sau biểu tượng cảnh báo an toàn  và một trong ba từ sau: **NGUY HIỂM, CẢNH BÁO** hoặc **LƯU Ý**. Những từ này có nghĩa:

 **NGUY HIỂM** Bạn SẼ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu bạn không làm theo chỉ dẫn.

 **CẢNH BÁO** Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu bạn không làm theo chỉ dẫn.

 **LƯU Ý** Bạn CÓ THỂ bị THƯƠNG nếu không làm theo chỉ dẫn.

- **Các Đề Mục An Toàn** - như những Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn.
- **Phản Hướng Dẫn An Toàn** - như Lái Xe An Toàn.
- **Các Hướng Dẫn** - cách sử dụng xe sao cho đúng cách và an toàn.

Cuốn sách này bao gồm thông tin quan trọng về an toàn - hãy đọc một cách cẩn thận.

### **Thiết Bị Ghi Nhận Dữ Liệu Sự Cố**

Xe của bạn được trang bị một số thiết bị thông thường nhằm mục đích Ghi Nhận Dữ Liệu Sự Cố. Thiết bị này ghi lại những dạng dữ liệu khác nhau của xe như việc nổ túi khí SRS và lỗi của các bộ phận của hệ thống SRS.

Các dữ liệu này thuộc về chủ xe và không ai có thể truy cập trừ trường hợp có yêu cầu hợp pháp hoặc có sự cho phép của chủ xe.

Tuy nhiên, dữ liệu này có thể truy cập bởi Honda, các đại lý được ủy nhiệm và thợ sửa chữa được ủy nhiệm, nhân viên, người đại diện và các nhà thầu được ủy nhiệm vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

### **Thiết Bị Ghi Chẩn Đoán Dịch Vụ**

Xe của bạn được trang bị các thiết bị liên quan đến dịch vụ, các thiết bị này ghi lại các thông tin hoạt động của cơ cấu truyền động và điều kiện lái xe. Kỹ thuật viên có thể dùng dữ liệu này trong việc chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng xe. Dữ liệu này không ai có thể truy cập trừ trường hợp có yêu cầu hợp pháp hoặc có sự cho phép của chủ xe.

Tuy nhiên, dữ liệu này có thể truy cập bởi Honda, các đại lý được ủy nhiệm và thợ sửa chữa được ủy nhiệm, nhân viên, người đại diện và các nhà thầu được ủy nhiệm vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

Tài liệu hướng dẫn sử dụng này được coi như một phần không thể thiếu của xe và nên được kèm theo khi bán xe.

Tài liệu hướng dẫn này dùng chung cho tất cả các loại xe. Bạn có thể tìm thấy các miêu tả của các thiết bị và các tính năng mà xe bạn không có.

Những hình ảnh có trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này miêu tả những tính năng và thiết bị chỉ có ở một số loại xe nhất định, không phải có ở tất cả các loại xe. Vì thế, sẽ có một số tính năng mà xe bạn không có.

Thông tin và các thông số kỹ thuật có trong tài liệu này có hiệu lực kể từ thời điểm phê duyệt ấn hành. Tuy nhiên, Honda Motor giữ bản quyền này và được quyền cắt bỏ và thay đổi các thông số kỹ thuật hoặc thiết kế bất cứ lúc nào mà không cần thông báo hoặc chịu bất kỳ trách nhiệm nào.

Mặc dù tài liệu này áp dụng với cả hai loại vô lăng bên trái và vô lăng bên phải, nhưng những hình minh họa trong tài liệu này chủ yếu liên quan tới loại vô lăng bên trái.

#### ➤ **Lái Xe An Toàn** Tr. 31

Đề Lái Xe An Toàn Tr. 32    Dây Đai An Toàn Tr. 36    Túi Khí Tr. 47

#### ➤ **Bảng Điều Khiển** Tr. 89

Đèn Báo Tr. 90    Đồng Hồ Đo và Màn Hình Hiển Thị Tr. 103

#### ➤ **Điều Khiển** Tr. 109

Đồng Hồ Tr. 110    Khoá và Mờ Khóa Cửa Tr. 112  
Mở và Đóng Cửa Kính Tr. 141  
Điều Chỉnh Gương Tr. 161    Điều Chỉnh Ghế Tr. 164  
Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu\* Tr. 183

#### ➤ **Tính Năng** Tr. 189

Hệ Thống Âm Thanh\* Tr. 190  
Thông Tin Chung Về Hệ Thống Âm Thanh Tr. 246  
Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay/*Bluetooth*<sup>®</sup> HandsFreeLink<sup>®</sup> Tr. 262, 285

#### ➤ **Lái Xe** Tr. 311

Trước Khi Lái Xe Tr. 312    Kéo Rơ-moóc Tr. 316  
Camera Lùi Đa Hướng\* Tr. 351

#### ➤ **Bảo Dưỡng** Tr. 355

Trước Khi Tiến Hành Bảo Dưỡng Tr. 356    Nhắc Bảo Dưỡng\* Tr. 359  
Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lưới Gạt Nước Tr. 394  
Bảo Dưỡng Hệ Thống Sưởi\* và Làm Mát\*/Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu\* Tr. 408

#### ➤ **Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ** Tr. 417

Dụng Cụ Tr. 418    Nếu Lốp Xe Bị Xẹp Tr. 419  
Quá Nhiệt Tr. 433    Đèn Báo, Sáng/Nhấp Nháy Tr. 435

#### ➤ **Thông Tin** Tr. 451

Thông Số Kỹ Thuật Tr. 452    Số Nhận Dạng Tr. 455





# Nội dung

Hướng Dẫn Tham khảo Nhanh Tr. 4

Lái Xe An Toàn Tr. 31

Bảng Điều Khiển Tr. 89

Điều Khiển Tr. 109

Tính Năng Tr. 189

Lái Xe Tr. 311

Bảo Dưỡng Tr. 355

Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ Tr. 417

Thông Tin Tr. 451

Phụ Lục Tr. 461

An Toàn Cho Trẻ Tr. 60

Khí Xả Nguy Hiểm Tr. 86

Nhãn An Toàn Tr. 87

Mở và Đóng Nắp Khoang Hành Lý Tr. 133

Vận Hành Công Tắc Quanh Vô Lãng Tr. 144

Đèn Trong xe/Các Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong Tr. 172

Hệ Thống An Ninh Tr. 136

Hệ Thống Sưởi\* và Làm Mát\* Tr. 179

Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống Âm Thanh Tr. 197, 216

Tính Năng Tùy Chọn\* Tr. 250

Thông Báo Lỗi Âm Thanh Tr. 243

Khí Lái Xe Tr. 317

Nạp Nhiên Liệu Tr. 352

Phanh Xe Tr. 342

Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Xả CO<sub>2</sub> Tr. 354

Đổ Xe Tr. 347

Lịch Bảo Dưỡng Tr. 361

Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lốp Xe Tr. 396

Vệ Sinh Tr. 410

Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-Pô Tr. 372

Ắc Quy Tr. 403

Phụ Kiện và Điều Chỉnh Tr. 415

Thay Bóng Đèn Tr. 382

Bảo Dưỡng Bộ Truyền Tín Hiệu

Từ Xa Tr. 406

Động Cơ Không Khởi Động Được Tr. 427

Cầu Chì Tr. 440

Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài Tr. 430

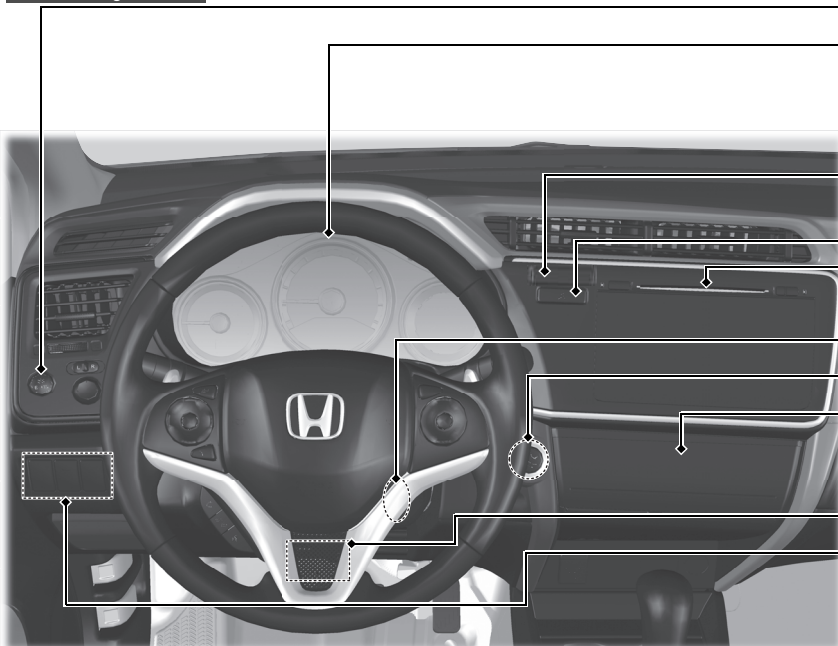
Kéo Xe Khẩn Cấp Tr. 448

Không Gạt Được Cần Số Tr. 432

Tuân Thủ Quy Định\* Tr. 456

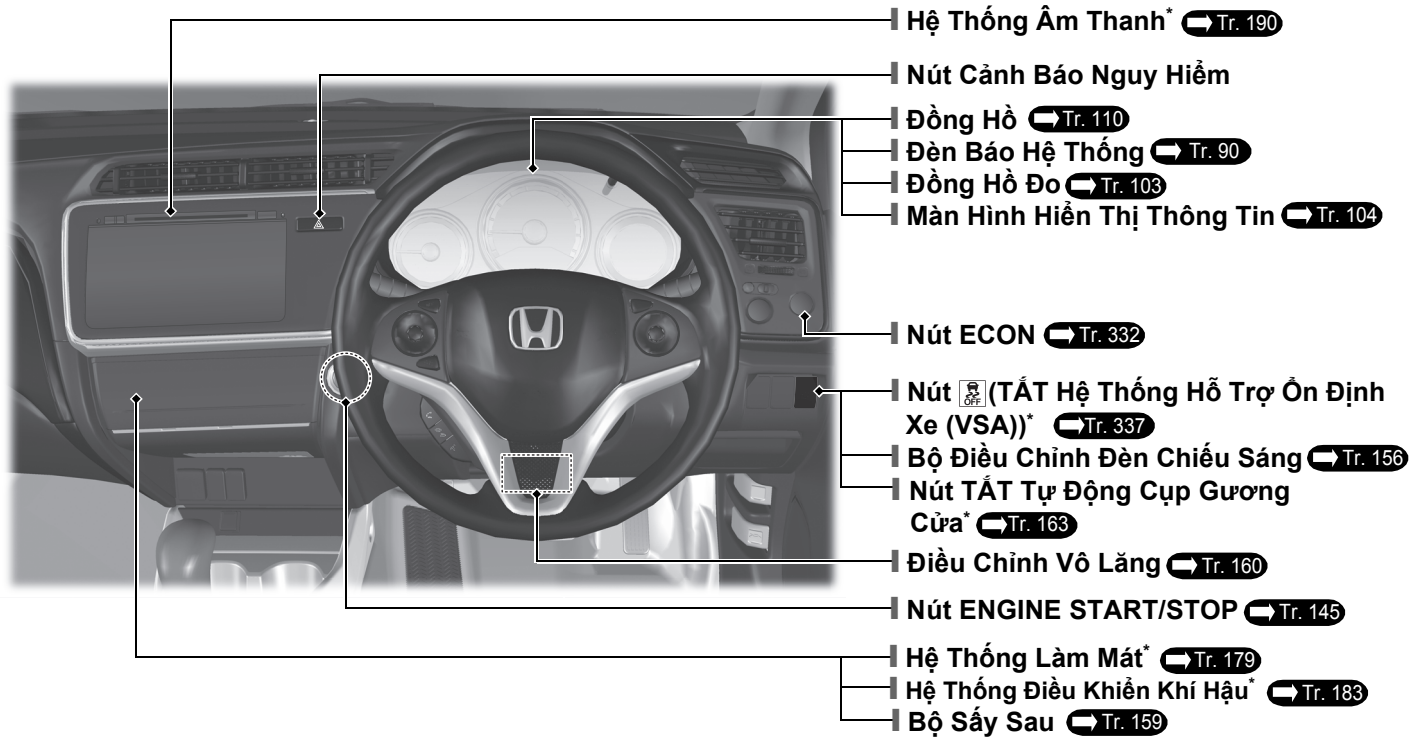
# Mục Lục Trực Quan

Loại Vô Lãng Bên Trái

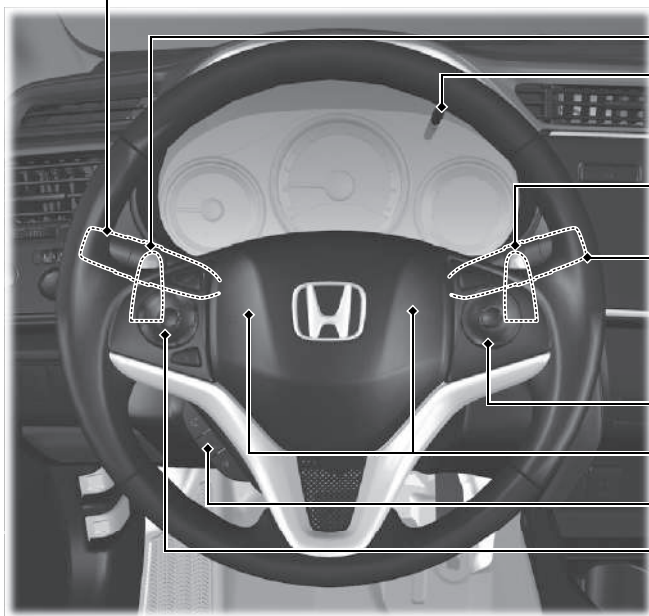


- | Nút ECON\* ➔ Tr. 332
- | Đồng Hồ ➔ Tr. 110
- | Đèn Báo Hệ Thống ➔ Tr. 90
- | Đồng Hồ Đo ➔ Tr. 103
- | Màn Hình Hiển Thị Thông Tin ➔ Tr. 104
- | Đèn Báo Túi Khí Trước Phía Hành Khách TẮT ➔ Tr. 58
- | Nút Cảnh Báo Nguy Hiểm
- | Hệ Thống Âm Thanh\* ➔ Tr. 190
- | Khóa Điện\* ➔ Tr. 144
- | Nút ENGINE START/STOP\* ➔ Tr. 145
- | Hệ Thống Sưởi\* và Làm mát\* ➔ Tr. 179
- | Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu\* ➔ Tr. 183
- | Bộ Sấy Sau ➔ Tr. 159
- | Điều Chỉnh Vô Lãng ➔ Tr. 160
- | Nút  (TẮT Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)\* ➔ Tr. 337
- | Bộ Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng\* ➔ Tr. 156
- | Nút Hệ Thống Cảm Biến Đỗ Xe\* ➔ Tr. 348
- | Loại xe Trung Đông và Đông Nam Á
- | Nút Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp (DWS) ➔ Tr. 340
- | Loại xe Đài Loan
- | Nút Hệ Thống Theo Dõi Áp Suất Lốp (TPMS) ➔ Tr. 338

Loại Vô Lãng Bên Phải




# Mục Lục Trực Quan



Ngoại trừ loại xe Malaysia

- | Đèn Chiếu Sáng/Đèn Xi Nhan ➡ Tr. 149, 150
- | Đèn Sương Mù Trước\* ➡ Tr. 153
- | Đèn Sương Mù Sau\* ➡ Tr. 153

Loại xe Malaysia


- | Cản Gạt Nước/Bộ Rửa Kính ➡ Tr. 157
- | Lẫy Sang Số (Giảm Số)\* ➡ Tr. 329
- | Điều Khiển Chiếu Sáng ➡ Tr. 158
- | Nút  (Chọn/Cài Đặt Lại)\* ➡ Tr. 104

- | Lẫy Sang Số\* (Tăng Số) ➡ Tr. 329

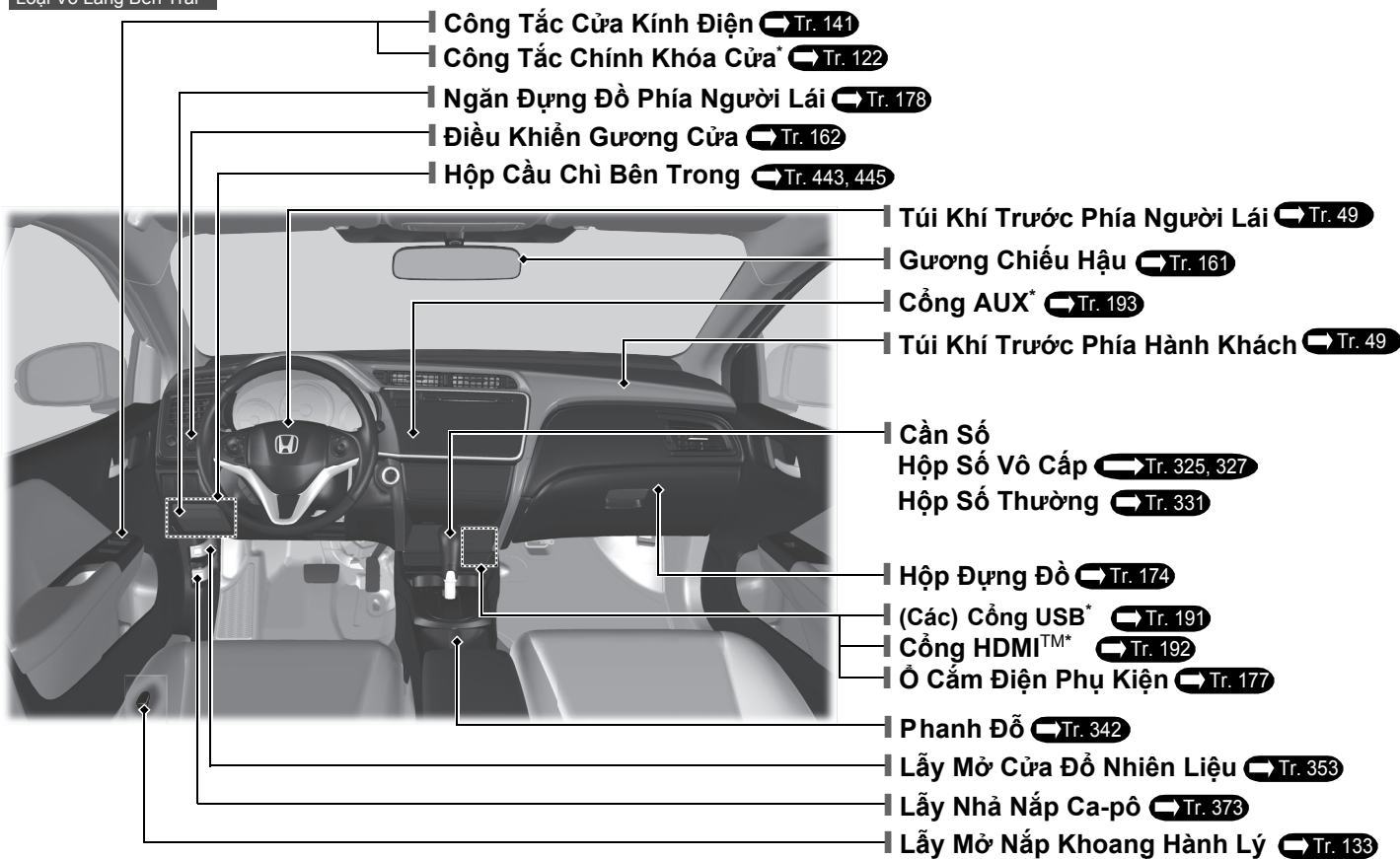
Ngoại trừ loại xe Malaysia

- | Cản Gạt Nước/Bộ Rửa Kính ➡ Tr. 157

Loại xe Malaysia

- | Đèn Chiếu Sáng/Đèn Xi Nhan ➡ Tr. 149, 150
- | Đèn Sương Mù Trước\* ➡ Tr. 153
- | Nút Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định\* ➡ Tr. 333
- | Còi (Ấn Quanh )
- | Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay\* ➡ Tr. 262, 285
- | Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa\* ➡ Tr. 195

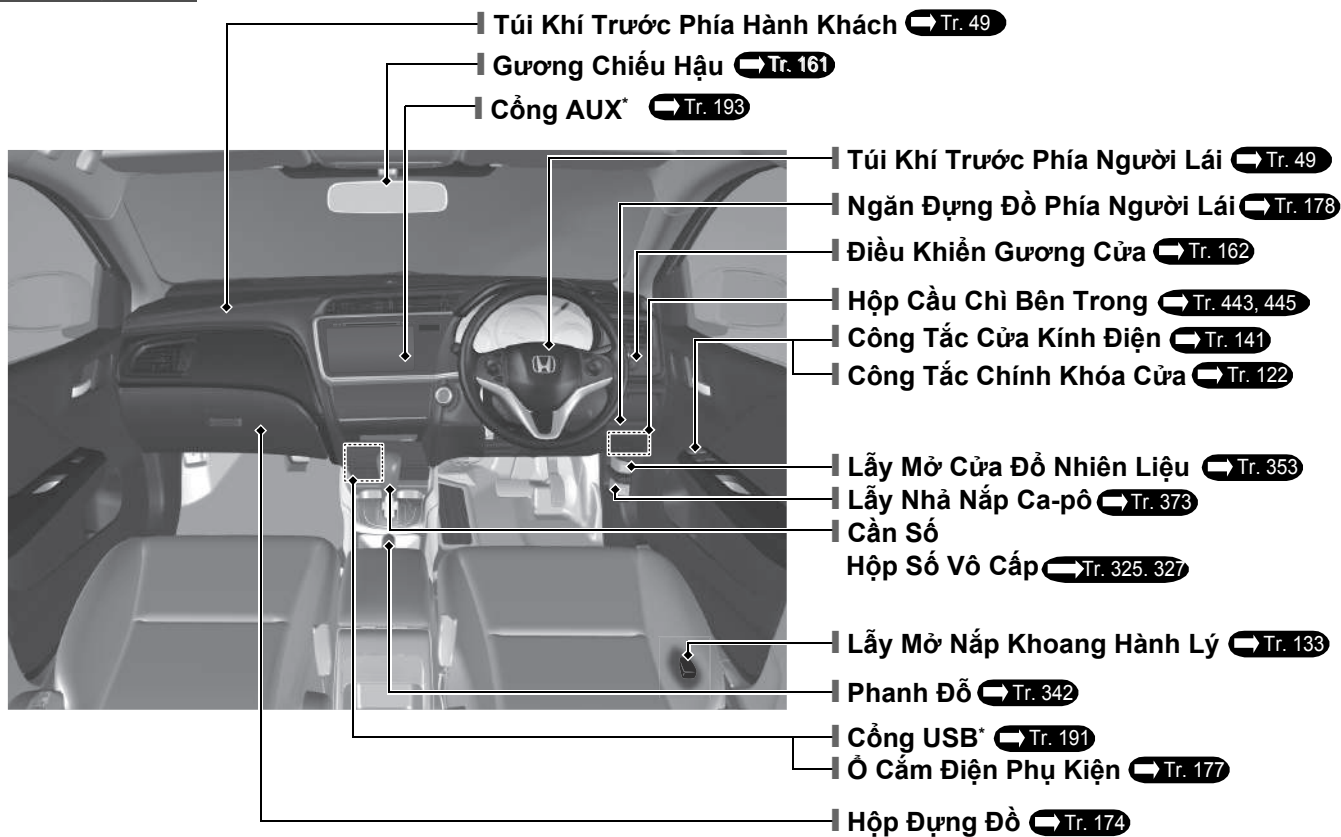
Loại Vô Lãng Bên Trái

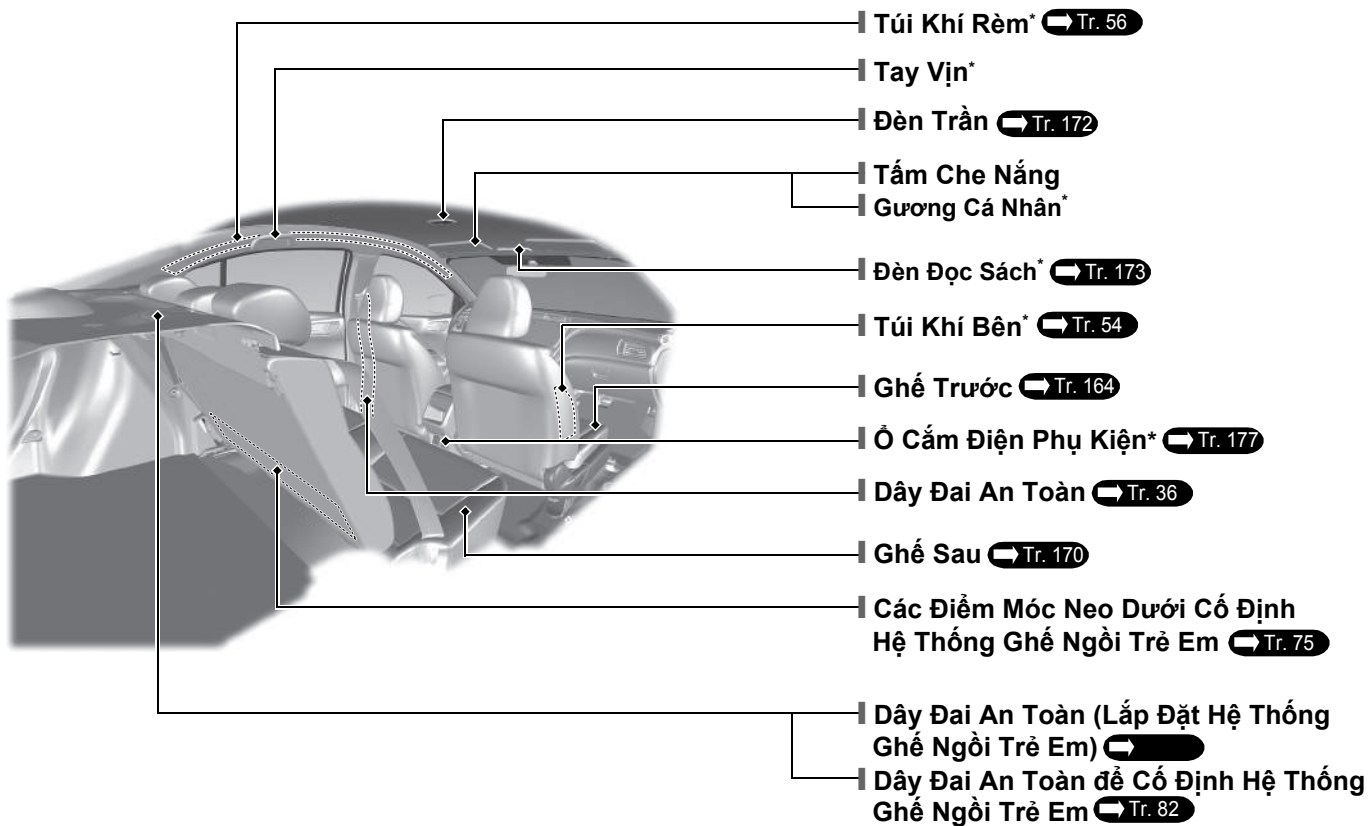


\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

# Mục Lục Trực Quan

Loại Vô Lăng Bên Phải





\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe





# Hệ Thống Hỗ Trợ Eco\*

## Đèn Viên Đồng hồ

- Thay đổi màu sắc để phản ánh cách điều khiển xe.

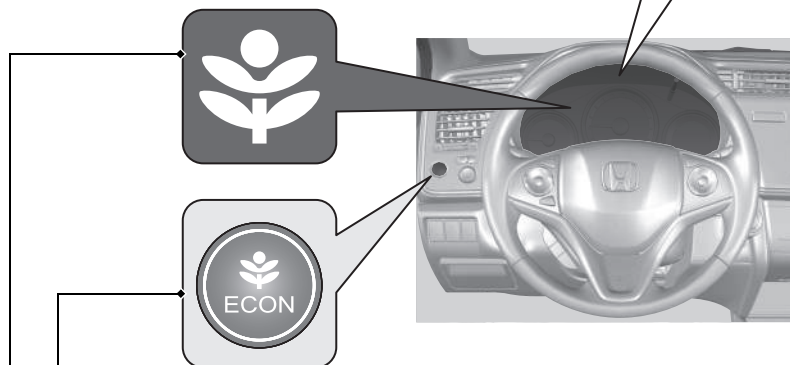
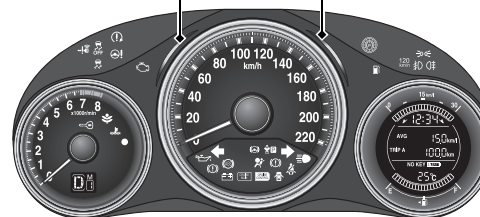
Xanh lục: Lái xe tiết kiệm nhiên liệu

Xanh lục lam: Tăng tốc/giảm tốc trung bình

Xanh lam: Tăng tốc/giảm tốc đột ngột

- Màu sắc của đèn viên đồng hồ thay đổi theo vận hành bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga.

## Đèn Viên Đồng hồ



**Nút ECON**  Tr. 332  
Giúp tiết kiệm nhiên liệu tối đa.

**Đèn Báo Chế Độ ECON**  Tr. 100  
Sáng khi ấn nút ECON.

# Lái Xe An Toàn ↔ Tr. 31

## Túi Khí ↔ Tr. 47

- Xe của bạn được trang bị các túi khí để bảo vệ bạn và hành khách trong các vụ va chạm từ bình thường đến nghiêm trọng.

## An Toàn Cho Trẻ ↔ Tr. 60

- Tất cả các trẻ em dưới 12 tuổi phải ngồi ở ghế sau.
- Trẻ nhỏ cần phải được bảo vệ an toàn bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
- Trẻ sơ sinh phải được bảo vệ an toàn bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế sau.

## Khí Xả Nguy Hiểm ↔ Tr. 86

- Xe của bạn thải ra một lượng khí xả nguy hiểm có chứa hàm lượng CO. Không được khởi động xe ở những vùng không gian hẹp kín nơi có thể tích tụ CO.

## Dây Đai An Toàn ↔ Tr. 36

- Thắt dây đai an toàn và ngồi lưng thẳng tựa vào ghế.
- Kiểm tra hành khách trên xe bạn đã thắt dây đai an toàn đúng cách chưa.

## Danh Mục Kiểm Tra Trước Khi Lái Xe ↔ Tr. 312

- Trước khi lái xe, kiểm tra các ghế trước, tựa đầu, vô-lăng và các gương đã được điều chỉnh đúng chưa.



Thắt dây đai an toàn hông càng thấp càng tốt.

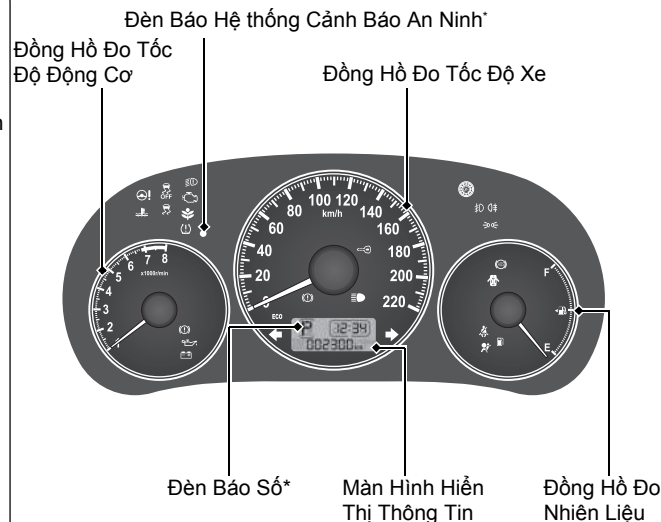
# Bảng Điều Khiển Tr. 89

**Đồng Hồ Đo** Tr. 103 / **Màn Hình Hiển Thị Thông Tin** Tr. 104 / **Đèn Báo Hệ Thống** Tr. 90



Loại A

## Đèn Báo Hệ Thống

-  Đèn Báo Sự Cố
-  Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp
-  Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện
-  Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn định Xe (VSA)\*
-  Đèn Báo TẮT VSA\*
-  Đèn Báo Chế Độ ECON\*
-  Đèn Báo Nhiệt Độ Cao (Đỏ)
-  Đèn Báo Nhiệt Độ Thấp\* (Xanh Lam)
- ECO** Đèn Báo ECO
-  Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hỗ Phách)
-  Đèn Báo Phanh Đổ và Hệ Thống Phanh (Đỏ)
-  Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS)
-  Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS\*



## Các Đèn Báo

-  Đèn Báo Các Đèn Sáng\*
-  Đèn Báo Chiếu Xa
-  Đèn Báo Đèn Sương Mù Trước\*
-  Đèn Báo Đèn Sương Mù Sau\*

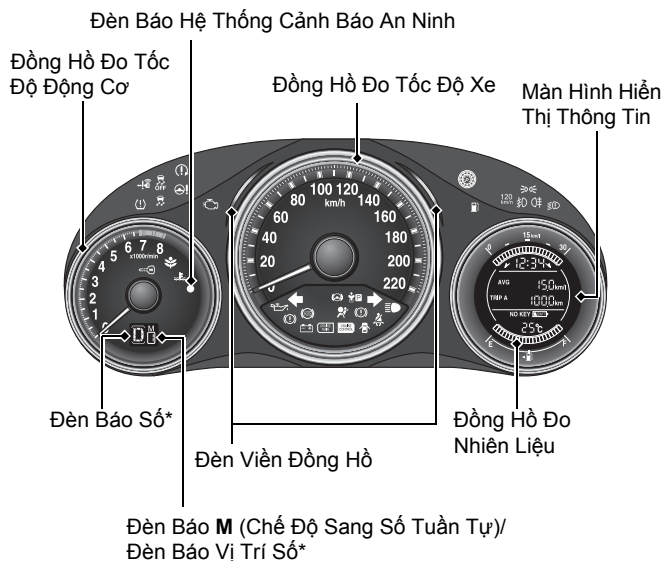
## Đèn Báo Hệ Thống

-  Các Đèn Xi Nhan và Đèn Cảnh Báo Nguy Hiểm
-  Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy
-  Đèn Báo Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)
-  Đèn Báo Cửa/Nắp Khoang Hành Lý Mở
-  Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp
-  Đèn Báo Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn
-  Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ
-  Đèn Báo Điều Khiển Đèn\*





Loại B

### Đèn Báo Hệ Thống

-  Đèn Báo Sự Cố
-  Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp
-  Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện
-  Đèn Báo Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)
-  Đèn Báo Hệ Thống Truy Cập Từ Xa\*
-  Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn định Xe (VSA)\*
-  Đèn Báo TẮT VSA\*
-  Đèn Báo Chế Độ ECON\*
-  Đèn Báo Nhiệt Độ Cao (Đỏ)
-  Đèn Báo Nhiệt Độ Thấp (Xanh Lam)\*
-  Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy
-  Đèn Báo Phanh Đổ và Hệ Thống Phanh (Đỏ)
-  Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hỗ Phách)
-  Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS)
-  Đèn Báo Hệ Thống Khởi Động\*



### Các Đèn Báo

-  Đèn Báo Các Đèn Sáng
-  Đèn Báo Chiếu Xa
-  Đèn Báo Đèn Sương Mù Trước\*
-  Đèn Báo Đèn Sương Mù Sau\*

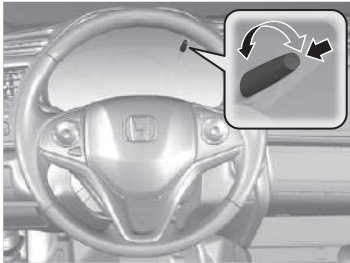
### Đèn Báo Hệ Thống




-  Loại Xe Trung Đông và Đông Nam Á
-  Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp/Áp Suất Lốp Thấp\*
-  Loại Xe Đài Loan
-  Đèn báo Áp suất Lốp Thấp/TPMS
-  Các Đèn Xi Nhan và Đèn Cảnh Báo Nguy Hiểm
-  120 km/h Đèn Cảnh Báo Tốc Độ\*
-  MAINT REQ'D Đèn Báo Yêu Cầu Bảo Dưỡng\*
-  Đèn Báo Cửa/Nắp Khoang Hành Lý Mở
-  Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp
-  Đèn Báo Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn
-  Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ
-  Đèn Báo Sang Số Đổ\*
-  Đèn Báo Xoay Vô lăng\*
-  CRUISE MAIN Đèn Báo Chế Độ Chạy Ổn Định Chính\*
-  CRUISE CONTROL Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định\*
-  Đèn Báo Điều Khiển Đèn\*

# Điều Khiển Tr. 109

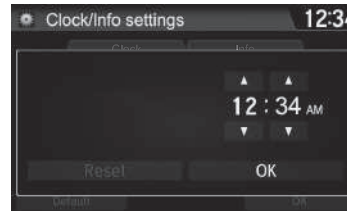
## Đồng Hồ Tr. 110






Loại xe không có hệ thống Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh



- 1 Ấn  nhiều lần cho tới khi màn hình hiển thị thời gian bắt đầu nhấp nháy.
- 2 Xoay  để điều chỉnh số phút.  
▶ Khi bạn điều chỉnh tăng hay giảm số phút, số giờ sẽ di chuyển lên hoặc xuống.
- 3 Ấn  để kết thúc điều chỉnh thời gian.

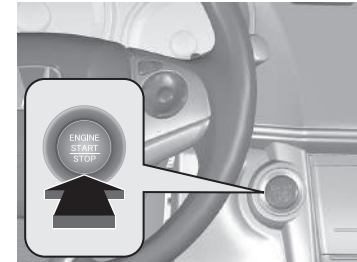
Loại xe có hệ thống Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh



- 1 Vào màn hình điều chỉnh đồng hồ.  
 Tr. 111
- 2 Chọn  hoặc  để thay đổi số giờ
- 3 Chọn  hoặc  để thay đổi số phút, sau đó chọn **OK**.

## Nút ENGINE START/STOP\* Tr. 145

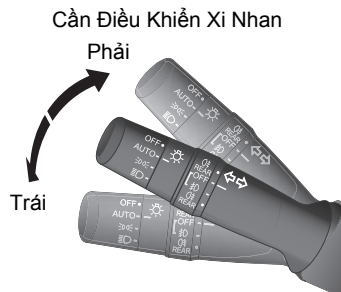
Ấn nút để thay đổi chế độ nguồn của xe.



\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Xi Nhan Tr. 149

Ngoại trừ loại xe Malaysia

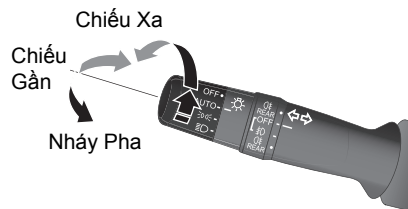


Loại xe Malaysia



## Đèn Tr. 150

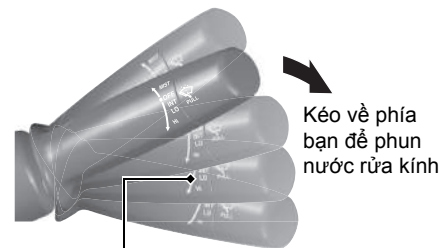
Công Tác Điều Khiển Đèn



## Cần Gạt Nước và Bộ

### Rửa Kính Tr. 157

Cần Điều Khiển Gạt Nước/Rửa Kính



**MIST**  
**OFF**

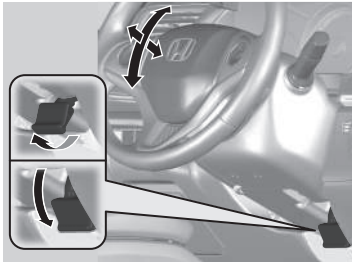
**INT:** Tốc độ chậm và ngắt quãng

**LO:** Gạt tốc độ chậm

**HI:** Gạt tốc độ nhanh

## Vô Lăng Tr. 160

- Để điều chỉnh, kéo cần điều chỉnh về phía bạn, điều chỉnh đến vị trí mong muốn, sau đó khóa cần về phía sau đúng vị trí.



## Mở Khóa Các Cửa Trước từ Bên Trong

 Tr. 121

Loại xe Mỹ La-tinh

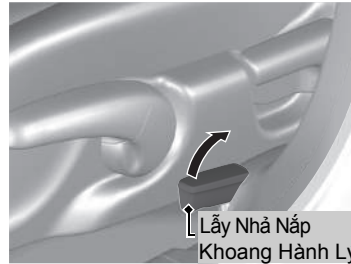
- Kéo một trong hai tay nắm bên trong cửa trước để mở khóa và mở cửa cùng một lúc.

Ngoại trừ loại xe Mỹ La-tinh

- Kéo tay nắm bên trong cửa người lái để mở khóa và mở cửa cùng một lúc.




## Khoang Hành Lý Tr. 133

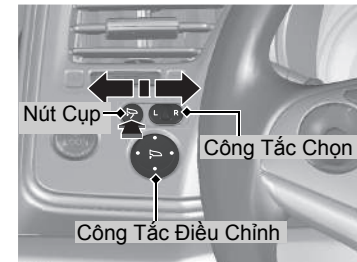


- Để mở khóa và mở nắp khoang hành lý:
- Kéo lấy nhả nắp khoang hành lý.
- Ấn nút nhả nắp khoang hành lý\* trên bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc chìa khóa điều khiển từ xa.
- Ấn nút nhả nắp khoang hành lý\* ở trên nắp khoang hành lý.

## Gương Cửa Điện

 Tr. 162

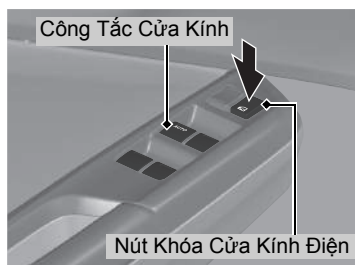
- Khi khóa điện ở BẬT \*, gạt công tắc chọn đến **L** hoặc **R**.
- Ấn các mép tương ứng của công tắc điều chỉnh để điều chỉnh gương.
- Ấn nút cụp\* để cụp vào hoặc duỗi gương cửa ra.



\* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

## Cửa Kính Điện Tr. 141






- Khi khóa điện ở BẬT II\*1, mở và đóng cửa kính điện.
- Nếu nút khóa cửa kính điện ở vị trí tắt, có thể mở hoặc đóng các cửa kính điện phía hành khách bằng công tắc của mỗi cửa.
- Nếu nút khóa cửa kính điện ở vị trí bật, công tắc cửa kính điện phía hành khách không thể hoạt động.

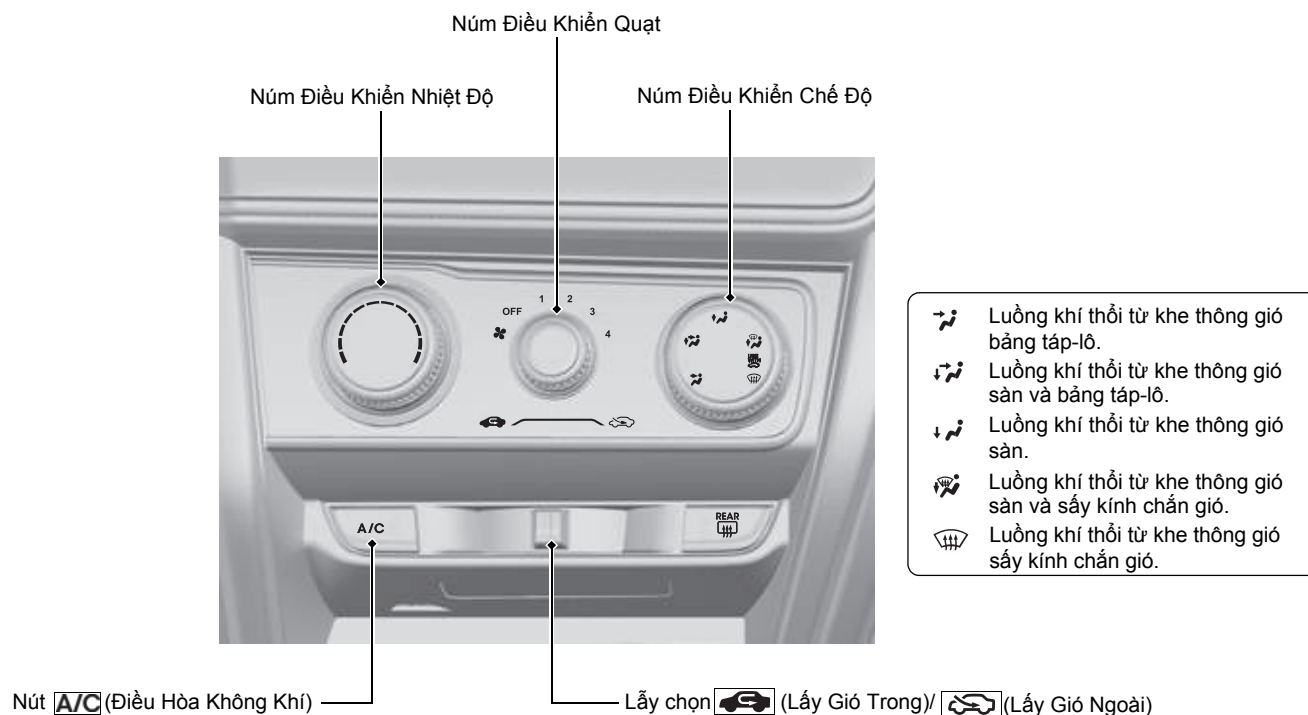


\* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.






## Hệ Thống Làm Ấm\* và Làm Mát\*

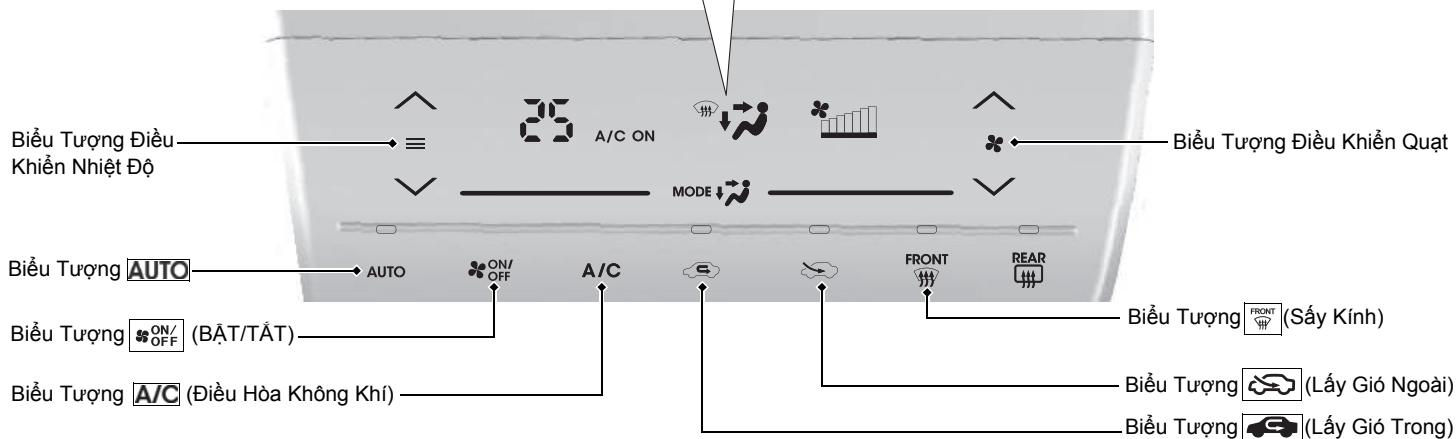
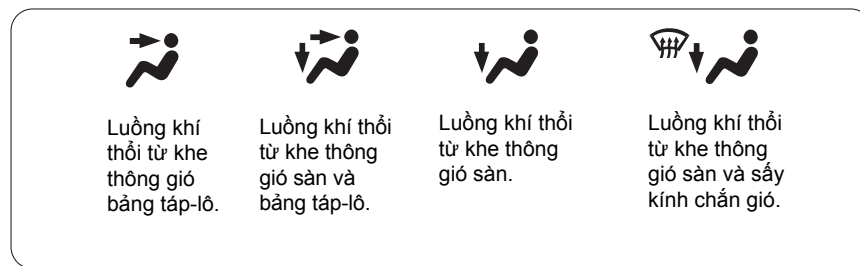
- Xoay núm điều khiển quạt để điều chỉnh tốc độ quạt.
- Xoay núm điều khiển chế độ tới  /  /  /  để chọn vị trí luồng khí thổi.
- Xoay núm điều khiển nhiệt độ để điều chỉnh nhiệt độ.
- Xoay núm điều khiển quạt tới **OFF** để tắt hệ thống quạt.
- Xoay núm điều khiển chế độ tới  để sấy kính chắn gió.



\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu \*

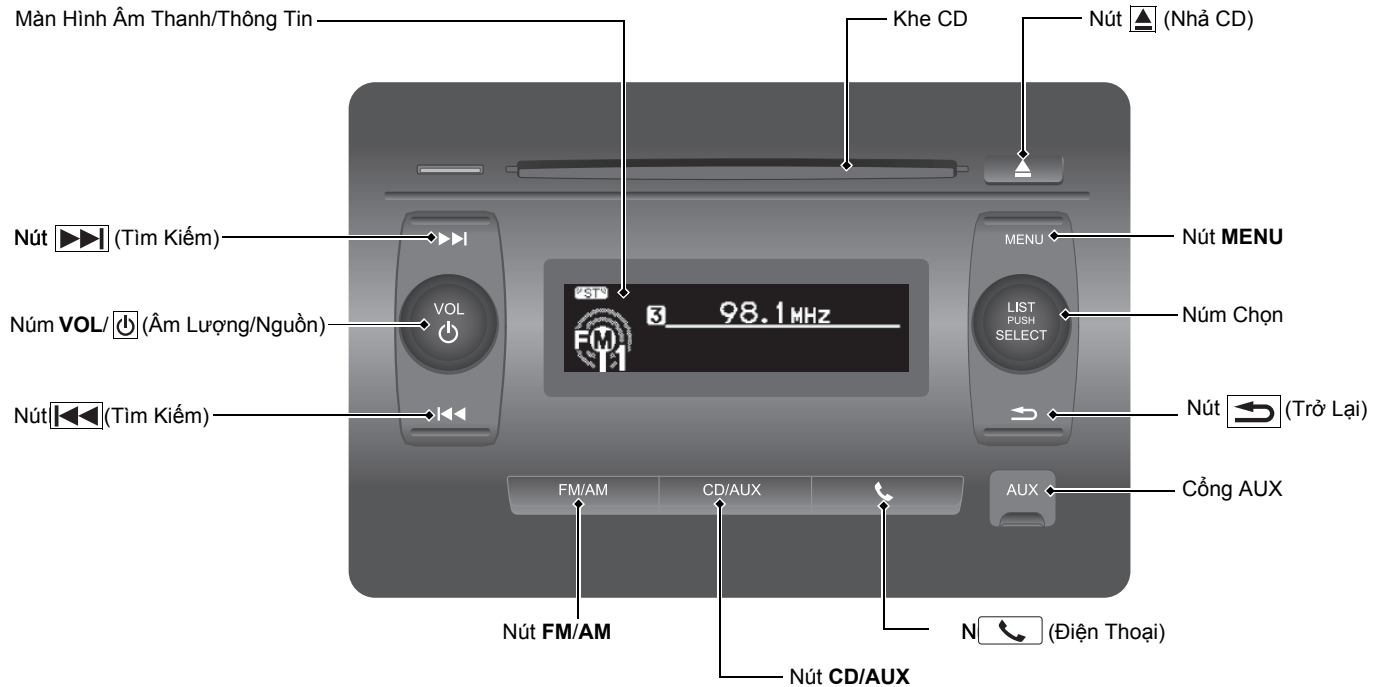
- Chọn biểu tượng  để kích hoạt hệ thống điều khiển khí hậu.
- Chọn biểu tượng  (**BẬT/TẮT**) để bật và tắt hệ thống.
- Chọn biểu tượng  để làm tan băng kính chắn gió.



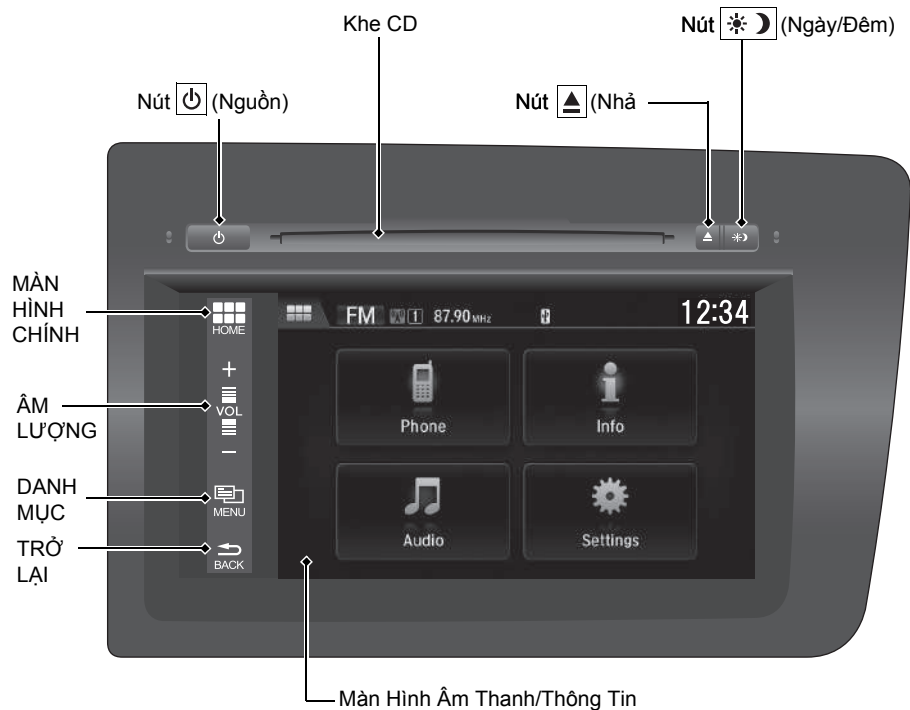
# Tính Năng Tr. 189

## Hệ thống âm thanh\* Tr. 190

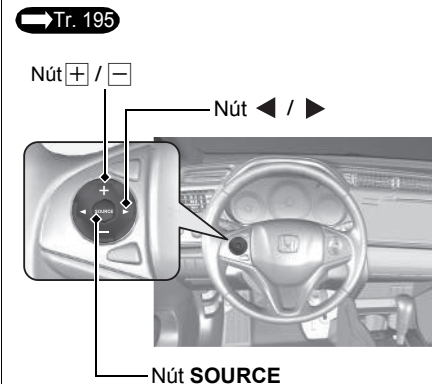
Loại xe có hệ thống âm thanh đen trắng



Loại xe có hệ thống Màn Hình Âm Thanh



## Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa\*



● Nút / (Âm Lượng)  
 Ấn và nhả để điều chỉnh tăng/giảm âm lượng.

● Nút SOURCE  
 Ấn và nhả để thay đổi chế độ âm thanh:  
 FM1\*/FM2\*/FM\*/AM/CD/USB/iPod/Apps\*/  
 Bluetooth® Audio/AUX\*/AUX HDMI™\*

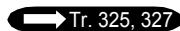
● Nút /   
 Radio: Ấn và nhả để thay đổi kênh cài đặt sẵn  
 Ấn và giữ để chọn kênh có tần số mạnh  
 trước đó hoặc tiếp theo.

CD/USB/iPod/Âm thanh Bluetooth®:  
 Ấn và nhả để bỏ qua phần đầu của  
 bài hát tiếp theo hoặc trở lại phần  
 đầu của bài hát hiện tại.  
 Ấn và giữ để thay đổi một thư mục.

# Lái Xe

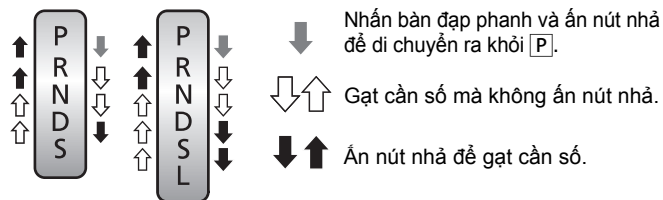
## Hộp Số Thường\*

## Hộp Số Vô Cấp\*



- Sang số **P** và nhấn bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

### Sang Số



Loại xe có lấy sang số

Loại xe không có lấy sang số



**P**

#### Số Đỗ

- Tắt hoặc khởi động động cơ.
- Hộp số bị khoá.

**R**

#### Số Lùi

- Dừng khi lùi xe.

**N**

#### Số Không

- Hộp số không bị khoá.

**D**

#### Số Lái

- Lái thường.
- Trên các xe có lấy sang số, có thể sử dụng tạm thời chế độ sang số tuần tự.

Loại xe có lấy sang số

**S**

#### Số Lái (S)

- Có thể sử dụng chế độ sang số tuần tự.

## Chế Độ Sang Số Tuần Tự\*

- Lấy sang số cho phép bạn sang số gần giống như hộp số thường (từ số 1 đến số 7). Điều này rất hữu dụng cho việc phanh động cơ.

### Khi cần số ở **D**:

- Hộp số có thể trở về chế độ tự động khi hệ thống phát hiện xe đang ở chế độ chạy ổn định.


### Khi cần số ở **S**:

- Chế độ sang số tuần tự: Giữ số đã chọn và đèn báo **M** sáng.
- Số đã chọn được hiển thị trên bảng điều khiển.

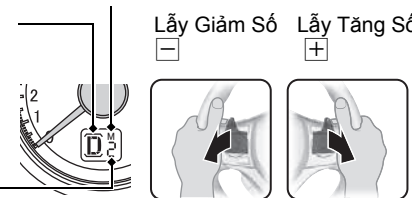
Đèn Báo **M** (Chế Độ Sang Số Tuần Tự)

Đèn Báo Vị Trí Cần Số

Lấy Giảm Số 

Lấy Tăng Số 

Đèn Báo Vị Trí Số



Loại xe không có lấy sang số

**S**

#### Số Lái (S)

- Tăng tốc tốt hơn
- Tăng phanh động cơ
- Lên dốc hoặc xuống dốc

**L**

#### Số Thấp

- Được sử dụng để tăng thêm phanh động cơ
- Sử dụng khi lên dốc hoặc xuống dốc

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Bật và Tắt VSA\* Tr. 337

- Hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) giúp ổn định xe khi vào cua, và giúp duy trì bám đường khi xe tăng tốc trên bề mặt trơn hoặc lầy.
- VSA tự động bật mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Để tắt một số chức năng hoặc bật đầy đủ chức năng VSA, ấn và giữ nút đến khi bạn nghe thấy tiếng bíp.

## Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định\* Tr. 333

- Điều khiển chế độ chạy ổn định cho phép bạn duy trì tốc độ cài đặt mà không cần giữ chân trên bàn đạp ga.
- Để sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định, ấn nút **CRUISE**, sau đó ấn nút **–/SET** khi bạn đã đạt được tốc độ mong muốn (trên 40 km/h).

Loại xe Đài Loan

## Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS) Tr. 338

Hệ thống TPMS phát hiện sự thay đổi trong số vòng quay của lốp xe khi giảm áp suất lốp.

Loại xe Campuchia, Lào và Trung Đông

## Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp (DWS) Tr. 340

Hệ thống DWS phát hiện sự thay đổi trong vòng quay lốp khi giảm áp suất lốp.

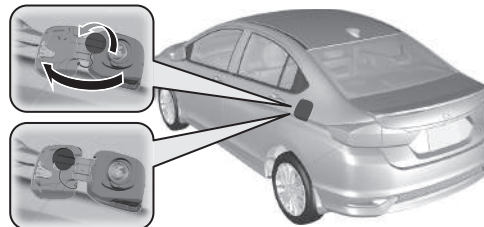
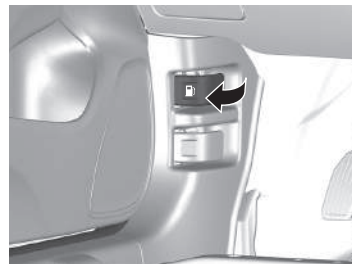
## Nạp Nhiên Liệu Tr. 352

Nhiên liệu khuyến dùng:

Xăng không chì, chỉ số ốc-tan 91 trở lên

Dung tích bình nhiên liệu: 40 L

- 1 Kéo lấy mở cửa nạp nhiên liệu dưới bảng táp-lô ở phía người lái.
- 2 Xoay từ từ nắp bình nhiên liệu để tháo nắp.
- 3 Đặt nắp bình vào ngăn cửa nạp nhiên liệu.
- 4 Sau khi nạp nhiên liệu, vặn nắp lại đến khi nghe thấy ít nhất một tiếng tách.



## Bảo Dưỡng Tr. 355

### Dưới Nắp Ca-pô Tr. 372

- Kiểm tra dầu động cơ, nước làm mát động cơ và nước rửa kính chắn gió. Bổ sung thêm nếu cần thiết.
- Kiểm tra dầu phanh và dầu ly hợp\*.
- Kiểm tra tình trạng ắc quy hàng tháng.

- 1** Kéo lấy nhà nắp ca-pô phía người lái bên dưới góc ngoài của bảng điều khiển.



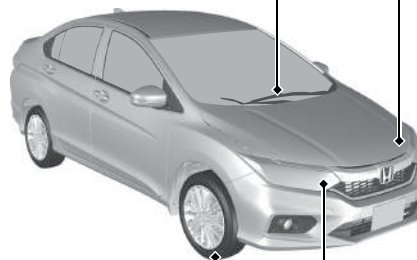
- 2** Xác định thanh chốt nắp ca-pô, rồi kéo chốt lên, sau đó nâng nắp ca-pô. Khi đã nâng nhẹ nắp ca-pô lên, bạn có thể bỏ tay khỏi thanh chốt.



- 3** Khi thực hiện xong, đóng nắp ca-pô và đảm bảo nắp ca-pô đã được khóa chắc chắn và đúng vị trí.

### Lưới Gạt Nước Tr. 394

- Thay lưới gạt nếu chúng để lại vết trên kính chắn gió.



### Lốp Xe Tr. 396

- Kiểm tra lốp và bánh xe thường xuyên.
- Kiểm tra áp suất lốp thường xuyên.
- Lắp lốp mùa đông khi lái xe vào mùa đông.

### Đèn Tr. 382

- Kiểm tra hệ thống đèn thường xuyên.



# Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ Tr. 417

## Xẹp Lốp Tr. 419

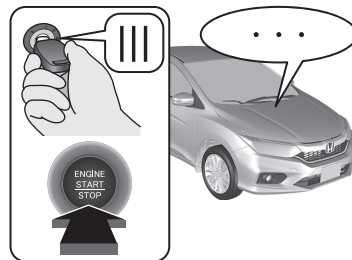
- Để xe ở nơi an toàn và thay lốp bị xẹp bằng lốp dự phòng trong khoang hành lý.



## Động Cơ Không Khởi

### Động Tr. 427

- Nếu ắc quy bị hết điện, mời khởi động bằng ắc quy tăng cường.



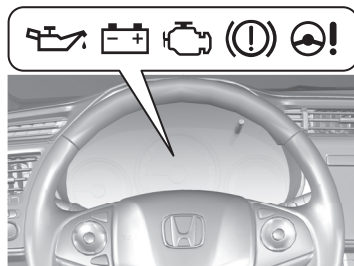
## Quá Nhiệt Tr. 433

- Để xe ở nơi an toàn. Nếu bạn không nhìn thấy hơi nước dưới nắp ca-pô, mở nắp ca-pô và để cho máy nguội.



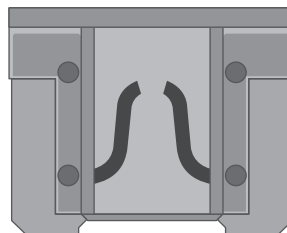
## Đèn Báo Sáng Tr. 435

- Nhận dạng đèn báo và tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng.



## Nổ Cầu Chì Tr. 440

- Kiểm tra nổ cầu chì nếu có một thiết bị điện không hoạt động.



## Kéo Xe Khẩn Cấp Tr. 448

- Hãy gọi dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp nếu bạn cần kéo xe của bạn.



# Làm Gì Nếu

**Q** Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa  
**Không xoay được khóa điện từ [0] đến [1]. Tại sao?**  
 Loại xe có hệ thống truy cập từ xa  
**Không thay đổi được chế độ nguồn từ TẮT MÁY (KHÓA) sang PHỤ KIỆN. Tại sao?**

**A** Vô lăng có thể bị khóa.  
 Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa  
 • Thử xoay vô lăng sang trái và phải trong khi xoay khóa điện.



Loại xe có hệ thống truy cập từ xa  
 • Xoay vô lăng sang trái và phải sau khi ấn nút **ENGINE START/STOP**.

**Q** Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa  
**Không xoay được khóa điện từ [1] đến [0] và không thể rút chìa khóa. Tại sao?**  
 Loại xe có hệ thống truy cập từ xa  
**Không thay đổi được chế độ nguồn từ PHỤ KIỆN sang TẮT MÁY (KHÓA). Tại sao?**

**A** Nên gạt cần số tới [P].



**Q** Tại sao bàn đạp phanh lại rung nhẹ khi nhấn bàn đạp phanh?

**A** Điều này có thể xảy ra khi ABS được kích hoạt, đó là điều bình thường. Nhấn phanh dứt khoát, ổn định. Không nhấp nhả bàn đạp phanh.

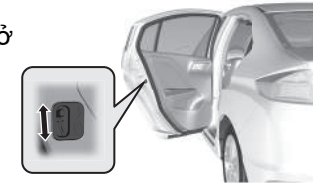
▶ Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) → Tr. 344



**Không thể mở được cửa sau từ bên trong xe. Tại sao?**



Kiểm tra xem khóa phòng ngừa trẻ em có ở vị trí khóa không. Nếu có, hãy mở cửa sau bằng tay nắm cửa bên ngoài.



Để hủy chức năng này, gạt cần đến vị trí mở khóa.



**Tại sao các cửa khoá sau khi tôi mở khoá các cửa?**



Nếu bạn không mở cửa trong vòng 30 giây, cửa sẽ tự động khóa lại để đảm bảo an toàn.



**Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi mở cửa phía người lái?**



Tiếng bíp vang lên khi:

- Các đèn bên ngoài còn sáng.
- Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa
- Chìa khóa vẫn nằm trong khóa điện.
- Loại xe có hệ thống truy cập từ xa
- Chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN.



**Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi bắt đầu lái xe?**



Tiếng bíp vang lên khi:

- Người lái và/hoặc hành khách phía trước\* không thắt dây đai an toàn.
- Cản phanh đỗ không được nhả hoàn toàn.



**Tại sao tôi nghe thấy tiếng rít khi  
nhấn bàn đạp phanh?**



**Có thể cần thay má phanh. Hãy đưa xe đến  
đại lý để kiểm tra.**

# Lái xe An toàn

Bạn có thể thấy nhiều khuyến cáo an toàn trong chương này và trong tài liệu hướng dẫn này.

## Lái Xe An Toàn

Các Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn ...	32
Các Tính Năng An Toàn Của Xe .....	34
Danh Mục Kiểm Tra An Toàn .....	35

## Dây Đai An Toàn

Dây Đai An Toàn Của Xe .....	36
Thắt Dây Đai An Toàn .....	41
Kiểm Tra Dây Đai An Toàn .....	45
Điểm Treo .....	46

## Túi Khí

Thành Phần Hệ Thống Túi Khí .....	47
Các Loại Túi Khí .....	49

Túi Khí Trước (SRS) .....	49
Túi Khí Bên* .....	54
Túi Khí Rèm* .....	56
Đèn Báo Hệ Thống Túi Khí .....	57
Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí .....	59

## An Toàn Cho Trẻ

Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ .....	60
An Toàn Cho Trẻ Sơ Sinh và Trẻ Nhỏ.. ..	64
An Toàn Cho Trẻ Lớn .....	83

## Khí Xả Nguy Hiểm

Khí CO .....	86
--------------	----

## Nhân An Toàn

Các Vị Trí Nhân .....	87
-----------------------	----

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

# Lái Xe An Toàn

Những trang sau đây trình bày các tính năng an toàn trên xe và cách sử dụng nó một cách chính xác. Các chú ý an toàn dưới đây là những điều quan trọng nhất cần phải lưu ý.

## Các Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn

### ■ Luôn thắt dây đai an toàn

Dây đai an toàn là thiết bị bảo vệ an toàn tốt nhất trong mọi tình huống va chạm. Túi khí được thiết kế để hỗ trợ dây đai an toàn, chứ không thay thế cho dây đai an toàn. Vì vậy, cho dù xe được trang bị túi khí, bạn và hành khách vẫn phải luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách.

### ■ Bảo vệ trẻ em ở tất cả các lứa tuổi

Trẻ từ 12 tuổi trở xuống nên ngồi ở ghế sau, không nên ngồi ghế trước để đảm bảo an toàn. Trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ nên được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trẻ lớn hơn nên sử dụng ghế lót và thắt dây đai an toàn hông/vai đến khi chúng có thể sử dụng dây đai an toàn mà không cần đến ghế lót.

### ■ Chú ý những nguy hiểm khi sử dụng túi khí

Túi khí có thể bảo vệ an toàn, tuy nhiên nó cũng có thể làm người trên xe bị thương nếu ngồi quá gần chúng, hoặc bảo vệ không đúng cách. Trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, và người lớn có vóc dáng nhỏ bé là những đối tượng dễ gặp rủi ro nhất. Phải tuân theo những hướng dẫn và cảnh báo trong tài liệu này.

### ■ Không lái xe khi đã uống bia rượu

Lái xe khi đã uống bia rượu là một điều tối kỵ. Thậm chí một lượng nhỏ bia rượu cũng làm giảm khả năng phản xạ của bạn với thay đổi của xung quanh, và tốc độ phản ứng càng kém đi khi uống nhiều rượu bia. Do đó khi đã uống rượu bia thì không lái xe và cũng không để cho bạn bè của bạn làm như vậy.

### ☒ Các Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn

Một số quốc gia cấm sử dụng điện thoại di động khi đang lái xe ngoại trừ thiết bị điện thoại rảnh tay.

### ■ Tập trung lái xe an toàn

Nghe điện thoại hoặc làm những việc khác khi đang lái xe sẽ khiến bạn không tập trung vào đường đi, các phương tiện và người đi bộ, từ đó có thể gây ra va chạm. Hãy nhớ rằng, tình huống có thể thay đổi rất nhanh và chỉ có bạn mới có thể quyết định khi nào đủ an toàn để chú ý đến điều khác.

### ■ Kiểm soát tốc độ

Tốc độ quá cao là nguyên nhân chính gây ra thương tích, tử vong trong các vụ va chạm. Thông thường, lái xe với tốc độ càng cao thì nguy cơ xảy ra tai nạn càng lớn, nhưng tai nạn nghiêm trọng cũng có thể xảy ra khi đang ở tốc độ chậm. Không được lái xe nhanh hơn mức an toàn trong điều kiện lúc đang lái, bất kể tốc độ tối đa được phép là bao nhiêu.

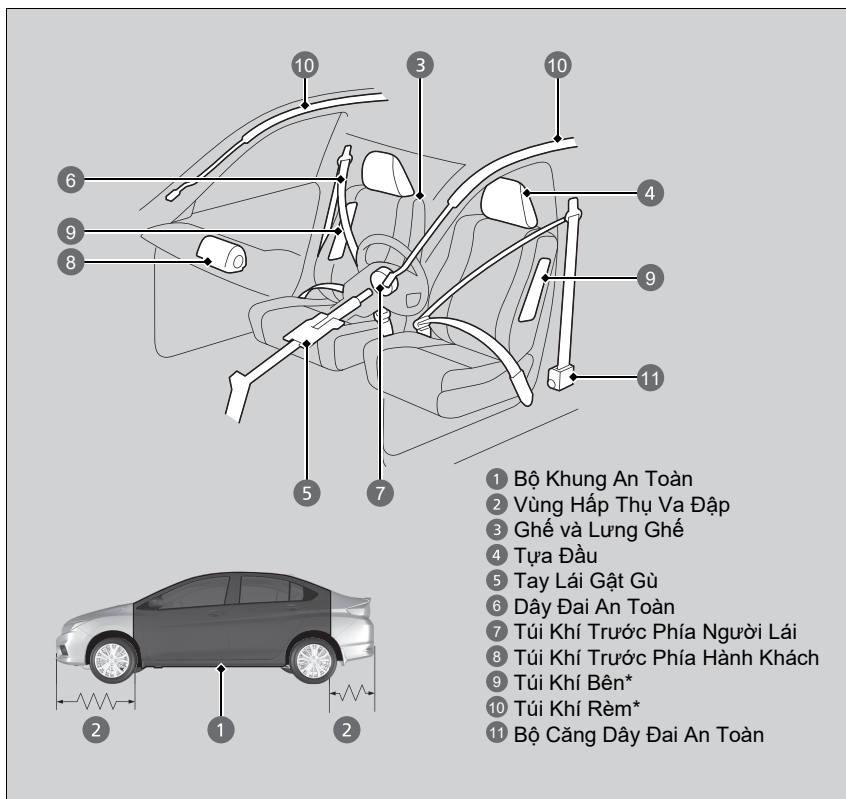
### ■ Duy trì xe trong điều kiện hoạt động an toàn

Xẹp lốp hoặc lốp bị trục trặc kỹ thuật có thể cực kỳ nguy hiểm. Để giảm nguy cơ rủi ro, hãy kiểm tra áp suất lốp và các điều kiện khác thường xuyên cũng như thực hiện bảo dưỡng định kỳ.

### ■ Luôn giám sát khi trẻ ngồi trên xe

Nếu trẻ nhỏ, động vật hoặc người khiếm khuyết không được giám sát cẩn thận, họ có thể vô tình kích hoạt một hoặc nhiều chức năng điều khiển xe và sẽ làm họ bị thương. Chúng có thể làm cho xe di chuyển, gây ra va chạm xe khiến trẻ và/hoặc (những) người khác bị thương hoặc tử vong. Ngoài ra, tùy theo nhiệt độ môi trường, nhiệt độ bên trong xe có thể tăng lên mức cao nhất, khiến trẻ bị thương hoặc tử vong. Ngay cả khi bật hệ thống điều khiển khí hậu, cũng không được để họ trong xe một mình vì hệ thống khiến khí hậu có thể bị tắt bất cứ lúc nào.

## Các Tính Năng An Toàn Của Xe



Bảng liệt kê những mục sau đây sẽ giúp bạn chủ động bảo vệ mình và hành khách.

### ►►Các Tính Năng An Toàn Của Xe

Xe của bạn được trang bị nhiều tính năng an toàn hoạt động cùng với nhau để bảo vệ bạn và hành khách trong các vụ va chạm.

Một số tính năng không yêu cầu bất kỳ thao tác nào của bạn. Những thiết bị này bao gồm bộ khung thép khỏe tạo ra khung an toàn bao xung quanh khoang hành khách, vùng hấp thụ lực va đập lực phía trước và phía sau, tay lái gật gù, và bộ căng đai để thắt chặt đai an toàn phía trước khi va chạm.

Tuy nhiên, các tính năng an toàn này sẽ không phát huy hết tác dụng cho bạn và hành khách trừ khi bạn ngồi đúng vị trí và luôn thắt dây đai an toàn. Thực tế, một số tính năng an toàn có thể khiến bạn bị thương nếu không sử dụng đúng cách.



## Danh Mục Kiểm Tra An Toàn

Vi sự an toàn của bạn và hành khách, hãy kiểm tra những mục sau trước mỗi lần lái xe.

- Điều chỉnh ghế tới vị trí thích hợp để lái xe. Đảm bảo ghế trước được điều chỉnh càng về phía sau càng tốt mà vẫn cho phép người lái có thể điều khiển xe. Ngồi quá gần túi khí trước có thể bị tổn thương nghiêm trọng hoặc thậm chí tử vong khi có va chạm.

➤ **Điều Chỉnh Ghế Ngồi** Tr. 164

- Điều chỉnh tựa đầu tới vị trí thích hợp. Tựa đầu phát huy tác dụng nhất khi phần giữa của tựa đầu thẳng với phần giữa đầu bạn. Người có vóc dáng cao nên điều chỉnh tựa đầu tới vị trí cao nhất.

➤ **Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Trước** Tr. 167

- Luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách. Đảm bảo rằng tất cả hành khách đều thắt đúng cách.

➤ **Thắt Dây Đai An Toàn** Tr. 41

- Bảo vệ trẻ em bằng cách thắt dây đai an toàn hoặc sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo lứa tuổi, chiều cao cân nặng.

➤ **An Toàn Cho Trẻ** Tr. 60

### ☒ Danh Mục Kiểm Tra An Toàn

Nếu đèn báo cửa/nắp khoang hành lý mở sáng lên tức là có một cửa và/hoặc nắp khoang hành lý chưa được đóng hoàn toàn. Hãy đóng chặt tất cả các cửa và nắp khoang hành lý cho đến khi đèn báo tắt.

➤ **Đèn Báo Cửa/Nắp Khoang Hành Lý Mở**  
Tr. 95



## Dây Đai An Toàn

### Dây Đai An Toàn Của Xe

Dây đai an toàn là thiết bị an toàn đơn giản hiệu quả nhất bởi vì nó giúp bạn liên kết với xe để có thể tận dụng nhiều tính năng an toàn bên trong. Nó giữ bạn không bị văng bên trong xe, văng vào các hành khách khác trên xe, hoặc ra khỏi xe. Khi được thắt đúng cách, dây đai an toàn sẽ giữ bạn ở tư thế thích hợp trong vụ va chạm để tận dụng tối đa chức năng bảo vệ khác của các túi khí.

Ngoài ra, dây đai an toàn giúp bảo vệ bạn hầu hết trong các tình huống va chạm, bao gồm:

- va chạm phía trước
- va chạm bên
- va chạm phía sau
- va chạm lộn vòng

#### ▣ Dây Đai An Toàn Của Xe

### ⚠ CẢNH BÁO

Không thắt dây đai an toàn đúng cách có thể tăng nguy cơ bị trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm, ngay cả khi xe bạn có túi khí.

Hãy đảm bảo rằng bạn và hành khách của bạn luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách.

**CẢNH BÁO:** Dây đai an toàn được thiết kế để ôm trọn phần khung cơ thể, vì thế hãy thắt thấp qua phía trước phần xương chậu hoặc xương chậu, ngực và vai; tránh thắt dây đai an toàn hông qua vùng bụng.

**CẢNH BÁO:** Dây đai an toàn phải được điều chỉnh càng chắc chắn càng tốt, tạo sự thoải mái và có thể thực hiện chức năng bảo vệ như được thiết kế. Dây đai an toàn thắt lỏng sẽ làm giảm khả năng bảo vệ rất lớn cho người sử dụng.

**CẢNH BÁO:** Không được để đai bị xoắn vặn khi thắt dây đai an toàn.

**CẢNH BÁO:** Mỗi dây đai an toàn chỉ được sử dụng cho một người. Sẽ rất nguy hiểm khi vòng dây đai an toàn ngang qua người trẻ em đang ngồi trong lòng người sử dụng.

### ■ Dây đai an toàn hông/vai

Tất cả các vị trí ghế ngồi (trước, ngoài sau và giữa\*) đều được trang bị dây đai an toàn hông/vai với bộ rút khóa khẩn cấp. Trong điều kiện lái xe thông thường, bộ khóa dây đai an toàn cho phép bạn di chuyển thoải mái mà vẫn giữ được lực căng cho dây đai. Khi xảy ra va chạm hoặc dừng xe đột ngột, bộ khóa dây đai an toàn sẽ khóa lại để bảo vệ cơ thể.

**Loại xe có dây đai an toàn có bộ rút có thể khóa**

Các dây đai an toàn của ghế giữa và ghế ngoài sau cũng có bộ rút dây đai có thể khóa được dùng với hệ thống ghế ngồi trẻ em.

➤ **Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai An Toàn Hông/Vai Tr. 78**

### »» Dây Đai An Toàn Của Xe

Dây đai an toàn không thể bảo vệ bạn trong tất cả các vụ va chạm. Nhưng trong hầu hết các trường hợp, dây đai an toàn có thể giảm nguy cơ bị trọng thương.

Hầu hết các quốc gia đều yêu cầu thắt dây đai an toàn. Hãy dành thời gian để tìm hiểu những yêu cầu về luật pháp của quốc gia mà bạn lái xe.

Nếu bạn kéo dây đai an toàn ra quá nhanh, nó sẽ bị khóa lại. Nếu điều này xảy ra, hãy nhẹ nhàng rút dây đai an toàn lại, sau đó kéo ra từ từ.

**Loại xe có dây đai an toàn hông**

Ghế giữa sau của xe bạn được trang bị dây đai an toàn hông. Dây an toàn này không có bộ rút khóa khẩn cấp.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### ■ Sử dụng dây đai an toàn đúng cách

Tuân theo các hướng dẫn sau để sử dụng đúng cách:

- Tất cả mọi người phải ngồi thẳng, tựa lưng vào ghế và duy trì tư thế đó trong suốt cuộc hành trình. Ngồi thõng xuống và ngồi ngả người sẽ làm giảm hiệu quả bảo vệ của dây đai an toàn và làm tăng nguy cơ bị trọng thương trong các trường hợp va chạm.
- Không được để phần đai của dây đai an toàn hông/vai dưới cánh tay hoặc sau lưng bạn. Điều này sẽ gây trọng thương cho người dùng khi có va chạm.
- Không được sử dụng một dây đai an toàn cho hai người. Nếu làm vậy, họ có thể bị trọng thương khi xảy ra va chạm.
- Không được lắp thêm phụ kiện gì vào dây đai an toàn. Việc lắp thêm các phụ kiện hoặc đặt lại vị trí của phần đai vai của dây đai an toàn có thể làm giảm khả năng bảo vệ và tăng nguy cơ bị trọng thương khi xảy ra va chạm.

### »» Dây Đai An Toàn Của Xe

#### Loại xe có dây đai an toàn có bộ rút có thể khoá

Nếu hành khách ngồi ở ghế sau không ngồi yên và làm cho dây đai an toàn bị kéo ra, bộ rút có thể khoá có thể được kích hoạt. Nếu điều này xảy ra, hãy nhả bộ rút dây đai an toàn bằng cách thả lỏng dây đai an toàn và để dây rút lại hoàn toàn. Sau đó thắt lại dây đai.

## ■ Bộ Nhớ Thất Dây Đai An Toàn



Hệ thống dây đai an toàn có một đèn báo trên bảng điều khiển để nhắc nhở người lái hoặc hành khách phía trước hoặc cả hai thắt dây đai an toàn.

Nếu khóa điện được xoay đến BẬT [II]<sup>\*1</sup> và dây đai an toàn không được thắt, tiếng bíp sẽ vang lên và đèn báo sẽ nhấp nháy. Sau vài giây, tiếng bíp sẽ ngừng và đèn báo sẽ sáng và tiếp tục sáng cho đến khi dây đai an toàn được thắt.

Tiếng bíp vang lên từng hồi và đèn báo sẽ nhấp nháy trong khi xe đang di chuyển cho đến khi dây đai an toàn được thắt.

## » Bộ Nhớ Thất Dây Đai An Toàn

**Loại xe có bộ nhớ thất dây đai an toàn hành khách trước**

Đèn báo cũng sẽ sáng nếu hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn trong vài giây sau khi xoay khóa điện đến BẬT [II]<sup>\*1</sup>.

Khi không có ai ngồi ở ghế hành khách trước, đèn báo sẽ không sáng và sẽ không phát ra tiếng bíp.

Nếu đèn báo sáng hoặc tiếng bíp vang lên khi không có ai ngồi ở ghế hành khách trước. Hãy kiểm tra xem:

- Có vật nặng trên ghế hành khách trước không.
- Dây đai an toàn người lái đã được thắt chưa.

Nếu đèn báo không sáng khi hành khách đã ngồi và không thắt dây đai an toàn, có thể có sự cố với cảm biến nhận biết người ngồi.

Kiểm tra xem:

- Có đệm đặt trên ghế không.
- Hành khách phía trước ngồi đúng tư thế chưa.

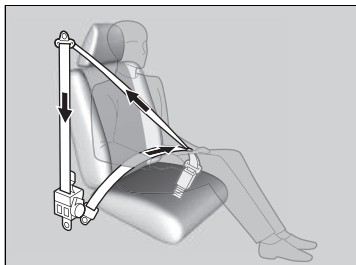
Nếu không phải những trường hợp nói trên, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

\* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

## ■ Bộ Căng Dây Đai An Toàn Tự Động

Các ghế trước được trang bị bộ căng dây đai an toàn tự động để làm tăng độ an toàn.

Bộ căng dây đai an toàn tự động siết chặt dây đai an toàn ghế trước khi có va chạm với mức độ vừa đến mạnh, thậm chí đôi khi nếu sự va chạm không đủ mạnh để làm bung túi khí phía trước.



## » Bộ Căng Dây Đai An Toàn Tự Động

Bộ căng dây đai an toàn chỉ có thể vận hành một lần.

Khi bộ căng được kích hoạt, đèn báo SRS sẽ sáng. Hãy đến đại lý để thay bộ căng dây đai an toàn và kiểm tra toàn bộ hệ thống dây đai an toàn vì nó không còn chức năng bảo vệ sau những lần va chạm sau đó.

### Loại xe có túi khí rèm

Khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh, bộ căng đai ở bên va chạm cũng sẽ kích hoạt.

## Thắt Dây Đai An Toàn

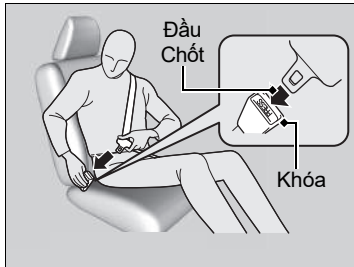
Sau khi điều chỉnh ghế trước về vị trí phù hợp, ngồi thẳng và tựa vào lưng ghế:

► **Điều Chỉnh Ghế Tr.** 164

### ■ Dây Đai An Toàn Hông/Vai



1. Kéo dây đai an toàn ra từ từ.



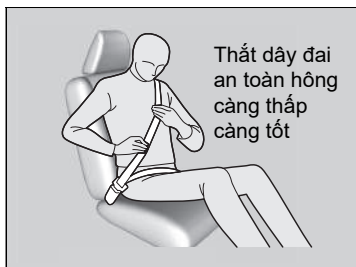
2. Gài chốt cài vào trong ổ khóa, sau đó kéo dây đai để đảm bảo khóa chắc chắn.

► Đảm bảo dây đai an toàn không bị xoắn hoặc vướng vào bất kỳ vật gì.

### ►►Thắt Dây Đai An Toàn

Không nên để ai ngồi ở ghế có dây đai an toàn không hoạt động hoặc dây đai hoạt động không đúng. Sử dụng dây đai hoạt động không đúng có thể không bảo vệ được hành khách khi xảy ra va chạm. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra dây đai an toàn sớm nhất có thể.

Không được đưa bất kỳ vật lạ nào vào khóa hoặc cơ cấu rút dây.



3. Điều chỉnh phần hông của dây đai càng thấp càng tốt qua hông bạn, sau đó kéo phần đai vai của dây đai an toàn lên để khít vào phần hông. Như vậy nếu có va chạm thì xương chậu là bộ phận khỏe hơn trên cơ thể chịu lực và giảm nguy cơ bị nội thương.
4. Nếu cần, kéo phần đai lên trên để tránh dây đai bị chùng, sau đó kiểm tra xem phần đai vai này có thắt ở giữa ngực và qua vai không. Việc này có tác dụng phân tán lực va chạm ra phần xương khỏe nhất nửa phần trên cơ thể.

#### ►► Thắt Dây Đai An Toàn

### ⚠ CẢNH BÁO

Dây đai an toàn nếu không được thắt đúng có thể dẫn đến bị trọng thương hoặc tử vong nếu có va chạm.

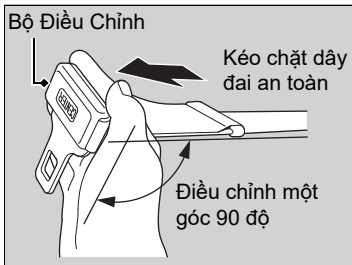
Đảm bảo thắt dây đai an toàn trước khi lái xe.

Để tháo dây đai an toàn, ấn nút **PRESS** màu đỏ, sau đó dùng tay dẫn dây đai an toàn đến khi nó rút lại hoàn toàn.

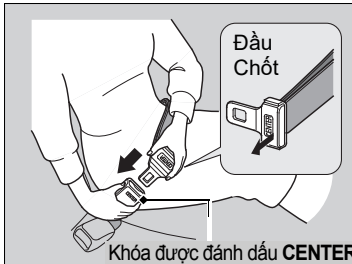
Khi bạn ra khỏi xe, cần phải xếp gọn dây đai an toàn để nó không vướng vào lối đi và không bị mắc khi đóng cửa.



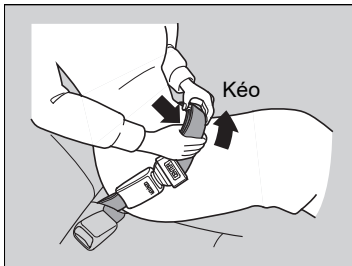
## ■ Đai An Toàn Hồng\*



1. Giữ đầu chốt vuông góc với dây đai.  
Điều chỉnh độ dài của dây đai an toàn.



2. Cài đầu chốt vào khóa.  
► Không để dây đai bị xoắn hoặc vướng vào bất cứ vật gì.



3. Đặt đai càng thấp càng tốt qua hông của bạn, sau đó kéo dây đai lên sao cho khít với phần hông. Điều này cho phép xương chậu của bạn chịu lực va chạm và giảm nguy cơ chấn thương bên trong.
4. Nếu cần, kéo dây đai một lần nữa để dây đai không bị chùng.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

### ■ Lời Khuyên cho Phụ Nữ Mang Thai

Nếu bạn là phụ nữ mang thai, cách tốt nhất để bảo vệ bạn và em bé trong bụng bạn khi lái hoặc ngồi trên xe là luôn thắt dây đai an toàn và giữ phần đai hông thắt ngang qua hông càng thấp càng tốt.

Thắt dây đai an toàn qua ngực, tránh thắt qua phần bụng.



Giữ phần đai hông thắt ngang qua hông càng thấp càng tốt.

### »» Lời Khuyên cho Phụ Nữ Mang Thai

Mỗi lần bạn đi kiểm tra sức khỏe, hãy hỏi bác sỹ xem bạn có thể lái xe không.

Để giảm nguy cơ bị thương cho bạn và em bé trong bụng do nổ túi khí trước:

- Khi lái xe, ngồi thẳng lưng và điều chỉnh ghế càng lùi về phía sau càng tốt trong khi vẫn đảm bảo điều khiển xe thoải mái.
- Khi ngồi ở ghế hành khách phía trước, điều chỉnh ghế càng lùi về phía sau càng tốt.

## Kiểm Tra Dây Đai An Toàn

Thường xuyên kiểm tra tình trạng của dây đai an toàn như sau:

- Kéo từng dây đai an toàn ra hết cỡ và kiểm tra các vết xước, cắt, cháy và mòn.
- Kiểm tra xem các chốt và khóa làm việc trơn tru không và các dây đai rút dễ dàng không.
  - Nếu dây đai không rút dễ dàng, khắc phục bằng cách làm sạch dây đai. Chỉ sử dụng xà phòng trung tính và nước ấm để lau. Không được dùng chất tẩy hoặc dung môi để làm sạch. Đảm bảo lau khô dây đai an toàn trước khi nó rút lại.

Bất kỳ dây đai an toàn nào hoạt động không tốt hoặc trong điều kiện không tốt sẽ không có khả năng bảo vệ và cần được thay thế càng sớm càng tốt. Nếu dây đai an toàn bị hỏng do xe bị va chạm sẽ không đảm bảo mức độ an toàn trong lần va chạm sau. Hãy đến đại lý để kiểm tra dây đai an toàn sau mỗi lần va chạm.

### ►► Kiểm Tra Dây Đai An Toàn

#### **⚠ CẢNH BÁO**

Không kiểm tra hoặc không bảo dưỡng dây đai an toàn cẩn thận có thể gây trọng thương hoặc tử vong nếu dây đai an toàn không hoạt động tốt khi cần thiết.

Thường xuyên kiểm tra dây đai an toàn và khắc phục sự cố càng sớm càng tốt.

**CẢNH BÁO:** Người sử dụng không được thay đổi hoặc thêm gì vào dây đai an toàn vì vừa làm ảnh hưởng đến hoạt động của các thiết bị điều chỉnh dây đai an toàn vừa không thể điều chỉnh dây đai để không bị chùng.

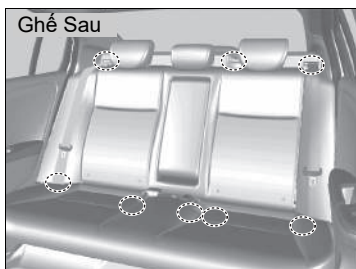
**CẢNH BÁO:** Phải thay hệ thống dây đai an toàn nếu đã xảy ra va chạm gây mòn dây đai ngay cả khi dấu hiệu hư hỏng hệ thống dây đai là không rõ ràng.

**CẢNH BÁO:** Cần bảo vệ dây đai an toàn để dây đai không bị bắn do dầu bóng, dầu bôi trơn, hóa chất, dung dịch axit của bình ắc quy. Làm sạch dây đai an toàn bằng xà phòng và nước. Thay dây đai nếu bị xơ xước, quá bẩn hoặc bị hỏng.

## Điểm Treo

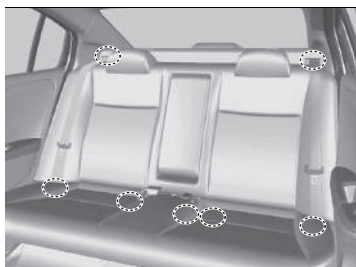


Khi thay dây đai an toàn hãy sử dụng những điểm treo như hình vẽ. Ghế trước có dây đai an toàn hông/vai.



**Loại xe có 3 dây đai an toàn hông/vai**

Ghế sau có 3 dây đai an toàn hông/vai.



**Loại xe dây đai an toàn hông**

Các vị trí bên ngoài của ghế sau có dây đai an toàn hông/vai.

Vị trí giữa có một dây đai an toàn hông.

## Túi Khí

### Thành Phần Hệ Thống Túi Khí

Túi khí trước, túi khí bên phía trước\*, và túi khí rèm\* được thiết kế để nổ theo hướng và mức độ va chạm. Hệ thống túi khí bao gồm:

- Hai túi khí trước SRS (Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ). Túi khí phía người lái được đặt ở giữa vô lăng; túi khí trước phía hành khách được đặt trong bảng táp-lô. Cả hai được đánh dấu **SRS AIRBAG**.

#### Loại xe có túi khí bên

- Hai túi khí bên, một cho người lái, một cho hành khách phía trước. Các túi khí được đặt ở cạnh ngoài của lưng ghế. Cả hai được đánh dấu **SIDE AIRBAG**.

#### Loại xe có túi khí rèm

- Hai túi khí rèm, mỗi bên xe có một chiếc. Các túi khí được đặt trên trần xe, phía trên cửa kính bên. Tại trụ phía trước và phía sau đều có dòng chữ **SIDE CURTAIN AIRBAG**.

- Khi khóa điện được xoay đến BẬT **II**\*1, bộ điều khiển điện tử liên tục theo dõi thông tin về các cảm biến va chạm khác nhau, ghế và các cảm biến khóa, cảm biến lộn vòng, bộ kích hoạt túi khí, bộ căng dây đai an toàn và các thông tin khác của xe. Trong quá trình xảy ra va chạm, bộ này sẽ ghi lại thông tin như vậy.
- Bộ căng dây đai an toàn tự động phía trước.

#### Loại xe không có túi khí bên

- Các cảm biến va chạm có thể phát hiện va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh.

#### Loại xe có túi khí bên

- Các cảm biến va chạm có thể phát hiện va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh.
- Đèn báo trên bảng điều khiển sẽ cảnh báo cho bạn biết nếu hệ thống túi khí hoặc bộ căng dây đai an toàn có sự cố.

#### Loại xe có hệ thống tắt túi khí trước phía hành khách

- Một đèn báo trên bảng điều khiển sẽ cảnh báo cho bạn biết túi khí trước phía hành khách trước đã được tắt.

1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Những Thông Tin Quan Trọng Về Túi Khí

Túi khí có thể gây nguy hiểm nghiêm trọng. Khi hoạt động đúng chức năng, túi khí phải nổ ra với một lực rất mạnh. Do đó túi khí có thể bảo vệ tính mạng của bạn nhưng cũng có thể gây bỏng, thâm tím và một số thương tích nhẹ khác, thậm chí đôi khi nó sẽ gây tử vong nếu người ngồi không thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi không đúng tư thế.

**Bạn cần phải làm gì:** Luôn luôn thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi thẳng lưng ra sau càng xa vô lăng càng tốt trong khi vẫn đảm bảo điều kiện lái xe thoải mái. Hành khách ngồi phía trước cần điều chỉnh ghế càng xa bảng táp-lô càng tốt.

Tuy nhiên, hãy nhớ rằng không có hệ thống an toàn nào có thể ngăn ngừa được mọi thương tích trong các vụ va chạm với mạnh, thậm chí ngay cả khi thắt dây đai an toàn đúng cách và túi khí nổ.

### **Không được để vật nặng hoặc nhọn giữa bạn và túi khí trước.**

Đề các vật cứng hoặc sắc nhọn ở hông, hoặc vừa lái xe vừa hút tẩu thuốc hoặc ngậm một vật nhọn ở miệng có thể gây thương tích khi túi khí trước nổ.

**Không được gắn hoặc đặt bất cứ vật gì lên nắp túi khí trước.** Vật thể trên nắp có đánh dấu **SRS AIRBAG** có thể cản trở việc vận hành túi khí đúng cách hoặc bị đẩy vào bên trong xe và gây thương tích khi nổ túi khí.

## ⌘ Những Thông Tin Quan Trọng Về Túi Khí

Không được cố huỷ kích hoạt túi khí. Túi khí cùng với dây đai an toàn mang lại sự bảo vệ tốt nhất.

Khi lái xe, để tay và cánh tay ngoài khu vực nổ của túi khí trước bằng cách nắm vào hai bên vô lăng. Không được vắt chéo tay qua phần nắp túi khí.

## Các Loại Túi Khí

Xe của bạn được trang bị 3 loại túi khí:

- **Túi khí trước:** Các túi khí ở phía trước các ghế người lái và hành khách trước.
- **Túi khí bên\*:** Các túi khí ở lưng ghế người lái và hành khách phía trước.
- **Túi khí rèm\*:** Các túi khí phía trên cửa kính bên.

Từng loại túi khí được đề cập ở những trang sau đây.

### Túi Khí Trước (SRS)

Các túi khí SRS phía trước nổ khi có va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh giúp bảo vệ đầu và ngực của người lái và/hoặc hành khách phía trước.

**SRS** (Hệ thống Bảo Vệ Phụ Trợ) nghĩa là túi khí được thiết kế để hỗ trợ, không phải thay thế cho dây đai an toàn. Dây đai an toàn là hệ thống phòng ngừa quan trọng nhất.

#### ■ Vị Trí Lắp Đặt


Các túi khí trước được đặt ở giữa vô lăng dành cho người lái và trong bảng táp-lô cho hành khách phía trước. Cả hai túi khí đều được đánh dấu **SRS AIRBAG**.

\* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

*Còn nữa*

#### ⓘ Các Loại Túi Khí

Túi khí có thể nổ bất kỳ khi nào khóa điện ở vị trí **BẬT** \*1.

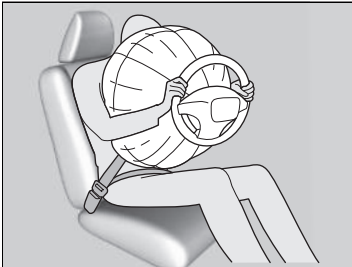
Sau khi túi khí nổ khi xảy ra va chạm, bạn có thể thấy một thứ giống như khói bay ra. Đây thực chất là một loại bột tạo ra do quá trình cháy. Mặc dù bột này không có độc hại nhưng nó cũng gây khó chịu cho một số người hít phải. Trong trường hợp này, hãy ra khỏi xe càng nhanh càng tốt khi đã cảm thấy an toàn.

## ■ Hoạt Động

Túi khí trước được thiết kế để nổ ra khi có va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình tới mạnh. Khi xe giảm tốc độ đột ngột, các cảm biến sẽ gửi thông tin đến bộ điều khiển. Bộ điều khiển sẽ quyết định một hoặc cả hai túi khí trước sẽ nổ.

Khi xảy ra va chạm từ phía trước có thể là vào đầu hoặc góc giữa hai xe, hoặc khi xe đâm vào một vật cố định, như tường bê tông.

## ■ Hoạt Động Của Túi Khí Trước



Trong khi dây đai an toàn bảo vệ phần thân của bạn thì túi khí trước hỗ trợ bảo vệ phần đầu và ngực.

Túi khí trước sẽ xẹp đi ngay lập tức nên nó không cản trở tầm quan sát của lái xe, khả năng đánh lái hoặc điều khiển xe.

Túi khí nổ và xẹp đi trong thời gian rất nhanh, tới mức hầu hết mọi người đều không nhận ra túi khí đã nổ cho đến lúc thấy nó đã nằm ngay trước mặt.



### ■ Khi túi khí trước không nổ

**Va chạm nhẹ từ phía trước:** Túi khí trước được thiết kế để hỗ trợ dây đai an toàn và giúp bảo vệ tính mạng con người, nhưng bạn vẫn có thể bị những vết xước nhẹ, thậm chí gãy xương trong trường hợp xảy ra va chạm từ phía trước với mức độ thấp hơn mức trung bình đến mạnh.

**Va chạm bên:** Túi khí trước có thể bảo vệ khi xe đột ngột giảm tốc độ làm cho người lái và hành khách phía trước nhào về phía trước. Túi khí bên\* và túi khí rèm\* được thiết kế đặc biệt để giúp giảm mức độ thương tích khi có va chạm bên từ mức độ trung bình đến mạnh làm cho người lái hoặc hành khách xô sang một bên.

**Va chạm phía sau:** Tựa đầu và dây đai an toàn bảo vệ bạn tốt nhất khi có va chạm từ phía sau. Các túi khí trước không tạo ra sự bảo vệ và không được thiết kế để nổ trong trường hợp va chạm này.

**Va chạm lộn vòng:** Dây đai an toàn và các túi khí rèm\* mang lại hiệu quả bảo vệ tốt nhất trong trường hợp va chạm lộn vòng. Vì các túi khí trước mang lại khả năng bảo vệ thấp nên chúng không được thiết kế nổ trong trường hợp va chạm này.

### ■ Khi túi khí trước nổ trong trường hợp hư hỏng nhẹ hoặc không rõ ràng

Vì hệ thống túi khí cảm nhận sự giảm tốc đột ngột, nên khi có va chạm mạnh vào phần khung hoặc hệ thống giảm xóc của xe sẽ làm cho một hoặc nhiều túi khí nổ. Ví dụ khi gầm xe va vào rìa đường, mép hố, hoặc những vật thể cố định khác phía dưới có thể khiến xe giảm tốc độ đột ngột. Vì va chạm từ phía gầm của xe nên hư hỏng có thể không thấy rõ.

### ■ Khi túi khí trước không nổ ngay cả trong trường hợp xuất hiện hư hỏng nặng từ bên ngoài

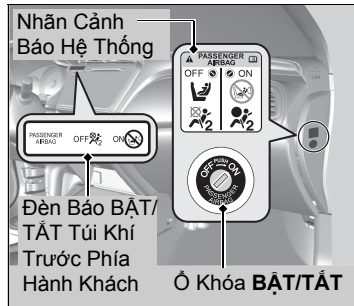
Do các bộ phận thân xe là phần hấp thụ lực va chạm khi xảy ra va chạm, nên không thể chỉ dựa vào mức độ hư hỏng bên ngoài mà có thể khẳng định túi khí của xe có hoạt động đúng hay không. Thực tế, một vài va chạm có thể dẫn đến hư hỏng nặng nhưng túi khí không nổ bởi vì trong trường hợp này túi khí không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ khi nó nổ.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ■ Hệ Thống Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách\*

Nếu buộc phải lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế hành khách phía trước, bạn phải huỷ kích hoạt hệ thống túi khí trước phía hành khách bằng tay, bằng cách sử dụng chìa khóa điện hoặc chìa khóa tích hợp.

### ■ Công tắc BẬT/TẮT túi khí trước phía hành khách



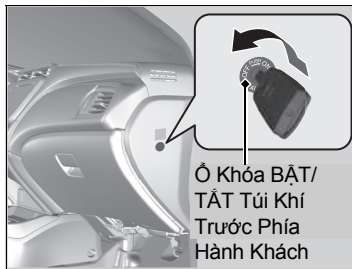
Khi công tắc **BẬT/TẮT** túi khí trước phía hành khách ở vị trí:

**TẮT:** Túi khí trước phía hành khách được huỷ kích hoạt. Túi khí trước phía hành khách sẽ không nổ khi xảy ra va chạm từ phía trước mà chỉ có túi khí trước phía người lái nổ.

Đèn báo tắt túi khí trước phía hành khách vẫn sáng để nhắc nhở bạn.

**BẬT:** Túi khí trước phía hành khách được kích hoạt. Đèn báo túi khí trước phía hành khách sáng lên và tiếp tục sáng trong khoảng 60 giây.

### ■ Để huỷ kích hoạt hệ thống túi khí trước phía hành khách



1. Cài phanh đỗ và xoay chìa khóa điện sang KHÓA **0**\*<sup>1</sup>. Rút chìa khóa ra.
2. Mở cửa phía hành khách trước.
3. Cắm chìa khoá điện hoặc chìa khóa tích hợp vào ổ khóa **BẬT/TẮT** túi khí trước phía hành khách.
  - Công tắc được đặt ở tấm ốp bên cửa bảng điều khiển phía hành khách trước.
4. Xoay chìa khoá đến **OFF** và rút chìa khoá ra khỏi ổ khóa.

\* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho chìa khóa điện.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ⊗ Hệ Thống Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách\*

### ⚠ CẢNH BÁO

Nếu buộc phải đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế hành khách phía trước, phải tắt hệ thống túi khí trước phía hành khách.

Nếu túi khí trước phía hành khách nổ, nó có thể va đập vào hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau với lực mạnh gây tử vong hoặc trọng thương cho trẻ sơ sinh.

### ⚠ CẢNH BÁO

Đảm bảo bật hệ thống túi khí trước phía hành khách khi không còn sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế hành khách phía trước.

Nếu không kích hoạt hệ thống túi khí trước phía hành khách có thể sẽ gây trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

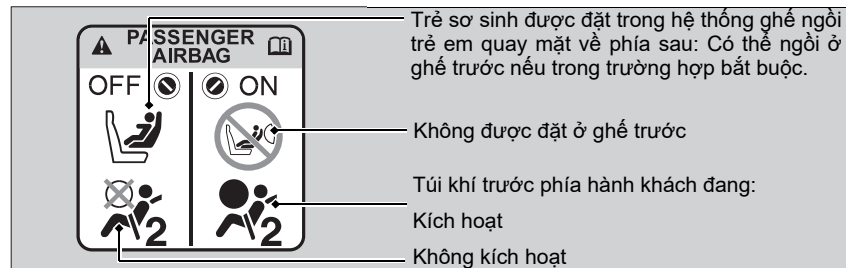
### ■ Đèn báo tắt túi khí trước phía hành khách

Khi hệ thống túi khí trước phía hành khách được kích hoạt, đèn báo sẽ tắt sau vài giây khi bạn xoay khóa điện sang **BẬT** II\*<sup>1</sup>.

Khi hệ thống túi khí trước phía hành khách được hủy kích hoạt, đèn báo vẫn sáng, hoặc tắt đi trong giây lát sau đó sáng trở lại.

### ■ Nhãn hệ thống tắt túi khí trước phía hành khách

Nhãn này được dán ở tấm ốp bên cửa bảng điều khiển bên phía hành khách trước.



\* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### ►► Tắt Hệ Thống Túi Khí Trước Phía Hành Khách\*

#### CHÚ Ý

- Sử dụng chìa khóa điện hoặc chìa khóa tích hợp để xoay ổ khóa **BẬT/TẮT** túi khí trước phía hành khách. Nếu sử dụng chìa khóa khác, có thể làm hỏng ổ khóa, hoặc hệ thống túi khí trước phía hành khách có thể không hoạt động đúng.
- Không được đóng cửa hoặc tác động lực mạnh vào chìa khóa điện hoặc chìa khóa tích hợp trong khi chìa khóa vẫn ở trong ổ khóa **BẬT/TẮT** túi khí trước phía hành khách. Ổ khóa hoặc chìa khóa có thể bị hư hỏng.

Bạn không nên lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế hành khách phía trước.

#### ► Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh Tr. 64

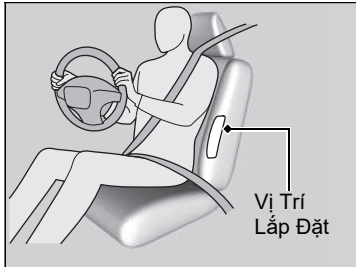
Bạn cần phải **TẮT** hệ thống túi khí trước phía hành khách khi bạn đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế hành khách phía trước.

Khi không còn sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế hành khách phía trước, hãy kích hoạt lại hệ thống.

## Túi Khí Bên\*

Túi khí bên giúp bảo vệ phần trên thân mình của người lái hoặc hành khách phía trước khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

### ■ Vị Trí Lắp Đặt



Túi khí bên được lắp vào cạnh ngoài của lưng ghế người lái và lưng ghế hành khách.

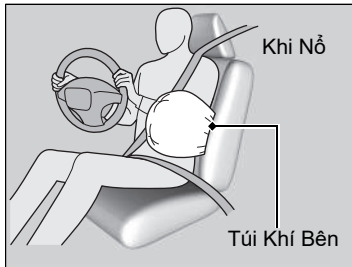
Cả hai được đánh dấu **SIDE AIRBAG**.

### ►► Túi Khí Bên\*

Không để hành khách phía trước dựa nghiêng sang một bên với đầu nghiêng về hướng nổ của túi khí bên. Khi túi khí bên nổ có thể bật ra lực rất mạnh và gây trọng thương cho hành khách.

Không được gắn thêm phụ kiện vào hoặc gắn túi khí bên. Chúng có thể làm túi khí vận hành không đúng cách, hoặc làm ai đó bị thương nếu có một túi khí nổ.

## Hoạt Động



Khi các cảm biến phát hiện mức độ va chạm bên từ trung bình đến mạnh, bộ điều khiển sẽ gửi tín hiệu đến túi khí bên phía có va chạm để nổ ngay lập tức.

### ■ Khi túi khí bên nổ trong trường hợp hư hỏng nhẹ hoặc không rõ ràng

Vì hệ thống túi khí nhận biết có sự tăng tốc đột ngột, nên khi có va chạm mạnh vào sườn của khung xe có thể làm nổ túi khí. Trong trường hợp đó có thể có gây hư hỏng nhẹ hoặc không hư hỏng nhưng cảm biến bên phát hiện mức độ va chạm đủ mạnh để nổ túi khí.

### ■ Khi túi khí bên không thể nổ ngay cả khi có hư hỏng nặng

Túi khí có thể không nổ khi xảy ra va chạm gây hư hỏng nặng. Điều này có thể xảy ra khi đâm va chạm ở quá xa phần phía trước hoặc phía sau của xe, hoặc khi bộ phận thân xe hấp thụ hết lực va chạm. Trong cả hai trường hợp trên, túi khí sẽ không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ nếu nó nổ.

## ⓘ Túi Khí Bên\*

Không bọc hoặc thay vỏ lưng ghế phía trước mà không tham khảo đại lý.

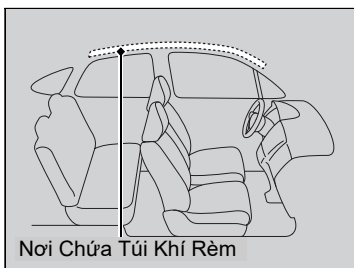
Thay thế hoặc bọc không đúng cách vỏ lưng ghế trước có thể làm túi khí bên nổ không đúng cách khi xảy ra va chạm bên.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Túi Khí Rèm\*

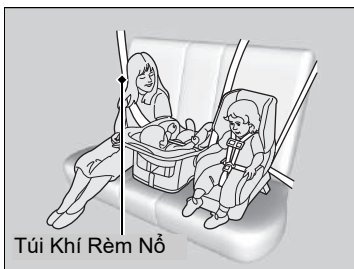
Các túi khí rèm giúp bảo vệ đầu người lái và hành khách ngồi ở ghế bên ngoài khi xảy ra va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

### ■ Vị Trí Lắp Đặt



Túi khí rèm được đặt trên trần xe, ngay phía trên cửa kính hai bên xe.

### ■ Hoạt Động



Túi khí rèm được thiết kế để nổ khi xảy ra va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

### ■ Khi các túi khí rèm nổ trong trường hợp có va chạm trước

Một hoặc cả hai túi khí rèm có thể nổ trong trường hợp va chạm từ góc phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh.

### ►►Túi Khí Rèm\*

Túi khí rèm có khả năng bảo vệ hiệu quả nhất khi người sử dụng thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi thẳng, dựa lưng vào ghế.

Không gắn bất cứ vật gì vào cửa kính bên hoặc tấm ốp trụ đỡ nóc xe vì nó có thể khiến túi khí rèm hoạt động không đúng cách.

## Đèn Báo Hệ Thống Túi Khí

Nếu có sự cố xảy ra trong hệ thống túi khí, đèn báo SRS sẽ sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình hiển thị đa thông tin\*.

### Đèn Báo SRS (Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ)



#### ■ Khi xoay khóa điện đến **BẬT** II<sup>\*1</sup>

Đèn báo sáng trong vài giây, sau đó tắt. Như thế là hệ thống đang hoạt động tốt.

Nếu đèn báo sáng ngoài khoảng thời gian đó, hoặc không sáng, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt. Nếu không, túi khí và bộ căng dây đai an toàn có thể không hoạt động tốt khi cần.

### Đèn Báo SRS (Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ)

#### ⚠CẢNH BÁO

Không để ý đến đèn báo SRS có thể gây trọng thương hoặc tử vong nếu hệ thống túi khí hoặc bộ căng dây đai không hoạt động đúng.

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt nếu đèn báo SRS cảnh báo sự cố có thể xảy ra.

#### Loại xe có hệ thống tắt túi khí phía hành khách trước

#### ⚠CẢNH BÁO

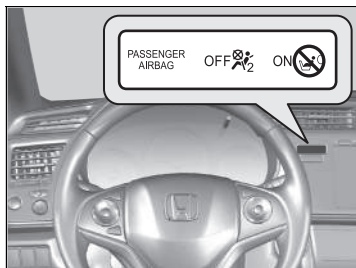
Tháo ngay hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ra khỏi ghế hành khách phía trước nếu đèn báo SRS sáng. Ngay cả khi túi khí phía trước hành khách đã được hủy kích hoạt, phải chú ý đến đèn báo SRS xem sáng hay không.

Hệ thống SRS có thể bị sự cố do túi khí trước phía hành khách được kích hoạt, gây trọng thương hoặc tử vong.

\* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Đèn Báo Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách\*



### ■ Khi đèn báo tắt túi khí hành khách sáng

Đèn báo vẫn sáng trong khi hệ thống túi khí trước phía hành khách đã được huỷ kích hoạt.

Khi không sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế hành khách phía trước, bật lại hệ thống bằng tay. Đèn báo phải tắt.



## Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí

Bạn không cần và không nên tự mình thực hiện kiểm tra hoặc thay thế bất cứ thành phần nào của túi khí. Tuy nhiên, bạn hãy đưa xe đến đại lý kiểm tra trong các tình huống sau:

### ■ Khi túi khí đã nổ

Bạn không cần và không nên tự mình thực hiện kiểm tra hoặc thay thế bất cứ thành phần nào của túi khí. Tuy nhiên, bạn hãy đưa xe đến đại lý kiểm tra trong các tình huống sau:

### ■ Khi xe đã bị va chạm với mức độ từ trung bình đến mạnh

Ngay cả khi túi khí không nổ, hãy đến đại lý để kiểm tra các mục sau: Bộ căng dây đai an toàn trước và từng dây đai an toàn có bị mòn không khi xảy ra va chạm.

### ⌘Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí

Nghiêm cấm tháo bất kỳ bộ phận nào của túi khí ra khỏi xe.

Trong trường hợp có sự cố hoặc không hoạt động hoặc sau khi túi khí nổ/bộ căng dây đai an toàn được kích hoạt, cần yêu cầu thợ sửa chữa có tay nghề thực hiện sửa chữa.

Bạn không nên sử dụng lại các bộ phận của hệ thống túi khí, bao gồm túi khí, các bộ căng dây đai an toàn, các cảm biến và bộ điều khiển.

## An Toàn Cho Trẻ

### Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Hàng năm có rất nhiều trẻ bị thương hoặc tử vong trong những vụ tai nạn xe hơi, bởi vì chúng không được bảo vệ an toàn hoặc được bảo vệ nhưng không đúng cách. Trên thực tế, tai nạn xe hơi là nguyên nhân số một gây tử vong cho trẻ từ 12 tuổi xuống.

Để giảm số trẻ em bị thương tích và tử vong, trẻ sơ sinh và trẻ lớn hơn cần được bảo vệ đúng cách khi ngồi trên xe.

#### ☒ Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

### ⚠ CẢNH BÁO

Trẻ không được bảo vệ hoặc bảo vệ không đúng cách có thể bị trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Nếu trẻ quá nhỏ không thể sử dụng dây đai an toàn, chúng cần được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trẻ lớn hơn có thể sử dụng dây đai an toàn và ghế lót đặc biệt khi cần thiết.

Ở nhiều quốc gia, pháp luật quy định trẻ em từ 12 tuổi trở xuống và những trẻ có chiều cao dưới 150 cm phải được bảo vệ an toàn đúng cách ở ghế sau.

Ở nhiều quốc gia quy định sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em phù hợp và đúng tiêu chuẩn khi để trẻ ngồi ở bất kỳ ghế hành khách nào. Hãy kiểm tra các quy định của pháp luật sở tại.

**Loại xe Malaysia, Mỹ La-tinh và Đài Loan**

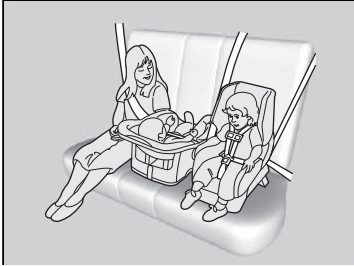
Hệ thống ghế ngồi trẻ em phải đáp ứng quy định số 44 của Liên Hợp Quốc hoặc của địa phương.

☒ **Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Tr. 67**

**Ngoại trừ loại xe Malaysia, Mỹ La-tinh và Đài Loan**

Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em đáp ứng quy định số 44 của Liên Hợp Quốc hoặc các quy định của địa phương.

**Trẻ em phải ngồi đúng cách và được bảo vệ ở ghế sau.** Vì những lý do sau:



- Túi khí trước hoặc túi khí bên\* nổ có thể gây thương tích hoặc tử vong cho trẻ em ngồi ở ghế trước.
- Trẻ em ngồi ở ghế trước có thể phân tán khả năng điều khiển xe an toàn của người lái.
- Theo số liệu thống kê cho thấy trẻ nhỏ ở tất cả các lứa tuổi và tầm vóc sẽ an toàn hơn khi được bảo vệ an toàn đúng cách ở ghế sau.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Loại xe có bộ rút có thể khóa

**⚠ CẢNH BÁO**

Đề trẻ chơi với dây đai an toàn hoặc quần dây đai an toàn quanh cổ có thể gây trọng thương hoặc tử vong.

Yêu cầu trẻ không nghịch bất cứ dây đai an toàn nào và phải khóa chắc chắn, co lại hoàn toàn đối với dây đai an toàn không sử dụng đến và trong tầm với của trẻ.

Đề nhắc nhở bạn về nguy hiểm của túi khí phía trước hành khách và an toàn cho trẻ, xe của bạn có nhãn cảnh báo trên tấm che nắng phía hành khách. Trên thanh dọc cửa phía hành khách cũng có nhãn cảnh báo\*.

Hãy đọc và làm theo các hướng dẫn trên các nhãn này.

► **Nhãn An Toàn Tr.87**

- Nếu trẻ quá nhỏ không thể thắt dây đai an toàn, chúng phải được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em đúng tiêu chuẩn được buộc đúng cách trên xe bằng dây đai an toàn hoặc hệ thống móc neo ghế ngồi trẻ em.
- Không được ôm trẻ nhỏ trong lòng bởi vì điều đó không thể bảo vệ chúng khi xảy ra va chạm.
- Không được thắt dây đai an toàn vòng qua bạn và trẻ nhỏ. Khi xảy ra va chạm, dây đai sẽ siết chặt vào trẻ dẫn đến trọng thương hoặc tử vong.
- Không được để hai trẻ thắt chung dây đai an toàn. Cả hai trẻ có thể bị thương nặng khi xảy ra va chạm.

►►Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Tấm Che Nắng Hành Khách Phía Trước

**⚠ CẢNH BÁO**

**⚠ AIRBAG**



KHÔNG BAO GIỜ dùng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có TÚI KHÍ HOẠT ĐỘNG ở phía trước, có thể xảy ra TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG cho TRẺ.

Loại xe Đài Loan

**⚠** 依規定前排座椅禁止乘載嬰兒、幼童及兒童



- Không để trẻ vận hành cửa, cửa kính hoặc điều chỉnh ghế.
- Không được để trẻ một mình trên xe, đặc biệt là khi trời nóng mà nhiệt độ bên trong xe có thể nóng đến mức làm trẻ tử vong. Trẻ cũng có thể kích hoạt hệ thống điều khiển vô tình làm xe di chuyển.

►► Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Thanh Dọc Cửa Phía Hành Khách Trước\*

Đối với một số loại xe



Cực kỳ Nguy hiểm!

**KHÔNG** sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có túi khí ở phía trước!

**CẢNH BÁO:** Sử dụng nút khóa cửa kính điện để ngăn trẻ em mở các cửa kính. Sử dụng tính năng này để tránh trẻ em nghịch cửa kính, việc đùa nghịch này có thể gây nguy hiểm hoặc làm cho lái xe mất tập trung.

► **Mở/Đóng các Cửa Kính Điện Tr.** 141

**CẢNH BÁO:** Luôn mang theo chìa khóa xe mỗi khi bạn ra khỏi xe hoặc trong xe còn người.

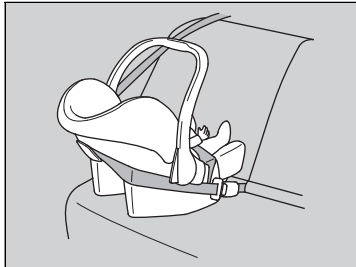
Loại xe có bộ rút có thể khóa

Để ngừng kích hoạt bộ rút có thể khoá, nhả khóa và để dây đai an toàn cuộn hết.

## An Toàn Cho Trẻ Sơ Sinh và Trẻ Nhỏ

### ■ Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh

Trẻ sơ sinh phải được bảo vệ đúng cách quay mặt về phía sau, trong hệ thống ghế ngồi trẻ em, cho đến khi trọng lượng và chiều cao của chúng vượt quá giới hạn mà nhà sản xuất đưa ra, và chỉ dùng cho trẻ được ít nhất một năm tuổi.



#### ■ Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau

Hệ thống ghế ngồi trẻ em phải được đặt chặt chẽ ở hàng ghế sau.

- Trong trường hợp này, bạn nên lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em ngay phía sau ngay phía sau ghế hành khách trước, đẩy ghế về phía trước để có đủ khoảng trống lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em, và để trống ghế ngồi phía trước. Hoặc bạn có thể lắp một hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau có kích thước nhỏ hơn.
- Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em và ghế phía trước không va vào nhau.

### ►►Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh

#### ⚠CẢNH BÁO

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế trước có thể khiến trẻ bị trọng thương hoặc tử vong khi túi khí phía trước hành khách nổ.

Luôn đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế sau, không đặt ở ghế trước.

Theo Quy Định UN Số 94:

#### ⚠CẢNH BÁO



Không được đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có TÚI KHÍ HOẠT ĐỘNG ở phía trước vì có thể gây TRỌNG THƯƠNG hoặc TỬ VONG cho TRẺ.

Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau được lắp đúng cách có thể khiến lái xe hoặc hành khách ngồi ghế trước không di chuyển ghế họ về phía sau được, hoặc khiến họ không thể khóa lưng ghế ở vị trí mong muốn.

#### ►► Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh

Nếu túi khí phía trước hành khách nổ, nó có thể va vào hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau với lực rất mạnh làm hệ thống bật ra khỏi vị trí khiến trẻ bị trọng thương.

Không được lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau theo hướng quay mặt về phía trước.

Luôn tham khảo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em trước khi lắp đặt.

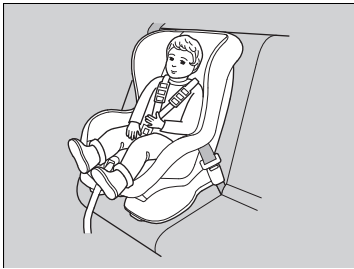
Nếu bắt buộc phải lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế hành khách phía trước, bạn phải tắt hệ thống túi khí phía trước hành khách bằng tay.

► **Hệ Thống Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách\*** Tr. 52

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ■ Bảo Vệ Trẻ Nhỏ

Nếu trẻ được ít nhất một tuổi với cân nặng và chiều cao vượt quá giới hạn quy định để sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau, trẻ phải được bảo vệ an toàn trong hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước cho đến khi cân nặng và chiều cao của trẻ không còn phù hợp với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước .



### ■ Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước

Bạn phải đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở ghế sau.

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở hàng ghế trước có thể gây nguy hiểm. Ghế sau là an toàn nhất cho trẻ.

## ►► Bảo Vệ Trẻ Nhỏ

### ⚠ CẢNH BÁO

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở ghế trước có thể gây trọng thương hoặc tử vong nếu túi khí nổ.

Nếu bạn phải đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở ghế trước, hãy đẩy ghế càng lùi về phía sau càng tốt, và bảo vệ trẻ đúng cách.

Tự trang bị kiến thức pháp luật và các quy định liên quan tới hệ thống ghế ngồi trẻ em tại nước sở tại khi lái xe, và tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.

Các chuyên gia khuyến cáo nên dùng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho đến khi trẻ đủ hai tuổi, nếu chiều cao và cân nặng của trẻ chỉ đủ để dùng được hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.



## ■ Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Một vài hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo ở phía dưới\*. Một vài hệ thống có loại móc treo cứng trong khi một vài loại khác có móc treo mềm. Cả hai đều dễ sử dụng. Một vài hệ thống hiện tại hoặc trước kia chỉ có thể được lắp đặt bằng cách sử dụng dây đai an toàn. Cho dù bạn chọn loại nào, hãy tuân theo những hướng dẫn về sử dụng và bảo dưỡng của nhà sản xuất về hạn sử dụng khuyến cáo hệ thống ghế ngồi trẻ em cũng như hướng dẫn trong cuốn tài liệu này. Lắp đặt đúng mới có thể đảm bảo tối đa an toàn cho trẻ.

Loại mềm có thể không có sẵn ở nước bạn.

Ở ghế ngồi và xe không được trang bị hệ thống móc neo ở phía dưới, hãy lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em bằng cách dùng dây đai an toàn và dây thắt\* ở phía trên để tăng độ chắc chắn. Vì toàn bộ hệ thống ghế ngồi trẻ em phải được cố định chắc chắn bằng dây đai an toàn khi không sử dụng hệ thống móc neo phía dưới\*. Ngoài ra, nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em khuyên bạn nên sử dụng dây đai an toàn cho hệ thống ghế ngồi trẻ em theo tiêu chuẩn ISO FIX\* khi trẻ đạt tới cân nặng tiêu chuẩn. Hãy đọc tài liệu hướng dẫn dành cho người sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em để được hướng dẫn lắp đặt đúng cách.

### ■ Những lưu ý quan trọng khi lựa chọn hệ thống ghế ngồi trẻ em

Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em đáp ứng được ba yêu cầu sau:

- Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chủng loại và kích cỡ phù hợp với trẻ.
- Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chủng loại phù hợp với vị trí ghế ngồi.
- Hệ thống ghế ngồi trẻ em phải đạt tiêu chuẩn an toàn. Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo thông số kỹ thuật của quy định UN số 44 quy định của mỗi quốc gia. Hãy tìm nhãn chứng nhận tiêu chuẩn và cam kết tiêu chuẩn của nhà sản xuất dán trên hệ thống ghế ngồi.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

*Còn nữa*

## ►► Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với xe có móc neo ở phía dưới\* rất đơn giản.

Hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo ở phía dưới\* được cải tiến nhằm đơn giản hóa việc lắp đặt và giảm khả năng gây thương tích do lắp đặt không đúng.

Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau hoặc quay mặt về phía trước phù hợp cho trẻ sơ sinh hoặc trẻ nhỏ loại ISOFIX chính hiệu Honda. Hãy tham khảo đại lý.

## ■ Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Tương Thích Với Móc Neo Ở Phía Dưới

Hai ghế sau phía ngoài được trang bị móc neo ở dưới. Tuy nhiên, không phải tất cả các loại hệ thống ghế ngồi trẻ em khác nhau đều phù hợp để sử dụng cho xe của bạn. Trước khi bạn mua hoặc sử dụng bất kỳ hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích móc neo (ISOFIX) ở dưới nào, hãy tham khảo các bảng sau để đảm bảo nó phù hợp với xe, vị trí ghế và trọng lượng (nhóm khối lượng) và chiều cao của trẻ.

## ▣ Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Tương Thích Với Móc Neo Ở Phía Dưới

Nhóm khối lượng được chỉ định cho một số hệ thống ghế ngồi trẻ em. Đảm bảo kiểm tra nhóm khối lượng theo chỉ dẫn của nhà sản xuất cũng như trên bao bì và nhãn của hệ thống ghế ngồi trẻ em.

Các hệ thống ghế ngồi trẻ em cụ thể được liệt kê trong bảng là các sản phẩm chính hãng của Honda đã có sẵn ở các đại lý.

Để lắp đặt chính xác, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với hệ thống ghế ngồi trẻ em.

Loại Xe Đài Loan

■ Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em ISOFIX

Nhóm KHỐI LƯỢNG	Nhóm Kích Thước	Đồ Gá	Vị Trí ISOFIX trên xe			Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Khuyến Dùng*1
			Ghế sau			
			Bên Trái	Bên Phải	Giữa	
Trẻ nằm nôi	F	ISO/L1	X	X	X	
	G	ISO/L2	X	X	X	
Nhóm 0 Lên đến 10 kg	E	ISO/R1	IL	IL	X	
	D	ISO/R2	IL	IL	X	
Nhóm 0+ Lên đến 13 kg	E	ISO/R1	IL	IL	X	
	D	ISO/R2	IL	IL	X	
	C	ISO/R3	IL	IL	X	
Nhóm I 9 kg đến 18 kg	D	ISO/R2	IL	IL	X	
	C	ISO/R3	IL	IL	X	
	B	ISO/F2	IUF	IUF	X	
	B1	ISO/F2X	IUF	IUF	X	
	A	ISO/F3	IUF	IUF	X	
Nhóm II 15 kg đến 25 kg			X	X	X	
Nhóm III 22 kg đến 36 kg			X	X	X	

☒Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới

Khi mua hệ thống ghế ngồi trẻ em, đảm bảo kiểm tra nhóm kích thước ISOFIX hoặc đồ gá để đảm bảo ghế phù hợp với xe.

Nhóm Kích Thước ISOFIX	Đồ Gá (CRF)	Mô tả
G	ISO/L2	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên phải (xe nôi)
F	ISO/L1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên trái (xe nôi)
E	ISO/R1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt về sau
D	ISO/R2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về sau kích thước nhỏ
C	ISO/R3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về sau kích thước lớn
B1	ISO/F2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về trước loại thấp
B	ISO/F2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về trước loại thấp
A	ISO/F3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về trước loại cao

- 
- IUF: Thích hợp cho hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX quay mặt về phía trước thông dụng được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.
- IL: Thích hợp cho hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX (CRS) cụ thể, được liệt kê ở mục tương ứng trong cột bên phải của bảng. Những ISOFIX CRS này thuộc hạng mục "xe cụ thể", "hạn chế", hoặc "bán thông dụng".
- X: Vị trí ghế ngồi không thích hợp cho trẻ em trong nhóm khối lượng này.
- \*1: Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em (CRS) là khuyến nghị của Honda vào thời điểm bán ra thị trường. Bạn nên trao đổi với đại lý ủy quyền để biết thông tin cập nhật về CRS. Các CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn. Tham khảo danh sách của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này .
- 

Kích thước cụ thể được quy định cho một số hệ thống ghế ngồi trẻ em. Đảm bảo kiểm tra kích thước theo hướng dẫn, đóng gói, và nhãn mác của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.

Để lắp đặt đúng, hãy tham khảo Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em.

### ■ Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai Hồng/Vai

Xe của bạn có móc neo phía dưới ở cả hai ghế sau phía ngoài. Hãy tham khảo bảng dưới đây để chọn loại ghế ngồi trẻ em có thể được sử dụng.

#### ▣ Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai Hồng/Vai

Một số hệ thống ghế ngồi trẻ em có quy định về nhóm khối lượng. Đảm bảo kiểm tra nhóm khối lượng được quy định trong hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất cũng như trên bao bì và nhãn của hệ thống.

Các hệ thống ghế ngồi trẻ em được liệt kê trong bảng là sản phẩm chính hiệu của Honda có ở các đại lý.

Để lắp đặt đúng, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với hệ thống ghế ngồi trẻ em.

Loại xe Đai Loan

■ Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai Hồng/Vai

Nhóm KHỐI LƯỢNG	Vị trí ghế ngồi			Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Khuyến Dùng*1
	Ghế Sau			
	Bên Trái	Bên Phải	Giữa	
Nhóm 0 Lên đến 10 kg	U	U	U	
Nhóm 0+ Lên đến 13 kg	U	U	U	
Nhóm I 9 kg đến 18 kg	U	U	U	
Nhóm II 15 kg đến 25 kg	U	U	U	
Nhóm III 22 kg đến 36 kg	U	U	U	

U: Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em “thông dụng” được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.

\* 1: Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em (CRS) theo khuyến nghị của Honda vào thời điểm bán ra thị trường. Bạn nên trao đổi với đại lý ủy quyền để biết thông tin cập nhật về CRS theo khuyến nghị của chúng tôi. CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng. Hãy tham khảo của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này.

Kích thước cụ thể được quy định cho một số hệ thống ghế ngồi trẻ em. Đảm bảo kiểm tra nhóm kích thước được quy định trong hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất cũng như trên bao bì và nhãn của hệ thống.

Để lắp đặt đúng, hãy tham khảo Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em.

## ■ Thông Tin về việc Sử Dụng Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em ở Nhiều Vị Trí Khác Nhau

### Loại xe Malaysia

Có nhiều loại hệ thống ghế ngồi trẻ em. Không phải tất cả các loại đều thích hợp cho xe bạn. Hãy tham khảo bảng sau để chọn loại hệ thống ghế ngồi trẻ em có thể sử dụng trên mỗi vị trí ghế ngồi.

Nhóm Khối Lượng		Vị trí ghế ngồi		
		Hành Khách Phía Trước	Hành Khách Phía Sau	
			Bên Trái/Phải	Giữa
nhóm 0	Lên đến 10 kg	X	U	U
nhóm 0+	Lên đến 13 kg	X	U hoặc IL (Honda BABY-SAFE ISOFIX)	
nhóm I	9 kg đến 18 kg	UF <sup>*1, *2</sup>	U hoặc IUF (Nhóm kích thước A, B1, B)	
nhóm II	15 kg đến 25 kg	UF <sup>*1, *2</sup>	U	U
nhóm III	22 kg đến 36 kg	UF <sup>*1, *2</sup>	U	U

IL: Thích hợp riêng cho hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX (CRS) được liệt kê trong danh sách này.

IUF: Thích hợp cho hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX quay mặt về phía trước thông dụng được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.

U: Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em “thông dụng” được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.

UF: Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước “thông dụng” được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.

X: Vị trí ghế ngồi không thích hợp cho trẻ em trong nhóm khối lượng này.

\* 1: Điều chỉnh góc lưng ghế ở vị trí thẳng đứng (Vị trí khoá hết cỡ về phía trước).

\* 2: Ngả ghế trước hết cỡ về phía sau.

Kích thước cụ thể được quy định cho một số hệ thống ghế ngồi trẻ em. Đảm bảo kiểm tra nhóm kích thước được quy định trong hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất cũng như trên bao bì và nhãn của hệ thống.

Hệ thống ghế ngồi trẻ em cụ thể ở bảng trên là các Phụ Tùng Chính Hiệu Honda và luôn có sẵn ở các đại lý.

**Để lắp đặt đúng, hãy tham khảo Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em.**

**Loại xe Mỹ La-tinh**

Các hệ thống ghế ngồi trẻ em có rất nhiều loại. Không phải tất cả các loại đều thích hợp cho xe bạn. Hãy tham khảo bảng sau để chọn loại hệ thống ghế ngồi trẻ em có thể sử dụng trên mỗi vị trí ghế ngồi.

Lái Xe An Toàn

Nhóm tuổi	Vị trí ghế ngồi trên xe			
	Vị trí ổ khóa BẬT/TẮT ghế hành khách phía trước trước		Ghế bên phía sau	Ghế giữa phía sau
	TẮT	BẬT		
Đến 2 tuổi (~13 kg)	Baby-Safe Plus Original Honda <sup>*1, *5</sup> hoặc Universal <sup>*2, *5</sup>	Không sử dụng ở ghế trước	IL <sup>*3</sup> (Baby-Safe Plus Original Honda <sup>*1</sup> ) hoặc Universal <sup>*2</sup>	Baby-Safe Plus Original Honda <sup>*1</sup> hoặc Universal <sup>*2</sup>
Từ hơn 9 tháng tuổi đến 4 tuổi (từ 9 kg đến 18 kg)	Duo Plus Original Honda <sup>*1, *5</sup> hoặc Universal <sup>*2, *5, *6</sup>	Duo Plus Original Honda <sup>*1, *5*</sup> hoặc Front Facing Universal <sup>*2, *5, *6</sup>	Duo Plus Original Honda <sup>*1</sup> hoặc IUF <sup>*4</sup> hoặc Universal <sup>*2</sup>	Duo Plus Original Honda <sup>*1</sup> hoặc Universal <sup>*2</sup>
Từ hơn 4 tuổi đến 12 tuổi (từ 15 kg đến 36 kg)	Universal <sup>*2, *5, *6</sup>	Universal <sup>*2, *5, *6</sup>	Universal <sup>*2</sup>	Universal <sup>*2</sup>

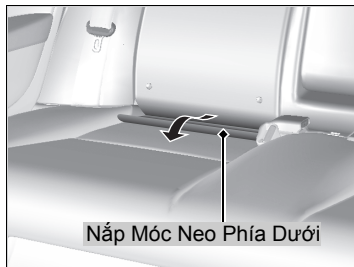
**Miêu tả**

- \* 1: Có sẵn trên thị trường.
- \* 2: Universal Hệ thống này phù hợp và được phê duyệt để sử dụng cho trẻ em ở độ tuổi tương ứng. Nó có thể được sử dụng ở ghế trước hoặc ghế sau nếu được lắp đặt theo hướng dẫn của nhà sản xuất, tuân theo các tiêu chuẩn an toàn giao thông.  
CHÚ Ý: Khi dùng dây đai an toàn để cố định hệ thống ghế ngồi trẻ em, chỉ sử dụng dây an toàn được trang bị trên xe.
- \* 3: IL Thích hợp cho các hệ thống ghế ngồi trẻ em ISO FIX (CRS) cụ thể được đưa ra trong bảng này.
- \* 4: IUF Thích hợp cho các hệ thống ghế ngồi trẻ em ISO FIX quay mặt về phía trước được phê duyệt để sử dụng trong nhóm tuổi này.
- \* 5: Di chuyển ghế trước đến hết cỡ về phía sau và điều chỉnh góc lưng ghế sau đến vị trí thẳng đứng.
- \* 6: Nếu bạn không thể giữ Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em chắc chắn, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với mặt sau của Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em, vẫn giữ nó về phía trước của neo vai dây đai an toàn.



### ■ Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới\*

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có móc neo phía dưới ở một trong hai ghế sau phía ngoài. Hệ thống ghế ngồi trẻ em được gắn vào móc neo phía dưới bằng móc treo cứng hoặc móc treo mềm.



Loại móc neo có nắp che

1. Mở nắp móc neo phía dưới.



Tất cả các loại xe

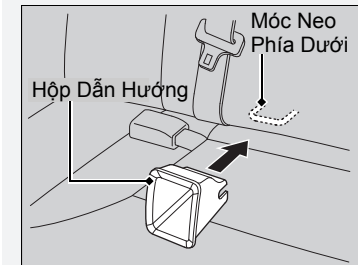
2. Cố định móc neo phía dưới vào các điểm đánh dấu.

### ►► Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới\*

## ⚠ CẢNH BÁO

Không buộc chung hai hệ thống ghế ngồi trẻ em vào cùng một móc neo. Khi xảy ra va chạm, móc neo đó không đủ chắc chắn để giữ an toàn cho cả hai hệ thống ghế ngồi trẻ em và nó có thể bị gãy, khiến trẻ bị trọng thương hoặc tử vong.

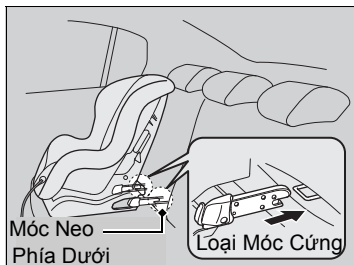
Một vài hệ thống ghế ngồi trẻ em có kèm theo hộp dẫn hướng để tránh gây hư hỏng cho ghế ngồi. Hãy tuân theo các hướng dẫn của nhà sản xuất khi sử dụng hộp dẫn hướng và lắp nó vào các móc neo giống như hình vẽ.



Loại móc neo có nắp che

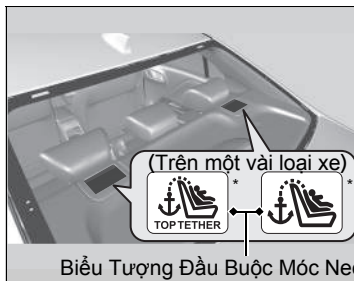
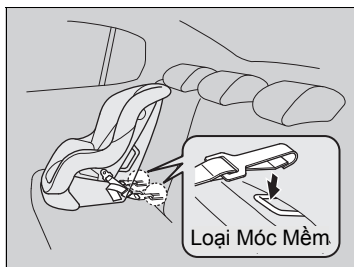
Khi không sử dụng móc neo phía dưới, để nắp móc neo phía dưới vào giữa đệm ghế sau và tựa lưng.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



3. Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em lên ghế xe, sau đó gắn hệ thống ghế ngồi trẻ em vào móc neo phía dưới theo chỉ dẫn lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em.

► Khi lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em, đảm bảo móc neo phía dưới không bị mắc vào dây đai hoặc bất kỳ vật gì khác.



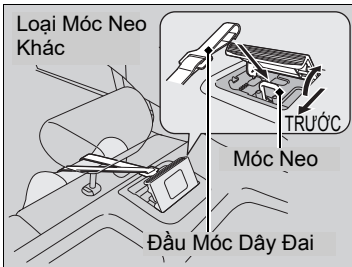
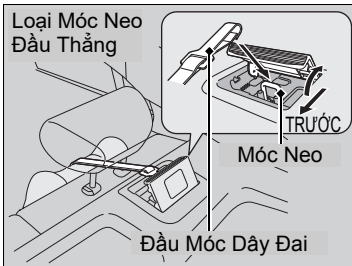
4. Mở nắp che móc neo phía sau tựa đầu hoặc đệm cổ.

#### ► Lắp Hệ Thống Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ Có Móc Neo Phía Dưới\*

Vi sự an toàn cho trẻ, khi sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em được lắp đặt bằng hệ thống móc neo phía dưới, đảm bảo hệ thống ghế ngồi được cố định chắc chắn trên xe. Hệ thống ghế ngồi trẻ em nếu không được lắp đúng cách sẽ không bảo vệ được trẻ đúng cách khi xảy ra va chạm và có thể gây trọng thương cho trẻ hoặc hành khách khác trên xe.

Loại móc mềm có thể không có sẵn ở nước bạn.

**CẢNH BÁO:** Không được sử dụng móc không có biểu tượng Đầu buộc móc neo khi cố định hệ thống hệ thống trẻ em đã lắp đặt.



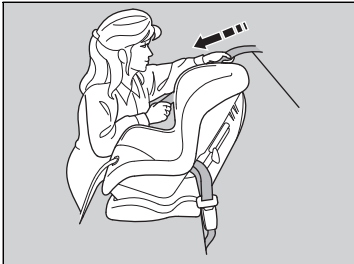
Loại xe có tựa đầu có thể điều chỉnh

5. Nâng tựa đầu lên đến vị trí cao nhất, sau đó luồn đầu móc của dây đai qua chân tựa đầu và lắp chắc đầu móc vào móc neo. Đảm bảo dây đai không bị xoắn.

### ■ Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai Hồng/Vai

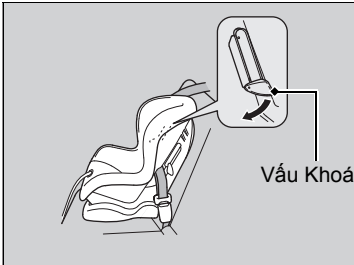


1. Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em lên ghế xe.
2. Luồn dây đai an toàn qua hệ thống ghế ngồi trẻ em theo hướng dẫn của nhà sản xuất, sau đó gài đầu chốt vào khóa.  
► Gài đầu chốt vào hoàn toàn cho đến khi nghe thấy tiếng tách.



#### ■ Dây đai an toàn hông/vai có bộ rút có thể khoá

3. Kéo từ từ phần vai của dây đai an toàn ra hết cỡ cho đến khi nó dừng hẳn. Làm như vậy để kích hoạt bộ rút có thể khoá.
4. Đẩy vấu khóa xuống. Luồn phần dây đai vai vào trong khe ở sườn hệ thống ghế ngồi trẻ em.

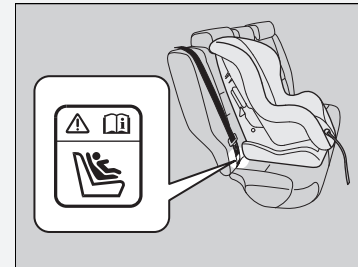


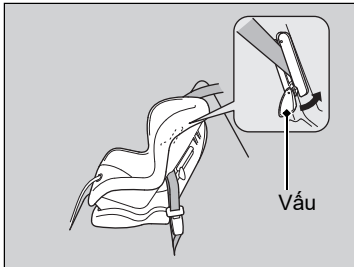
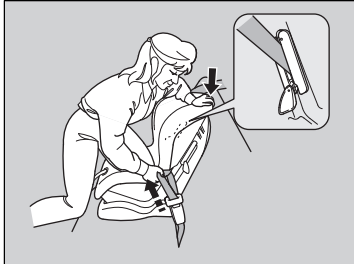
5. Để dây đai an toàn cuộn hoàn toàn vào khi bộ rút được mở, sau đó cố kéo nó ra để chắc chắn bộ rút đã được khóa.  
► Nếu bạn có thể kéo dây đai vai ra, bộ rút có thể khoá không được kích hoạt. Từ từ kéo dây đai an toàn ra hết cỡ và lặp lại các bước từ 2 đến 5.

### ►►Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai Hồng/Vai

Để kiểm tra xem dây đai an toàn hông/vai có được trang bị bộ rút có thể khoá\* không, kéo hết phần vai của dây đai hông/vai ra, để dây đai an toàn rút lại từ từ, sau đó kéo nhẹ dây đai an toàn lại lần nữa. Nếu dây đai bị khóa thì dây đai an toàn được trang bị bộ rút có thể khoá.

Dây đai an toàn có bộ rút có thể khoá\* được dán nhãn như hình vẽ.





**6.** Giữ phần vai của dây đai an toàn gần đầu khóa và kéo nó lên để phần hông của dây đai hết chùng.

► Khi thực hiện động tác này, tỳ người lên hệ thống ghế ngồi trẻ em và đẩy nó vào trong ghế.

**7.** Để dây đai an toàn vào đúng vị trí và đẩy vấu khóa. Đảm bảo dây đai không bị xoắn.

**Dây đai an toàn hông/vai không có bộ rút có thể khóa**

**3.** Đẩy vấu khóa xuống. Luồn phần vai của dây đai an toàn vào trong khe của sườn hệ thống ghế ngồi trẻ em.

**4.** Giữ phần vai của dây đai gần đầu khóa và kéo nó lên để phần hông của dây đai hết chùng.

► Khi thực hiện động tác này, tỳ người lên hệ thống ghế ngồi trẻ em và đẩy nó vào trong ghế xe.

**5.** Để dây đai an toàn vào đúng vị trí và đẩy vấu khóa. Đảm bảo dây đai không bị xoắn.

► Khi đẩy vấu khóa lên trên, kéo phần vai trên của dây đai để dây hết chùng.

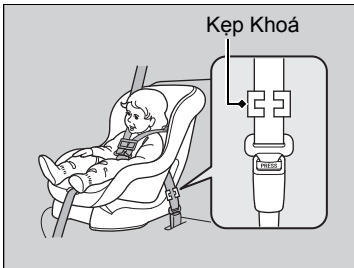
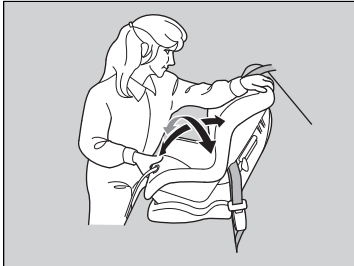
**6.** Chuyển sang bước 8.

►► **Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây đai Hông/Vai**

Hệ thống ghế ngồi trẻ em nếu không được lắp đúng cách sẽ không bảo vệ được trẻ đúng cách khi xảy ra va chạm và có thể gây trọng thương cho trẻ hoặc hành khách khác trên xe.

**Dây đai an toàn hông/vai có bộ rút có thể khóa**

Sau khi hệ thống bảo vệ an toàn cho trẻ được lắp đặt đúng cách, kiểm tra bộ rút có thể khóa đã được kích hoạt chưa và dây đai an toàn đã được rút hoàn toàn và khóa lại chưa. Để hủy kích hoạt bộ rút dây đai an toàn có thể khóa, nhả khóa và để dây đai an toàn rút hết vào.



**Tất cả các loại xe**

8. Để kiểm tra hệ thống ghế ngồi trẻ em đã được cố định chắc chắn chưa, lắc nó về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ còn cảm nhận có một chút dịch chuyển.
9. Đảm bảo khóa các dây đai an toàn trong tầm với của trẻ nếu không sử dụng đến.

**Dây đai an toàn hông/vai không có bộ rút có thể khóa**

Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em trên xe không có cơ cấu cố định bằng dây đai, hãy lắp kẹp khóa vào dây đai an toàn.

Sau khi xong bước 1 và 2, kéo phần vai của dây đai an toàn lên và đảm bảo phần hông của dây đai không bị chùng.

3. Ghì chặt phần dây đai gần đầu chốt. Kẹp chặt hai phần của dây đai để chúng không bị trượt qua đầu chốt. Tháo khóa dây đai an toàn.
4. Lắp kẹp khóa như trong hình. Lắp kẹp càng gần đầu chốt càng tốt.
5. Gài đầu chốt vào trong khóa. Chuyển sang bước 8 và 9.

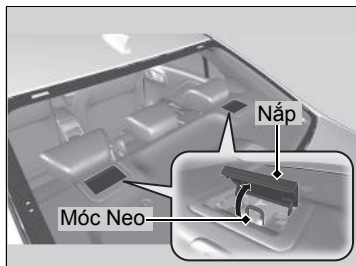
### ■ Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai Hồng\*



1. Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em lên ghế xe.
2. Luồn dây đai an toàn qua hệ thống ghế ngồi trẻ em theo hướng dẫn của nhà sản xuất, sau đó gài đầu chốt vào khóa.
  - Gài đầu chốt vào hoàn toàn cho đến khi nghe thấy tiếng tách.
3. Kéo mạnh phần đầu lỏng của dây đai để dây hết chùng.
  - Khi thực hiện động tác này, tỳ người bạn lên hệ thống ghế ngồi trẻ em và đẩy nó vào trong ghế xe.
4. Đảm bảo rằng hệ thống ghế ngồi trẻ em được cố định chắc chắn bằng cách lắc nó về phía trước, sau, hai bên; đến khi chỉ có thể cảm nhận được một chút chuyển động nhỏ.

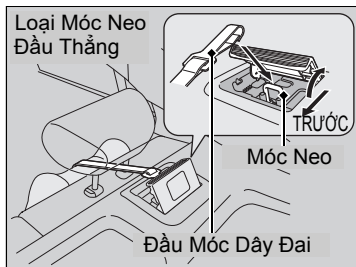
\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ■ Tăng Thêm Độ An Toàn bằng Dây Thắt



Điểm móc dây thắt được đặt ở đằng sau ghế sau phía ngoài. Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em có dây thắt đi kèm, bạn cũng có thể sử dụng dây đai an toàn để cố định nó, có thể sử dụng thêm dây thắt để tăng độ an toàn.

1. Xác định điểm móc dây thắt tương ứng.



Loại xe có tựa đầu có thể điều chỉnh

2. Nâng tựa đầu lên đến vị trí cao nhất, sau đó luồn đầu móc của dây thắt qua chân tựa đầu và móc chắc chắn đầu móc dây thắt vào móc neo. Đảm bảo dây không bị xoắn.
3. Móc chắc chắn đầu móc dây thắt vào móc neo.
4. Thắt chặt dây thắt như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.

## » Tăng Thêm Độ An Toàn bằng Dây Thắt

**CẢNH BÁO:** Các móc neo ghế ngồi trẻ em được thiết kế để chịu tải trọng của hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được sử dụng cho dây đai an toàn của người lớn, không sử dụng để cố định hoặc để gắn một vật hoặc thiết bị gì khác vào xe.

Luôn sử dụng dây thắt cho hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước khi sử dụng dây đai an toàn hoặc các móc neo dưới.



## An Toàn Cho Trẻ Lớn

### ■ Bảo Vệ Trẻ Lớn

Những trang sau đây sẽ hướng dẫn cách kiểm tra dây đai an toàn, loại ghế lót được sử dụng cho trẻ khi cần, và những phòng ngừa quan trọng khi trẻ phải ngồi ở ghế trước.

### ■ Kiểm Tra Độ Phù Hợp Của Dây Đai An Toàn

Khi trẻ quá lớn để sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy bảo vệ trẻ ở ghế sau bằng cách sử dụng dây đai an toàn hông/vai. Để trẻ ngồi thẳng và dựa vào lưng ghế, sau đó kiểm tra độ an toàn theo các mục sau:



#### ■ Danh Mục Kiểm Tra

- Đầu gối của trẻ có gập thoải mái theo mép ghế ngồi không?
- Phần vai của dây đai có đặt vào vị trí giữa cánh tay và cổ của trẻ không?
- Phần hông của dây đai có ở vị trí thấp nhất có thể và chạm vào phần đùi của trẻ không?
- Trẻ có ngồi được như vậy trong suốt hành trình không?

Nếu câu trả lời cho tất cả các câu hỏi này tức là trẻ đã thắt dây đai an toàn hông/vai đúng cách. Nếu có câu trả lời nào đó là không thì hãy cho trẻ dùng ghế lót đặc biệt đến khi dây đai an toàn hông/vai phù hợp với cơ thể trẻ và không cần dùng đến ghế lót đặc biệt.

### ► An Toàn Cho Trẻ Lớn

## ⚠ CẢNH BÁO

Cho trẻ từ 12 tuổi trở xuống ngồi ở ghế trước có thể làm chúng bị thương hoặc tử vong nếu túi khí trước phía hành khách nổ.

Nếu phải để trẻ lớn ngồi ở ghế trước thì chỉnh ghế ngồi trước càng lùi về sau càng tốt, để trẻ ngồi ngay ngắn và thắt dây đai an toàn đúng cách, sử dụng ghế lót đặc biệt nếu cần.

## ■ Ghế Lót Đặc Biệt



Nếu không thể sử dụng dây đai an toàn hông/vai đúng cách, hãy đặt trẻ lên ghế lót đặc biệt ở ghế sau. Vì sự an toàn của trẻ, hãy kiểm tra trẻ có đáp ứng với các khuyến cáo của nhà sản xuất ghế lót đặc biệt không.



Phần tựa lưng ghế được thiết kế để gắn ghế lót đặc biệt. Lắp ghế lót đặc biệt vào tựa lưng và điều chỉnh nó cùng ghế ngồi theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghế lót. Đảm bảo luôn dây đai qua khe dẫn hướng tại phần vai của tựa lưng và không để dây đai chạm hoặc vắt ngang qua cổ của trẻ.

## ►► Ghế Lót Đặc Biệt

Khi lắp ghế lót đặc biệt, hãy đọc kỹ hướng dẫn của nhà sản xuất và lắp ghế theo hướng dẫn. Có ghế lót đặc biệt loại lưng cao và loại lưng thấp. Hãy chọn loại ghế lót có thể thắt dây đai an toàn đúng cách.

Bạn nên sử dụng loại ghế lót có đệm lưng để điều chỉnh dây đai vai dễ dàng hơn.

### ■ Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ Lớn - Kiểm Tra Cuối Cùng

Nên để trẻ ngồi ở ghế sau để chúng được bảo vệ đúng cách. Nếu trên xe có một nhóm trẻ, và có một trẻ phải ngồi ở ghế trước:

- Đảm bảo bạn đã đọc và hiểu hết hướng dẫn và thông tin an toàn trong tài liệu hướng dẫn này.
- Đẩy ghế hành khách phía trước càng lùi về phía sau càng tốt.
- Để trẻ ngồi thẳng và dựa lưng vào ghế.
- Kiểm tra dây đai an toàn đã ở đúng vị trí chưa. Như vậy trẻ mới được bảo vệ an toàn trên ghế.

### ■ Giám sát trẻ

Bạn nên để mắt đến trẻ khi đi xe. Ngay cả với trẻ lớn, trẻ trưởng thành hơn đôi khi cũng cần nhắc thất dây đai an toàn và ngồi đúng tư thế.

# Khí Xả Nguy Hiểm


## Khí CO

Trong khí thải của xe có chứa CO, là một chất không màu, không mùi, độc tố cao. Nếu bảo dưỡng xe đúng cách, khí này sẽ không vào xe bạn.

### ■ Kiểm tra hệ thống khí xả có rò rỉ hay không khi:

- Có âm thanh khác lạ ở hệ thống xả.
- Có hư hỏng trong hệ thống xả.
- Xe được nâng lên để thay dầu.

Khi bạn vận hành xe mà mở nắp khoang hành lý, luồng khí có thể lùa khí thải vào trong xe và gây nguy hại. Nếu bạn buộc phải mở nắp khoang hành lý khi lái xe, hãy mở tất cả các cửa kính và đặt hệ thống sưởi\* và làm mát\*/hệ thống điều khiển khí hậu\* như chỉ dẫn sau.

1. Chọn chế độ lấy gió ngoài.
2. Chọn chế độ .
3. Đặt quạt gió ở tốc độ cao.
4. Đặt nhiệt độ ở mức thoải mái.

Điều chỉnh hệ thống sưởi\* và làm mát\*/hệ thống điều khiển khí hậu\* giống như trên nếu bạn phải ngồi trên xe khi đỗ xe mà động cơ vẫn đang chạy.

### » Khí CO

## ⚠ CẢNH BÁO

CO là khí độc hại.

Hít phải khí độc hại có thể gây bất tỉnh hoặc tử vong.

Tránh khu vực kín hoặc những nơi sản sinh ra khí CO.

Lượng khí CO có thể tập trung ở các khu vực kín như gara.

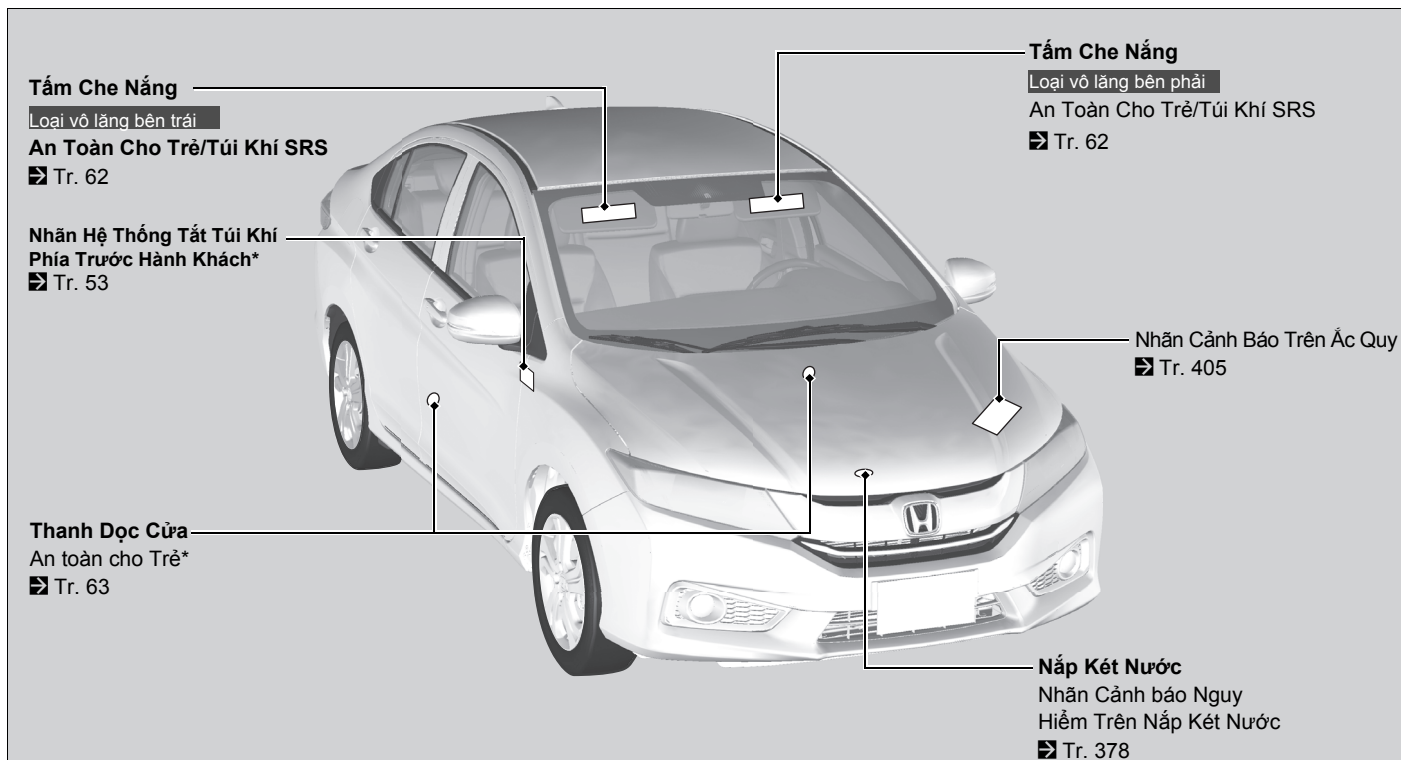
Không được để động cơ nổ máy khi cửa gara đang đóng. Ngay cả khi cửa gara đang mở, hãy lái xe ra khỏi gara ngay sau khi khởi động động cơ.

## Nhãn An toàn

### Vị Trí Nhãn

Các nhãn an toàn này ở các vị trí như hình vẽ. Chúng cảnh báo cho bạn nguy hiểm tiềm ẩn có thể gây trọng thương hoặc tử vong. Hãy đọc kỹ các nhãn này.

Nếu nhãn này bị mất đi hoặc bị mờ, hãy liên hệ với đại lý để được thay thế.



\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



# Bảng Điều Khiển

Phần này mô tả các nút, các đèn báo và các đồng hồ đo được sử dụng trong khi lái xe.

## **Đèn Báo**

Cảnh Báo và Thông Báo Thông Tin Trên  
Màn Hình Hiển Thị Thông Tin\* ..... 102

## **Đồng Hồ Đo và Màn Hình Hiển Thị**

Đồng Hồ Đo ..... 103  
Màn Hình Hiển Thị Thông Tin ..... 104

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

# Đèn Báo

Bảng Điều Khiển




Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Phanh Đổ và Hệ Thống Phanh (Đỏ)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II*<sup>1</sup>, sau đó tắt nếu phanh đổ đã được nhả.</li> <li>Sáng lên khi phanh đổ được nhấn và tắt khi nhả.</li> <li>Tiếng bíp vang lên và đèn báo sáng lên khi bạn lái xe mà không nhả phanh đổ hoàn toàn.</li> <li>Sáng lên khi mức dầu phanh thấp.</li> <li>Sáng lên nếu có sự cố với hệ thống phanh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng khi lái xe</b> - Đảm bảo phanh đổ đã được nhả. Kiểm tra mức dầu phanh. <ul style="list-style-type: none"> <li>➤ <b>Phải Làm Gì Nếu Đèn Báo Sáng Khi Lái Xe</b> Tr. 436</li> </ul> </li> <li><b>Sáng cùng với đèn báo ABS</b> - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra. <ul style="list-style-type: none"> <li>➤ <b>Nếu Đèn Báo Hệ thống Phanh (Đỏ) Sáng</b> Tr. 436</li> </ul> </li> </ul>
	Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hở Phách)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II*<sup>1</sup>, sau đó tắt.</li> <li>Sáng nếu có sự cố với hệ thống liên quan đến phanh ngoại trừ hệ thống phanh thông thường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng liên tục</b> - Đưa xe đến đại lý kiểm tra.</li> </ul>
	Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng lên khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II*<sup>1</sup>, và tắt khi động cơ khởi động.</li> <li>Sáng lên khi áp suất dầu động cơ thấp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng trong khi lái xe</b> - Dừng ngay xe ở nơi an toàn. <ul style="list-style-type: none"> <li>➤ <b>Nếu Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp Sáng</b> Tr. 435</li> </ul> </li> </ul>

\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.



Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Sự Cố	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng lên khi bạn xoay khoá điện đến BẬT <b>II</b><sup>*1</sup>, và tắt khi động cơ khởi động hoặc tắt sau vài giây nếu động cơ không khởi động*.</li> <li>Sáng lên nếu có sự cố với hệ thống kiểm soát khí xả.</li> <li>Nhấp nháy khi phát hiện mất lửa trong các xy lanh động cơ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng lên khi đang lái xe</b> - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> <li>Thể hiện điều kiện tự kiểm tra của chức năng chẩn đoán hệ thống kiểm soát khí xả.</li> <li><b>Nhấp nháy khi đang lái xe</b> - Dừng xe ở khu vực an toàn nơi không có các vật dễ cháy. Dừng động cơ trong ít nhất 10 phút và đợi cho động cơ nguội. Sau đó, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.  <b>► Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc NhấpNháy Tr. 436</b></li> </ul>
	Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng lên trong vài giây bạn xoay khoá điện đến BẬT <b>II</b><sup>*1</sup>, và tắt khi động cơ khởi động.</li> <li>Sáng lên khi ắc quy không nạp điện.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng lên khi đang lái xe</b> - Tắt hệ thống sưởi và làm mát/hệ thống điều khiển khí hậu* và bộ sấy kính sau để giảm mức tiêu thụ điện.  <b>► Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp ĐiệnSáng Tr. 435</b></li> </ul>
	Đèn Báo Hệ Thống Hộp Số*	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhấp nháy nếu hệ thống hộp số có sự cố.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Nhấp nháy khi đang lái xe</b> - Tránh khởi động và tăng tốc đột ngột và đưa xe đến đại lý để kiểm tra ngay.</li> </ul>

\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.




Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo <b>M</b> (chế độ sang số tuần tự) / Đèn Báo Vị Trí Số*	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi kích hoạt chế độ sang số tuần tự.</li> </ul>	<p>☑ <b>Chế Độ Sang Số Tuần Tự</b> Tr. 329</p>
	Đèn Báo Nhắc Thất Dây Đai An Toàn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng và tiếng bíp vang lên nếu bạn không thắt dây đai an toàn khi xoay khóa điện đến BẬT *1.</li> <li>Nhấp nháy khi đang lái xe nếu bạn không thắt dây đai an toàn. Tiếng bíp vang lên và đèn báo nhấp nháy ngắt quãng.</li> </ul> <p>Loại xe có bộ nhắc thất dây đai an toàn ghế hành khách phía trước</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn, đèn báo sẽ sáng lên trong vài giây sau đó</li> <li>Nhấp nháy khi đang lái xe nếu hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn. Tiếng bíp vang lên và đèn báo nhấp nháy ngắt quãng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tiếng bíp ngừng và đèn báo tắt khi bạn đã thắt dây đai an toàn.</li> <li><b>Vẫn sáng sau khi bạn đã thắt dây đai an toàn</b> - Có thể xảy ra lỗi phát hiện trong cảm biến. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul> <p>☑ <b>Bộ Nhắc Thất Dây Đai An Toàn</b> Tr. 39</p> <p>Loại xe có bộ nhắc thất dây đai an toàn ghế hành khách phía trước</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tiếng bíp ngừng và đèn báo tắt khi hành khách phía trước đã thắt dây đai an toàn.</li> <li><b>Vẫn sáng sau khi hành khách phía trước đã thắt dây đai an toàn</b> - Có thể xảy ra lỗi phát hiện trong cảm biến. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul> <p>☑ <b>Bộ Nhắc Thất Dây Đai An Toàn</b> Tr. 39</p>

\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng lên khi bình chứa nhiên liệu ở mức thấp (còn khoảng 6,0 lít).</li> <li>Nhấp nháy nếu đồng hồ đo nhiên liệu có sự cố.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng</b> - Nạp đầy nhiên liệu càng sớm càng tốt.</li> <li><b>Nhấp Nháy</b> - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul>
	Đèn Báo Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT <b>II</b><sup>*1</sup>, sau đó tắt.</li> <li>Nếu đèn báo này sáng vào những lúc khác, chứng tỏ ABS có sự cố.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng liên tục</b> - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Khi đèn báo sáng, xe bạn vẫn có khả năng phanh bình thường nhưng không có chức năng chống bó cứng. <ul style="list-style-type: none"> <li>☑ Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) Tr. 344</li> </ul> </li> </ul>
	Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT <b>II</b><sup>*1</sup>, sau đó tắt.</li> <li>Sáng lên nếu phát hiện sự cố của các hệ thống sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống bảo vệ phụ trợ</li> <li>Hệ thống túi khí bên*</li> <li>Hệ thống túi khí rèm*</li> <li>Bộ căng dây đai an toàn</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Vẫn sáng liên tục hoặc không sáng</b> - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul>

\* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe





Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo <b>BẬT/TẮT</b> Túi Khí Trước Phía Hành Khách*	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cả hai đèn báo sáng trong vài giây khi bạn xoay khoá điện đến <b>BẬT II</b><sup>*1</sup>, sau đó tắt sau khi hệ thống kiểm tra.</li> <li>Khi túi khí trước phía hành khách được kích hoạt: Đèn báo sẽ sáng trở lại và sáng trong khoảng 60 giây.</li> <li>Khi túi khí trước phía hành khách được huỷ kích hoạt: Đèn báo tắt sẽ sáng trở lại và tiếp tục sáng. Đây là bộ nhắc cho biết túi khí trước phía hành khách đã huỷ kích hoạt.</li> </ul>	<p>☒ <b>Hệ Thống Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách*</b> Tr. 52</p>
	Đèn Báo Nhiệt Độ Cao (Đỏ)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng trong vài giây khi bạn xoay khoá điện đến <b>BẬT II</b><sup>*1</sup>, sau đó tắt.</li> <li>Nhấp nháy khi nhiệt độ nước làm mát động cơ tăng, và tiếp tục sáng nếu nhiệt độ tiếp tục tăng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khi nhiệt độ nước làm mát động cơ thấp, đèn báo đỏ sẽ tắt sau đó sẽ sáng màu xanh lam.                     <ul style="list-style-type: none"> <li>☒ <b>Đèn Báo Nhiệt Độ Thấp (Xanh Lam)*</b> Tr. 94</li> </ul> </li> <li><b>Nhấp nháy khi đang lái xe</b> - Hãy lái chậm để tránh bị quá nhiệt.</li> <li><b>Vẫn sáng trong khi lái xe</b> - Hãy dừng ngay xe vào nơi an toàn để động cơ nguội.                     <ul style="list-style-type: none"> <li>☒ <b>Quá Nhiệt</b> Tr. 433</li> </ul> </li> </ul>
	Đèn Báo Nhiệt Độ Thấp (Xanh Lam*)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng nếu nhiệt độ nước làm mát động cơ thấp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu đèn báo vẫn sáng sau khi động cơ ở mức nhiệt độ hoạt động bình thường chứng tỏ có vấn đề với cảm biến nhiệt độ. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul>

\* 1:Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút ENGINE START/STOP thay cho khóa điện.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Cửa/Nắp Khoang Hành Lý Mở	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT <sup>*1</sup>, sau đó tắt.</li> <li>Sáng lên nếu bất kỳ cửa hoặc nắp khoang hành lý nào không đóng hoàn toàn.</li> <li>Tiếng bíp vang lên và đèn sáng nếu bất kỳ cửa nào hoặc nắp khoang hành lý mở trong khi lái xe.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tắt khi tắt cả các cửa và nắp khoang hành lý đóng.</li> </ul>
	Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)*	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT <sup>*1</sup>, sau đó tắt.</li> <li>Nhấp nháy khi kích hoạt VSA.</li> <li>Sáng lên nếu có sự cố với hệ thống VSA.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng liên tục</b> - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.   <b>Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)*</b> Tr. 336</li> </ul>
	Đèn Báo <b>TẮT</b> Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe*	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT <sup>*1</sup>, sau đó tắt.</li> <li>Sáng lên khi bạn huỷ kích hoạt VSA.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li> <b>Bật và Tắt VSA</b> Tr. 337</li> </ul>
	Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT <sup>*1</sup>, và tắt đi khi động cơ khởi động.</li> <li>Sáng lên nếu có sự cố với hệ thống EPS (Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng liên tục hoặc không sáng</b> - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.   <b>Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) Sáng</b> Tr. 437</li> </ul>

\* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.







Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	<p>Loại xe Trung Đông và Đông Nam Á</p> <p>Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp/ Áp Suất Lốp Thấp</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT <sup>1</sup>, sau đó tắt.</li> <li>Có thể sáng lên một lúc khi bạn xoay khóa điện đến BẬT <sup>1</sup> và xe không di chuyển trong vòng 45 giây, để thông báo quá trình hiệu chỉnh vẫn chưa hoàn tất.</li> <li>Sáng lên và tiếp tục sáng khi: <ul style="list-style-type: none"> <li>Áp suất của một hoặc nhiều lốp xe được xác nhận là quá thấp.</li> <li>Hệ thống chưa được hiệu chỉnh.</li> </ul> </li> <li>Nhấp nháy khoảng một phút, sau đó tiếp tục sáng nếu có sự cố xảy ra với hệ thống cảnh báo xẹp lốp, hay khi lắp tạm thời lốp dự phòng loại nhỏ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng khi đang lái</b> - Dừng xe ở nơi an toàn, kiểm tra áp suất lốp xe và bơm (các) lốp xe nếu cần.</li> <li><b>Tiếp tục sáng cho đến khi lốp được bơm đến áp suất khuyến cáo</b> - Cần hiệu chỉnh hệ thống. <ul style="list-style-type: none"> <li> <b>Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp Tr .340</b></li> </ul> </li> <li><b>Nhấp nháy và tiếp tục nháy</b> - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Nếu xe vừa với lốp dự phòng loại nhỏ, hãy dùng tạm lốp đó và mang lốp bị hỏng đi vá hoặc thay ngay rồi lắp lại vào xe bạn càng sớm càng tốt.</li> </ul>

\* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

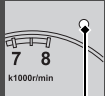


Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	<p>Loại xe Đài Loan</p> <p>Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/ TPMS</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT <b>II</b>, sau đó tắt.</li> <li>Có thể sáng lên một lúc khi bạn xoay khóa điện đến BẬT <b>II</b> và xe không di chuyển trong vòng 45 giây, để thông báo quá trình hiệu chỉnh vẫn chưa hoàn tất.</li> <li>Sáng lên và tiếp tục sáng khi:             <ul style="list-style-type: none"> <li>Áp suất của một hoặc nhiều lốp xe được xác nhận là quá thấp.</li> <li>Hệ thống chưa được hiệu chỉnh.</li> </ul> </li> <li>Nhấp nháy khoảng một phút, sau đó tiếp tục sáng nếu có sự cố xảy ra với TPMS, hay khi lắp tạm thời lốp dự phòng loại nhỏ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng khi đang lái</b> - Dừng xe ở nơi an toàn, kiểm tra áp suất lốp và bơm (các) lốp xe nếu cần.</li> <li><b>Tiếp tục sáng cho đến khi lốp được bơm đến áp suất khuyến cáo</b> - Cần hiệu chỉnh hệ thống.             <ul style="list-style-type: none"> <li>► <b>Hiệu Chỉnh TPMS</b> Tr. 338</li> </ul> </li> <li><b>Nhấp nháy và tiếp tục nháy</b> - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Nếu xe vừa với lốp dự phòng loại nhỏ, hãy dùng tạm lốp đó và mang lốp bị hỏng đi vá hoặc thay ngay rồi lắp lại vào xe bạn càng sớm càng tốt.</li> </ul>

►► Đèn Báo ►




Bảng Điều Khiển

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Xi Nhan và Cảnh Báo Nguy Hiểm	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đèn báo xi nhan nhấp nháy khi bạn vận hành cần xi nhan.</li> <li>Khi bạn ấn nút cảnh báo nguy hiểm, cả đèn báo cảnh báo nguy hiểm và tất cả các đèn xi nhan sẽ nhấp nháy cùng lúc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Không nhấp nháy hoặc nhấp nháy nhanh-</b> Một bóng đèn xi nhan đã cháy. Hãy thay bóng ngay lập tức.   Thay Bóng Đèn Tr. 386, 387, 388</li> </ul>
	Đèn Báo Chiếu Xa	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi bật các đèn chiếu xa.</li> </ul>	—
	Đèn Báo Đèn Chiếu Sáng Bật	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng mỗi khi công tắc đèn bật.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu bạn rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa hoặc để chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc TẮT MÁY (KHÓA) trong khi các đèn bên ngoài xe vẫn sáng, chuông sẽ kêu khi cửa người lái mở.</li> </ul>
	Đèn Báo Đèn Sương Mù Trước	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi bật đèn sương mù trước.</li> </ul>	—
	Đèn Báo Đèn Sương Mù Sau*	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi bật đèn sương mù sau.</li> </ul>	—









Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
<p>Loại A</p>  <p>Đèn Báo</p> <p>Loại B</p>  <p>Đèn Báo</p>	Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhấp nháy khi hệ thống cảnh báo an ninh được cài đặt.</li> </ul>	<p>► Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh Tr.137</p>
	Đèn Báo Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng trong vài giây khi bạn BẬT nguồn điện, sau đó tắt.</li> <li>Sáng lên ngay khi phát hiện có sự cố trong hệ thống truy cập từ xa hoặc hệ thống khởi động từ xa.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul>


\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng lên nhanh khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II<sup>*1</sup>, sau đó tắt.</li> <li>Nhấp nháy nếu hệ thống chống nổ máy không nhận dạng được thông tin chìa khóa.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Nhấp nháy</b> - Bạn không thể khởi động động cơ. Xoay khóa điện đến KHÓA 0<sup>*1</sup>, rút chìa khóa ra, sau đó cắm chìa khóa vào, xoay lại đến BẬT II<sup>*1</sup>.</li> <li><b>Nhấp nhiều lần</b> - Hệ thống có thể có sự cố. Hãy đưa xe đến đại lý kiểm tra.</li> <li>Không cố sửa hệ thống hoặc thêm bất kỳ thiết bị khác vào hệ thống. Sự cố điện có thể xảy ra.</li> </ul>
	Đèn Báo Chế Độ ECON*	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II<sup>*1</sup>, sau đó tắt.</li> <li>Sáng khi chế độ ECON được bật.</li> </ul>	 Nút ECON* Tr. 332
120 km/h	Đèn Cảnh Báo Tốc Độ*	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng lên khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II<sup>*1</sup>, sau đó tắt.</li> <li>Nhấp nháy khi tốc độ xe vượt quá 120 km/h. Âm thanh nhắc nhở vang lên một lần.</li> </ul>	Đèn báo này tiếp tục nhấp nháy khi bạn chạy xe với tốc độ xe trên 120 km/h.
ECO	Đèn Báo ECO*	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng trong khi động cơ đang hoạt động trong phạm vi tiết kiệm nhất của nó.</li> </ul>	—

\* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút ENGINE START/STOP thay cho khóa điện.

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo <b>CHẾ ĐỘ CHẠY ỔN ĐỊNH CHÍNH*</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng lên khi bạn ấn nút <b>CRUISE</b>.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>► <b>Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định*</b> Tr. 333</li> </ul>
	Đèn Báo <b>ĐIỀU KHIỂN CHẾ ĐỘ CHẠY ỔN ĐỊNH*</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng lên nếu bạn đặt tốc độ cho điều khiển chế độ chạy ổn định.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>► <b>Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định*</b> Tr. 333</li> </ul>
	Đèn Báo Yêu Cầu Bảo Dưỡng*	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng lên khi sắp đến lịch bảo dưỡng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>► <b>Nhắc Bảo Dưỡng*</b> Tr. 359</li> </ul>
	Đèn Báo Hệ Thống Khởi Động*	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi hệ thống khởi động có sự cố.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giải pháp tạm thời là ấn và giữ nút <b>ENGINE START/STOP</b> trong 15 giây đồng thời nhấn bàn đạp phanh và khởi động động cơ bằng tay. Đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul>
	Đèn Báo Quay Vô Lãng*	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng lên khi vô lăng được khoá.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quay vô lăng sang trái và phải đồng thời ấn nút <b>ENGINE START/STOP</b>.</li> </ul>
	Đèn Báo Sang Số Đổ*	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng lên nếu bạn ấn nút <b>ENGINE START/STOP</b> để tắt máy mà không gạt cần số sang <b>P</b>.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Gạt cần số sang <b>P</b>, sau đó ấn nút <b>ENGINE START/STOP 2</b> lần.</li> </ul>




\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Điều Khiển Đèn*	• Sáng lên nếu hệ thống điều khiển đèn có sự cố.	• <b>Sáng khi đang lái xe</b> - Bật đèn bằng tay và đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
		• Sáng lên nếu các đèn chiếu sáng có sự cố.	• <b>Sáng khi đang lái xe</b> - Đèn chiếu sáng có thể không bật. Khi các điều kiện cho phép bạn lái xe an toàn, hãy đưa xe đến đại lý kiểm tra càng sớm càng tốt..

Bảng Điều Khiển


## Cảnh Báo và Thông Báo Thông Tin Trên Màn Hình Hiển Thị Thông Tin\*

Các thông báo sau chỉ xuất hiện trên màn hình hiển thị thông tin.

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
<b>NOKEY</b>	• Xuất hiện khi bạn đóng cửa với chế độ nguồn ở BẬT và không có chìa khóa điều khiển từ xa bên trong xe.	• Thông báo biến mất nếu bạn mang chìa khóa điều khiển từ xa trở lại xe và đóng cửa.  <b>Bộ Nhớ Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa</b> Tr. 147
<b>KEY</b> 	• Xuất hiện khi pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu.	• Thay pin càng sớm càng tốt.  <b>Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa*</b> Tr. 407

# Đồng Hồ Đo và Màn Hình Hiển Thị

## Đồng Hồ Đo

Đồng hồ đo bao gồm đồng hồ đo tốc độ xe, đồng hồ đo tốc độ động cơ, đồng hồ đo nhiên liệu và các đèn báo liên quan. Chúng hiển thị khi khóa điện ở BẬT \*1.

### ■ Đồng Hồ Đo Tốc Độ Xe

Hiển thị tốc độ chạy xe bằng km/h.

### ■ Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu\*

Hiển thị lượng nhiên liệu còn trong bình chứa nhiên liệu.

### ■ Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ


Hiển thị số vòng quay động cơ vòng/phút.

\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### » Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu\*

#### CHÚ Ý


Bạn nên nạp nhiên liệu khi kim chỉ xăng chỉ đến . Hết nhiên liệu có thể làm cho động cơ không nổ, hư hỏng bộ trung hòa khí xả.

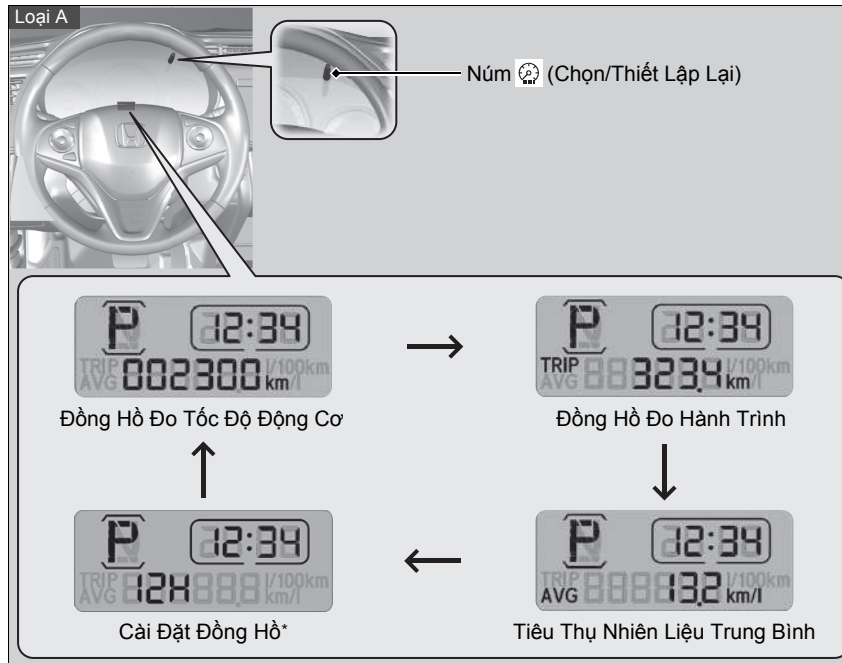
Lượng nhiên liệu còn lại trên thực tế có thể khác so với chỉ số trên đồng hồ đo.

## Màn Hình Hiển Thị Thông Tin

Màn hình hiển thị thông tin hiển thị đồng hồ đo quãng đường, đồng hồ đo hành trình và các đồng hồ đo khác.

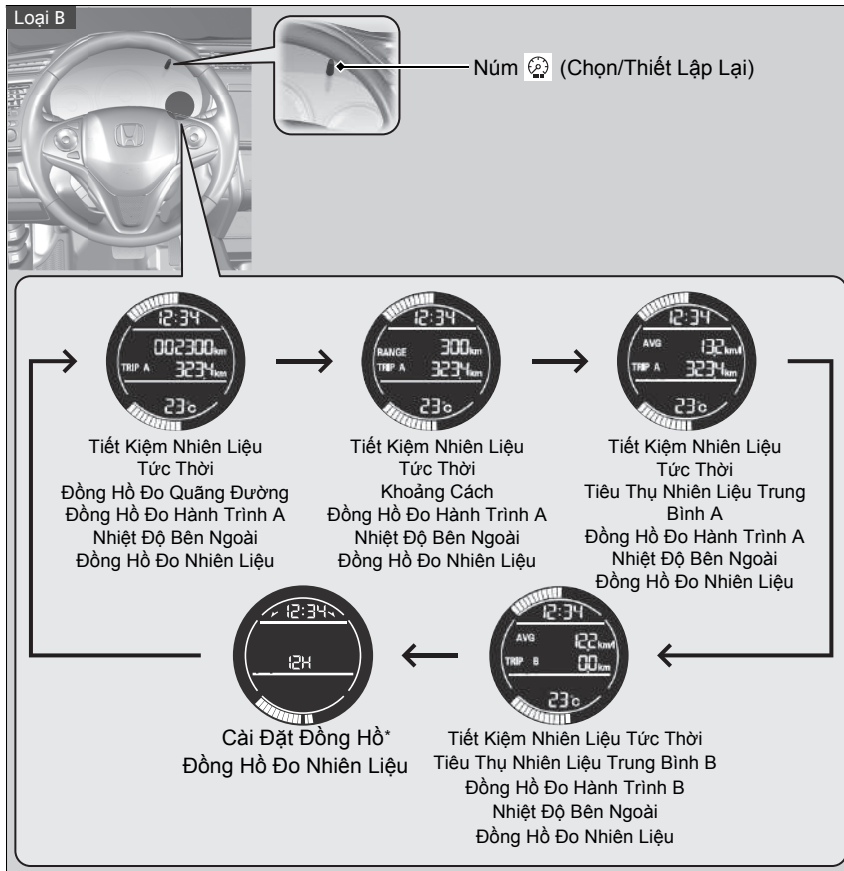
### Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

Ấn nút  (chọn/thiết lập lại) để thay đổi màn hình hiển thị.



### Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

#### Điều Chỉnh Đồng Hồ Tr. 110



\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

### ■ Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu\*

Hiển thị lượng nhiên liệu còn trong bình chứa nhiên liệu.

### ■ Đồng Hồ Đo Quãng Đường

Hiển thị tổng số km xe bạn đi được.

### ■ Đồng Hồ Đo Hành Trình


#### Loại A

Hiển thị tổng số km xe bạn đi được kể từ lần cài đặt trước.

#### Loại B

Hiển thị tổng số km xe bạn đi được kể từ lần cài đặt trước. Đồng hồ A và B có thể được sử dụng để đo hai hành trình riêng biệt.

### ■ Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình


Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình, hiển thị nó, sau đó ấn và giữ nút .  
Đồng hồ đo được cài đặt lại từ 0.0.

### ■ Đồng Hồ Đo Lượng Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời\*

Chỉ lượng tiêu thụ nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ dạng cột l/100 km hoặc km/l.

### » Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu\*

#### CHÚ Ý


Bạn nên nạp nhiên liệu khi kim chỉ xăng chỉ đến .

Hết nhiên liệu có thể làm cho động cơ không nổ, hư hỏng bộ trung hòa khí xả.

Lượng nhiên liệu còn lại trên thực tế có thể khác so với chỉ số trên đồng hồ đo.

### » Đồng Hồ Đo Hành Trình

#### Loại B

Chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B bằng cách ấn nút .



## ■ Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình

### Loại A

Hiển thị mức tiêu thụ nhiên liệu được ước tính cho mỗi hành trình bằng l/100 km hoặc km/l. Màn hình hiển thị được cập nhật ở những lần cài đặt khác nhau. Khi đồng hồ đo hành trình cài đặt lại thì đồng hồ tiêu thụ nhiên liệu trung bình cũng được cài đặt lại.

### Loại B

Hiển thị mức tiêu thụ nhiên liệu được ước tính cho mỗi hành trình bằng l/100 km hoặc km/l. Màn hình hiển thị được cập nhật ở những lần cài đặt khác nhau. Khi đồng hồ đo hành trình cài đặt lại thì đồng hồ tiêu thụ nhiên liệu trung bình cũng được cài đặt lại.

## ■ Khoảng Cách\*

Cho biết khoảng cách ước tính xe còn đi được với lượng nhiên liệu còn lại. Khoảng cách này được dự tính dựa vào mức tiêu thụ nhiên liệu của các hành trình trước.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ■ Nhiệt Độ Bên Ngoài\*



Hiển thị nhiệt độ bên ngoài bằng đơn vị độ C.

Nếu nhiệt độ bên ngoài dưới 3°C tại thời điểm bạn xoay khóa điện đến BẬT

**II**\*<sup>1</sup>, đèn báo nhiệt độ bên ngoài nhấp nháy khoảng 10 giây.

### ■ Điều chỉnh hiển thị nhiệt độ bên ngoài

Điều chỉnh số đo nhiệt độ lên xuống  $\pm 3^{\circ}\text{C}$  nếu nhiệt độ không chính xác.

1. Xoay khóa điện đến BẬT **II**\*<sup>1</sup>.
2. Ấn và giữ nút  trong ít nhất 10 giây.
  - Thứ tự sau đây sẽ xuất hiện trong một giây mỗi số: 0, 1, 2, 3, -3, -2, -1, 0
3. Khi đạt được nhiệt độ mong muốn, thả nút .
- Nhiệt độ bên ngoài mới được nhập.

## ►► Nhiệt Độ Bên Ngoài\*

Cảm biến nhiệt độ nằm ở tấm cản trước. Nhiệt độ từ mặt đường và khí xả của xe khác có thể làm ảnh hưởng tới số đo nhiệt độ khi tốc độ xe bạn thấp hơn 30 km/h.

Có thể mất vài phút để cập nhật màn hình sau khi nhiệt độ đã ổn định.

\* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

# Điều Khiển



Chương này mô tả cách điều khiển các vận hành khác nhau cần thiết khi lái xe.

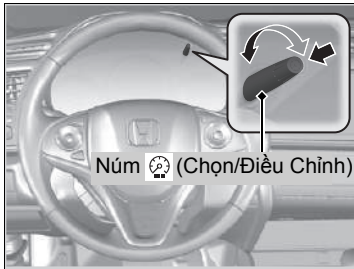
<b>Đồng Hồ</b> .....	110	<b>Mở và Đóng Cửa Kính</b> .....	141	<b>Điều Chỉnh Ghế Ngồi</b>	
<b>Khóa và Mở Khóa Cửa</b>		<b>Vận Hành Các Công Tác Quanh Vô lăng</b>		Ghế Trước .....	164
Loại Chìa Khóa và Chức Năng .....	112	Khóa Điện* .....	144	Ghế Sau.....	170
Tín Hiệu Chìa Khóa Điều Khiển Từ		Nút ENGINE START/STOP*.....	145	Tựa Tay*.....	171
Xa Yếu*.....	114	Xi Nhan .....	149	<b>Đèn Trong Xe/Các Hạng Mục Tiện Ích</b>	
Khoá/Mở Khoá Cửa từ Bên Ngoài.....	115	Công Tác Đèn.....	150	<b>Trong Xe</b>	
Khoá/Mở Khoá Cửa từ Bên Trong.....	121	Đèn Sương Mù*.....	153	Đèn Trong Xe .....	172
Khoá Phòng Ngừa Trẻ Em .....	123	Bộ Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng* .....	156	Các Hạng Mục Tiện Ích Trong Xe .....	174
Khoá/Mở Khoá Cửa Tự Động* .....	124	Cần Gạt Nước và Bộ Rửa Kính.....	157	<b>Sưởi* và Làm Mát*</b>	
Tuỳ Chọn Cài Đặt Khoá/Mở Khoá Cửa		Điều Khiển Chiếu Sáng .....	158	Sử Dụng Thông Gió, Sưởi* và A/C .....	179
Tự Động * .....	125	Nút/Biểu Tượng Sấy Phía Sau .....	159	<b>Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu*</b>	
<b>Mở và Đóng Nắp Khoang Hành Lý</b> .....	133	Điều Chỉnh Vô-Lăng.....	160	Sử Dụng Điều Khiển Khí Hậu Tự	
<b>Hệ Thống An Ninh</b>		<b>Điều Chỉnh Gương</b>		Động .....	183
Hệ Thống Chống Nổ Máy .....	136	Gương Chiếu Hậu Trong Xe.....	161	Cảm Biến Điều Khiển Khí Hậu Tự Động....	188
Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh .....	137	Gương Cửa Điện .....	162		





# Đồng Hồ

## Điều Chỉnh Đồng Hồ

Loại xe không có hệ thống Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

Bạn có thể điều chỉnh thời gian hiện trên màn hình hiển thị đồng hồ bằng nút  (Chọn/Thiết Lập Lại) khi khóa điện ở BẬT \*1.



1. Ấn  liên tục cho đến khi màn hình hiển thị thời gian bắt đầu nhấp nháy.
2. Ấn và giữ  để thay đổi cài đặt giữa 12h và 24h, hoặc để tắt đồng hồ.
3. Xoay  để điều chỉnh phút. Khi bạn tăng hoặc giảm phút, giờ cũng sẽ tiến hoặc lùi.
4. Ấn  để hoàn thành điều chỉnh đồng hồ.

Loại A

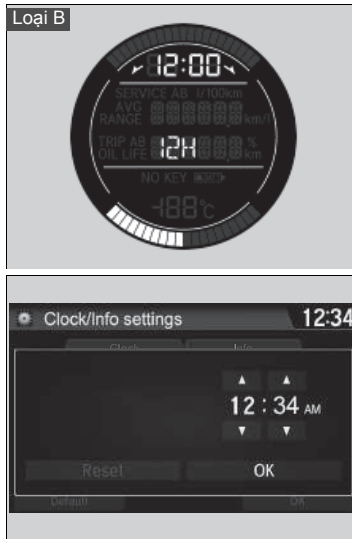


\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

## »Điều Chỉnh Đồng Hồ

Loại Xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

Bạn không thể điều chỉnh thời gian trên màn hình hiển thị đồng hồ. Màn hình hiển thị đồng hồ sẽ tự động thay đổi khi bạn điều chỉnh màn hình hiển thị đồng hồ hệ thống âm thanh.



Loại xe không có hệ thống Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

1. Chọn **Settings**.
2. Chọn **Clock/Info**.
3. Chọn **Clock Adjustment**.
4. Chọn  hoặc  để thay đổi giờ
5. Chọn  hoặc  để thay đổi phút.  
chọn **OK**.

#### » Điều Chỉnh Đồng Hồ

Loại xe không có hệ thống Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

Bạn có thể tùy chọn hiển thị đồng hồ để hiển thị đồng hồ 12 tiếng hoặc 24 tiếng.

► **Tính Năng Tùy Chọn\*** Tr. 250

Bạn có thể bật và tắt màn hình hiển thị đồng hồ.

► **Tính Năng Tùy Chọn\*** Tr. 250

Đồng hồ sẽ tự động cập nhật khi điện thoại thông minh được kết nối với hệ thống âm thanh.

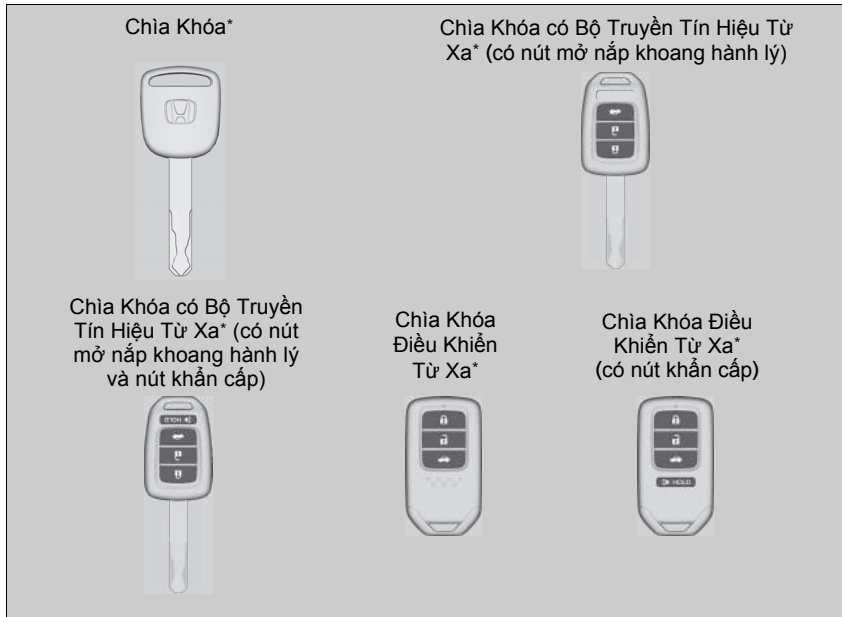
\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

# Khoá và Mở Khóa Cửa

## Loại Khóa và Chức Năng

Xe này có những chìa khoá sau:

### Chìa Khóa



Sử dụng chìa khóa để khởi động, dừng động cơ và để khóa, mở khóa các cửa, mở khoang hành lý. Bạn cũng có thể sử dụng bộ truyền tín hiệu từ xa để khóa và mở khóa tất cả các cửa và mở khoang hành lý.

### Loại Khóa và Chức Năng

Tất cả các chìa khóa đều có một hệ thống chống nỏ máy. Hệ thống chống nỏ máy giúp bảo vệ xe khỏi bị trộm cắp.

#### ☑ Hệ Thống Chống Nỏ Máy Tr. 136

Làm theo lời khuyên sau đây để tránh làm hư hỏng chìa khóa:

- Không để chìa khóa dưới ánh sáng mặt trời trực tiếp, hoặc những nơi có nhiệt độ hoặc độ ẩm cao.
- Không làm rơi chìa khóa hoặc đặt vật nặng lên nó.
- Để chìa khóa xa các chất lỏng, bụi bẩn hoặc cát.
- Không tháo rời các bộ phận chìa khóa ra, ngoại trừ khi thay pin.

Nếu mạch trong chìa khóa bị hư hỏng, động cơ có thể không khởi động được và bộ truyền tín hiệu từ xa có thể không hoạt động.

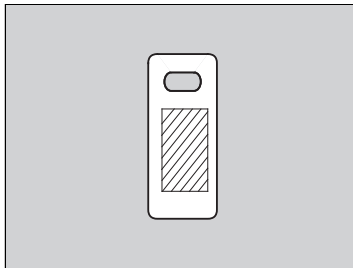
Nếu chìa khóa không hoạt động tốt, đem chìa khóa đến đại lý để kiểm tra.

### ■ Chìa Khóa Tích Hợp\*



Có thể sử dụng chìa khoá tích hợp để khoá/mở khoá các cửa khi pin chìa khoá điều khiển từ xa yếu và không thể khoá/mở khoá cửa điện.  
Để tháo chìa khoá tích hợp, trượt núm nhả, sau đó kéo chìa khoá ra. Để lắp lại, đẩy chìa khoá tích hợp vào trong chìa khoá điều khiển từ xa cho đến khi nghe thấy tiếng tách.

### ■ Nhãn Mã Số Chìa Khóa



Chứa mã số mà bạn sẽ cần nếu bạn mua một cái thay thế.

### ▣ Nhãn Mã Số Chìa Khóa

Để nhãn mã số chìa khoá tách biệt với chìa khoá tại một nơi an toàn bên ngoài xe.  
Nếu bạn muốn mua thêm một chìa khoá nữa, hãy liên hệ với đại lý.

Nếu bạn mất chìa khoá và bạn không thể khởi động động cơ, hãy liên hệ với đại lý.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Tín Hiệu Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu\*

Xe truyền tín hiệu sóng radio để định vị chìa khóa điều khiển từ xa khi khóa/mở khóa cửa và khoang hành lý, cửa nạp nhiên liệu hoặc để khởi động động cơ.

Trong các trường hợp sau, khóa/mở khóa cửa và khoang hành lý hoặc khởi động động cơ có thể bị hạn chế hoặc vận hành không ổn định:

- Có một thiết bị gần đó đang phát sóng radio mạnh.
- Bạn đang mang theo chìa khóa điều khiển từ xa cùng với các thiết bị như: máy tính xách tay, điện thoại di động, hoặc các thiết bị không dây.
- Một vật bằng kim loại đang chạm hoặc phủ lên chìa khóa điều khiển từ xa.

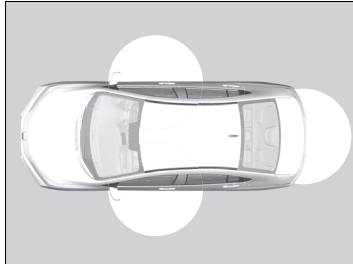
### ►►Tín Hiệu Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu\*

Liên lạc giữa chìa khóa điều khiển từ xa và xe sẽ tiêu thụ pin của chìa khóa điều khiển từ xa. Tuổi thọ pin được khoảng hai năm, nhưng có thể thay đổi tùy thuộc vào cường độ sử dụng. Pin tiêu thụ điện mỗi khi chìa khóa điều khiển từ xa nhận được sóng radio. Tránh đặt cạnh các thiết bị điện tử như ti vi và máy tính cá nhân.



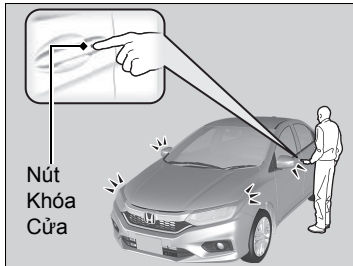
## Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài

### ■ Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa\*



Khi mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn có thể khóa/mở khóa các cửa, cửa nạp nhiên liệu và mở nắp khoang hành lý.

Bạn có thể khóa/mở khóa cửa trong bán kính 80 cm tính từ tay nắm bên ngoài cửa. Bạn có thể mở nắp khoang hành lý trong bán kính 80 cm tính từ nút mở nắp khoang hành lý.



### ■ Khóa cửa

**Ngoại trừ loại xe Mexico**

Ấn nút khóa cửa trên cửa trước.

- Một số đèn bên ngoài nhấp nháy ba lần; tiếng bíp vang lên; tất cả các cửa và nắp khoang hành lý khoá lại; và hệ thống an ninh được kích hoạt.

**Loại xe Mêxicô**

Ấn nút khóa cửa trên cửa trước.

- Một số đèn bên ngoài nhấp nháy một lần; tiếng bíp vang lên; tất cả các cửa và nắp khoang hành lý khoá lại; và hệ thống an ninh được kích hoạt.

### ►► Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài

Nếu công tắc đèn trong xe ở cửa ở vị trí kích hoạt, đèn trong xe sẽ sáng khi bạn ấn nút mở khóa cửa. Không cửa nào mở: Đèn tắt dần sau 30 giây. Các cửa bị khóa lại bằng chìa khóa điều khiển từ xa: Đèn tắt ngay lập tức.

► Đèn Trong Xe Tr. 172

### ►► Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa\*

Nếu bạn không mở cửa trong vòng 30 giây sau khi mở khóa xe bằng chìa, các cửa sẽ tự động khóa lại.

Bạn chỉ có thể khóa hoặc mở khóa cửa bằng hệ thống truy cập từ xa khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY (KHÓA).

- Không để chìa khóa điều khiển từ xa trong xe khi bạn ra khỏi xe. Hãy mang theo bên mình.
- Thậm chí nếu bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn có thể khoá/mở khóa các cửa và khoang hành lý khi ai đó cầm chìa khóa điều khiển từ xa nằm trong phạm vi cho phép.
- Nếu bạn đeo găng tay và nắm vào tay nắm cửa trước, cảm biến cửa có thể phản ứng chậm hoặc không phản ứng khi mở khóa cửa.
- Có thể không mở được khóa cửa nếu tay nắm cửa bị dính nước khi trời mưa to hoặc khi rửa xe nếu chìa khóa điều khiển từ xa nằm trong phạm vi quy định.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



### ■ Mở khóa cửa

Ngoại trừ loại xe Mexico

Nắm tay nắm cửa người lái:

- Tất cả các cửa và khoang hành lý mở.
- Một số đèn bên ngoài nhấp nháy 1 lần và tiếng bíp vang lên.

Loại xe Mexico

Nắm tay nắm cửa người lái:

- Cửa người lái mở khóa.
- Một số đèn bên ngoài và đèn báo nhấp nháy hai lần; tiếng bíp vang lên.

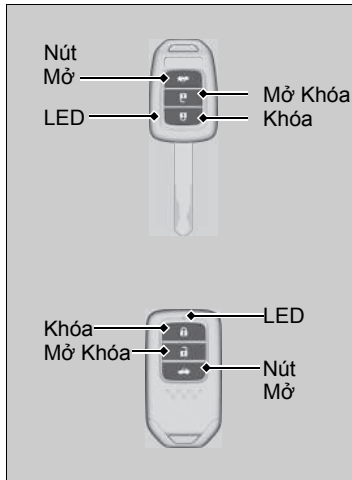
Nắm tay nắm cửa hành khách phía trước:

- Tất cả các cửa mở khóa.
- Một số đèn bên ngoài và đèn báo nhấp nháy hai lần, tiếng bíp vang lên.

### »» Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa\*

- Sau khi khoá cửa, chờ 2 giây, sau đó kéo tay nắm cửa để kiểm tra xem cửa khoá chưa. Nếu bạn muốn mở khóa ngay sau khi khoá cửa, phải đợi ít nhất hai giây trước khi cầm tay nắm cửa, nếu không sẽ thể mở khóa cửa.
- Cửa có thể không mở nếu bạn kéo nó ngay sau khi nắm tay nắm cửa. Nắm lại tay nắm và chắc chắn rằng cửa đã mở khóa trước khi kéo tay nắm.
- Thậm chí trong bán kính 80 cm, bạn không thể khoá/mở khoá cửa và khoang hành lý bằng chìa khóa điều khiển từ xa nếu để nó trên hoặc dưới tay nắm cửa bên ngoài.
- Chìa khóa điều khiển từ xa có thể không hoạt động nếu nó ở quá gần cửa hoặc cửa kính.

## ■ Sử Dụng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa\*



### ■ Khóa cửa

Ấn nút khóa.

**Ngoại trừ loại xe Mexico**

- Một số đèn bên ngoài nhấp nháy ba lần, tất cả các cửa được khóa và hệ thống an ninh được thiết lập.

**Loại xe Mexico**

### Một lần:

- Một số đèn bên ngoài nhấp nháy một lần, tất cả các cửa khóa và hệ thống an ninh được thiết lập.

### Hai lần (trong vòng năm giây sau lần ấn thứ nhất)

- Tiếng bíp vang lên và xác nhận hệ thống an ninh được thiết lập.

## » Sử Dụng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa\*

Nếu bạn không mở cửa trong vòng 30 giây sau khi mở khóa xe bằng bộ truyền tín hiệu từ xa, các cửa sẽ tự động khóa lại.

**Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa**

Bộ truyền tín hiệu từ xa sẽ không hoạt động khi chìa khóa ở trong ổ khóa điện.

**Loại xe có hệ thống truy cập từ xa**

Bạn chỉ có thể khóa hoặc mở khóa cửa bằng bộ truyền tín hiệu từ xa khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY (KHÓA).

**Tất cả các loại xe**

Bộ truyền tín hiệu từ xa sử dụng tín hiệu điện thấp nên phạm vi vận hành có thể khác nhau tùy thuộc môi trường xung quanh.

Chìa khóa điều khiển từ xa sẽ không thể khóa xe khi một cửa đang mở.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### ■ Mở khóa cửa

Ấn nút mở khóa.

Ngoại trừ loại xe Mexico

- Một số đèn nhấp nháy một lần và tất cả các cửa mở khóa.

Loại xe Mexico

#### Một lần:

- Một số đèn bên ngoài nhấp nháy hai lần và cửa người lái mở khóa.

#### Hai lần:

- Các cửa còn lại mở khóa.

Điều Khiển

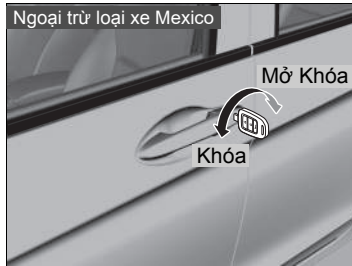
### »» Sử Dụng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa\*

Nếu ở khoảng cách hoạt động của bộ truyền tín hiệu từ xa hay bị thay đổi, có thể pin bị yếu. Thay pin càng sớm càng tốt khi gặp hiện tượng này. Nếu đèn LED không sáng khi bạn ấn nút, pin bị hết điện.

► Thay Pin Tr. 406

## ■ Khoá/Mở Khoá Cửa Bằng Chìa Khóa

Nếu pin chìa khóa điều khiển từ xa hoặc ắc quy của xe hết điện, dùng chìa khóa để thay thế cho chìa khóa điều khiển từ xa.



Cắm hoàn toàn chìa khoá vào ổ và xoay nó.

## » Khoá/Mở Khoá Cửa Bằng Chìa Khóa

### Ngoại trừ loại xe Mexico

Khi bạn khoá/mở khoá cửa người lái bằng chìa khóa, tất cả các cửa khác khoá/mở khoá cùng một lúc.

### Loại xe Mexico

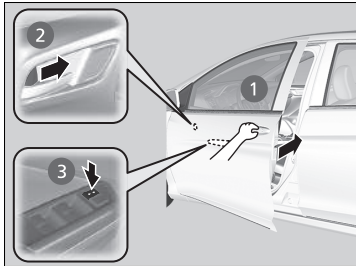
Khi bạn khóa cửa phía người lái bằng chìa khóa, tất cả các cửa khác khóa cùng một lúc. Khi mở khóa, cửa phía người lái sẽ mở khóa đầu tiên. Xoay chìa khóa lần thứ hai trong vài giây không làm mở khóa các cửa còn lại.

### Loại xe Malaysia, Philipin, Đài Loan và Việt Nam

Mở khóa các cửa bằng chìa khóa sẽ làm cho hệ thống an ninh phát cảnh báo. Luôn mở khóa cửa bằng bộ truyền tín hiệu từ xa.

### ■ Khoá Cửa Không Sử Dụng Chìa Khóa

Nếu bạn không mang theo chìa khóa hoặc nếu vì lý do nào đó bạn không thể khóa cửa bằng chìa khóa, bạn vẫn có thể khóa cửa mà không cần dùng đến chìa khóa.



#### ■ Khoá cửa phía người lái

Đẩy tay khóa về phía trước ① hoặc đẩy công tắc khóa cửa chính theo hướng khóa ②, sau đó kéo và giữ tay nắm cửa bên ngoài ③. Đóng cửa, sau đó thả tay nắm ra.

#### ■ Khoá cửa phía hành khách

Đẩy tay khóa về phía trước và đóng cửa.

### ■ Hệ thống chống khóa cửa

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

Không thể khóa các cửa khi chìa khóa ở trong ổ khóa điện.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Không thể khoá các cửa khi chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe.

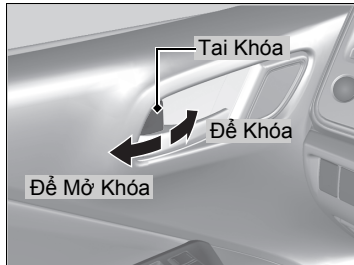
### ►► Khoá Cửa Không Sử Dụng Chìa Khóa

Khi bạn khoá cửa người lái, tất cả các cửa khác khóa cùng một lúc.

Trước khi khóa cửa, đảm bảo chìa khóa không ở trong xe.

## Khoá/Mở Khoá Cửa Từ Bên Trong

### ■ Sử Dụng Tai Khóa



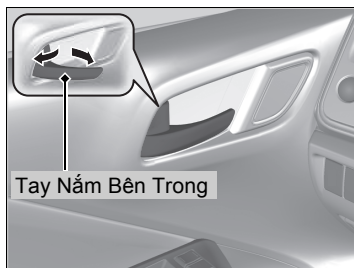
#### ■ Khoá cửa

Đẩy tai khóa lên phía trước.

#### ■ Mở khoá cửa

Kéo tai khóa về phía sau.

### ■ Mở Khóa Bằng Tay Nắm Bên Trong Cửa Trước



Loại xe Mỹ La Tinh, Chile và Mexico

Kéo tay nắm bên trong cửa phía người lái.

- Cửa được mở khóa và mở cùng một lúc.

Ngoại trừ loại xe Mỹ La-tinh, Chile và Mexico

Kéo tay nắm bên trong cửa phía người lái.

- Cửa được mở khóa và mở cùng một lúc.

### ►► Sử Dụng Tai Khóa

Ngoại trừ loại xe Mexico

Khi bạn khoá/mở khóa cửa bằng tai khoá trên cửa phía người lái, tất cả các cửa khác cũng khóa/mở khóa cùng lúc.

Loại xe Mexico

Khi bạn khoá cửa bằng tai khoá trên cửa phía người lái, tất cả các cửa khác cũng khóa cùng lúc. Khi bạn mở khóa cửa bằng tai khoá trên cửa phía người lái, chỉ có cửa người lái mở khóa.

### ►► Mở Khóa Bằng Tay Nắm Bên Trong Cửa Trước

Loại xe Mỹ La-tinh, Chile và Mexico

Tay nắm bên trong cửa trước được thiết kế cho phép người ngồi ở ghế trước mở cửa với một động tác. Tuy nhiên, tính năng này yêu cầu người ngồi ở ghế trước không được phép kéo tay nắm bên trong cửa trước khi xe đang di chuyển.

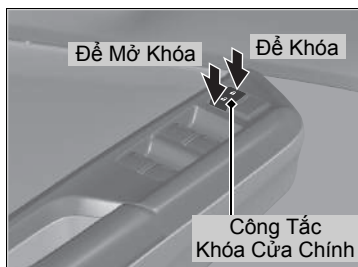
Ngoại trừ loại xe Mỹ La-tinh, Chile và Mexico

Tay nắm bên trong cửa người lái được thiết kế cho phép người lái mở cửa với một động tác. Tuy nhiên tính năng này yêu cầu người lái không được phép kéo tay nắm bên trong cửa khi xe đang di chuyển.

Trẻ em luôn phải ngồi ghế sau có khóa phòng ngừa trẻ em.

► **Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em** Tr. 123

### ■ Sử Dụng Công Tắc Khóa Cửa Chính\*



Ấn công tắc khóa cửa chính như mô tả để khoá và mở khóa tất cả các cửa

### ☒ Sử Dụng Công Tắc Khóa Cửa Chính\*

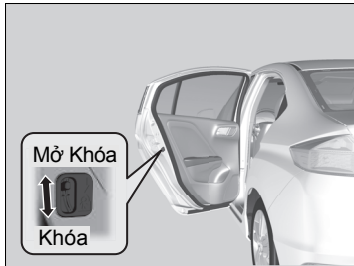
Khi bạn khóa/mở khóa cửa người lái bằng công tắc khóa cửa chính, tất cả các cửa khác khóa/mở khóa cùng một lúc.



## Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em

Khóa phòng ngừa trẻ em ngăn không cho các cửa phía sau bị mở từ bên trong bất kể vị trí của tai khóa ở đâu.

### ■ Cài Đặt Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em



Trượt lẫy ở cửa sau đến vị trí khóa và đóng cửa.

### ■ Khi mở cửa

Mở cửa bằng tay nắm bên ngoài cửa.

### ☒ Khoá Phòng Ngừa Trẻ Em

Để mở cửa từ bên trong khi khóa phòng ngừa trẻ em bật, gạt tai khóa đến vị trí mở khóa, hạ kính cửa sau, thò tay ra bên ngoài cửa sổ, và kéo tay nắm bên ngoài cửa.

## Khoá/Mở Khoá Cửa Tự Động\*

Xe của bạn tự động khoá/mở khoá tất cả các cửa khi đáp ứng một số điều kiện nhất định.

### ■ Khoá Cửa Tự Động

#### ■ Chế độ khoá khi lái xe

Tất cả các cửa khoá khi tốc độ xe đạt 15 km/h.

### ■ Mở Khóa Cửa Tự Động

Loại xe Mexico

#### ■ Chế độ mở cửa phía người lái

Tất cả các cửa mở khoá khi cửa người lái mở.

Loại xe Philipin có khoá/mở khoá cửa tự động

#### ■ Chế độ mở khoá khi đỗ xe

Tất cả các cửa mở khoá khi cần số được di chuyển đến **P** với bàn đạp phanh được nhấn.

### ►►Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động\*

Bạn có thể tắt hoặc chuyển sang cài đặt khoá/mở khoá cửa tự động khác bằng cách sử dụng công tắc khoá cửa chính.

► **Tùy Chọn Cài Đặt Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động\*** Tr. 125

## Tùy Chọn Cài Đặt Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động\*

Bạn có thể tùy chọn cài đặt khóa/mở khóa cửa tự động theo ý muốn sử dụng công tắc khóa cửa chính.

### Danh sách các Tùy Chọn Cài Đặt Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động

Loại xe Mexico

#### ■ Khóa cửa tự động

Chế Độ	Mô Tả
Drive Lock Mode <sup>*1</sup> (Chế Độ Khóa Khi Lái Xe <sup>*1</sup> )	Tắt cả các cửa khóa khi tốc độ xe đạt 15 km/h.
Off (Tắt)	Mở khóa cửa tự động ngừng kích hoạt mọi lúc.

#### ■ Mở khóa cửa tự động

Chế Độ	Mô Tả
Driver's Door Open Unlock Mode <sup>*1</sup> (Chế Độ Mở Khóa Khi Đỗ Xe <sup>*1</sup> )	Tắt cả các cửa mở khóa khi cửa người lái mở.
Loại xe có hộp số vô cấp Park Unlock Mode (Chế Độ Mở Khóa Khi Đỗ Xe)	Tắt cả các cửa mở khóa khi cần số ở <b>P</b> và nhấn bàn đạp phanh.
Off (Tắt)	Mở khóa cửa tự động ngừng kích hoạt mọi lúc.

\*1: Cài đặt mặc định

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe Philipin có khóa/mở khóa cửa tự động

■ **Khoá cửa tự động**

Chế Độ	Mô Tả
Drive Lock Mode* <sup>1</sup> (Chế Độ Khóa Khi Lái Xe* <sup>1</sup> )	Tắt cả các cửa khóa khi tốc độ xe đạt 15
Park Lock Mode (Chế Độ Khóa Khi Đỗ Xe)	Tắt cả các cửa khóa khi nhấn bàn đạp phanh và gạt cần số ra khỏi <b>P</b> .
Off (Tắt)	Mở khóa cửa tự động ngừng kích hoạt mọi lúc.

■ **Mở khóa cửa tự động**

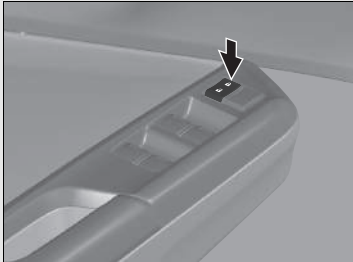
Chế Độ	Mô Tả
Park Unlock Mode* <sup>1</sup> (Chế Độ Mở Khóa Khi Đỗ Xe* <sup>1</sup> )	Tắt cả các cửa mở khóa khi cần số ở <b>P</b> và nhấn bàn đạp phanh.
Ignition Switch Unlock Mode (Chế Độ Mở Khóa Khi Xoay Khoá Điện)	Tắt cả các cửa mở khóa khi xoay khóa điện ra khỏi vị trí BẬT <b>II</b> .
Off (Tắt)	Mở khóa cửa tự động ngừng kích hoạt mọi lúc.

\*1: Cài đặt mặc định

Điều Khiển

## ■ Các Bước Tùy Chọn Để Khoá Cửa Tự Động

Loại xe Mexico

Bước	Chế Độ Khóa Khi Lái Xe*1	Tắt
1	Gài phanh đố. Loại xe có hộp số vô cấp Gạt cần số đến <b>P</b> .	
2	Đóng cửa phía người lái.	Mở cửa phía người lái.
3	Xoay khoá điện đến BẬT <b>II</b> *2.	
4	Loại xe có hộp số vô cấp Gạt cần số ra khỏi <b>P</b> và nhấn bàn đạp phanh.	—
5	Ấn và giữ phía trước của công tắc khóa cửa chính trên cửa người lái trong hơn năm giây. Nghe công tắc sau khi nghe thấy hai tiếng tách. 	Ấn và giữ phía trước của công tắc khóa cửa chính trên cửa phía người lái trong hơn năm giây. Nghe công tắc sau khi nghe thấy một tiếng tách.

\*1:Cài đặt mặc định

\*2: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.


►►Khóa và Mở Khóa Cửa►Tùy Chọn Cài Đặt Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động\*

Bước	Chế Độ Khoá Khi Đỗ Xe*1	Tắt
6	Loại xe có hộp số vô cấp Gạt cần số đến <b>P</b> .	—
7	Xoay khóa điện đến <b>TẮT</b> *2 trong vòng 20 giây. ► Hoàn thành tùy chọn.	

\*1: Cài đặt mặc định

\*2: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Loại xe Philipin có khóa/mở khóa cửa tự động

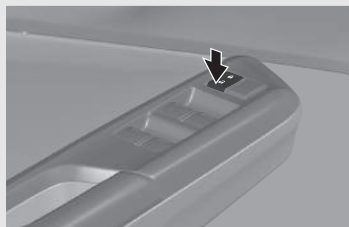
Bước	Chế Độ Khoá Khi Lái Xe*1	Chế Độ Khoá Khi Đỗ Xe	Tắt
1	Gài phanh đỗ. Gạt cần số đến <b>P</b> .		
2	Đóng cửa phía người lái		Mở cửa phía người lái.
3	Xoay khoá điện đến <b>BẬT II</b> .		
4	Gạt cần số ra khỏi <b>P</b> và nhấn bàn đạp phanh.	—	—
5	<p>Ấn và giữ phía trước của công tắc khóa cửa chính trên cửa người lái trong hơn năm giây. Nhả công tắc sau khi nghe thấy hai tiếng tách.</p> 		<p>Ấn và giữ phía trước của công tắc khóa cửa chính trên cửa người lái trong hơn năm giây. Nhả công tắc sau khi nghe thấy hai tiếng tách.</p>
6	Gạt cần số đến <b>P</b> .	—	—
7	Xoay khoá điện đến <b>TẮT</b> trong vòng 20 giây. ► Hoàn thành tùy chọn.		

\*1: Cài đặt mặc định

## Các Bước Tùy Chọn Để Mở Khóa Cửa Tự Động

Loại xeMexico

Bước	Chế Độ Mở Cửa Phía Người Lái*1	Loại xe có hộp số vô cấp Chế Độ Mở Khóa Khi Đỗ Xe	Tắt
1	Gài phanh đỗ. Loại xe có hộp số vô cấp Gạt cần số đến <b>P</b> .	Gài phanh đỗ. Gạt cần số đến <b>P</b> .	Gài phanh đỗ. Loại xe có hộp số vô cấp Gạt cần số đến <b>P</b> .
2	Đóng cửa phía người lái.		Mở cửa phía người lái.
3	Xoay khoá điện đến <b>BẬT</b> <b>II</b> *2.		
4	Loại xe có hộp số vô cấp Gạt cần số ra khỏi <b>P</b> trong khi nhấn bàn đạp phanh.	—	—
5	Ấn và giữ phía sau của công tắc khóa cửa chính trên cửa người lái trong hơn năm giây. Bạn sẽ nghe thấy hai tiếng tách.		



\*1: Cài đặt mặc định

\*2: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

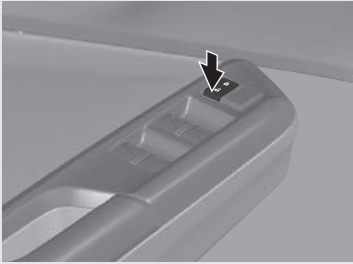


Bước	Chế Độ Mở Cửa Phía Người Lái*1	Chế Độ Mở Khoá Khi Đỗ Xe	Tắt
6	Gạt cần số đến <b>P</b> .	—	—
7	Xoay khóa điện đến <b>TẮT</b> *2 trong vòng 20 giây. ► Hoàn thành tùy chọn.		

\*1: Cài đặt mặc định

\*2: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Loại xe Philipin có khóa/mở khóa cửa tự động

Bước	Chế Độ Mở Khóa Khi Đỗ Xe* <sup>1</sup>	Chế Độ Mở Khoá Khi Xoay Khoá Điện	Tắt
1	Gài phanh đỗ. Gạt cần số đến <b>P</b> .		
2	Đóng cửa phía người lái.		Mở cửa phía người lái.
3	Xoay khoá điện đến <b>BẬT II</b> .		
4	—	Gạt cần số ra khỏi <b>P</b> và nhấn bàn đạp phanh.	—
5	<p>Ấn và giữ phía sau của công tắc khóa cửa chính trên cửa người lái trong hơn năm giây. Bạn sẽ nghe thấy hai tiếng tách.</p> 		
6	—	Gạt cần số đến <b>P</b> .	—
7	<p>Xoay khóa điện đến <b>TẮT</b> trong vòng 20 giây. ► Hoàn thành tùy chọn.</p>		

\*1: Cài đặt mặc định

## Mở và Đóng Nắp Khoang Hành Lý

### Lưu Ý Khi Mở/Đóng Nắp Khoang Hành Lý

#### ■ Mở nắp khoang hành lý

Mở hết cỡ nắp khoang hành lý.

- ▶ Nếu nắp khoang hành lý không mở hết, nó sẽ tự đóng lại bởi trọng lượng của nó.

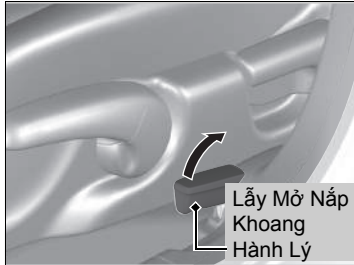
#### ■ Đóng nắp khoang hành lý

Giữ cho nắp khoang hành lý đóng khi lái xe để:

- ▶ Tránh hư hỏng có thể xảy ra.
- ▶ Ngăn không cho khí xả rò rỉ vào xe.

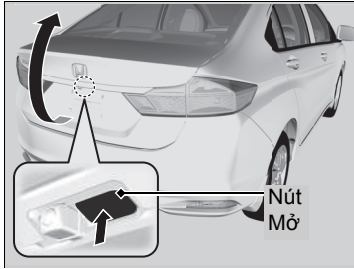
☒ **Khí Xả Nguy Hiểm** Tr. 86

### Sử Dụng Lẫy Mở Nắp Khoang Hành Lý



Kéo lẫy mở nắp khoang hành lý ở bên ngoài ghế người lái để mở khóa và mở nắp khoang hành lý.

## Sử Dụng Nút Mở Nắp Khoang Hành Lý\*



Đẩy nút trên nắp khoang hành lý lên sau khi các cửa được mở khóa.

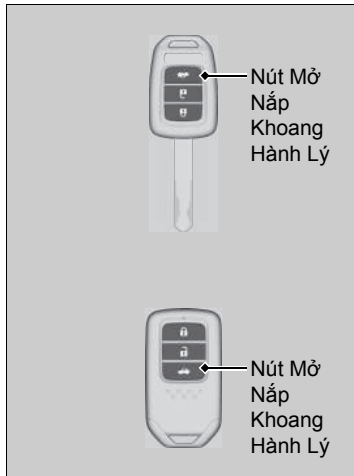
Ngay cả khi nắp khoang hành lý khóa, bạn vẫn có thể mở nắp khoang hành lý nếu mang theo chìa khóa điều khiển từ xa.

► Tiếng bip vang lên.

### ►►Sử Dụng Nút Mở Nắp Khoang Hành Lý\*

- Nếu bạn quên chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe, tiếng bip sẽ vang lên và nắp khoang hành lý không đóng lại.
- Khi không mang theo chìa khoá điều khiển từ xa, bạn vẫn có thể mở khoá nắp khoang hành lý khi có ai đó cầm chìa khoá điều khiển từ xa ở phạm vi cho phép.
- Nếu tiếng bip vang lên sau khi bạn đóng nắp khoang hành lý, hãy mang chìa khoá điều khiển từ xa ra xa nắp khoang hành lý và đóng lại.

## Sử Dụng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa\*



Ấn nút mở nắp khoang hành lý khoảng một giây để mở khoá và mở nắp khoang hành lý.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Hệ Thống Chống Nổ Máy

Hệ thống chống nổ máy giúp ngăn việc khởi động động cơ bằng chìa khóa chưa được đăng ký trước. Mỗi chìa khóa có gắn bộ truyền tín hiệu điện tử, bộ này sử dụng những tín hiệu điện tử để xác minh mã chìa khóa.

Chú ý những điểm sau khi tra chìa khóa vào ổ khóa\* hoặc chọn chế độ PHỤ KIỆN bằng nút **ENGINE START/STOP**†:

- Không để những vật phát ra sóng radio mạnh gần ổ khóa điện\*1.
- Đảm bảo chìa khóa không bị che hay chạm vào những vật thể bằng kim loại.
- Không để chìa khóa của một xe khác có lắp hệ thống chống nổ máy gần ổ khóa điện\*1.

Không để chìa khóa gần các vật có từ tính. Các thiết bị điện tử như Tivi và các hệ thống âm thanh tạo ra từ trường mạnh. Lưu ý rằng ngay cả móc chìa khóa cũng có từ tính.

\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

† Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### »Hệ Thống Chống Nổ Máy

#### CHÚ Ý

Để chìa khóa trong xe có thể bị mất trộm hoặc vô tình làm xe di chuyển. Luôn mang theo chìa khóa bên mình mỗi khi bạn ra khỏi xe.

Không thay đổi hệ thống này hoặc gắn thêm thiết bị khác vào nó. Làm như vậy bạn có thể làm hỏng hệ thống và làm xe bạn không thể khởi động được.

Nếu hệ thống liên tiếp không nhận mã chìa khóa, hãy liên hệ với đại lý. Nếu bạn mất chìa khóa và không thể khởi động động cơ, hãy liên hệ với đại lý.

## Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh

Ngoại trừ loại xe Malaysia, Philipin, Đài Loan và Việt Nam

Hệ thống cảnh báo an ninh kích hoạt khi các cửa, nắp khoang hành lý hoặc nắp ca-pô mở mà không dùng chìa khóa, bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa\*.

Loại xe Malaysia, Philipin, Đài Loan và Việt Nam

Hệ thống cảnh báo an ninh kích hoạt khi các cửa, nắp khoang hành lý hoặc nắp ca-pô mở mà không dùng bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa\*.

### ■ Khi hệ thống cảnh báo an ninh kích hoạt

Còi kêu liên tục và đèn xi nhan nhấp nháy.

### » Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh

Không thay đổi hệ thống này hoặc gắn thêm thiết bị khác vào nó. Làm vậy bạn có thể làm hỏng hệ thống và làm xe bạn không thể khởi động được.

Ngoại trừ loại xe Mexico

Hệ thống cảnh báo an ninh sẽ tiếp tục cảnh báo trong khoảng 5 phút trước khi hệ thống an ninh ngừng hoạt động. Hệ thống sẽ tiến hành đủ mười chu kỳ 30 giây, trong khi đó còi sẽ kêu và các đèn báo khẩn cấp nhấp nháy.

Tùy từng trường hợp, hệ thống an ninh có thể tiếp tục hoạt động trong vòng hơn 5 phút.

Loại xe Mexico

Hệ thống cảnh báo an ninh có thể tiếp tục hoạt động trong tối đa hai phút cho đến khi hệ thống an ninh ngừng kích hoạt.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### ■ Hủy hệ thống cảnh báo an ninh

Ngoại trừ loại xe Malaysia, Philipin, Đài Loan và Việt Nam

Mở khóa xe bằng chìa khóa, bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa\*, hoặc xoay khóa điện đến BẬT [II]\*<sup>1</sup>. Hệ thống, cùng với còi và đèn nhấp nháy sẽ bị hủy kích hoạt.

Loại xe Malaysia, Philipin, Đài Loan và Việt Nam

Mở khóa xe bằng bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa\*, hoặc xoay khóa điện đến BẬT [II]\*<sup>1</sup>. Hệ thống cùng với còi và đèn nhấp nháy sẽ bị hủy kích hoạt.

### ■ Cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh tự động hoạt động trong những trường hợp sau:

- Khoá điện ở KHÓA [0]\*<sup>1</sup>, và chìa khóa đã được rút ra khỏi ổ khoá điện.
- Nắp ca-pô đóng .
- Tất cả các cửa và nắp khoang hành lý được khoá bằng chìa khoá, bộ truyền tín hiệu từ xa, hoặc hệ thống truy cập từ xa\*.

### ■ Khi hệ thống cảnh báo an ninh được thiết lập

Đèn báo hệ thống cảnh báo an ninh trên bảng điều khiển nhấp nháy. Thời gian nhấp nháy thay đổi sau khoảng 15 giây, hệ thống cảnh báo an ninh được thiết lập.

\* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho chìa khóa điện.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### »» Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh

Không thiết lập hệ thống cảnh báo an ninh khi có ai đó ở trong xe hoặc có một cửa kính mở. Hệ thống có thể vô tình kích hoạt khi:

Ngoại trừ loại xe Mỹ la-tinh

- Mở cửa.

Loại xe Mỹ la-tinh

- Mở khóa cửa bằng tai khóa hoặc công tắc khóa cửa chính.

Tất cả các loại xe

- Mở nắp khoang hành lý bằng lẫy mở nắp khoang hành lý ở bên ngoài ghế người lái.

Nếu ắc quy 12 vôn bị hết điện sau khi thiết lập hệ thống cảnh báo an ninh, hệ thống cảnh báo an ninh sẽ tắt khi bạn nạp lại hoặc thay ắc quy 12 vôn.

Ngoại trừ loại xe Malaysia, Philipin, Đài Loan và Việt Nam

Nếu điều này xảy ra, mở khóa cửa bằng chìa khóa, bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa\* để hủy kích hoạt hệ thống cảnh báo an ninh .

Loại xe Malaysia, Philipin, Đài Loan và Việt Nam

Nếu điều này xảy ra, mở khóa cửa bằng bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa\* để hủy kích hoạt hệ thống cảnh báo an ninh.



## ■ Hủy hệ thống cảnh báo an ninh

Ngoại trừ loại xe Malaysia, Philipin, Đài Loan và Việt Nam

Hệ thống cảnh báo an ninh được hủy khi xe được mở khóa bằng chìa khoá, bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa<sup>\*</sup> hoặc khóa điện được xoay đến BẬT II<sup>\*1</sup>. Đèn báo hệ thống cảnh báo an ninh cũng sẽ tắt.

Loại xe Malaysia, Philipin, Đài Loan và Việt Nam

Hệ thống cảnh báo an ninh được hủy khi xe được mở khóa bằng bộ truyền tín hiệu từ xa, hệ thống truy cập từ xa<sup>\*</sup> hoặc khóa điện được xoay đến BẬT II<sup>\*1</sup>. Đèn báo hệ thống cảnh báo an ninh cũng sẽ tắt.

## » Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh

Không cố thay đổi thiết bị này hoặc lắp thêm thiết bị lên nó.

Loại xe Malaysia, Philipin, Đài Loan và Việt Nam

Nếu bạn mở khóa cửa bằng chìa khóa trong khi hệ thống an ninh được kích hoạt, cảnh báo sẽ tắt.

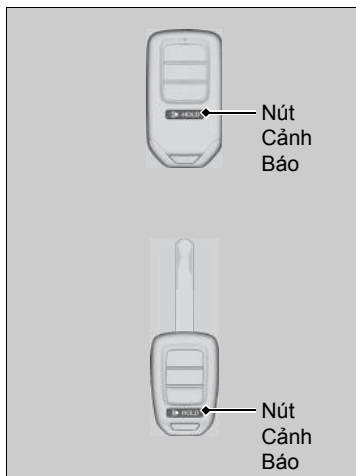
Điều Khiển

\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

*Còn nữa*

## ■ Chế Độ Cảnh Báo\*




### ■ Nút cảnh báo trên bộ truyền tín hiệu từ xa

Nếu bạn ấn nút cảnh báo trong khoảng một giây, các hiện tượng sau sẽ xảy ra trong 30 giây.

- Còi vang lên.
- Một số đèn bên ngoài nhấp nháy.

### ■ Hủy chế độ cảnh báo


Ấn bất kỳ nút nào đó trên bộ truyền tín hiệu từ xa, hoặc xoay khoá điện đến BẬT <sup>\*1</sup>.

\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Mở và Đóng Cửa Kính

### Mở/Đóng Cửa Kính Điện

Có thể đóng hoặc mở các cửa kính điện khi xoay khóa điện đến BẬT <sup>\*1</sup>, bằng công tắc trên các cửa. Các công tắc phía người lái có thể dùng để đóng và mở tất cả các cửa kính.

Để mở và đóng các cửa kính điện từ các vị trí ngoài ghế người lái, nút khoá cửa kính điện bên phía người lái phải tắt (không ấn xuống).

Khi ấn nút khóa cửa kính điện, đèn báo sáng và bạn chỉ có thể vận hành cửa kính phía người lái. Hãy bật nút khóa cửa kính điện khi có trẻ em trên xe.

\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.


#### » Mở/Đóng Cửa Kính Điện

### CẢNH BÁO

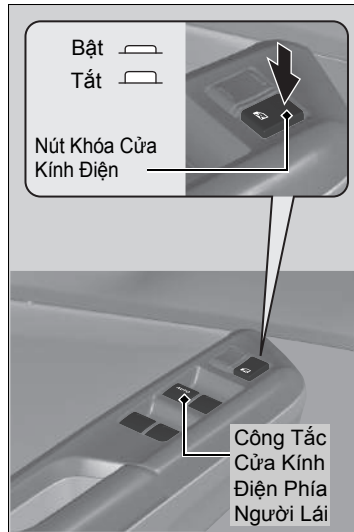
Đóng cửa kính điện trong khi có người đang để ngón tay hoặc bàn tay lên cửa kính đó có thể gây trọng thương.

Đảm bảo tay của hành khách ở xa cửa sổ trước khi đóng cửa.

**CẢNH BÁO:** Luôn luôn mang theo chìa khóa mỗi khi bạn ra khỏi xe cho dù trong xe có người hay không.

Cửa kính điện có thể vận hành lên đến 10 phút sau khi bạn xoay khóa điện đến KHÓA <sup>\*1</sup>. Mở một trong hai cửa trước sẽ khiến chức năng này bị hủy.

## ■ Mở/Đóng Cửa Kính Bằng Chức Năng Mở/Đóng Cửa Tự Động



### ■ Vận hành tự động (chỉ ở phía người lái)

**Để mở:** Ấn dứt khoát công tắc xuống.

**Để đóng:** Kéo dứt khoát công tắc lên.

Cửa kính mở hoặc đóng hoàn toàn. Để dừng cửa kính bất cứ lúc nào, đẩy hoặc kéo dứt khoát công tắc.

### ■ Vận hành bằng tay

**Để mở:** Nhấn nhẹ công tắc xuống, và giữ cho đến khi đến vị trí bạn muốn.

**Để đóng:** Kéo nhẹ công tắc lên, và giữ nó cho đến vị trí bạn muốn.

## ☒ Mở/Đóng Cửa Kính Điện

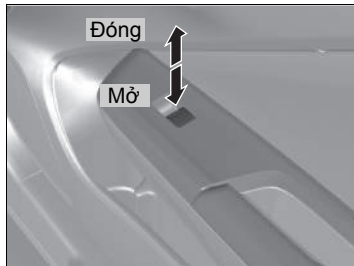
### Tự Động Đảo Chiều

Nếu cửa kính điện cảm nhận được vật cản khi cửa đang đóng tự động, nó sẽ ngừng đóng và đảo lại chiều.

Chức năng tự động đảo chiều cửa kính phía người lái bị vô hiệu hoá khi bạn tiếp tục kéo công tắc lên.

Chức năng tự động đảo chiều sẽ ngừng cảm nhận khi cửa kính đã đóng gần như hoàn toàn.

### ■ Mở/Đóng Cửa Kính Mà Không Có Chức Năng Đóng/Mở Tự Động



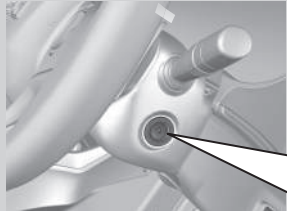
**Để mở:** Nhấn công tắc xuống.

**Để đóng:** Kéo công tắc lên.

Nhả công tắc ra khi cửa sổ đạt đến vị trí mong muốn.

## Vận Hành Các Công Tắc Quanh Vô Lãng

### Khóa Điện\*



- 0** KHÓA: Cắm và rút chìa khóa ở vị trí này.
- I** PHỤ KIỆN: Vận hành hệ thống âm thanh và các phụ kiện khác ở vị trí này.
- II** BẬT: Ở vị trí này trong khi lái xe.
- III** KHỞI ĐỘNG: Ở vị trí này để khởi động động cơ. Công tắc xoay lại đến BẬT **II** khi bạn thả tay ra khỏi chìa khóa.

Điều Khiển

#### » Khóa Điện\*

Loại xe có hộp số thường

### **⚠ CẢNH BÁO**

Rút chìa khóa ra khỏi khoá điện trong khi đang lái xe sẽ làm khoá vô lăng. Điều này có thể gây mất khả năng điều khiển xe.

Chỉ rút chìa khóa ra khỏi khoá điện khi xe đã đỗ hoàn toàn.

Loại xe có hộp số vô cấp

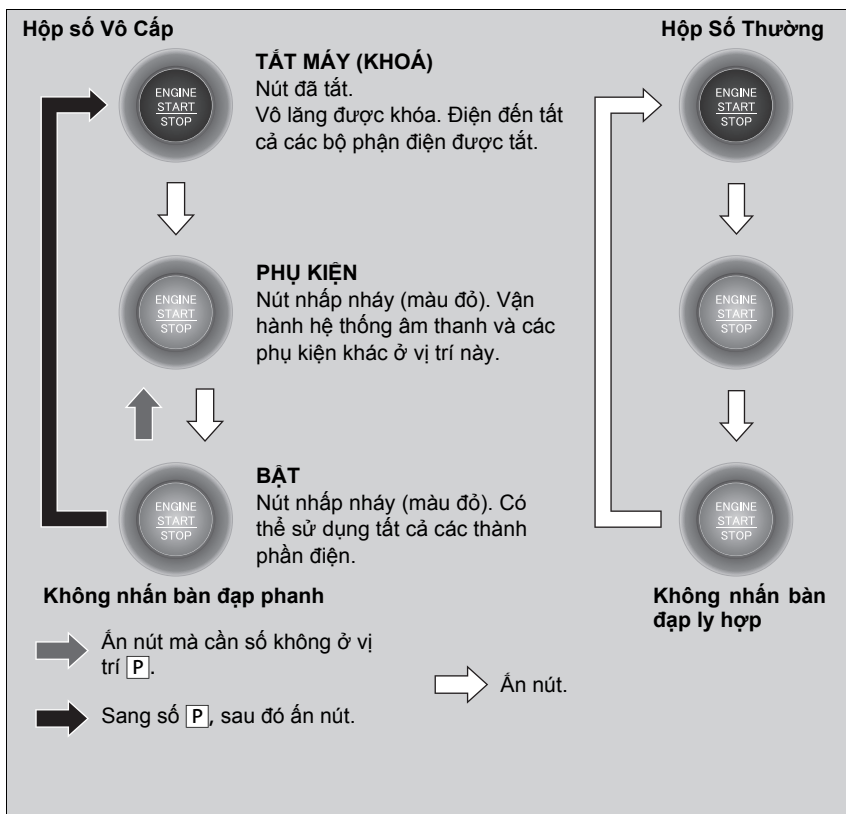
Bạn không thể rút chìa khóa ra trừ khi cần số ở vị trí **P**.

Tất cả các loại xe

Nếu bạn mở cửa xe khi khoá điện ở KHÓA **0** hoặc PHỤ KIỆN **I**, một tiếng bíp cảnh báo sẽ vang lên để nhắc nhở bạn rút chìa khóa ra.

## Nút ENGINE START/STOP\*

### Thay Đổi Chế Độ Nguồn Điện

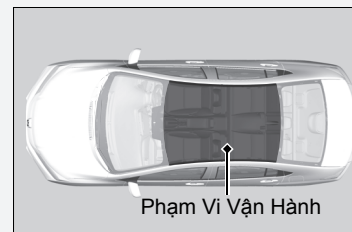


\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

### ► Nút ENGINE START/STOP\*

#### Phạm Vi Vận Hành Nút ENGINE START/STOP



Bạn có thể vận hành động cơ khi điều khiển từ xa ở bên trong xe.

Động cơ cũng có thể chạy nếu điều khiển từ xa ở gần cửa hoặc cửa kính, ngay cả khi bên ngoài xe.

Chế độ **BẬT**:

Nút **ENGINE START/STOP** sáng màu đỏ khi động cơ đang chạy

Nếu pin của chìa khóa điều khiển từ xa yếu, động cơ có thể không khởi động khi bạn ấn nút **ENGINE START/STOP**. Nếu động cơ không khởi động, tham khảo đường dẫn bên dưới.

► **Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu**  
Tr. 428

### ■ Chế Độ Tắt Nguồn Điện Tự Động

Nếu bạn rời khỏi xe trong khi để cần số ở **P**<sup>\*1</sup> và chế độ điện ở PHỤ KIẾN trong khoảng thời gian từ 30 đến 60 phút, xe sẽ tự động chuyển sang chế độ tương tự TẮT MÁY (KHOÁ) để tránh làm yếu ắc quy.

Khi xe ở chế độ này:

Vô lăng không khoá. Bạn không thể khoá hoặc mở khoá các cửa bằng bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa.

Ấn nút **ENGINE START/STOP** để chuyển sang chế độ TẮT MÁY (KHOÁ).

\*1: Chỉ với loại xe có hộp số vô cấp



## ■ Bộ Nhắc Chế Độ Nguồn

Nếu bạn mở cửa phía người lái khi chế độ điện ở PHỤ KIỆN, tiếng bíp cảnh báo vang lên.

## ■ Bộ Nhắc Điều Khiển Từ Xa



Bộ cảnh báo tiếng bíp có thể vang lên từ bên trong hoặc/và bên ngoài xe để nhắc bạn rằng điều khiển từ xa đang ở bên ngoài xe. Nếu bộ cảnh báo tiếng bíp vẫn tiếp tục kêu sau khi điều khiển từ xa đã ở bên trong xe, để nó trong phạm vi hoạt động.

### ■ Khi chế độ nguồn ở BẬT

Nếu điều khiển từ xa được mang ra khỏi xe, khi cửa phía người lái đóng, bộ cảnh báo vang lên từ bên trong lẫn bên ngoài xe. Thông báo cảnh báo trên màn hình hiển thị thông tin nhắc tài xế đang ở trong xe rằng điều khiển từ xa đang ở ngoài xe.

### ■ Khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN

Nếu điều khiển từ xa được mang ra khỏi xe, và cửa người lái đã đóng, một tiếng bíp cảnh báo vang lên từ bên ngoài xe.

## ► Bộ Nhắc Điều Khiển Từ Xa

Khi điều khiển từ xa nằm trong phạm vi hoạt động của hệ thống, và cửa phía người lái được đóng, chức năng cảnh báo được hủy.

Nếu điều khiển từ xa được mang ra khỏi xe sau khi động cơ đã khởi động và sau đó tắt, bạn không thể thay đổi chế độ nút **ENGINE START/STOP** hoặc khởi động lại động cơ. Luôn đảm bảo nếu điều khiển từ xa ở trong xe của bạn khi bạn vận hành nút **ENGINE START/STOP**.

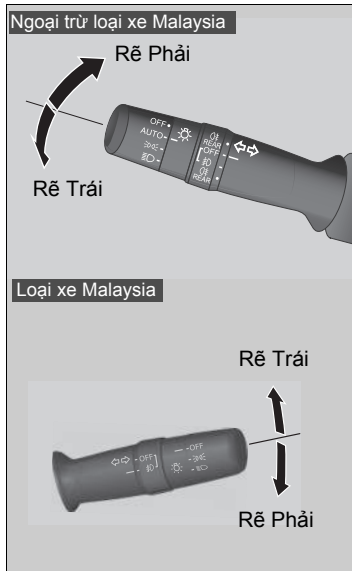
Mang điều khiển từ xa ra khỏi xe qua cửa kính sẽ không kích hoạt được bộ cảnh báo.

Không đặt điều khiển từ xa trên bảng táp-lô hoặc trong hộp đựng đồ. Nếu điều đó có thể làm cho bộ cảnh báo vang lên. Trong một số điều kiện khác có thể làm cho xe không định vị được điều khiển, bộ cảnh báo có thể vang lên kể cả khi điều khiển nằm trong phạm vi điều khiển của hệ thống.

## So Sánh Khoá Điện và Chế Độ Nguồn

Vị trí Khoá Điện	KHÓA (0) (có/ không có chìa khoá) 	PHỤ KIỆN (I) 	BẬT (II) 	KHỞI ĐỘNG (III) 
Không có Hệ thống Truy cập Từ xa	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Động cơ tắt và điện được ngắt.</li> <li>• Vô lăng được khoá.</li> <li>• Không thể sử dụng các thành phần điện.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Động cơ tắt.</li> <li>• Một số hệ thống điện như hệ thống âm thanh và ổ cắm điện có thể sử dụng được.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Vị trí bình thường của chìa khoá trong khi lái xe.</li> <li>• Có thể sử dụng tất cả các thành phần điện.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dùng vị trí này để khởi động động cơ.</li> <li>• Khoá điện trở về vị trí BẬT (II) khi bạn nhả chìa khoá.</li> </ul>
Chế Độ Nguồn	TẮT MÁY (KHÓA) 	PHỤ KIỆN 	BẬT   Nút : Nhấp nháy Bật	KHỞI ĐỘNG 
Có Hệ thống Truy cập Từ xa và Nút <b>ENGINE START/STOP</b>	Nút - Tắt <ul style="list-style-type: none"> <li>• Động cơ tắt và điện được ngắt.</li> <li>• Vô lăng được khoá.</li> <li>• Không sử dụng được các thành phần điện.</li> </ul>	Nút - Nhấp nháy. <ul style="list-style-type: none"> <li>• Động cơ tắt.</li> <li>• Một số hệ thống điện như hệ thống âm thanh và ổ cắm điện có thể sử dụng được.</li> </ul>	Nút - Nhấp nháy (động cơ tắt) Bật (động cơ đang chạy) <ul style="list-style-type: none"> <li>• Có thể sử dụng được tất cả các thành phần điện.</li> </ul>	Nút - Bật <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chế độ tự động trở lại BẬT sau khi động cơ khởi động.</li> </ul>

## Xi Nhan



Đèn xi nhan có thể được sử dụng khi khóa điện ở BẬT II\*<sup>1</sup>.

### ■ Đèn xi nhan chạm một lần

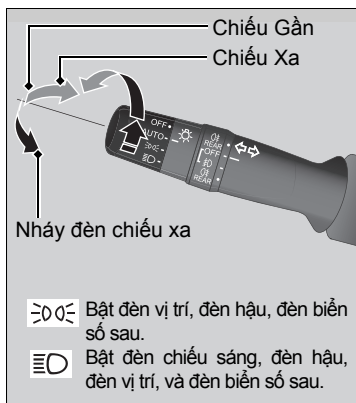
Khi bạn gạt nhẹ lên hoặc xuống và nhả cần xi nhan, đèn xi nhan bên ngoài và đèn báo đèn xi nhan nhấp nháy ba lần.

Tính năng này có thể được sử dụng khi chuyển làn đường.

\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

## Công Tắc Đèn

### Vận Hành Bằng Tay



Điều Khiển

Xoay công tắc sẽ bật và tắt đèn, bất kể khoá điện ở vị trí nào và nguồn đang ở chế độ nào.

#### ■ Đèn chiếu xa

Đẩy cần về phía trước đến khi bạn nghe thấy tiếng cạch.

#### ■ Đèn chiếu gần

Khi ở chế độ chiếu xa, kéo cần trở lại để về chế độ chiếu gần.

#### ■ Nháy đèn

Kéo cần ngược lại, và thả ra.

#### Loại xe Đài Loan

#### ■ Tắt đèn

Xoay cần sang **OFF** hoặc khi:

- Cần số ở ngoài vị trí **P** và nhấn phanh đỗ.

Để bật lại các đèn, xoay cần sang **OFF** để hủy chế độ tắt đèn. Thậm chí nếu bạn không hủy chế độ tắt đèn, các đèn cũng tự động sáng khi:

- Cần số ở ngoài vị trí **P** và nhả phanh đỗ.
- Xe bắt đầu di chuyển.

### ►► Công Tắc Đèn

#### Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

Nếu bạn rút chìa khóa ra khỏi khóa điện trong khi các đèn đang bật, một tiếng bíp vang lên khi bạn mở cửa phía người lái.

#### Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

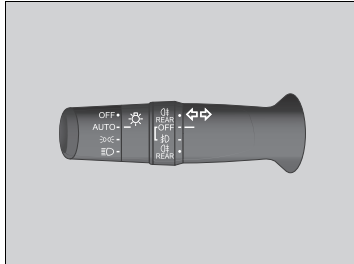
Nếu bạn để chế độ nguồn ở **TẮT MÁY (KHOÁ)** trong khi các đèn đang bật, một tiếng bíp vang lên khi bạn mở cửa phía người lái.

Khi các đèn bật, đèn báo đèn bật trên bảng điều khiển sẽ sáng.

#### ► Các Đèn Báo Tr. 90

Không để đèn chiếu sáng bật khi đã tắt động cơ vì nó sẽ làm cho ắc quy yếu đi.

### ■ Điều Khiển Chiếu Sáng Tự Động\*

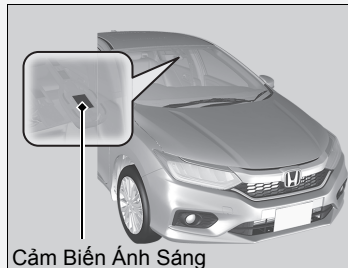


Điều khiển tính năng tắt đèn tự động sử dụng khi chế độ nguồn BẬT.

Khi công tắc đèn ở **AUTO**, các đèn xe và đèn ngoài khác sẽ tự động bật và tắt phụ thuộc vào độ sáng xung quanh.

### ▣ Điều Khiển Chiếu Sáng Tự Động\*

Bạn nên bật đèn bằng tay khi lái xe vào ban đêm, trong sương mù dày đặc hoặc trong các khu vực tối như đường hầm dài hoặc bãi đỗ xe. Cảm biến ánh sáng nằm ở vị trí như hình minh họa bên dưới.



\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ■ Tính Năng Tắt Đèn Tự động\*

Các đèn chiếu sáng, tất cả các đèn bên ngoài khác, và các đèn bảng điều khiển sẽ tắt sau khi bạn rút chìa khoá 15 giây, và đóng cửa người lái.

Nếu bạn xoay chìa khoá điện đến KHÓA  khi các đèn chiếu sáng bật, nhưng không mở cửa, các đèn chiếu sáng tắt sau 10 phút. (3 phút, nếu công tắc vẫn ở vị trí **AUTO\***).

Các đèn sẽ sáng trở lại khi bạn mở chìa khoá hoặc mở cửa người lái. Nếu bạn mở chìa khoá cửa, nhưng không mở cửa trong 15 giây, các đèn sẽ tắt. Nếu bạn mở cửa người lái, bạn sẽ nghe thấy âm báo nhắc đèn đang bật.

Điều Khiển

## Đèn Sương Mù\*

### ■ Đèn sương mù trước\*

Ngoại trừ loại xe Đai Loan

Có thể được sử dụng khi bật đèn vị trí hoặc đèn chiếu sáng.

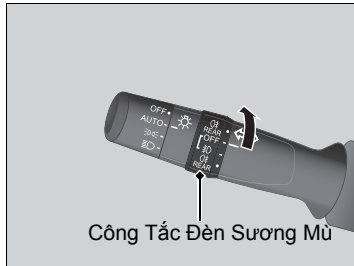
Loại xe Đai Loan

Khi đèn chiếu gần bật, bật công tắc đèn sương mù để bật đèn sương mù.

### ■ Đèn sương mù sau\*

Có thể sử dụng khi bật các đèn chiếu sáng hoặc đèn sương mù phía trước.

## ■ Đèn Sương Mù Trước và Sau\*



### ■ Để bật đèn sương mù trước

Xoay công tắc từ vị trí **OFF** lên vị trí ☀.  
Đèn báo ☀ sáng.

### ■ Để bật đèn sương mù trước và sau

Xoay công tắc thêm một nấc từ vị trí ☀.  
Các đèn báo ☀ và ☀☀ sáng.

### ■ Để bật đèn sương mù sau

Xoay công tắc xuống từ vị trí **OFF**.  
Đèn báo ☀☀ sáng.

### ☒ Đèn Sương Mù\*

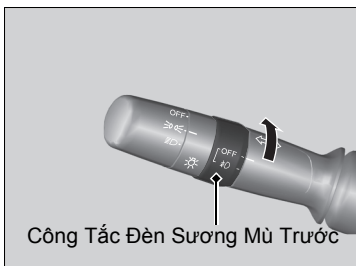
Khi đèn sương mù bật thì đèn báo trên bảng điều khiển sẽ sáng.



Các đèn sương mù tắt đi khi các đèn chiếu sáng tắt hoặc khi đèn ban ngày được bật.

☒ Các đèn báo Tr. 90

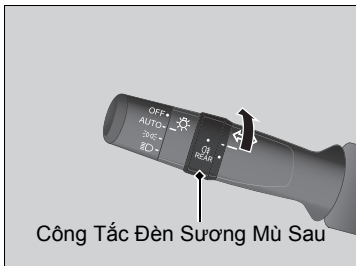
\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



### ■ Các Đèn Sương Mù Trước\*



■ **ĐỂ BẬT đèn sương mù trước**  
Xoay công tắc đến . Đèn báo  sáng.

### ■ Các Đèn Sương Mù Sau\*




■ **ĐỂ BẬT đèn sương mù sau**  
Xoay công tắc đến . Đèn báo  sáng.





## Đèn Ban Ngày

Đèn chiếu sáng ban ngày bật khi đáp ứng các điều kiện sau:

Ngoại trừ loại xe Mexico và Đài Loan


- Khoá điện ở BẬT <sup>\*1</sup>.
- Công tắc đèn chiếu sáng tắt.

Loại xe Mexico

- Khoá điện ở BẬT <sup>\*1</sup>.
- Công tắc đèn chiếu sáng tắt, hoặc ở .
- Phanh đỗ đã được nhả.

Các đèn tiếp tục sáng nếu bạn gài phanh đỗ. Đèn ban ngày sẽ tắt khi bạn tắt khoá điện hoặc thiết lập chế độ nguồn về TẮT MÁY.

Loại xe Đài Loan

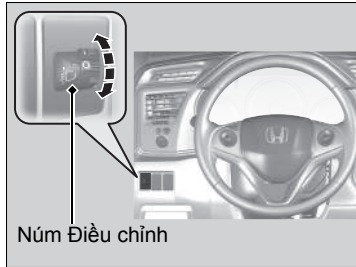
- Khoá điện ở BẬT <sup>\*1</sup>.
- Công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO** hoặc **OFF**.

Đèn ban ngày sẽ tắt khi bạn tắt khoá điện hoặc thiết lập chế độ nguồn về TẮT MÁY.

Đèn chiếu sáng ban ngày tắt khi công tắc đèn chiếu sáng bật, hoặc khi công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO** và tròi bên ngoài đang tối dần.

\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

## Bộ Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng\*



Bạn có thể điều chỉnh góc của đèn chiếu gần.

Xoay núm điều chỉnh để chọn góc đèn phù hợp cho đèn xe.

Số vạch điều chỉnh càng lớn cho thấy góc đèn càng thấp.

Nhấn nút xoay để bật bộ điều chỉnh, sau đó xoay nó để chọn một số. Nhấn một lần nữa sau khi chọn.

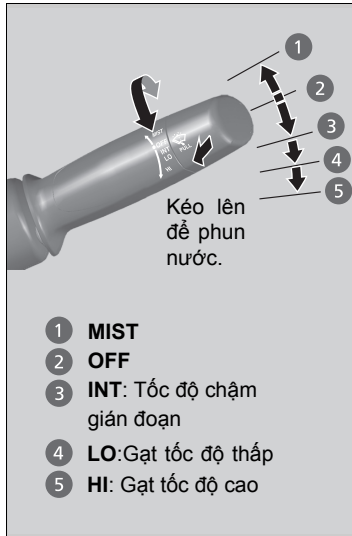
### ■ Để chọn vị trí vạch điều chỉnh

Tham khảo bảng dưới đây tùy vào điều kiện lái và tải của xe.

Điều Kiện	Vị Trí Vạch
Một người lái	0
Một người lái và một hành khách phía trước	0
Năm người ngồi các ghế trước và ghế sau	1
Năm người ngồi ghế trước và ghế sau và hành lý trong khoang hành lý, trong giới hạn tải trọng tối đa của trục và trọng tải xe tối đa cho phép	2
Một người lái và hành lý trong khoang hành lý, nằm trong giới hạn tải trọng tối đa của trục và trọng tải xe tối đa cho phép	3

## Cần Gạt Nước và Bộ Rửa Kính

### ■ Cần Gạt Nước và Bộ Rửa Kính



- 1 MIST
- 2 OFF
- 3 INT: Tốc độ chậm gián đoạn
- 4 LO: Gạt tốc độ thấp
- 5 HI: Gạt tốc độ cao

Các cần gạt nước và rửa kính có thể được sử dụng khi khóa điện ở vị trí BẬT [II]<sup>\*1</sup>.

#### ■ MIST

Các cần gạt nước gạt nhanh cho đến khi bạn nhả cần.

#### ■ Công tắc cần gạt nước (OFF, INT, LO, HI)

Chuyển cài đặt các chế độ của cần gạt nước theo lượng mưa.

#### ■ Rửa kính

Nước rửa kính sẽ phun ra trong khi bạn kéo cần gạt về phía bạn. Khi bạn nhả cần gạt trong hơn một giây, quá trình phun dừng lại, cần gạt nước quét hai hoặc ba lần nữa để làm sạch kính chắn gió, sau đó dừng lại.

### ►► Cần Gạt Nước và Bộ Rửa Kính

#### CHÚ Ý

Không vận hành các cần gạt nước khi kính chắn gió khô. Kính chắn gió sẽ bị xước, hoặc các lưỡi cao su có thể bị hỏng.

#### CHÚ Ý

Khi trời lạnh, các lưỡi gạt có thể đóng băng vào kính chắn gió, nó sẽ bị kẹt. Vận hành các cần gạt trong điều kiện này có thể làm hỏng các cần gạt nước. Sử dụng sấy kính để làm ấm kính chắn gió, sau đó bật các cần gạt.

Hãy tắt chế độ rửa kính nếu không có nước phun ra. Bơm có thể đã hỏng.

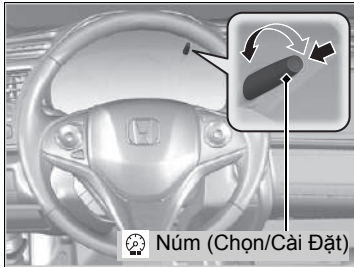
Mô-tơ cần gạt nước được gắn công tắc, công tắc này có thể tạm thời dừng vận hành mô-tơ để tránh quá tải. Cần gạt nước sẽ trở lại hoạt động bình thường sau một vài phút khi mạch đã trở lại bình thường.

Nếu cần gạt nước ngừng hoạt động do có vật cản như tuyết đóng băng, đỗ xe ở vị trí an toàn.

Xoay công tắc cần gạt nước đến OFF và xoay khóa điện đến PHỤ KIỆN [I]<sup>\*1</sup> hoặc KHÓA [0]<sup>\*1</sup>, sau đó gạt bỏ vật cản.

\* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút ENGINE START/STOP thay cho khóa điện.

## Điều Chỉnh Độ Sáng



Khi đèn vị trí được bật và khóa điện ở BẬT II<sup>\*1</sup>, bạn có thể sử dụng nút (Chọn/Cài Đặt) để điều chỉnh độ sáng bảng điều khiển.

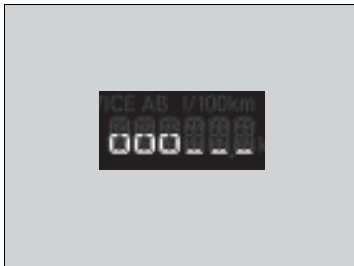
**Làm sáng:** Xoay nút sang bên phải.

**Làm mờ:** Xoay nút sang bên trái.

Bạn sẽ nghe thấy tiếng bíp khi độ sáng đạt đến tối đa hoặc tối thiểu. Màn hình hiển thị thông tin sẽ trở lại tình trạng lúc đầu vài giây sau khi bạn điều chỉnh độ sáng.

### ■ Đèn báo mức độ sáng\*

Mức độ sáng được hiển thị trên màn hình hiển thị thông tin trong khi bạn điều chỉnh nó.



### ►► Điều Chỉnh Độ Sáng

Độ sáng bảng điều khiển thay đổi, tùy thuộc vào các đèn bên ngoài bật hay tắt. Bảng điều khiển mờ để giảm độ chói khi các đèn bật.


Khi các đèn vị trí bật, chức năng giảm độ sáng của bảng điều khiển sẽ bị hủy, xoay nút sang phải cho đến khi độ sáng của màn hình là lớn nhất, một tiếng bíp sẽ phát ra.

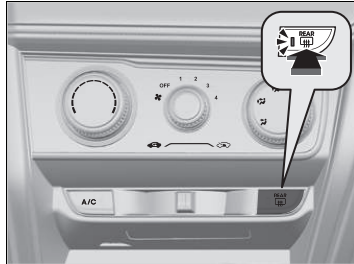
Độ sáng có thể được đặt khác nhau khi bật đèn bên ngoài và khi tắt.

\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

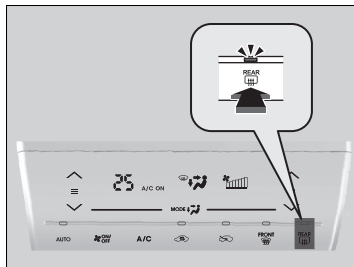
\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Nút/Biểu Tượng Sấy Kính Sau

Ấn/Chọn nút/biểu tượng sấy kính sau để làm tan sương kính sau khi khoá điện ở BẬT \*1.



Loại xe có hệ thống sưởi và làm mát



Loại xe có hệ thống điều khiển khí hậu

Bộ sấy kính sau tự động tắt sau 10-30 phút phụ thuộc vào nhiệt độ bên ngoài.

Tuy nhiên, nếu nhiệt độ bên ngoài là 0°C hoặc thấp hơn, chúng sẽ không tự động tắt.

### ►► Nút/Biểu Tượng Sấy Kính Sau

#### CHÚ Ý

Khi lau phía trong của cửa kính sau, cẩn thận không làm hỏng các dây bộ sưởi.

Cần lau cửa kính từ bên này sang bên kia dọc theo các dây sưởi.

Hệ thống này tiêu thụ rất nhiều điện, vì vậy hãy tắt nó khi kính đã tan sương.

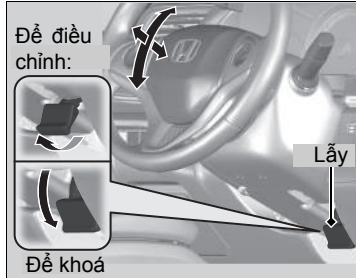
Đồng thời, không sử dụng hệ thống lâu ngay cả khi động cơ đang chạy không tải. Sử dụng như vậy có thể làm ắc quy bị yếu, làm xe khó khởi động.

Điều khiển

\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

## Điều Chỉnh Vô Lãng

Độ cao vô lăng và khoảng cách đến cơ thể bạn có thể được điều chỉnh để bạn có thể điều khiển vô lăng một cách thoải mái theo tư thế lái.



1. Kéo lấy điều chỉnh vô lăng lên.
  - Lấy điều chỉnh vô lăng nằm ở dưới trụ lái.
2. Di chuyển vô lăng lên và xuống, vào trong và ra ngoài.
  - Đảm bảo bạn có thể quan sát được các đồng hồ đo và các đèn báo bằng điều khiển.
3. Ấn lấy điều chỉnh vô lăng xuống để khoá vị trí vô lăng.
  - Sau khi điều chỉnh vị trí, đảm bảo bạn đã khóa chặt vô lăng một chỗ bằng cách thử lắc lên, xuống, vào trong và ra ngoài.

### ►► Điều Chỉnh Vô Lãng

#### **⚠ CẢNH BÁO**

Điều chỉnh vị trí vô lăng trong khi lái có thể làm bạn mất điều khiển xe và bị thương nghiêm trọng khi tai nạn.

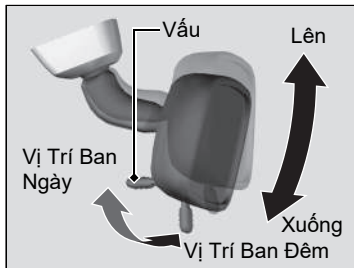
Chỉ điều chỉnh vô lăng khi xe đã dừng.

## Điều Chỉnh Gương

### Gương Chiếu Hậu Trong Xe

Điều chỉnh góc gương chiếu hậu khi bạn đang ngồi ở vị trí lái đúng.

#### ■ Gương Chiếu Hậu với Các Vị Trí Ban Ngày và Ban Đêm



Lật vấu để chuyển vị trí.  
Vị trí ban đêm giúp giảm chói từ các đèn chiếu sáng đằng sau xe bạn khi lái xe trong trời tối.

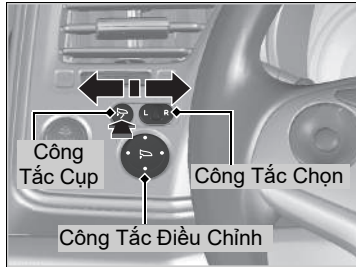
#### » Điều Chỉnh Gương


Giữ cho mặt trong và mặt ngoài các gương sạch và được điều chỉnh để dễ nhìn nhất.

Điều chỉnh các gương trước khi bạn bắt đầu lái.

▣ **Các Ghế Trước** Tr. 164

## Gương Cửa Điện



Bạn có thể điều chỉnh các gương cửa khi khóa điện ở BẬT <sup>\*1</sup>.

### ■ Điều chỉnh vị trí gương

**Công tắc chọn L/R:** Chọn gương trái hoặc phải. Sau khi điều chỉnh gương, bật lại công tắc đến vị trí giữa.

**Công tắc điều chỉnh vị trí gương:** Ấn công tắc trái, phải, lên, hoặc xuống để di chuyển gương.

### ■ Cụp gương cửa\*

Ấn nút cụp để cụp các gương cửa vào trong và ra ngoài.

\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.



## ■ Chức Năng Tự Động Cụp Gương Cửa\*

### ■ Cụp các gương cửa vào

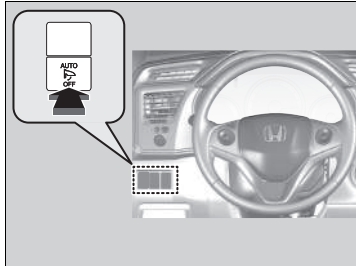
Ấn và giữ nút khóa trên điều khiển từ xa hai lần trong vòng 10 giây.

► Bạn có thể nhả nút khi gương bắt đầu gập tự động.

Ấn và giữ nút khóa cửa ở một trong hai cửa trước hai lần trong vòng 10 giây.

► Bạn có thể nhả nút khi gương bắt đầu gập tự động.

### ■ Mở các gương cửa ra



Mở khóa tất cả các cửa bằng điều khiển từ xa. Mở cửa người lái.

► Các gương bắt đầu tự động cụp vào.

Nắm tay nắm cửa ở một trong hai cửa trước và mở khóa tất cả các cửa. Mở cửa người lái.

► Các gương bắt đầu tự động cụp vào.

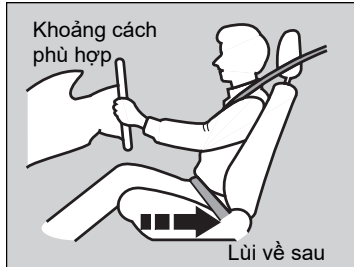
### ☒ Mở các gương cửa ra

Gương cửa không thể tự động mở ra nếu chúng đã được cụp vào bằng nút cụp.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Điều Chỉnh Ghế Ngồi

### Ghế Trước



Điều chỉnh ghế người lái càng xa về phía sau càng tốt đồng thời vẫn cho phép bạn điều khiển xe tốt. Bạn nên ngồi thẳng, sát vào lưng ghế và có thể dễ dàng nhấn bàn đạp phanh mà không cần nghiêng về phía trước và điều khiển vô lăng thoải mái. Ghế của hành khách cần được điều chỉnh theo cách tương tự, càng xa túi khí trước trong bảng táp-lô càng tốt.

#### Điều Chỉnh Ghế Ngồi

### ⚠ CẢNH BÁO

Ngồi quá gần túi khí trước có thể dẫn đến trọng thương hoặc tử vong nếu túi khí trước nổ.

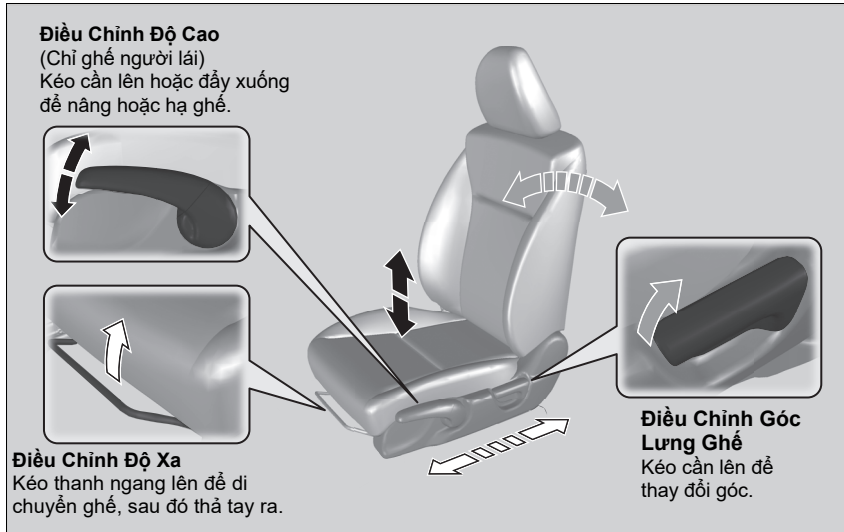
Luôn ngồi càng xa các túi khí trước càng tốt đồng thời đảm bảo điều khiển xe thoải mái.

Để điều chỉnh ghế, bạn có thể điều chỉnh vô-lăng lên, xuống, vào, ra. Khoảng cách tối thiểu giữa tâm vô-lăng và ngực người lái là 25cm.

Luôn luôn điều chỉnh ghế ngồi trước khi lái xe.

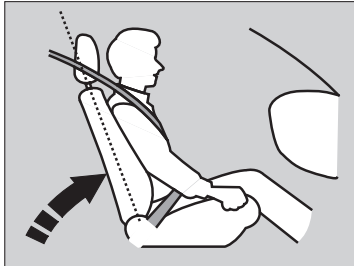
Khi đã điều chỉnh đúng, đẩy ghế tiến và lùi để đảm bảo ghế đã được khóa chặt.

## ■ Điều Chỉnh Vị Trí Ghế ngồi



Điều Khiển

## ■ Điều Chỉnh Lưng Ghế



Điều chỉnh lưng ghế người lái đến vị trí thoải mái, vuông góc, để một không gian rộng giữa ngực bạn và nắp che túi khí ở giữa vô lăng.

Hành khách ngồi ghế trước cũng nên điều chỉnh lưng ghế đến một vị trí thoải mái, vuông góc.

Ngả lưng ghế quá nhiều sẽ làm cho phần đai vai của dây đai không còn thắt qua ngực người ngồi sẽ làm giảm khả năng bảo vệ của dây đai. Nó cũng làm tăng khả năng bị trượt ra khỏi dây đai khi va chạm và dẫn đến trọng thương. Lưng ghế càng ngả nhiều, nguy cơ bị thương càng lớn.

## ►► Điều Chỉnh Lưng Ghế

### ⚠ CẢNH BÁO

Ngả lưng ghế quá xa có thể dẫn đến trọng thương hoặc tử vong khi va chạm.

Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí vuông góc, và dựa thoải mái trên lưng ghế.

Không kê đệm, hoặc đồ vật khác giữa lưng ghế và lưng bạn.

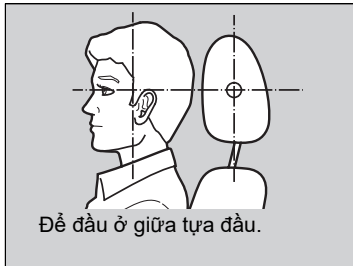
Làm vậy có thể làm giảm tác dụng của dây đai hoặc túi khí.

Nếu bạn không thể ngồi cách xa vô lăng theo tiêu chuẩn, bạn nên tìm hiểu một số thiết bị chuyên dụng để trợ giúp.

## Tựa Đầu

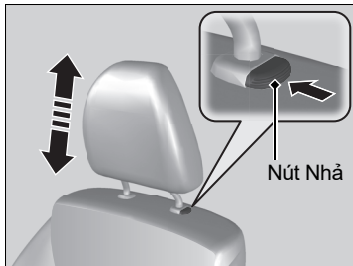
Xe của bạn được trang bị tựa đầu ở cả hai ghế trước. Ghế sau cũng có tựa đầu ở các vị trí bên ngoài và ở giữa\*.

### ■ Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Trước



Đề đầu ở giữa tựa đầu.

Các tựa đầu có tác dụng bảo vệ để tránh tổn thương do dây đai siết lại và tổn thương do va chạm từ phía sau, khi phần giữa phía sau đầu của người sát với phần giữa của tựa đầu. Đỉnh của tai người ngồi phải ngang bằng với phần giữa của tựa đầu.



**Đề nâng tựa đầu:** Kéo lên.

**Đề hạ tựa đầu:** Ấn xuống đồng thời ấn nút nhả.

### ► Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Trước

## ⚠ CẢNH BÁO

Tựa đầu không được điều chỉnh hợp lý sẽ bị giảm hiệu quả sử dụng và làm tăng nguy cơ trọng thương khi xảy ra va chạm.

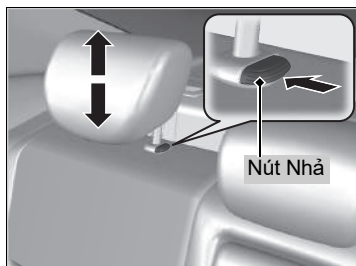
Đảm bảo các tựa đầu được đặt đúng vị trí và được điều chỉnh hợp lý trước khi lái.

Để hệ thống tựa đầu hoạt động đúng cách:

- Không treo bất cứ vật gì lên các tựa đầu, hoặc các chân tựa đầu.
- Không để bất cứ vật gì giữa người ngồi và lưng ghế.
- Lắp các tựa đầu vào đúng vị trí thích hợp.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### ■ Điều Chỉnh Vị Trí Tựa Đầu Ghế Sau



Hành khách ngồi phía bên ngoài hay ở giữa\* ở ghế sau nên điều chỉnh độ cao của tựa đầu tới vị trí phù hợp trước khi xe bắt đầu di chuyển.

**Để nâng tựa đầu:** Kéo lên.

**Để hạ tựa đầu:** Ấn xuống đồng thời ấn nút nhả.

### ■ Tháo và Lắp Lại Tựa Đầu\*

Có thể tháo các tựa đầu để lau chùi hoặc sửa chữa.

#### **Tháo tựa đầu:**

Kéo tựa đầu lên hết cỡ. Sau đó ấn nút nhả đồng thời kéo lên và kéo tựa đầu ra.

#### **Lắp lại tựa đầu:**

Lắp các chân vào lỗ, sau đó điều chỉnh tựa đầu đến một độ cao thích hợp đồng thời ấn nút nhả. Kéo tựa đầu lên để đảm bảo nó đã được chốt chặt.

### ►► Tháo và Lắp Lại Tựa Đầu\*

## ⚠ CẢNH BÁO

Lắp tựa đầu không chính xác có thể dẫn đến trọng thương khi có va chạm.

Luôn điều chỉnh các tựa đầu trước khi lái.

## Duy Trì Vị Trí Ngồi Thích Hợp

Sau khi tắt cả mọi người trên xe đã điều chỉnh ghế, tựa đầu và đã thắt dây đai, điều quan trọng là họ phải duy trì tư thế ngồi thẳng, tựa vào lưng ghế, để chân lên sàn, cho đến khi xe dừng an toàn và động cơ đã tắt.

Ngồi không đúng tư thế có thể làm tăng nguy cơ bị thương khi va chạm. Ví dụ, ngã dài người trên ghế, nằm trên ghế, quay ngang quay dọc, ngồi sát về phía trước, ngã người về phía trước hoặc sang bên cạnh, để chân lên ghế, thì khả năng bị thương khi va chạm sẽ rất lớn hơn.

Ngoài ra, nếu hành khách ghế trước ngồi sai vị trí có thể dẫn đến bị trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm do va đập vào các bộ phận bên trong xe hoặc bị va vào túi khí trước đang nổ.

### ►► Duy Trì Vị Trí Ngồi Thích Hợp

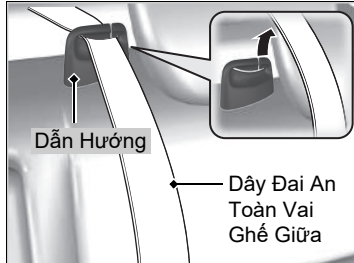
#### **⚠ CẢNH BÁO**

Ngồi không đúng cách hoặc ngồi lệch có thể bị trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

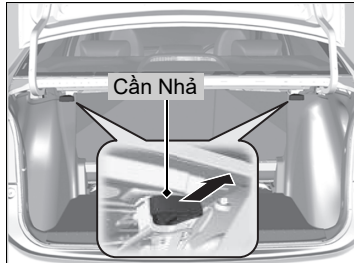
Luôn ngồi thẳng, tựa vào lưng ghế, để chân trên sàn.

## Ghế Sau

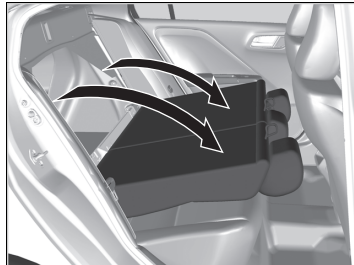
### ■ Gấp Các Ghế Sau Xuống\*



1. Tháo dây đai an toàn vai ghế giữa ra khỏi dẫn hướng.



2. Kéo cần nhả trong nắp khoang hành lý để mở khoá.



3. Gấp lưng ghế xuống.

Nếu các tựa đầu phía sau bị kẹt ở lưng ghế trước, hãy tháo các tựa đầu.

► Tháo và Lắp Lại Tựa Đầu\* Tr. 168

### ►► Gấp các Ghế Sau Xuống\*

## ⚠ CẢNH BÁO

Đảm bảo lưng ghế đã được chốt chặt trước khi lái xe.

Có thể gập lưng ghế xuống để tạo khoảng trống cho các vật cồng kềnh trong khoang hành lý.

Không lái xe trong khi lưng ghế được gập xuống và cửa hậu mở.

► Khí Xả Nguy Hiểm Tr. 86

Để đặt lại lưng ghế ở vị trí thẳng, kéo nó về phía sau cho đến khi nó khoá lại.

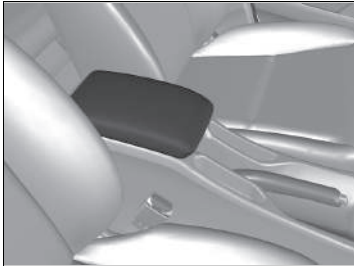
Khi đẩy lưng ghế về vị trí ban đầu, đẩy mạnh nó về phía sau. Đồng thời, đảm bảo tất cả các dây đai an toàn vai ghế sau đều ở phía trước lưng ghế.

**Đảm bảo các đồ vật trong khoang hành lý hoặc các đồ vật gác lên các ghế sau phải được buộc chặt. Đồ vật buộc lỏng có thể bị xô về phía trước nếu bạn phanh gấp.**



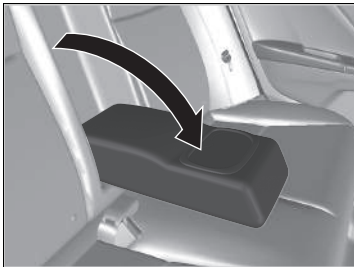
## Tựa Tay\*

### ■ Sử Dụng Tựa Tay Ghế Trước\*



Nắp hộp đựng đồ có thể dùng làm tựa tay.

### ■ Sử Dụng Tựa Tay Ghế Sau\*



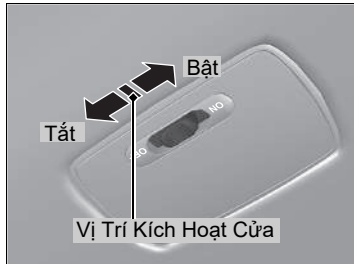
Kéo tựa tay ở lưng ghế giữa xuống.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

# Đèn Trong Xe/Các Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong

## Đèn Trong Xe

### Công Tác Đèn Trong Xe



#### ■ BẬT

Các đèn trong xe sáng cho dù các cửa mở hay đóng.

#### ■ Kích hoạt cửa

Các đèn trong xe sáng trong những trường hợp sau:

- Khi bất cứ cửa nào mở.
- Khi bạn mở cửa phía người lái.

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

- Bạn rút chìa khoá ra khỏi ổ khoá điện.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

- Khi chế độ nguồn được đặt ở TẮT MÁY (KHÓA).

#### ■ TẮT

Các đèn trong xe không sáng dù cửa có mở hay không.

### » Công Tác Đèn Trong Xe

Ở vị trí kích hoạt cửa, các đèn trong xe mờ dần và tắt sau khi đóng các cửa khoảng 30 giây.

Các đèn tắt sau 30 giây trong những trường hợp sau:

- Khi bạn mở khoá cửa phía người lái nhưng không mở cửa.


Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

- Khi bạn rút chìa khoá ra khỏi ổ khoá điện nhưng không mở cửa nào.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

- Khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY (KHÓA), nhưng không mở cửa nào.

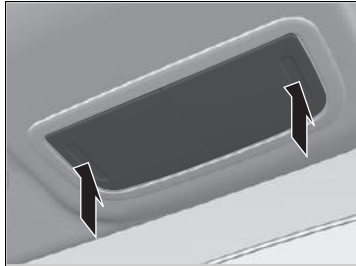
Đèn trong xe tắt ngay lập tức trong những trường hợp sau:

- Khi bạn khoá cửa người lái.
- Khi đóng cửa người lái bằng chìa khoá\* hoặc chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN\*.
- Khi bạn xoay khoá điện đến BẬT <sup>\*1</sup>.

Nếu bạn để cửa bất kỳ mở ở chế độ TẮT MÁY (KHÓA), hoặc chìa khoá không cắm trong ổ khoá điện, đèn trong xe sẽ tắt sau khoảng 15 phút.

\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho chìa khoá điện.

### ■ Đèn Đọc Sách\*

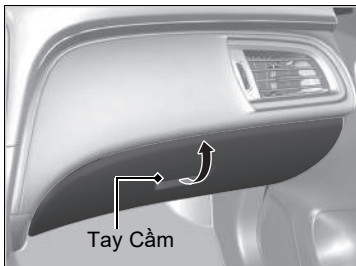


Có thể bật hoặc tắt đèn đọc sách bằng cách ấn vào các thấu kính.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

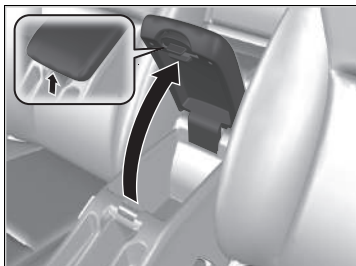
## Các Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong

### ■ Hộp Đựng Đồ



Kéo tay cầm để mở hộp đựng đồ.

### ■ Hộp Đựng Đồ Trung Tâm\*



Kéo tay cầm để mở hộp đựng đồ trung tâm.

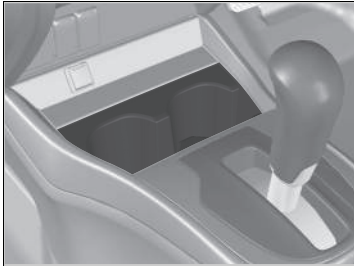
### »Hộp Đựng Đồ

#### **⚠CẢNH BÁO**

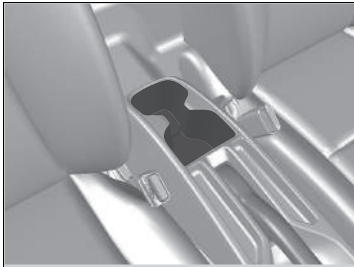
Hộp đựng đồ có thể làm cho hành khách bị trọng thương khi xảy ra va chạm, ngay cả khi hành khách đã thắt dây đai an toàn.

Luôn đóng hộp đựng đồ trong khi lái xe.

## ■ Ngăn Để Cốc



### ■ Ngăn để cốc ở ghế trước



### ■ Ngăn để cốc ở ghế trước (bốn loại ngăn để cốc) \*

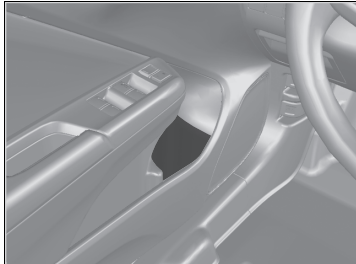
\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## »Ngăn Để Cốc

### CHÚ Ý

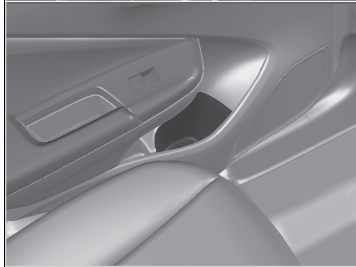
Chất lỏng tràn ra có thể làm hỏng tấm đệm, thảm và các thiết bị điện trong xe.

Cẩn thận khi bạn đang sử dụng ngăn để cốc. Nước nóng có thể làm bạn bị bỏng.



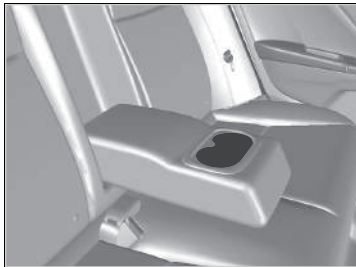
■ **Ngăn để cốc ở cửa trước**

Được đặt ở cả hai hốc ở cánh cửa trước và sau.



■ **Ngăn để cốc cửa sau**

Được đặt ở cả hai ốc ở cánh cửa sau.

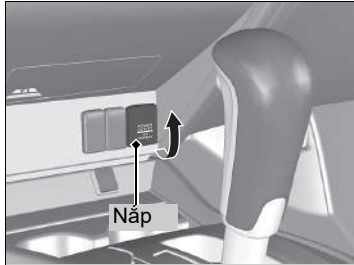


■ **Ngăn để cốc ở ghế sau\***

Gấp tựa tay xuống để sử dụng các ngăn để cốc ghế sau.

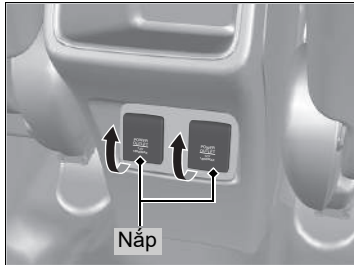
## ■ Ổ Cắm Điện Phụ Kiện

Có thể sử dụng ổ cắm điện phụ kiện khi khoá điện ở PHỤ KIỆN I hoặc BẬT II<sup>\*1</sup>.



### ■ Ổ cắm điện phụ kiện trên bảng điều khiển

Mở nắp để sử dụng.



### ■ Ổ cắm điện phụ kiện trong hộp đựng đồ\*

Mở nắp để sử dụng.

## »»Ổ Cắm Điện Phụ Kiện

### CHÚ Ý

Không cắm ổ châm thuốc loại tự động vào ổ cắm này.

Điều này có thể làm ổ cắm bị quá nhiệt.

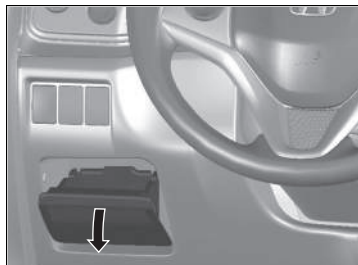
Ổ cắm điện phụ kiện được thiết kế để cung cấp nguồn điện một chiều 12 vôn với công suất 180 W trở xuống (15 ampe).

Để tránh ắc quy bị hết điện, chỉ sử dụng ổ cắm điện phụ kiện khi động cơ đang chạy

\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ■ Hộp Đựng Đồ Phía Người Lái



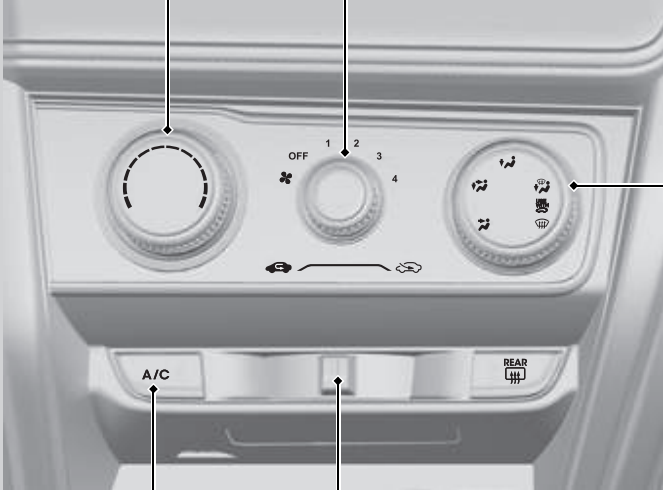
Kéo nắp để mở hộp.

Điều Khiển



## Sưởi\* và Làm Mát\*

### Sử Dụng Thông Gió, Sưởi \* và A/C



**Núm Điều Khiển Nhiệt Độ**  
Điều chỉnh nhiệt độ bên trong xe.

**Núm Điều Khiển Quạt**  
Điều chỉnh tốc độ quạt. Xoay núm hết cỡ sang **OFF** để tắt.

**Nút Điều Khiển Chế Độ**  
Thay đổi luồng khí.

**Nút A/C (Điều Hòa Không Khí)**  
Nhấn để làm mát bên trong xe hoặc hút ẩm trong khi sưởi.

**Cần Gạt Lấy Gió Trong/Lấy Gió Ngoài**

- Chế Độ (Lấy Gió Ngoài)**  
Duy trì thông gió bên ngoài. Giữ hệ thống ở chế độ không khí trong lành trong các tình huống bình thường.
- Chế Độ (Lấy Gió Trong)**  
Lấy gió trong từ trong xe qua hệ thống.

**Thông gió bằng táp-lô**

**Thông gió sàn và bằng táp-lô**

**Thông gió sàn xe**

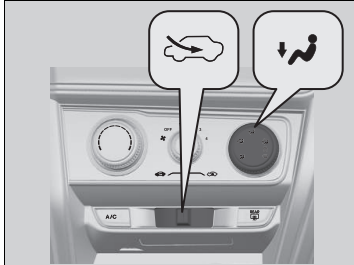
**Thông gió sàn xe và sấy kính chắn gió**

**Chế Độ Sấy Kính Chắn Gió**  
Chọn luồng không khí từ các lỗ thông hơi ở bệ kính chắn gió.

Điều Khiển

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Sưởi\*



Bộ sưởi sử dụng nước làm mát động cơ để làm ấm không khí.

1. Điều chỉnh tốc độ quạt bằng cách xoay núm điều khiển quạt.
2. Chọn
3. Điều chỉnh nhiệt độ bằng cách sử dụng núm điều khiển nhiệt độ.
4. Gạt cần sang

### ■ Để làm ấm bên trong xe nhanh

1. Đặt quạt ở tốc độ tối đa.
2. Chọn
3. Đặt nhiệt độ ấm tối đa.
4. Gạt cần sang

### ■ Để hút ẩm bên trong xe

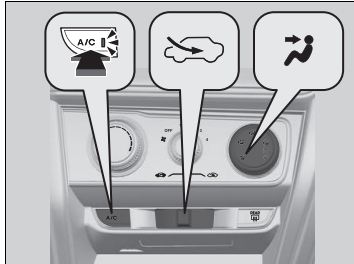
Khi được sử dụng kết hợp với bộ sưởi, hệ thống điều hòa không khí làm cho bên trong xe ấm và khô và có thể ngăn cửa kính bị đọng sương.



1. Bật quạt.
2. Ấn nút **A/C** để bật điều hòa không khí.
3. Chọn và gạt cần sang .
4. Điều chỉnh nhiệt độ theo sở thích của bạn.

### ►► Để làm ấm bên trong xe nhanh



Chuyển sang chế độ lấy gió ngoài ngay khi bên trong xe đủ ấm. Các cửa kính có thể bị đọng sương nếu để ở chế độ lấy gió trong.

## ■ Làm Mát



1. Điều chỉnh tốc độ quạt bằng cách sử dụng nút điều khiển quạt.
2. Chọn .
3. Điều chỉnh nhiệt độ bằng cách sử dụng nút điều khiển nhiệt độ.
4. Ấn nút **A/C** (Đèn báo bật).
5. Gạt cần sang .

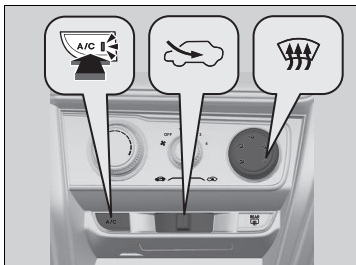
### ■ Để làm mát trong xe nhanh



1. Bật quạt ở tốc độ tối đa.
2. Chọn .
3. Đặt nhiệt độ để làm mát nhanh nhất.
4. Ấn nút **A/C** (Đèn báo bật).
5. Gạt cần sang .

### ☒ Để làm mát trong xe nhanh



Nếu bên trong xe đủ ẩm áp, bạn có thể làm mát nó nhanh hơn bằng cách mở một phần cửa kính.

### ■ Làm Tan Sương ở Kính Chắn Gió Và Cửa Kính\*



1. Bật quạt ở tốc độ cao.
2. Xoay núm điều khiển chế độ sang .
3. Gạt cần sang .
4. Ấn nút **A/C** (đèn báo sáng).
5. Điều chỉnh nhiệt độ để cảm nhận không khí ấm lên.

### ■ Làm tan sương các cửa kính nhanh

1. Bật quạt ở tốc độ tối đa.
2. Xoay núm điều khiển chế độ sang .
3. Ấn nút **A/C** (đèn báo sáng).
4. Gạt cần sang .
5. Thiết lập nhiệt độ đến ấm tối đa.

### ►► Làm Tan Sương ở Kính Chắn Gió Và Cửa Kính\*

**Vì sự an toàn của bạn, cần đảm bảo bạn có thể nhìn rõ qua các cửa kính trước khi lái.**

Không đặt nhiệt độ gần mức giới hạn trên hoặc dưới.

Khi khí lạnh phả vào kính chắn gió, phía ngoài của kính chắn gió có thể đọng sương.

Nếu các cửa kính bên bị đọng sương, điều chỉnh thông gió sao cho khí phả vào các cửa kính bên.

### ►► Làm tan sương các cửa kính nhanh

Sau khi làm tan sương, chuyển về chế độ lấy gió ngoài.

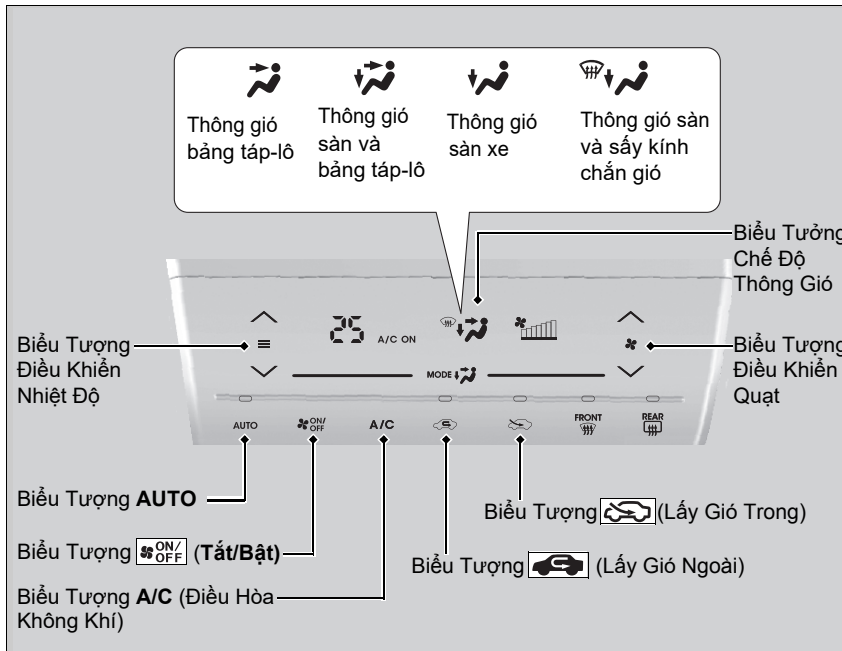
Nếu bạn vẫn để hệ thống ở chế độ lấy gió trong, các cửa kính có thể đọng sương do hơi ẩm.

Điều này có thể làm giảm tầm nhìn.

# Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu\*

## Sử Dụng Điều Khiển Khí Hậu Tự Động

Hệ thống điều khiển khí hậu tự động duy trì nhiệt độ bên trong xe mà bạn đã chọn. Hệ thống cũng sẽ điều chỉnh nhiệt độ một cách hợp lý để làm tăng hoặc giảm nhiệt độ trong xe đến mức bạn muốn một cách nhanh nhất.



Sử dụng hệ thống khi động cơ đang chạy.

1. Ấn vào biểu tượng **AUTO**.
2. Điều chỉnh nhiệt độ trong xe bằng cách sử dụng núm điều khiển nhiệt độ.
3. Ấn nút **ON/OFF (BẬT/TẮT)** để huỷ.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### Sử Dụng Điều Khiển Khí Hậu Tự Động

Nếu bất cứ biểu tượng nào được chọn khi hệ thống điều khiển khí hậu đang ở tự động, chức năng của nút đó sẽ được ưu tiên.



Đèn báo **AUTO** tắt, những chức năng không liên quan đến nút mà bạn đã ấn sẽ vẫn ở chế độ tự động.

Để ngăn khí lạnh thổi vào từ bên ngoài, cánh quạt có thể khởi động với tốc độ thấp trong một lúc khi mà nút **AUTO** được ấn.

Nếu bên trong xe quá nóng, bạn có thể làm mát nhanh chóng bằng cách mở một phần cửa kính, chuyển hệ thống sang **AUTO** và cài đặt nhiệt độ xuống thấp. Chuyển chế độ lấy gió ngoài sang chế độ lấy gió trong cho đến khi nhiệt độ trong xe mát trở lại.

Khi bạn cài đặt nhiệt độ đến mức giới hạn trên hoặc dưới, **Lo** hoặc **Hi** được hiển thị.


### ■ Chuyển đổi giữa chế độ lấy gió trong và lấy gió ngoài

Chọn biểu tượng  (Lấy Gió Trong) hoặc biểu tượng  (Lấy Gió Ngoài) và chuyển chế độ tùy theo điều kiện môi trường.

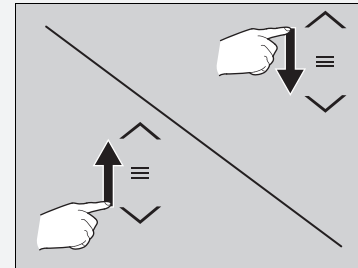
Chế độ lấy gió trong: Tuần hoàn không khí từ bên trong xe thông qua hệ thống.

Chế độ lấy gió ngoài: Duy trì thông gió bên ngoài. Giữ hệ thống ở chế độ lấy gió ngoài trong các điều kiện bình thường.

### ►► Sử Dụng Điều Khiển Khí Hậu Tự Động

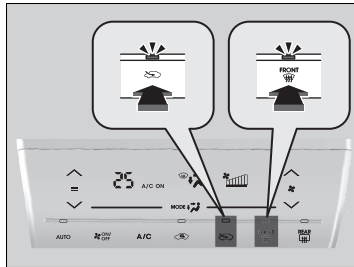
Chọn biểu tượng  để bật và tắt hệ thống điều khiển khí hậu. Hệ thống sẽ chọn lựa chọn cuối cùng của bạn.

Bạn có thể tăng hoặc giảm nhiệt độ hoặc cài đặt tốc độ quạt bằng cách bấm biểu tượng điều khiển.




Trong khi chế độ ECON đang hoạt động, hệ thống điều khiển khí hậu có thể bị giảm hiệu suất làm mát.

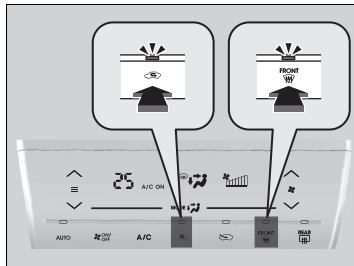
### ■ Làm Tan Sương Kính Chấn Gió và Cửa Kính\*





Chọn biểu tượng  để bật hệ thống điều hoà không khí.

**Ngoại trừ loại xe Malaysia, Philippin và Đài Loan**  
Hệ thống chuyển sang chế độ lấy gió ngoài khi bạn chọn biểu tượng .

### ■ Làm tan sương hoặc tan băng các cửa kính nhanh



1. Chọn biểu tượng .
2. Chọn biểu tượng .

### ►► Làm Tan Sương Kính Chấn Gió và Cửa Kính\*

**Vi sự an toàn của bạn, cần đảm bảo bạn có thể nhìn rõ qua các cửa kính trước khi lái.**

Không đặt nhiệt độ gần mức giới hạn trên hoặc dưới.  
Khi khí lạnh phả vào kính chấn gió, phía ngoài của kính chấn gió có thể đọng sương.

Nếu các cửa kính bên bị đọng sương, điều chỉnh thông gió sao cho khí phả vào các cửa kính bên.

### ►► Làm tan sương các cửa kính nhanh

Sau khi làm tan sương, chuyển về chế độ lấy gió ngoài.

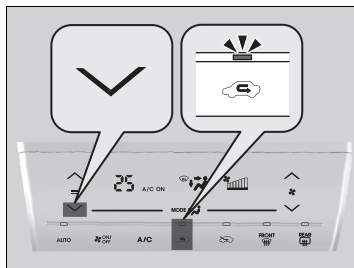
Nếu bạn vẫn để hệ thống ở chế độ tuần hoàn khí trong, các cửa kính có thể đọng sương do hơi ẩm. Điều này có thể làm giảm tầm nhìn.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ■ Bật và Tắt Tiếng Bíp Màn Hình Cảm Ứng

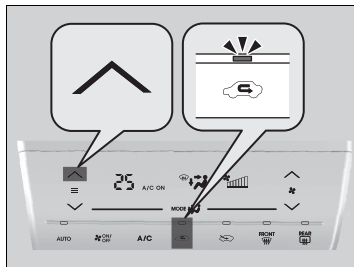
Bạn nghe thấy tiếng bip khi vận hành hệ thống điều khiển khí hậu trên màn hình cảm ứng. Có thể bật và tắt tiếng bip này.

Để tắt âm thanh:



1. Xoay khóa điện sang BẬT \*1.
2. Khi đã chọn , chạm 5 lần.
3. Sau đó -- nhấp nháy năm lần trong màn hình hiển thị nhiệt độ, nó sẽ thay đổi thành **OF**.  
► Bỏ tay ra khỏi .

Để bật lại âm thanh:



1. Xoay khóa điện đến BẬT \*1.
2. Khi đã chọn , chạm 5 lần.
3. Sau khi **OF** nhấp nháy năm lần trên màn hình hiển thị nhiệt độ, nó sẽ thay đổi thành --.  
► Bỏ tay ra khỏi .

\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

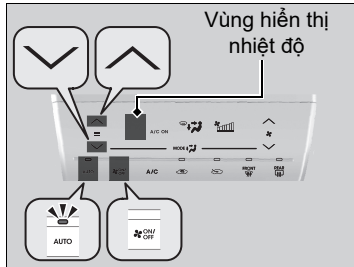
## » Bật và Tắt Tiếng Bíp Màn Hình Cảm Ứng

Không ấn bất kỳ biểu tượng nào khác trong khi thay đổi cài đặt tiếng bip. Nếu bạn không thể bật hoặc tắt cài đặt sau khi thực hiện quy trình, hãy xoay khóa điện sang KHÓA \*1, sau đó thực hiện lại.



## ■ Cài Đặt Độ Nhạy Của Màn Hình Cảm Ứng

Bạn có thể đặt mức độ nhạy của màn hình cảm ứng thành cao, trung bình hoặc thấp.



1. Xoay khóa điện đến BẬT **II**\*1.
2. Ấn và giữ biểu tượng **AUTO**, sau đó nhấn bất kỳ biểu tượng sau đây năm lần để đặt mức.
  - **^**: Cao (**Hi**)\*2.
    - Cài đặt trước đó nhấp nháy năm lần và **Hi** sẽ được hiển thị trong vùng hiển thị nhiệt độ.
  - **ON/OFF**: Trung Bình (--)  
 ► Cài đặt trước đó nhấp nháy năm lần và -- sẽ được hiển thị trong vùng hiển thị nhiệt độ.
  - **∨**: Thấp (**Lo**)
    - Cài đặt trước đó nhấp nháy năm lần và **Lo** sẽ được hiển thị trong vùng hiển thị nhiệt độ.
3. Bỏ tay khỏi biểu tượng **AUTO**.

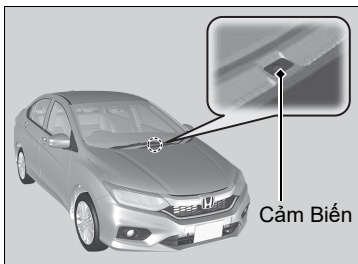
\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

\*2: Cài đặt mặc định

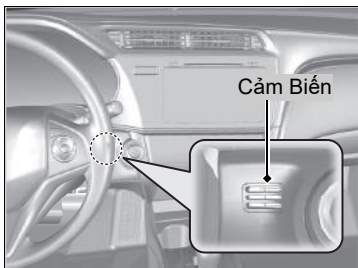
## ▣ Cài Đặt Độ Nhạy Của Màn Hình Cảm Ứng

Nếu bạn chạm vào bất kỳ biểu tượng nào khác trong quy trình này, cài đặt có thể không hoàn thành. Trong trường hợp này, bạn xoay khóa điện sang KHÓA **0**\*1, sau đó thực hiện lại quy trình.

## Các Cảm Biến Điều Khiển Khí Hậu Tự Động

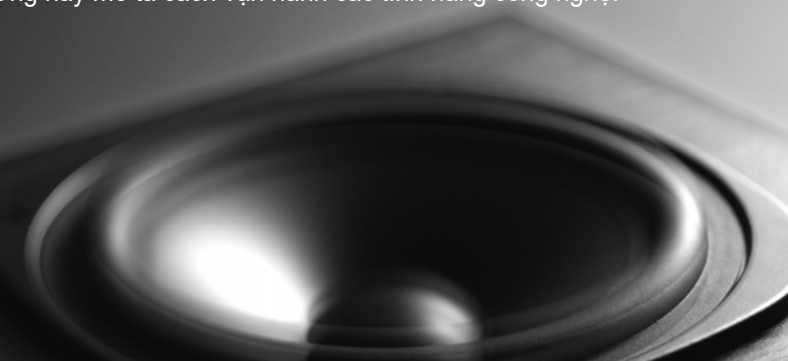


Hệ thống điều khiển khí hậu tự động được trang bị các cảm biến. Không được che hoặc làm tràn chất lỏng vào các cảm biến này.



# Tính Năng

Chương này mô tả cách vận hành các tính năng công nghệ.



## Hệ Thống Âm Thanh

Hệ Thống Âm Thanh.....	190
(Các) Cổng USB .....	191
Cổng HDMI™* .....	192
Cổng AUX .....	193
Bảo Vệ Hệ Thống Âm Thanh* .....	194
Ăng-ten Âm Thanh.....	194
Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa* .....	195

Loại xe có hệ thống âm thanh đen trắng

<b>Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống Âm Thanh</b> .....	197
--	-----

Loại xe có hệ thống Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

<b>Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống Âm Thanh</b> .....	216
<b>Thông Báo Lỗi Âm Thanh</b>	
Máy Phát CD.....	243
iPod/USB .....	244

## Thông Tin Chung về Hệ Thống Âm Thanh

Đĩa CD Khuyến Dừng .....	246
iPod, iPhone và USB Tương Thích .....	248

Loại xe có hệ thống Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

<b>Tính Năng Tùy Chọn*</b> .....	250
----------------------------------	-----

Loại xe có hệ thống âm thanh đen trắng

## Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay\*/Bluetooth® HandsFreeLink®

Sử Dụng HFT/HFL.....	262
Danh Mục HFT/HFL.....	264

Loại xe có hệ thống Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

## Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay\*/Bluetooth® HandsFreeLink®

Sử Dụng HFT/HFL.....	285
Danh Mục HFT/HFL.....	288

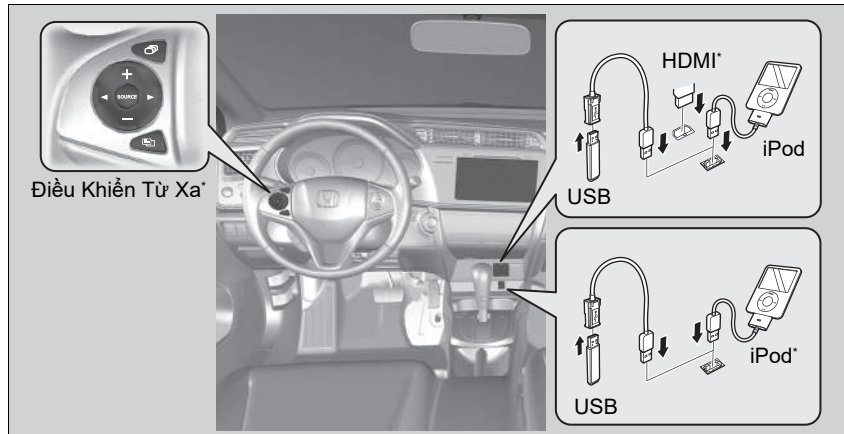
\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Hệ Thống Âm Thanh\*

### Hệ Thống Âm Thanh

Hệ thống âm thanh có tính năng đài AM/FM. Hệ thống này cũng có thể phát CD, tệp WMA/MP3/AAC, USB, iPod, iPhone, *Bluetooth*<sup>®</sup> và thiết bị HDMI<sup>™</sup>.

Bạn có thể vận hành hệ thống âm thanh bằng các nút và các công tắc trên bảng điều khiển, điều khiển từ xa\* trên vô lăng, hoặc các biểu tượng trên màn hình cảm ứng\*.

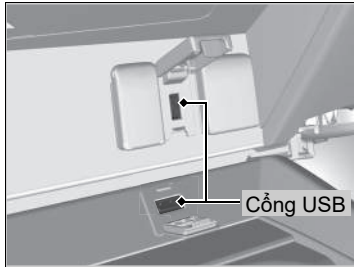


#### ▶▶ Hệ Thống Âm Thanh

CD video, DVD và CD mini 8-cm không được hỗ trợ.

iPod, iPhone và iTunes là thương hiệu của Tập Đoàn Apple.

## (Các) Cổng USB



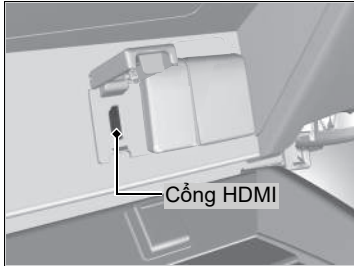
1. Mở nắp đây.
2. Cắm đầu kết nối thiết bị USB hoặc USB vào cổng USB.

### »(Các) Cổng USB

- Không để iPod hoặc USB trong xe. Nhiệt độ cao và ánh nắng mặt trời trực tiếp có thể làm hỏng chúng.
- Bạn nên sử dụng cáp mở rộng cho cổng USB.
- Không nối iPod hoặc USB bằng bộ nối ngoài.
- Không sử dụng thiết bị như: đầu đọc thẻ, ổ cứng, vì thiết bị hoặc các tệp tin có thể bị hỏng.
- Bạn nên lưu trữ dự phòng dữ liệu của bạn trước khi sử dụng trên xe.
- Thông báo hiển thị có thể khác nhau tùy vào thiết bị hoặc phiên bản phần mềm.

Nếu hệ thống âm thanh không nhận diện iPod, thử kết nối lại vài lần hoặc khởi động lại thiết bị. Để khởi động lại, làm theo chỉ dẫn của nhà sản xuất trong cuốn hướng dẫn đi kèm với iPod hoặc truy cập trang web [www.apple.com/ipod](http://www.apple.com/ipod).

## Cổng HDMI™\*



1. Mở nắp.
2. Cắm đầu cáp HDMI™ vào cổng HDMI™.

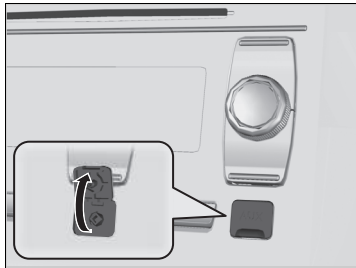
### » Cổng HDMI™\*

- Không được để thiết bị đã kết nối HDMI™ trong xe. Ánh nắng trực tiếp từ mặt trời và nhiệt độ cao có thể làm hỏng nó.
- Bạn nên lưu trữ dữ phòng dữ liệu của bạn trước khi sử dụng thiết bị trên xe.
- Thông báo hiển thị có thể khác nhau tùy vào thiết bị hoặc phiên bản phần mềm.

Thuật ngữ HDMI và HDMI High-Definition Multimedia Interface và Logo HDMI là các thương hiệu đã được đăng ký nhãn hiệu bởi HDMI Licensing LLC tại Mỹ và các quốc gia khác.

## Cổng AUX\*

Sử dụng cổng này để kết nối một thiết bị âm thanh tiêu chuẩn.



1. Mở nắp đây.
2. Kết nối thiết bị âm thanh tiêu chuẩn với cổng này bằng cách sử dụng giắc cắm 3.5 mm.

### ☒ Cổng AUX\*

Để chuyển chế độ, ấn bất kỳ nút chế độ âm thanh nào. Bạn có thể quay lại chế độ AUX bằng cách ấn nút **CD/AUX**.

Bạn không thể sử dụng cổng AUX nếu bạn thay thế hệ thống âm thanh.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

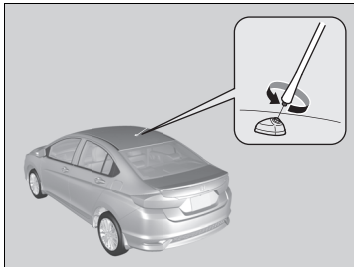
## Bảo Vệ Hệ Thống Âm Thanh\*

Hệ thống âm thanh không hoạt động khi không có điện, ví dụ: khi tháo ắc quy hoặc ắc quy hết điện. Trong một số trường hợp, hệ thống có thể hiển thị màn hình nhập mã. Nếu điều này xảy ra, hãy kích hoạt lại hệ thống âm thanh.

### ■ Kích hoạt lại hệ thống âm thanh

1. Xoay khoá điện đến BẬT **II**\*1.
2. Bật hệ thống âm thanh.
3. Ấn và giữ nút nguồn hệ thống âm thanh trong hơn hai giây.
  - Hệ thống âm thanh được kích hoạt lại khi bộ điều khiển âm thanh thiết lập một kết nối với bộ điều khiển của xe. Nếu bộ điều khiển không nhận diện được bộ điều khiển âm thanh, hãy đến đại lý để kiểm tra bộ âm thanh.

## Ăng-ten Âm Thanh\*



Xe của bạn được trang bị ăng-ten có thể tháo rời ở phía sau nóc xe.

### ►►Ăng-ten Âm Thanh\*

#### CHÚ Ý

Trước khi sử dụng dịch vụ rửa xe bằng hệ thống rửa xe tự động, hãy tháo ăng-ten. Điều này giúp ăng-ten khỏi bị hư hỏng do bàn chải rửa xe.

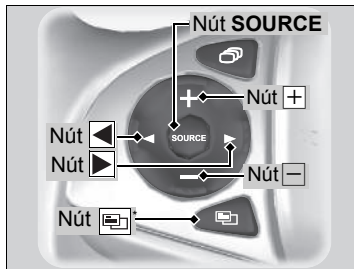
\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



## Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa\*

Giúp bạn có thể vận hành hệ thống âm thanh khi đang lái xe.



### Nút SOURCE

Thứ tự chế độ âm thanh như sau:

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh đen trắng

FM1→FM2→AM→CD→USB/iPod→

Bluetooth® Audio→AUX

Loại xe có hệ thống Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

FM→AM→CD→USB→iPod→ Apps→

Bluetooth® Audio→AUX HDMI™

### (Các Nút + - (Âm Lượng))

Ấn +: Để tăng âm lượng.

Ấn -: Để giảm âm lượng.

### Các nút ◀ ▶

- Khi nghe radio
  - Ấn ▶: Để chọn kênh radio cài đặt sẵn tiếp theo.
  - Ấn ◀: Để chọn kênh radio cài đặt sẵn trước đó.
  - Ấn và giữ ▶: Để chọn kênh có tần số mạnh tiếp theo.
  - Ấn và giữ ◀: Để chọn kênh có tần số mạnh trước đó.
- Khi nghe CD, iPod, USB, hoặc âm thanh Bluetooth®.
  - Ấn ▶: Để bỏ qua sang bài tiếp theo.
  - Ấn ◀: Để trở lại phần đầu của bài hát hiện tại hoặc bài trước.
- Khi nghe CD (MP3/WMA/AAC), USB, hoặc Âm Thanh Bluetooth®.
  - Ấn và giữ ▶: Để bỏ qua sang thư mục tiếp theo.
  - Ấn và giữ ◀: Để trở lại thư mục trước đó.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

### ►► Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa\*


Một số chế độ chỉ xuất hiện khi sử dụng thiết bị hoặc phương tiện phù hợp.

Tùy thuộc vào thiết bị Bluetooth® mà bạn kết nối, một số chức năng có thể không có trong hệ thống âm thanh.


Loại xe có hệ thống Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

**Nút** 


- Khi nghe radio

**Ấn** : Để hiển thị các mục danh mục. Bạn có thể chọn **Scan** (Quét), **Save Preset** (Lưu Cài Đặt Trước) hoặc **Seek** (Tìm Kiếm).


- Khi nghe CD hoặc USB

**Ấn** : Để hiển thị các mục danh mục. Bạn có thể chọn **Scan** (Quét), **Repeat** (Lặp Lại), hoặc **Random** (Ngẫu Nhiên).


- Khi nghe iPod

**Ấn** : Để hiển thị các mục danh mục. Bạn có thể chọn **Repeat** (Lặp Lại) hoặc **Shuffle** (Trộn Bài).

- Khi nghe Âm Thanh *Bluetooth*<sup>®</sup>


**Ấn** : Để hiển thị các mục danh mục. Bạn có thể chọn **PAUSE** (TẠM DỪNG) hoặc **Play** (Phát).

- Khi xem video

**Ấn** : Để hiển thị các mục danh mục. Bạn có thể chọn **Scan** (Quét), **Repeat** (Lặp Lại), **Random** (Ngẫu Nhiên), hoặc **Play/Pause** (Phát/Tạm Dừng).



►►Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa\*

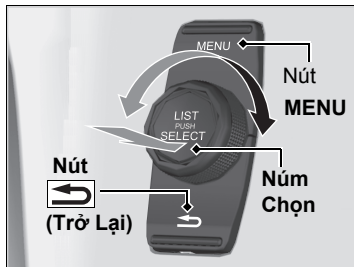
Loại xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

Nút  chỉ hoạt động khi chế độ âm thanh là FM, AM, CD, USB, iPod hoặc Âm Thanh *Bluetooth*<sup>®</sup>.


# Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống Âm Thanh

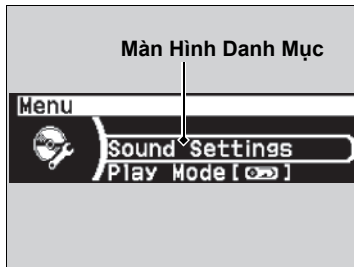
Loại xe có màn hình âm thanh đen trắng

Để sử dụng hệ thống âm thanh, khoá điện phải ở PHỤ KIỆN  hoặc BẬT \*1.



Sử dụng nút chọn hoặc nút **MENU** để truy cập một số chức năng âm thanh.


Ấn  để chuyển đổi giữa hiển thị thường và mở rộng đối với một số chức năng.



**Nút chọn:** Xoay sang trái hoặc phải để di chuyển đến các mục lựa chọn có sẵn.

Ấn  để thiết lập lựa chọn.


**Nút MENU:** Ấn để chọn chế độ bất kỳ. Chế độ có sẵn gồm chọn tự động, lưu cài đặt trước, cài đặt âm thanh, cài đặt *Bluetooth*<sup>®</sup>, và chế độ phát. Có thể chọn các chế độ phát từ chế độ scan (quét), random (ngẫu nhiên), repeat (lặp lại) và các chế độ khác.

**Nút  (Trở Lại):** Ấn để quay trở lại màn hình hiển thị trước đó.

## » Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống Âm Thanh

Các ký hiệu này được sử dụng để hiển thị cách vận hành nút chọn.

Xoay  để chọn.

Ấn  để thực hiện.

Các Mục Danh Mục

➤ **Cài Đặt Âm Thanh** Tr. 198

➤ **Chế Độ Phát** Tr. 205, 209, 212





➤ **Quét** Tr. 202

➤ **Chọn Tự Động** Tr. 201

➤ **Lưu Cài Đặt Trước** Tr. 201

➤ **Tiếp Tục/Tạm Dừng** Tr. 215

Loại có các nút điều khiển âm thanh từ xa

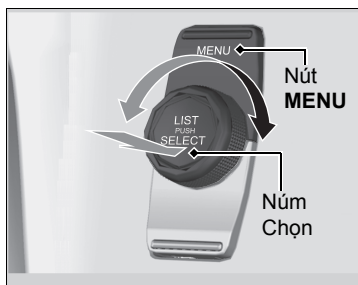
Ấn nút **SOURCE**, , , hoặc nút   trên vô lăng để thay đổi cài đặt âm thanh.

➤ **Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa** \* Tr. 195

\* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

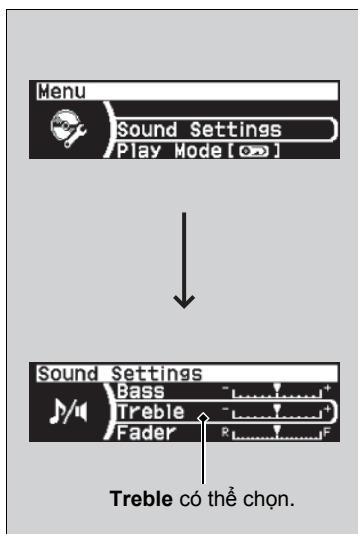
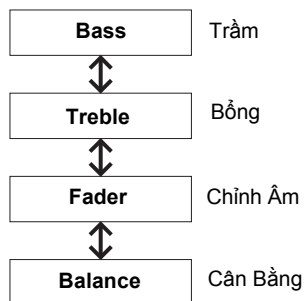
\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Điều Chỉnh Âm Thanh



1. Ấn nút **MENU**.
2. Xoay để chọn **Sound Settings**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn chế độ, sau đó ấn .

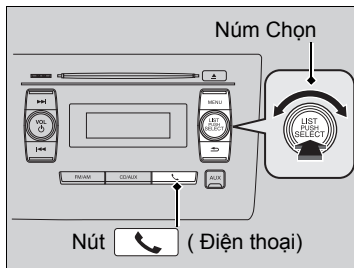
Xoay để xem qua các lựa chọn sau:



Tính Năng

## Ngôn Ngữ Hệ Thống\*

Bạn có thể thay đổi ngôn ngữ hiển thị trên chế độ điện thoại.



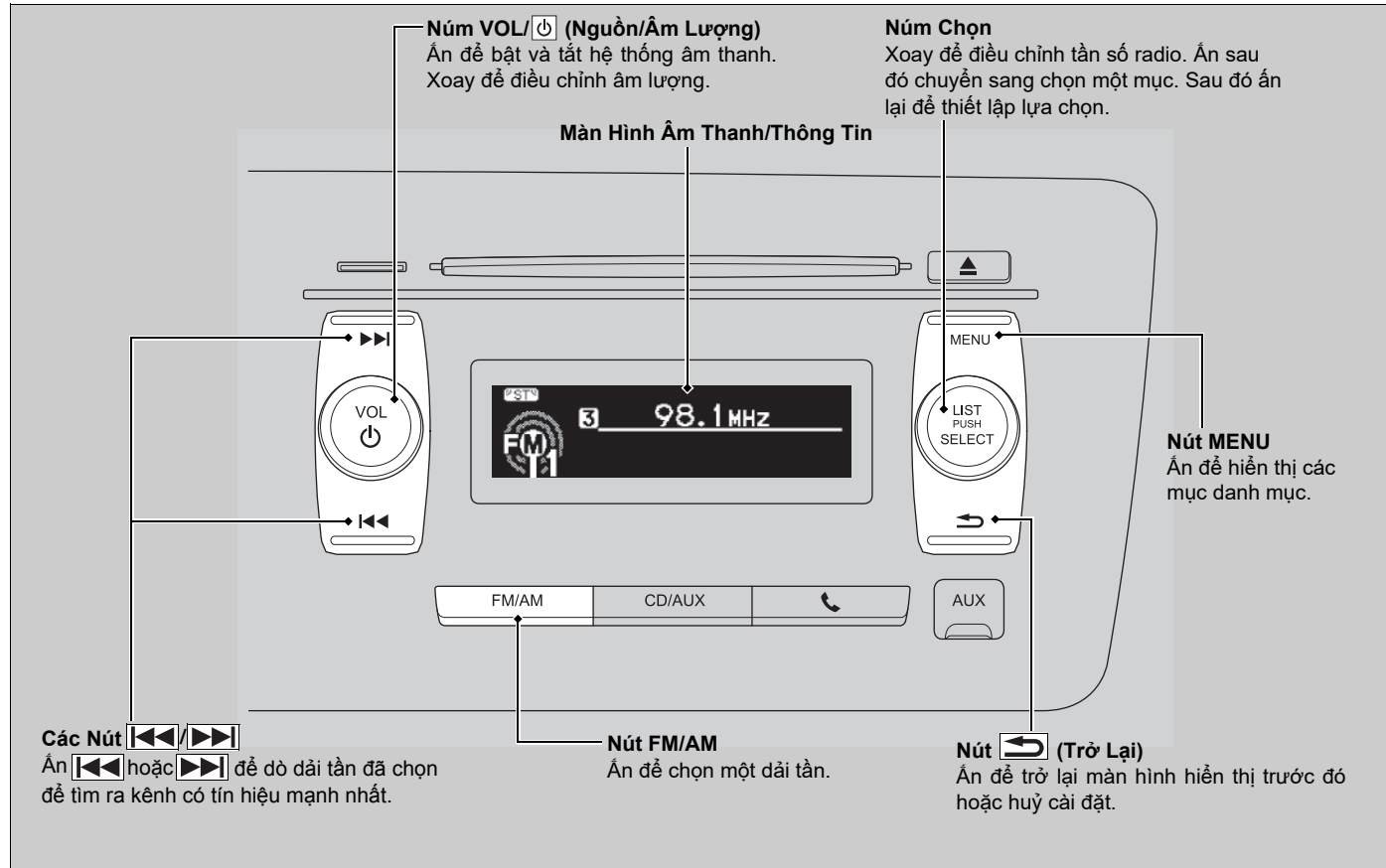
1. Ấn nút (Điện Thoại).
2. Xoay để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Language**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn ngôn ngữ, sau đó ấn .

### ►► Hệ Thống Ngôn Ngữ\*

Bạn có thể thay đổi ngôn ngữ hiển thị sang tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha hoặc tiếng Bồ Đào Nha.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



## Bật Đài AM/FM





Trình Năng

## ■ Chọn Tự Động





Sử dụng tính năng chọn tự động để quét cả hai dải tần và lưu kênh mạnh nhất trong số các kênh cài đặt trước.

1. Ấn nút **FM/AM** để chuyển chế độ.
2. Ấn nút **MENU**.
3. Xoay  để chọn **Auto Select**, sau đó ấn .
  - Hệ thống chuyển sang chế độ quét trong vài giây.




Để tắt chức năng chọn tự động, ấn nút **MENU** và xoay  để chọn **Auto Select**, sau đó ấn .

## ■ Bộ Nhớ Cài Đặt Sẵn

Sử dụng tính năng bộ nhớ cài đặt sẵn để lưu một kênh trong số các cài đặt trước.

1. Điều chỉnh đến kênh đã chọn.
2. Ấn nút **MENU**.
3. Xoay  để chọn **Save Preset**, sau đó ấn .
4. Xoay  để lưu số kênh bạn muốn trong số các kênh cài đặt sẵn, sau đó ấn .

Bạn cũng có thể lưu kênh theo quy trình sau:

1. Điều chỉnh đến kênh đã chọn.
2. Ấn  chuyển sang chế độ danh sách kênh cài đặt sẵn.
3. Xoay  để chọn một số cài đặt sẵn, sau đó nhấn và giữ .

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ►►Bật Đài AM/FM

Tần số radio đã chọn được hiển thị trên màn hình trung tâm.

Đèn báo **ST** xuất hiện trên màn hình hiển thị cho thấy đang phát đài FM âm thanh nổi.  
Đài AM âm thanh nổi chưa được tái tạo.

Bạn có thể lưu 6 kênh AM và 12 kênh FM vào bộ nhớ cài đặt sẵn. Mỗi FM1 và FM2 cho phép bạn lưu được 6 kênh.


Chức năng Chọn Tự Động sẽ quét và lưu trữ tối đa 6 kênh AM và 12 kênh FM với tín hiệu mạnh vào bộ nhớ cài đặt sẵn.

Nếu bạn không thích các kênh chọn tự động đã được lưu, bạn có thể lưu thủ công các tần số ưa thích của mình.

**Loại xe có các nút điều khiển âm thanh từ xa**




Chuyển đổi Chế Độ Âm Thanh

Ấn nút **SOURCE** trên vô lăng.

 **Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa\*** Tr. 195



## ■ Danh Sách Cài Đặt Sẵn


Danh sách các kênh cài đặt sẵn trên dải tần đã chọn.

1. Điều chỉnh đến kênh đã chọn.
2. Ấn  để chuyển sang chế độ danh sách kênh cài đặt sẵn.
3. Xoay  để chọn kênh cài đặt sẵn, sau đó ấn .

## ■ Quét

Nghe thử từng kênh có tần số mạnh nhất trong dải tần được chọn khoảng 10 giây.

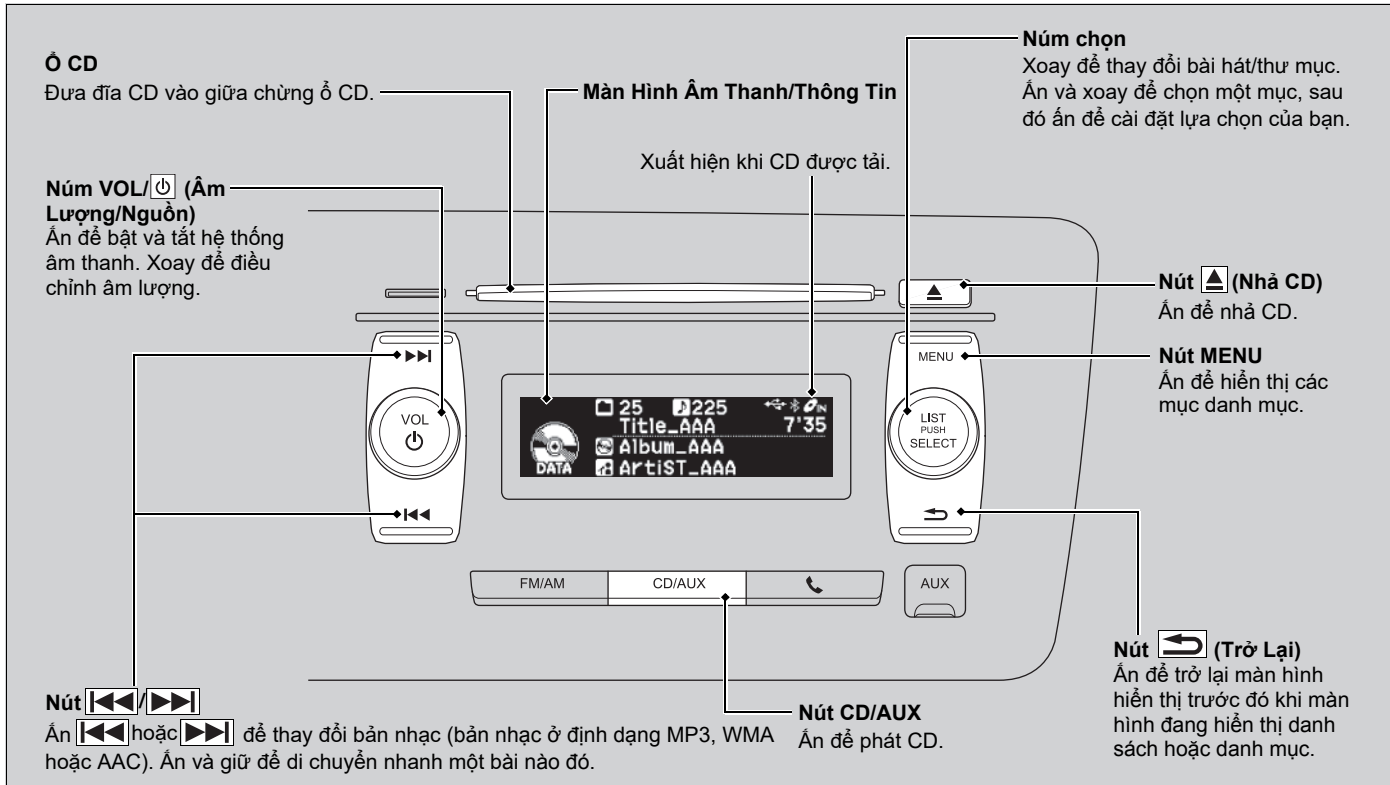
1. Ấn nút **FM/AM** để chuyển chế độ.
2. Ấn nút **MENU**.
3. Xoay  để chọn **Scan**, sau đó ấn .

Để tắt quét, ấn .



## Bật CD

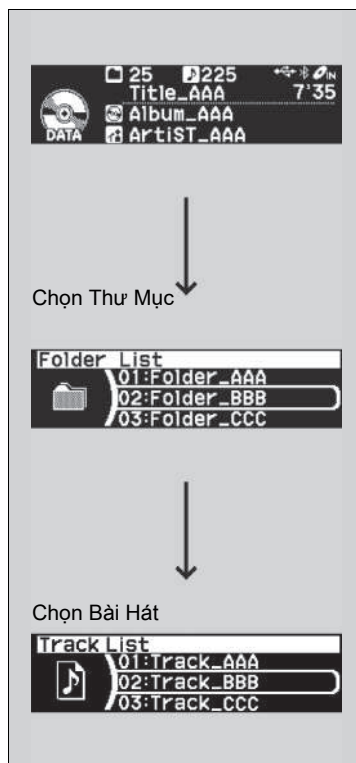
Hệ thống âm thanh của bạn hỗ trợ CD âm thanh, CD-R và CD-RW ở định dạng MP3, WMA hoặc AAC\*1. Khi đĩa CD được tải, ấn nút **CD/AUX**.




Tình Năng


\* 1: Chỉ các bản nhạc định dạng AAC được ghi bằng iTunes là có thể phát trên thiết bị này.


## Cách Chọn Bài Từ Thư Mục Bằng Nút Chọn (MP3/WMA/AAC)





Trình Năng

1. Ấn  để hiển thị danh sách thư mục.

2. Xoay  để chọn một thư mục.

3. Ấn  để hiển thị danh sách các bài trong thư mục.

4. Xoay  để chọn một bài, sau đó ấn .

## ►► Bật CD

### CHÚ Ý

Không sử dụng đĩa CD có nhãn dính. Nhãn có thể khiến CD bị kẹt trong máy phát.

Không thể phát các bài theo định dạng AAC hoặc WMA được bảo vệ bởi hệ thống quản lý bản quyền kỹ thuật số (DRM). Hệ thống âm thanh hiển thị **Unplayable File** (bài không thể phát), sau đó bỏ qua bài tiếp theo.

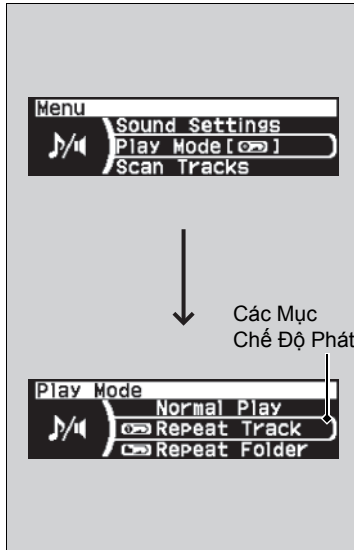
Dữ liệu văn bản xuất hiện trên màn hình trong các trường hợp sau:

- Khi bạn chọn một thư mục, bản nhạc hoặc bài hát mới.
- Khi bạn thay đổi chế độ âm thanh sang CD.
- Khi bạn đưa đĩa CD vào.

Nếu bạn đẩy CD ra nhưng không lấy nó ra khỏi ổ đĩa, hệ thống sẽ tự động tải lại CD sau vài giây.

## ■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn chế độ lặp lại và ngẫu nhiên khi phát một bài nào đó.



1. Ấn nút **MENU**.

2. Xoay để chọn **Play Mode**, sau đó ấn .

3. Xoay để chọn một chế độ, sau đó ấn .

## ■ Tắt chế độ phát

1. Ấn nút **MENU**.

2. Xoay để chọn **Play Mode**, sau đó ấn .

3. Xoay để chọn **Normal Play**, sau đó ấn .

## ▶▶ Cách Chọn Chế Độ Phát

Danh Mục Chế Độ Phát

**Normal Play** (Phát Thường)

**Repeat Folder** (MP3/WMA/AAC): Lặp tất cả các tệp tin trong thư mục hiện tại.

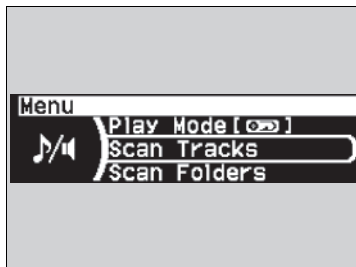
**Repeat Track**: Lặp lại bài hát/tập tin hiện tại.



**Random in Folder** (MP3/WMA/AAC): Phát tất cả các tệp tin trong thư mục hiện tại theo thứ tự ngẫu nhiên.

**Random All**: Phát tất cả các bài hát/bản nhạc theo thứ tự ngẫu nhiên.

## ■ Quét

Bạn có thể chọn chế độ quét khi phát một bài nào đó.



1. Ấn nút **MENU**.
2. Xoay  chọn **Scan Tracks** hoặc **Scan Folders**, sau đó ấn .

Để tắt quét, ấn .

## ▣ Quét

Các Danh Mục Chế Độ Quét

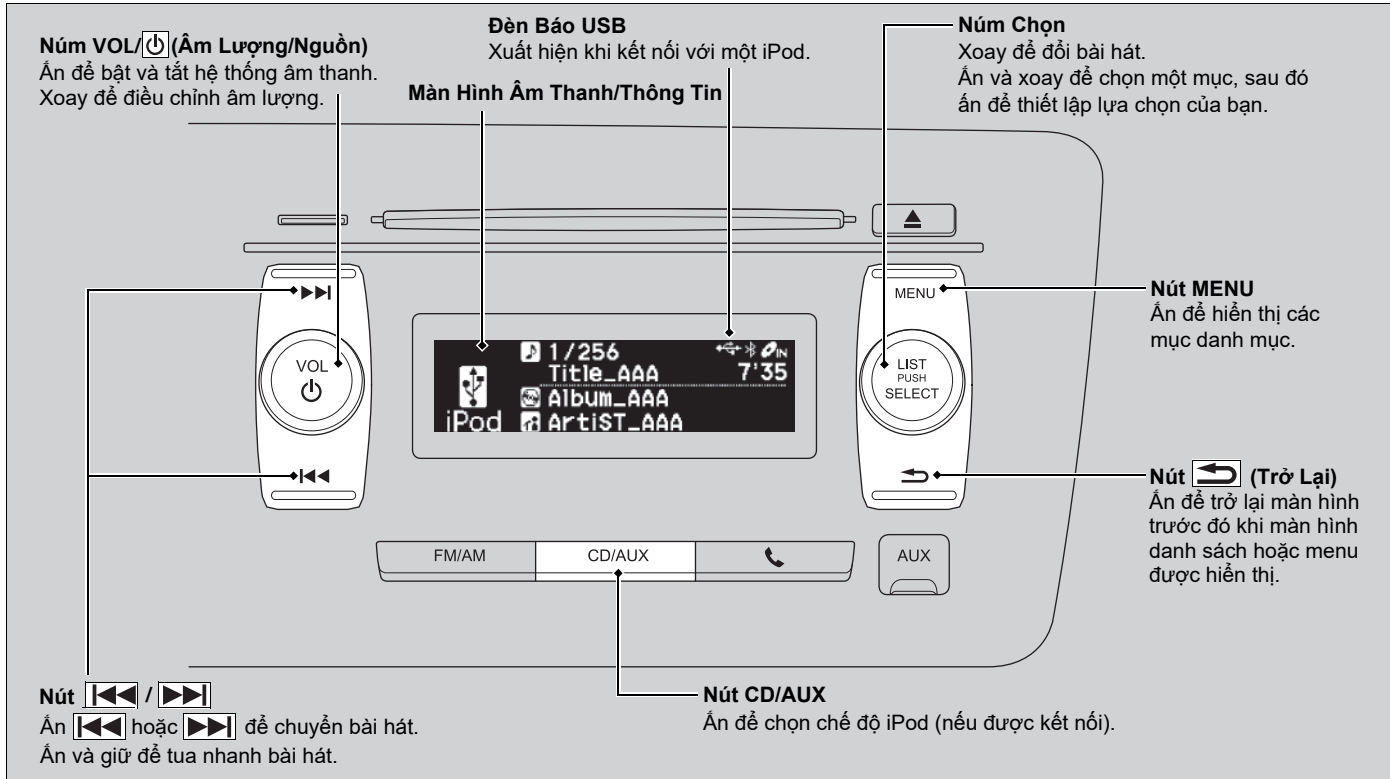
**Scan Folders** (MP3/WMA/AAC): Nghe thử 10 giây bài hát đầu tiên trong từng thư mục chính.

**Scan Tracks**: Nghe thử 10 giây tất cả các bài hát trong CD (tất cả các bài trong thư mục hiện tại ở định dạng MP3, WMA hoặc AAC).

## Bật iPod


Sử dụng đầu nối chống sét của bạn, cắm iPod vào cổng USB, sau đó ấn nút CD/AUX.

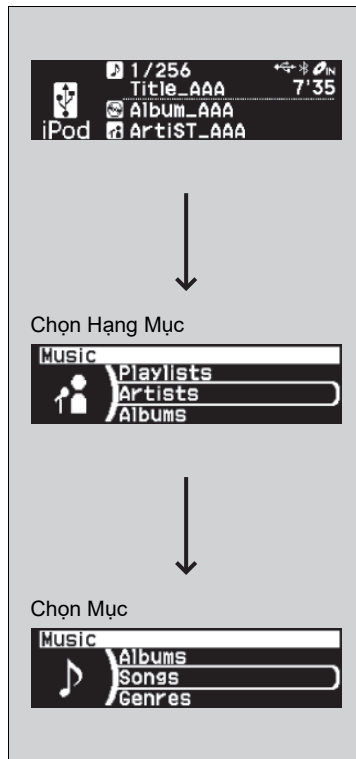
► (Các) Cổng USB Tr. 191





Tính Năng



## Cách Chọn Bài Hát từ Danh Sách Bài Hát trong iPod bằng Nút Chọn

1. Ấn để  hiển thị danh sách bài hát trong iPod.



2. Xoay  để chọn hạng mục.

3. Ấn  để hiển thị các mục trong danh sách các hạng mục.

4. Xoay  để chọn một mục, sau đó ấn .  
► Lặp lại quy trình này cho đến khi một mục bạn muốn nghe được hiển thị.

## ►► Bật iPod

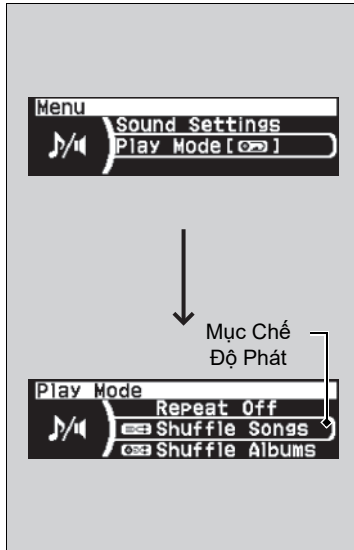
Các chức năng hoạt động là khác nhau tùy theo loại xe hoặc phiên bản xe. Một số chức năng có thể không có trên hệ thống âm thanh của xe.

Nếu có sự cố, một thông báo lỗi sẽ xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin.

► iPod/USB Tr. 244

## ■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn các chế độ lặp lại hoặc trộn bài trong một danh mục bài hát.



1. Ấn nút **MENU**.

2. Xoay để chọn **Play Mode**, sau đó ấn .

3. Xoay để chọn một chế độ, sau đó ấn .

## ■ Tắt một chế độ phát

1. Ấn nút **MENU**.

2. Xoay để chọn **Play Mode**, sau đó ấn .

3. Xoay để chọn **Normal Play**, sau đó ấn .

## ▶▶ Cách Chọn Chế Độ Phát

Các Chế Độ Phát

**Normal Play** (Phát Thường)

**Shuffle Off** : Tắt chế độ phát ngẫu nhiên.

**Shuffle Songs**: Phát tất cả các bài hát trong danh sách đã chọn (danh sách phát, nghệ sỹ, album, bài hát, thể loại hoặc nhạc sỹ) theo thứ tự ngẫu nhiên.

**Shuffle Albums**: Phát tất cả các album trong danh sách đã chọn (danh sách phát, nghệ sỹ, album, bài hát, thể loại hoặc nhạc sỹ) theo thứ tự ngẫu nhiên.

**Repeat Off**: Tắt chế độ lặp lại.

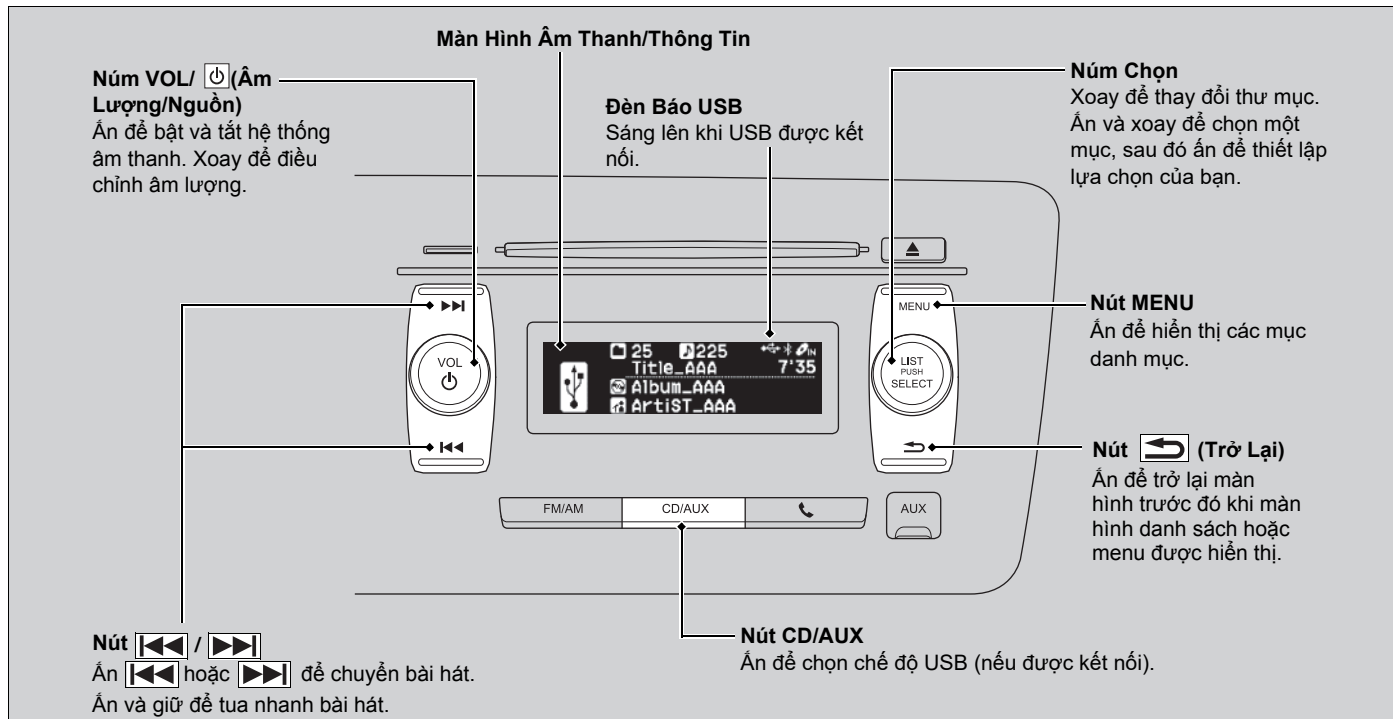
**Repeat Track**: Lặp lại bài hát hiện tại.

## Bật USB

Hệ thống âm thanh của bạn đọc và phát các file âm thanh trong USB ở định dạng MP3, WMA hoặc AAC\*1.

Cắm USB vào cổng USB, sau đó ấn nút **CD/AUX**.

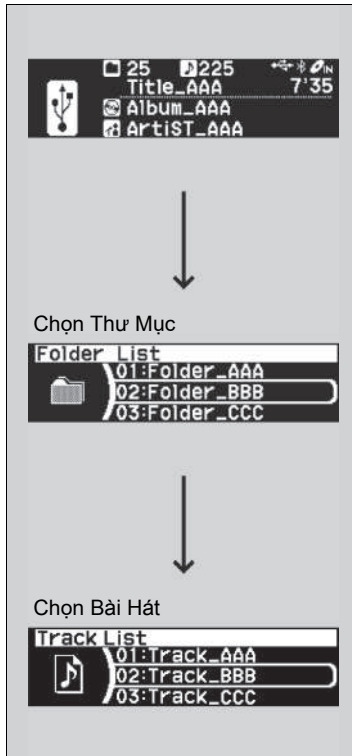
☑ (Các) Cổng USB Tr. 191





\* 1: Chỉ các bài có định dạng AAC được ghi bằng iTunes mới có thể phát trên bộ này.






## Cách Chọn Bài trong Thư Mục bằng Nút Chọn



1. Ấn  để hiển thị danh sách thư mục.

2. Xoay  để hiển thị danh sách thư mục.

3. Ấn  để hiển thị danh sách các bài hát trong thư mục đó.

4. Xoay  để chọn một bài, sau đó ấn .

## ▶▶ Bật USB

Sử dụng USB khuyến dùng.

▶ **Thông Tin Chung về Hệ Thống Âm Thanh**  
Tr. 246

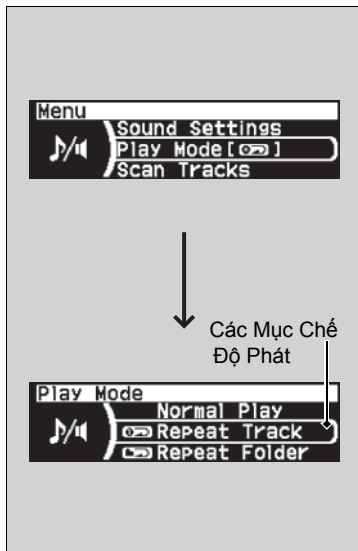
Không thể phát được các file định dạng WMA hoặc AAC được bảo vệ bởi hệ thống quản lý bản quyền kỹ thuật số (DRM).  
Hệ thống âm thanh hiển thị **Unplayable File** (bài không thể phát), sau đó bỏ qua đến bài hát tiếp theo.

Nếu có sự cố, sẽ có một thông báo lỗi xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin.

▶ **iPod/USB** Tr. 244

## ■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn các chế độ lặp lại, ngẫu nhiên, và quét khi đang phát một bài nào đó.



1. Ấn nút **MENU**.
2. Xoay để chọn **Play Mode**, sau đó ấn .

3. Xoay để chọn một chế độ, sau đó ấn .

## ■ Tắt một chế độ phát

1. Ấn nút **MENU**.
2. Xoay để chọn **Play Mode**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Normal Play**, sau đó ấn .

## ►► Cách Chọn Chế Độ Phát

Các Mục Chế Độ Phát

**Normal Play** (Phát Thường)

**Repeat Folder:** Lặp lại các bài trong thư mục hiện tại.

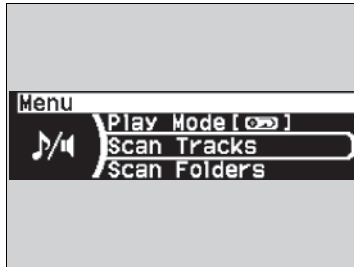
**Repeat Track:** Lặp lại bài hiện tại.



**Random in Folder:** Phát tất cả các bài trong thư mục hiện tại theo thứ tự ngẫu nhiên.


**Random All:** Phát tất cả các bài theo thứ tự ngẫu nhiên.

## ■ Quét

Bạn có thể chọn chế độ quét khi phát bài hát.



1. Ấn nút **MENU**.
2. Xoay  để chọn **Scan Tracks** hoặc **Scan Folders**, sau đó ấn .

Để tắt quét, ấn .

## ▣ Quét

Các Danh Mục Chế Độ Quét

**Scan Folders:** Nghe thử 10 giây bài hát đầu tiên trong từng thư mục chính.

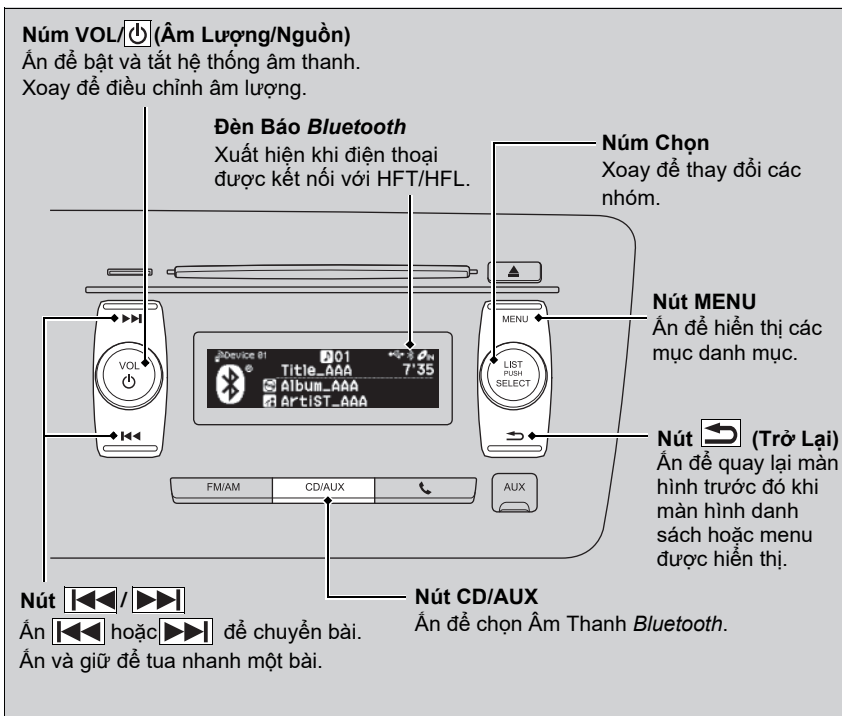
**Scan Tracks:** Nghe thử 10 giây tất cả các bài hát trong thư mục hiện tại.

## Bật Âm Thanh *Bluetooth*<sup>®</sup>

Hệ thống âm thanh cho phép bạn nghe nhạc từ điện thoại tương thích *Bluetooth*.

Chức năng này hoạt động khi điện thoại được ghép đôi và được kết nối với hệ thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT)/*Bluetooth*<sup>®</sup> HandsFreeLink<sup>®</sup> (HFL) của xe.

📖 Cài Đặt Điện Thoại Tr. 268



### ►► Bật Âm Thanh *Bluetooth*<sup>®</sup>

Không phải tất cả các điện thoại có âm thanh *Bluetooth* đều tương thích với hệ thống. Hãy liên hệ với đại lý để biết điện thoại của bạn có tương thích không.

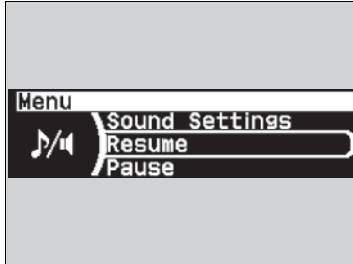
Ở một số quốc gia, việc thực hiện một số chức năng của thiết bị dữ liệu khi lái xe có thể là bất hợp pháp.

Nếu có nhiều điện thoại được ghép đôi với hệ thống HFT, thời gian bắt đầu phát sẽ lâu hơn.

Trong một số trường hợp, tên tác giả, album, bài hát có thể không hiển thị đúng.

Một số chức năng có thể không có sẵn trên một số thiết bị.



### ■ Phát Nhạc Qua *Bluetooth*®



1. Đảm bảo điện thoại của bạn đã được ghép đôi và kết nối với hệ thống.
2. Ấn nút **CD/AUX**.

Nếu điện thoại không được nhận diện, có khả năng một loại điện thoại tương thích với HFT/HFL khác mà không tương thích với Âm Thanh *Bluetooth*® đã được kết nối.

### ■ Tạm dừng hoặc phát tiếp một bài hát

1. Ấn nút **MENU**.
2. Xoay  để chọn **Resume** hoặc **Pause**, sau đó ấn .

### ☒ Phát Nhạc Qua Âm Thanh *Bluetooth*®

Để phát nhạc, có thể bạn cần kích hoạt điện thoại. Nếu vậy, hãy làm theo các hướng dẫn vận hành của nhà sản xuất điện thoại.

Chức năng tạm dừng có thể không có trên một số điện thoại.

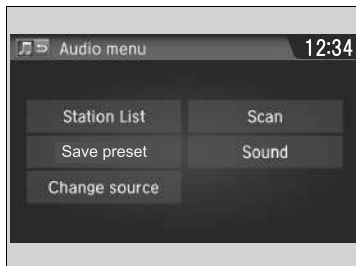
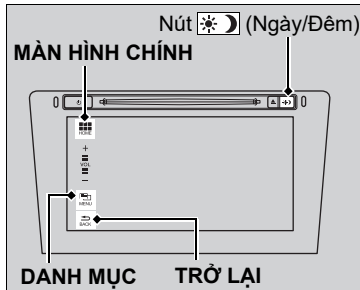
Nếu bất kỳ thiết bị âm thanh nào được cắm vào cổng AUX, bạn có thể cần ấn liên tục nút **CD/AUX** để chọn hệ thống Âm Thanh *Bluetooth*®.

Chuyển sang một chế độ khác sẽ làm dừng bản nhạc đang phát trên điện thoại của bạn.

# Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống Âm Thanh

Loại xe có hệ thống Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

Để sử dụng chức năng hệ thống âm thanh, khoá điện phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.



**MÀN HÌNH CHÍNH:** Chọn để chuyển sang màn hình chính.

➤ **Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị** Tr. 217

**MENU:** Chạm để chọn chế độ bất kỳ. Chế độ khả dụng bao gồm **Thay Đổi Nguồn, Danh Sách Kênh, Lưu Cài Đặt Sẵn, Tìm Kiểm Nhạc** và các chế độ phát. Các chế độ phát cũng có thể được chọn từ **Scan, Random/Repeat** (Quét, Ngẫu nhiên/Lặp lại), v.v.

**TRỞ LẠI:** Chọn để quay lại màn hình hiển thị trước đó.

**Nút [Day/Night] (Ngày/Đêm)**

Ấn để thay đổi độ sáng màn hình âm thanh/thông tin.

Ấn nút [Day/Night] một lần và chọn [ ] hoặc [ + ] để thực hiện điều chỉnh.

- ▶ Khi bạn ấn nút [Day/Night], bạn có thể thay đổi giữa các chế độ ban ngày, ban đêm và chế độ tắt.

## ➤ Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống Âm Thanh

Các Danh Mục Âm Thanh


- **Danh Sách Kênh** Tr. 225
- **Cách Chọn Bài trong Danh Sách Tìm Kiểm Nhạc** Tr. 228, 234
- **Quét** Tr. 226
- **Cách Chọn Chế Độ Phát** Tr. 229, 232, 235

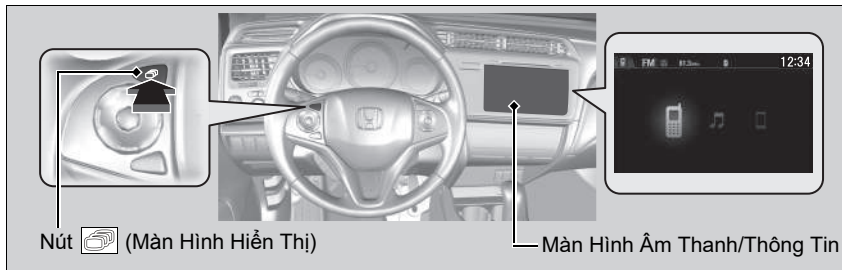
## Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin

Hiển thị trạng thái âm thanh và hình nền. Từ màn hình này, bạn có thể vào các tùy chọn cài đặt khác nhau.

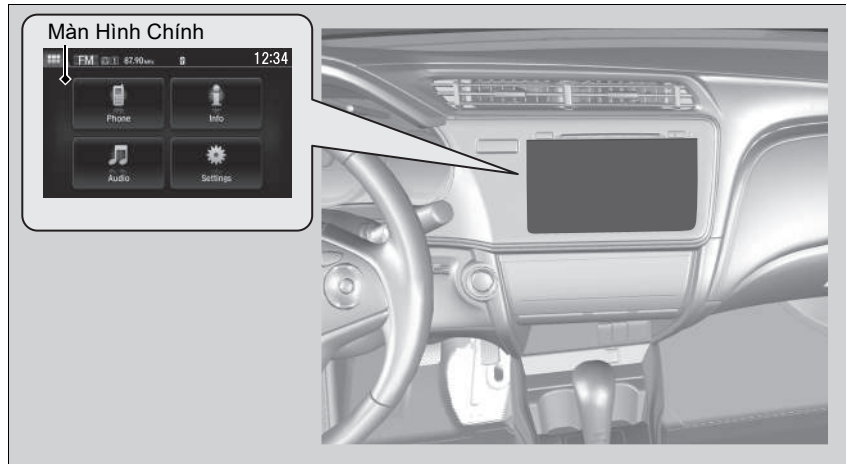
### ■ Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

#### ■ Sử dụng nút (màn hình hiển thị)

Ấn nút  (màn hình hiển thị) để chuyển đổi màn hình hiển thị.



### ■ Từ màn hình âm thanh/thông tin



Tính Năng

Chọn **HOME** (Màn Hình Chính).

Chọn **Phone** (Điện Thoại), **Info** (Thông Tin), **Audio** (Âm Thanh) hoặc **Settings** (Cài Đặt).

#### ■ Điện Thoại

Hiển thị thông tin HFT/HFL.

► **Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay/Bluetooth® HandsFreeLink®** Tr. 285

#### ■ Thông Tin

Hiển thị **Trip Computer** (Đồng Hồ Đo Hành Trình), **Clock/wallpaper** (Đồng Hồ/hình nền), hoặc **System/Device information** (Hệ Thống/Thông tin thiết bị).

#### ■ Âm Thanh

Hiển thị thông tin âm thanh hiện tại.

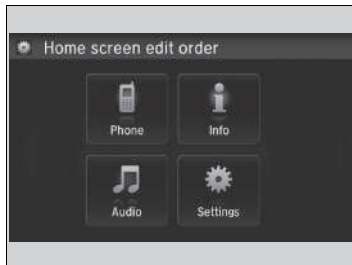


## ■ Các Cài Đặt

Vào màn hình danh mục tùy chọn.

► **Tính Năng Tùy Chọn\*** Tr. 250

## ■ Thay Đổi Bố Trí Biểu Tượng Màn Hình Chính



1. Chọn **HOME**.
2. Chọn **Settings** (Cài Đặt) để đi đến màn hình cài đặt.
3. Chọn **System** (Hệ Thống).
4. Chọn **Home** (Màn Hình Chính).
5. Chọn **Home screen edit order** (Thứ tự chỉnh sửa màn hình chính).
6. Chọn và giữ biểu tượng sau đó, kéo nó đến vị trí mong muốn.

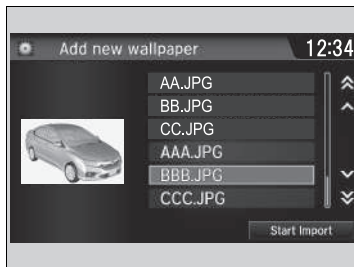
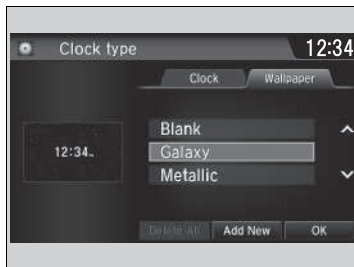
\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ■ Cài Đặt Hình Nền

Bạn có thể thay đổi, lưu và xoá hình nền trên màn hình âm thanh/thông tin.

### ■ Nhập hình nền

Đối với hình nền từ USB, bạn có thể nhập 5 hình ảnh cùng một lúc.



Tính Năng

1. Cắm USB vào cổng USB.  
▶ (Các) Cổng USB Tr. 191
2. Chọn **Settings** để đi đến màn hình cài đặt.
3. Chọn **Clock/Info**.
4. Chọn **Clock/Wallpaper Type**, sau đó chọn thẻ **Wallpaper**.
5. Chọn **Add New**.  
▶ Tên hình ảnh được hiển thị trên danh sách.
6. Chọn hình ảnh yêu thích.  
▶ Hình ảnh đã chọn được hiển thị bên trái màn hình.
7. Chọn **Start Import** để lưu dữ liệu.  
▶ Màn hình sẽ chuyển sang danh sách hình nền.

## ►► Cài Đặt Hình Nền

- Khi nhập tệp tin hình nền, hình ảnh phải nằm trong thư mục gốc ở USB.  
Không thể nhập các hình ảnh trong một thư mục.
- Tên file hình ảnh phải ít hơn 64 ký tự.
- Định dạng hình ảnh có thể nhập là BMP (bmp) hoặc JPEG (jpg).
- Giới hạn dung lượng ảnh là 2 MB.
- Kích thước tối đa của hình ảnh là 4.096 × 4.096 pixel. Nếu kích thước hình ảnh nhỏ hơn 800 × 480 pixel, hình ảnh sẽ hiển thị ở giữa màn hình được bao quanh bởi phông nền đen.
- Có thể chọn tối đa 255 hình nền.
- Nếu trong USB không có hình ảnh nào, thông báo **No files detected** (không tìm thấy ảnh) sẽ xuất hiện trên màn hình.

### ■ Chọn hình nền

1. Chọn **Settings** để chuyển sang màn hình cài đặt.
2. Chọn **Clock/Info**.
3. Chọn **Clock/Wallpaper Type**, sau đó chọn thẻ **Wallpaper**.
  - Màn hình sẽ chuyển sang danh sách hình nền.
4. Chọn hình nền yêu thích.
  - Hình ảnh đã chọn được hiển thị bên trái màn hình.
  - Cửa sổ danh mục xuất hiện trên màn hình.
5. Chọn **Set**.
  - Màn hình hiển thị sẽ trở lại danh sách hình nền.

### ■ Để xem hình nền khi cài đặt xong

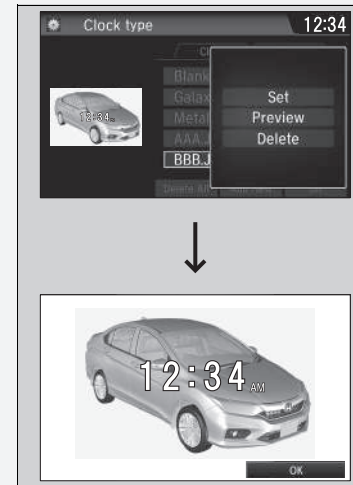
1. Chọn **HOME**.
2. Chọn **Info**.
3. Chọn **MENU**
4. Chọn **Clock/Wallpaper**.

### ■ Xóa hình nền

1. Chọn **Settings** để chuyển sang màn hình cài đặt.
2. Chọn **Clock/Info**.
3. Chọn **Clock/Wallpaper Type**, sau đó chọn thẻ **Wallpaper**.
  - Màn hình sẽ chuyển sang danh sách hình nền.
4. Chọn hình nền bạn muốn xóa.
  - Hình ảnh đã chọn được hiển thị bên trái màn hình.
  - Cửa sổ danh mục xuất hiện trên màn hình.
5. Chọn **Delete**.
  - Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện.
6. Chọn **Yes** để xóa hoàn toàn.
  - Màn hình hiển thị sẽ trở lại danh sách hình nền.

### ► Cài Đặt Hình Nền

Từ cửa sổ danh mục, chọn **Preview** để xem hình ảnh ở dạng toàn màn hình.



Để trở lại màn hình trước đó, chọn **OK**, hoặc **BACK**.

Nếu kích thước ảnh lớn, phải mất một thời gian để hiển thị ảnh.

Để xóa hình nền bạn thêm, chọn **Delete All**, sau đó chọn **Yes**.

## Điều Chỉnh Âm Thanh



1. Chọn **Settings** để chuyển sang màn hình cài đặt.
2. Chọn **Audio**.
3. Chọn **Sound**.



Chọn một thẻ trong các mục chọn sau: **Bass** (Trầm), **Treble** (Bổng), **Fader** (Chỉnh Âm), **Balance** (Cân Bằng), **Speed Volume Compensation (SVC)** (Tự Động Điều Chỉnh Âm Lượng Theo Tốc Độ Xe)

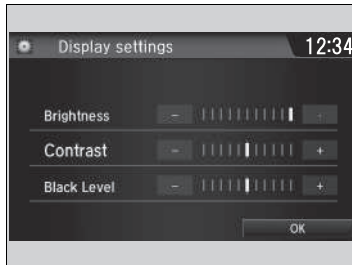
### ►► Điều Chỉnh Âm Thanh

SVC có bốn chế độ: **Off** (Tắt), **Low** (Nhỏ), **Mid** (Trung bình) và **High** (To). SVC điều chỉnh mức âm lượng dựa vào tốc độ của xe. Khi bạn đi nhanh hơn, âm lượng tăng. Khi bạn chậm lại, âm lượng giảm.

## Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị

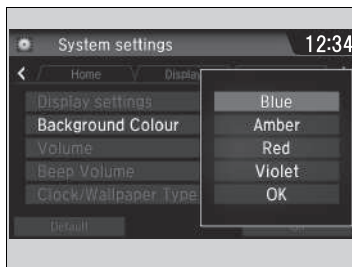
Bạn có thể thay đổi độ sáng hoặc màu nền của màn hình âm thanh/thông tin.

### Thay Đổi Độ Sáng Màn Hình



1. Chọn **Settings** để chuyển sang màn hình cài đặt.
2. Chọn **System**.
3. Chọn thẻ **Display**.
4. Chọn **Display settings**.
5. Chọn cài đặt bạn muốn.
6. Chọn **OK**.

### Thay Đổi Màu Nền Của Màn Hình

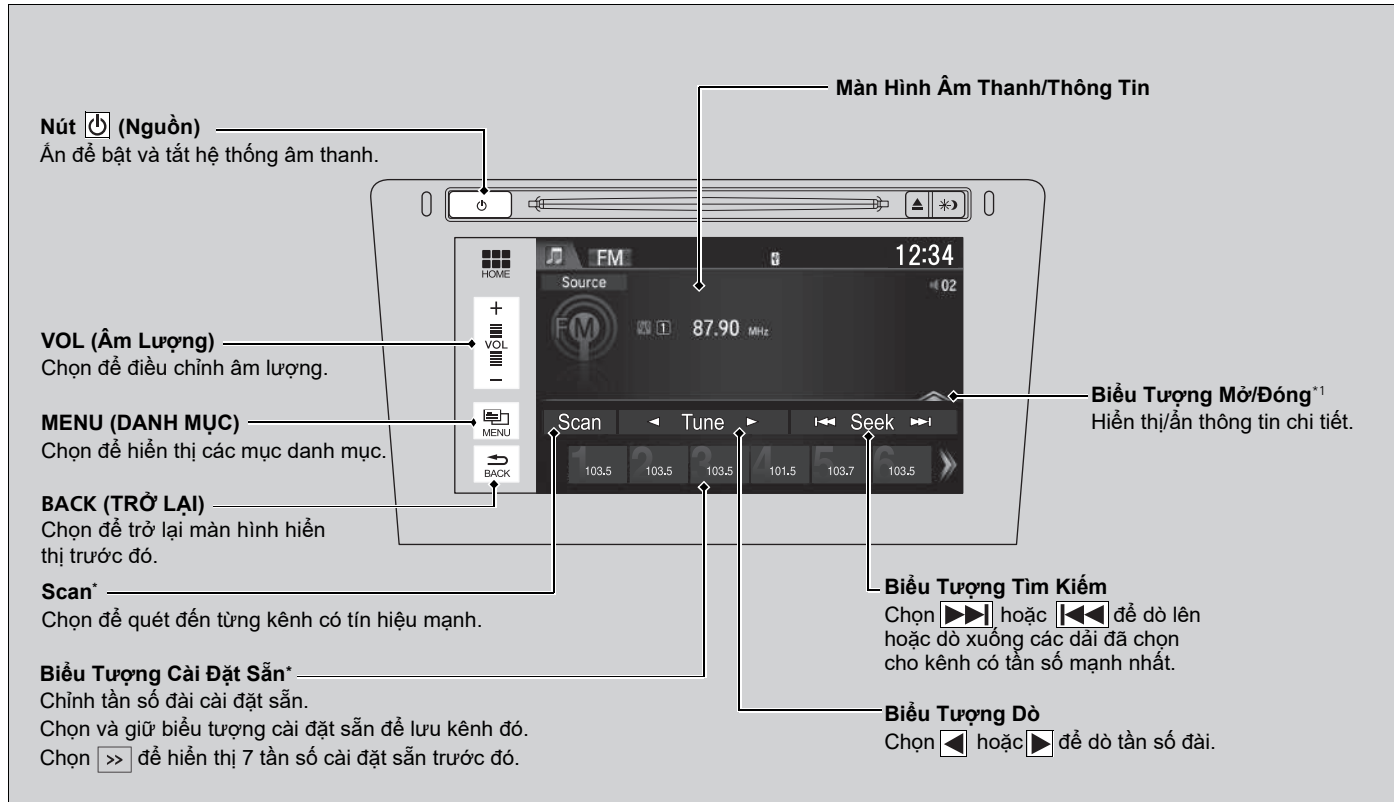


1. Chọn **Settings** để chuyển sang màn hình cài đặt.
2. Chọn **System**.
3. Chọn thẻ **Display**.
4. Chọn **Background Colour**.
5. Chọn cài đặt bạn muốn.
6. Chọn **OK**.

### Thay Đổi Độ Sáng Màn Hình

Bạn có thể thay đổi cài đặt **Contrast** (Độ Tương Phản) và **Black Level** (Độ Tối) theo cách này.

## Bật Đài AM/FM



\* 1: Một số hoặc tất cả các danh sách có thể không được hiển thị.

## ■ Bộ Nhớ Cài Đặt Sẵn

Để lưu kênh:

1. Dò đến kênh đã chọn.
2. Chọn **MENU**.
3. Chọn **Save Preset**.
4. Chọn số cài đặt sẵn mà bạn muốn lưu cho kênh đó.

Bạn cũng có thể lưu kênh cài đặt sẵn theo quy trình sau.

1. Chọn biểu tượng mở/đóng để hiển thị danh sách kênh.
2. Chọn thẻ **Preset**.
3. Chọn và giữ số kênh bạn muốn lưu cho đến khi nghe thấy tiếng bíp.

## ■ Danh Sách Kênh

Liệt kê các kênh có tần số mạnh nhất trong dải tần được chọn.

1. Chọn **MENU** để chuyển sang màn hình **Audio menu**.
2. Chọn **Station List**.
3. Chọn kênh.

## ■ Cập nhật bằng tay

Cập nhật danh sách các kênh có sẵn bất cứ lúc nào.

1. Chọn **MENU** để chuyển sang màn hình **Audio menu**.
2. Chọn **Station List**.
3. Chọn **Refresh**.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ►► Bật Đài AM/FM

Đèn báo **ST** xuất hiện trên màn hình hiển thị cho thấy đang phát đài FM âm thanh nổi. Đài AM âm thanh nổi chưa được tái tạo.

Chuyển đổi Chế Độ Âm Thanh

Ấn nút **SOURCE** trên vô lăng hoặc chọn **Source**.

► **Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa\*** Tr. 195

Bạn cũng có thể chuyển chế độ bằng cách chọn **Change Source** trên màn hình **MENU**.

Bạn có thể lưu 6 kênh AM và 12 kênh FM vào bộ nhớ cài đặt sẵn.

## ■ Quét

Nghe thử từng kênh có tần số mạnh nhất trong dải tần được chọn trong 10 giây.

1. Chọn **MENU**.

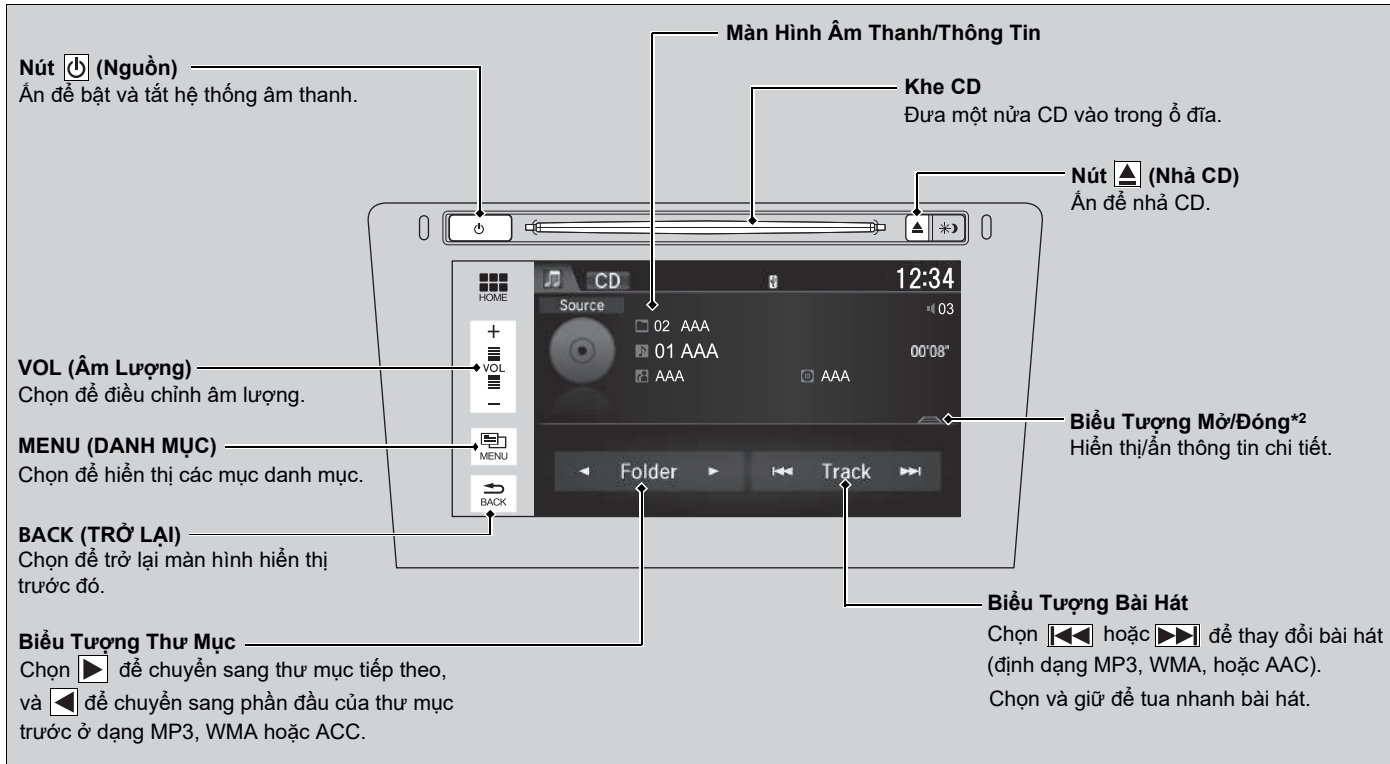
2. Chọn **Scan**.

Để dừng quét, chọn **Cancel**.



## Bật CD

Hệ thống âm thanh của bạn hỗ trợ âm thanh cho CD, CD-R và CD-RW ở định dạng MP3, WMA hoặc định dạng AAC<sup>\*1</sup>. Khi đã tải xong CD, chọn chế độ CD.



Tính Năng

\* 1: Chỉ các file có định dạng AAC được ghi bằng iTunes mới có thể phát trên bộ này.

\* 2: Một số hoặc tất cả các danh sách có thể không được hiển thị.

## Cách Chọn một Bài Hát trong Danh Sách Tìm Kiếm Nhạc



1. Chọn **MENU** và chọn **Music Search**.

2. Chọn một thư mục.

3. Chọn một bài hát.

## ►► Bật CD

### CHÚ Ý

Không dùng các CD có nhãn dính. Nhãn có thể làm CD kẹt trong đầu đĩa.

Không thể phát được các file định dạng WMA được bảo vệ bằng quản lý bản quyền số (DRM). Hệ thống âm thanh hiển thị **Unplayable File**, sau đó bỏ qua đến bài hát tiếp theo.

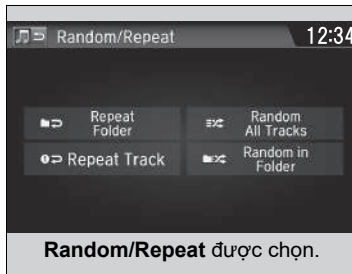
Dữ liệu văn bản xuất hiện trên màn hình hiển thị trong các trường hợp sau:

- Khi chọn một thư mục hoặc bài hát mới.
- Khi bạn chuyển chế độ âm thanh sang CD.
- Khi đưa CD vào.

Nếu bạn nhả CD nhưng không bỏ ra khỏi ổ, hệ thống sẽ tự động tải lại CD sau vài giây.

## ■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn các chế độ quét, lặp lại và ngẫu nhiên khi đang phát bài hát.



1. Chọn **MENU**.
2. Chọn **Scan** hoặc **Random/Repeat**.
3. Chọn chế độ.

## ■ Tắt một chế độ phát

1. Chọn **MENU**.
2. Chọn chế độ bạn muốn tắt.

## ►► Cách Chọn Chế Độ Phát

Mục Danh Mục Chế Độ Phát

### Scan

**Scan Folders** (MP3/WMA/AAC): Nghe thử 10 giây bài hát đầu tiên trong từng thư mục chính.

**Scan Tracks**: Nghe thử 10 giây tất cả các bài hát trong CD. (tất cả các bài hát trong thư mục hiện tại ở định dạng MP3, WMA, hoặc AAC).

### Ngẫu Nhiên/Lặp Lại

**Repeat Folder** (MP3/WMA/AAC): Lặp lại tất cả bài hát trong thư mục hiện tại.

**Repeat Track**: Lặp lại bài hát hiện tại.

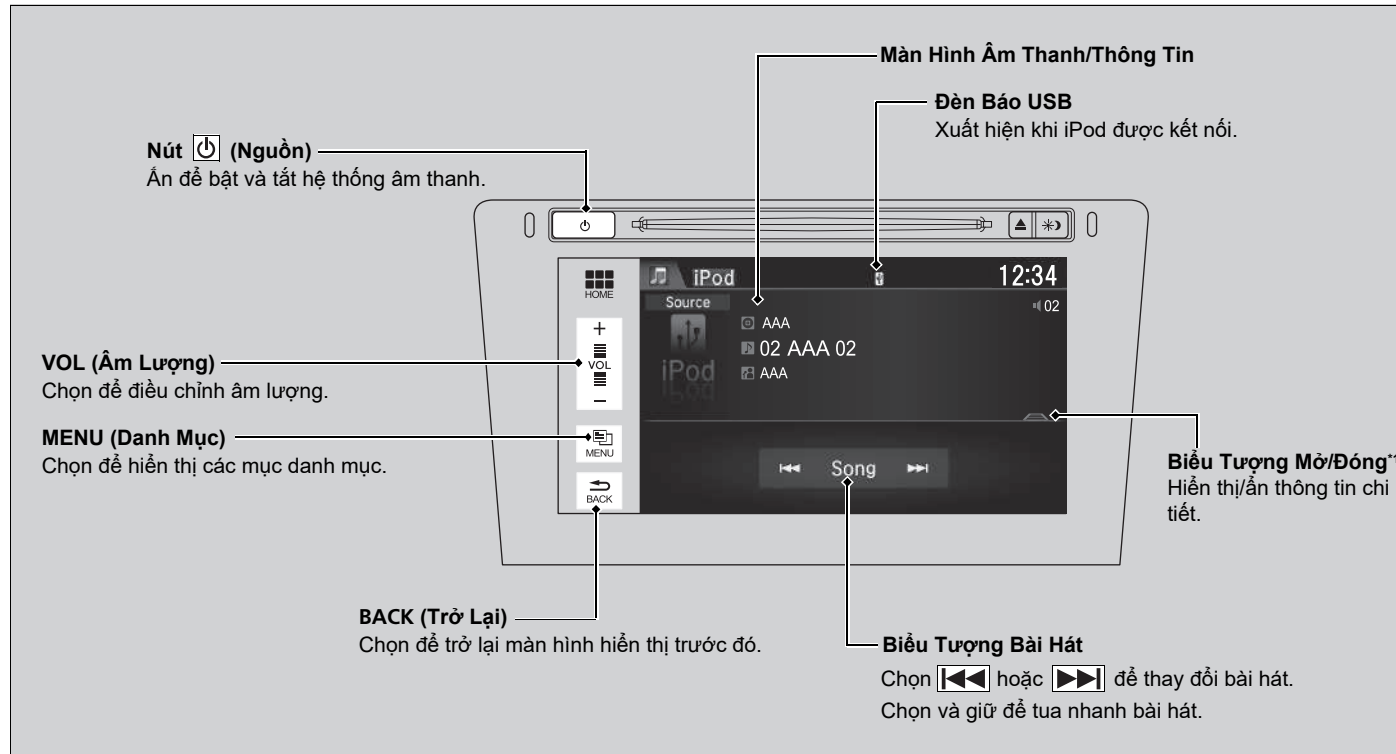
**Random in Folder** (MP3/WMA/AAC): Phát tất cả các bài hát trong thư mục hiện tại theo thứ tự ngẫu nhiên.

**Random All Tracks**: Phát tất cả các bài hát theo thứ tự ngẫu nhiên.

## Bật iPod

Dùng đầu nối để kết nối iPod với cổng USB, sau đó chọn chế độ iPod.

### ☑ (Các) Cổng USB Tr. 191



\*1: Một số hoặc tất cả các danh sách có thể không được hiển thị.

## Cách Chọn một Bài Hát trong Danh Sách Tìm Kiếm Nhạc



1. Chọn **MENU** và chọn **Music Search**.

2. Chọn các mục trong danh mục đó.

### ►► Bật iPod

Các chức năng hoạt động sẵn có sẽ khác nhau giữa các đời xe và các phiên bản. Một số chức năng có thể không có trên hệ thống âm thanh của xe.

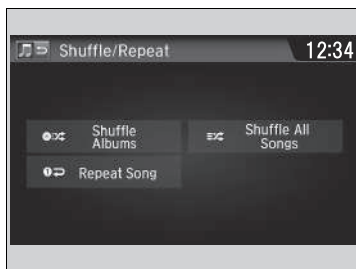
Nếu có sự cố, sẽ có một thông báo lỗi xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin.

► iPod/USB Tr. 244

Nếu bạn bật ứng dụng chơi nhạc trên iPhone/iPod trong khi điện thoại được kết nối với hệ thống màn hình âm thanh, có thể sẽ phải mất nhiều thời gian hơn để kích hoạt ứng dụng đó trên màn hình âm thanh. Kết nối lại thiết bị nếu cần.

## ■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn các chế độ lặp lại và trộn khi đang phát bài hát.



1. Chọn **MENU**.
2. Chọn **Shuffle/Repeat**.
3. Chọn chế độ.

## ■ Tắt một chế độ phát

1. Chọn **MENU**.
2. Chọn chế độ bạn muốn tắt.

Tình Năng

## ►► Cách Chọn Chế Độ Phát

Mục Danh Mục Chế Độ Phát

**Shuffle Albums:** Phát tất cả các album trong danh sách đã chọn (danh sách phát, nghệ sỹ, album, bài hát, file âm thanh, thể loại, sáng tác, hoặc thính thư) theo thứ tự ngẫu nhiên.

**Shuffle All Songs:** Phát tất cả các album trong danh sách đã chọn (danh sách phát, nghệ sỹ, album, bài hát, file âm thanh, thể loại, sáng tác, hoặc thính thư) theo thứ tự ngẫu nhiên.

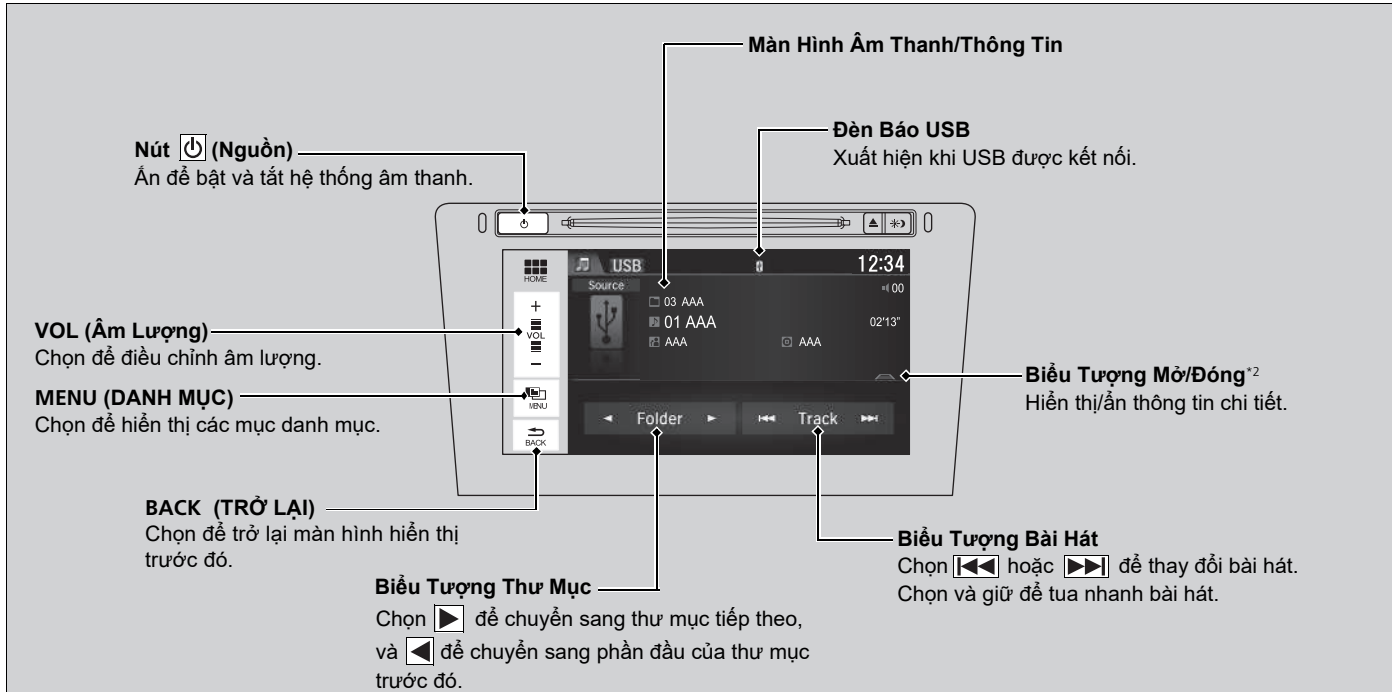
**Repeat Song:** Lặp lại bài hát hiện tại.

## Bật USB

Hệ thống âm thanh của bạn đọc và phát các file âm thanh và hình ảnh\* trong USB ở định dạng MP3, WMA hoặc AAC<sup>1</sup> hoặc MP4<sup>2</sup>.

Cắm USB vào cổng USB, sau đó chọn chế độ USB.

► (Các) Cổng USB Tr. 191



\* 1: Chỉ các file có định dạng AAC được ghi bằng iTunes mới có thể phát trên bộ này.

\* 2: Một số hoặc tất cả các danh sách có thể không được hiển thị.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Cách Chọn một Bài Hát trong Danh Sách Tìm Kiếm Nhạc



1. Chọn **MENU** và chọn **Music Search**.

Ngoại trừ loại xe Mexico

Chọn **Music** hoặc **Movie**.

2. Chọn một thư mục.

3. Chọn một bài hát.

## ►► Bật USB

Sử dụng USB khuyến dùng.

► **Thông Tin Chung về Hệ Thống Âm Thanh**  
Tr. 246

Không thể phát được các file định dạng WMA và ACC được bảo vệ bằng quản lý bản quyền số (DRM).

Hệ thống âm thanh hiển thị **Unplayable File**, sau đó bỏ qua đến bài hát tiếp theo.

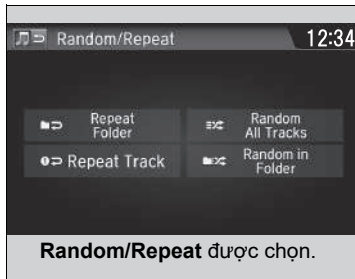
Nếu có sự cố, bạn có thể thấy một thông báo lỗi trên màn hình âm thanh/thông tin.

► **iPod/USB** Tr. 244



## ■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn các chế độ quét, lặp lại hoặc ngẫu nhiên khi đang phát bài hát.



1. Chọn **MENU**.
2. Chọn **Scan** hoặc **Random/Repeat**.
3. Chọn chế độ.

### ■ Tắt một chế độ phát

1. Chọn **MENU**.
2. Chọn chế độ bạn muốn tắt.

## ☒ Cách Chọn Chế Độ Phát

Mục Danh Mục Chế Độ Phát

### Scan

**Scan Folders:** Nghe thử 10 giây bài hát đầu tiên trong từng thư mục chính.

**Scan Tracks:** Nghe thử 10 giây tất cả các bài hát trong thư mục hiện tại.

### Ngẫu Nhiên/Lặp Lại

**Repeat Folder:** Lặp lại tất cả bài hát trong thư mục hiện tại.

**Repeat Track:** Lặp lại bài hát hiện tại.

**Random in Folder:** Phát tất cả các bài hát trong thư mục hiện tại theo thứ tự ngẫu nhiên. Random

**All Tracks:** Phát tất cả các bài hát theo thứ tự ngẫu nhiên.

Khi phát một video:\*

**Slow:** Phát chậm video.

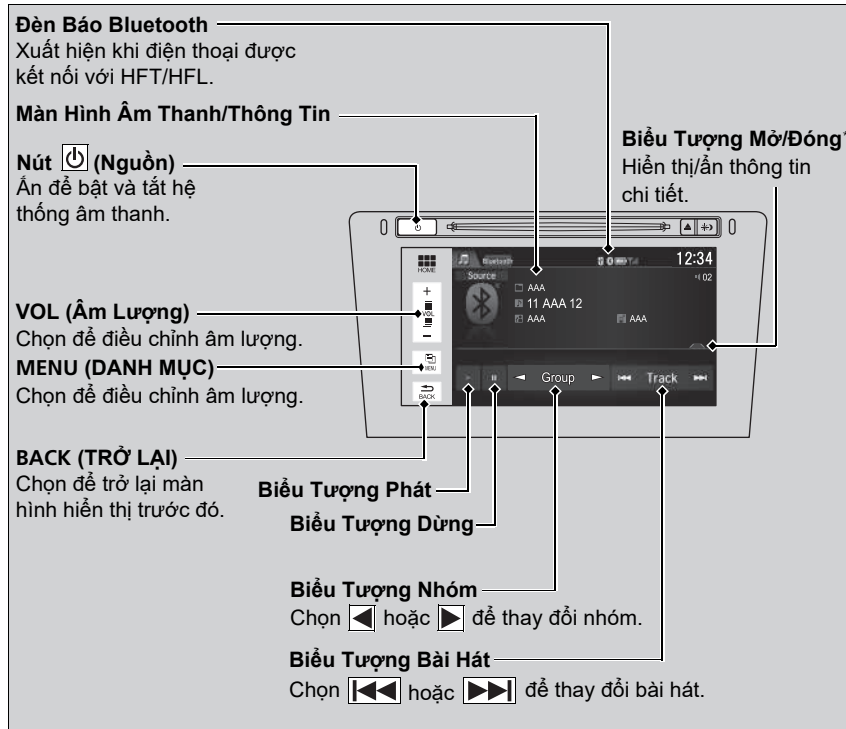
\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Bật Âm Thanh *Bluetooth*<sup>®</sup>

Hệ thống âm thanh cho phép bạn nghe nhạc từ điện thoại tương thích *Bluetooth*.

Chức năng này hoạt động khi điện thoại được ghép đôi và được kết nối với Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT)/*Bluetooth*<sup>®</sup> HandsFreeLink<sup>®</sup> (HFL).

► Cài Đặt Điện Thoại Tr. 292



### ►► Bật Âm Thanh *Bluetooth*<sup>®</sup>

Không phải tất cả các điện thoại có âm thanh *Bluetooth* đều tương thích với hệ thống. Hãy liên hệ với đại lý để biết điện thoại của bạn có tương thích hay không.

Sử dụng các chức năng của thiết bị dữ liệu trong khi lái xe có thể là phạm luật.

Mỗi lần chỉ có thể sử dụng một điện thoại để kết nối với HFT. Khi có từ hai chiếc điện thoại trở lên trong xe được kết nối, thì chiếc điện thoại đầu tiên được ghép đôi với hệ thống sẽ được tự động kết nối.

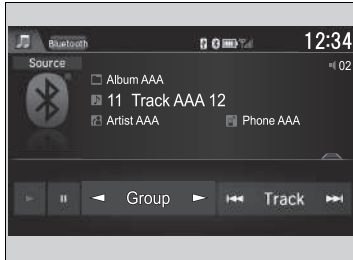
Nếu có nhiều chiếc điện thoại được ghép đôi với hệ thống HFT, thời gian bắt đầu phát sẽ lâu hơn.

Trong một số trường hợp, tên tác giả, album, bài hát sẽ không hiển thị đúng.

Một số thiết bị có thể không có một số chức năng.

\*1: Tùy thuộc vào thiết bị *Bluetooth*<sup>®</sup> mà bạn kết nối, một số hoặc tất cả các danh sách có thể không được hiển thị.

### Để Phát Nhạc Qua *Bluetooth*®



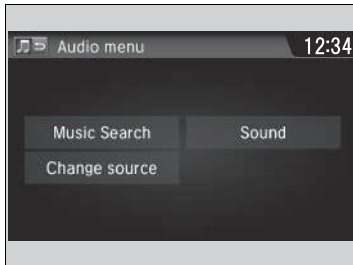
1. Đảm bảo điện thoại của bạn đã được ghép đôi và kết nối với hệ thống.
2. Chọn chế độ Âm Thanh *Bluetooth*® .

Nếu điện thoại không được nhận diện, có khả năng một điện thoại tương thích với HFT khác mà không tương thích với Âm thanh *Bluetooth*® Audio đã được kết nối.

### ■ Tạm dừng hoặc phát tiếp một bài hát

Chọn biểu tượng phát hoặc biểu tượng tạm dừng tương ứng.

### ■ Tìm Kiếm Nhạc



1. Chọn **MENU**.
2. Chọn **Music Search**.
3. Chọn một hạng mục tìm kiếm (ví dụ: Album).
4. Chọn một mục  
▶ Bắt đầu phát mục được lựa chọn.

### ▶▶ Để Phát Nhạc Qua *Bluetooth*®

Để phát nhạc, có thể bạn cần kích hoạt điện thoại. Nếu vậy, hãy làm theo các hướng dẫn kích hoạt của nhà sản xuất.

Chuyển sang một chế độ khác sẽ làm dừng nhạc đang phát trên điện thoại của bạn.

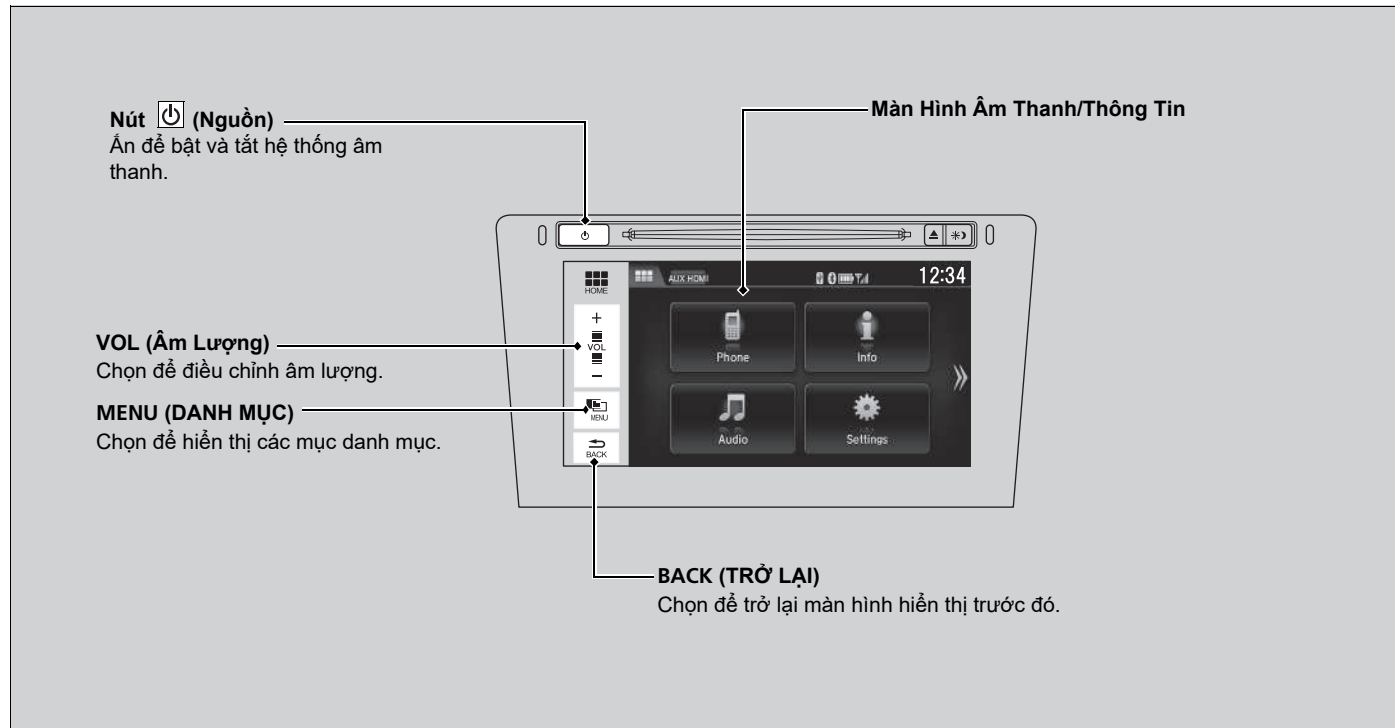
### ▶▶ Tìm Kiếm Nhạc

Phụ thuộc vào thiết bị *Bluetooth*® bạn kết nối, một số hoặc tất cả các danh sách có thể không được hiển thị.

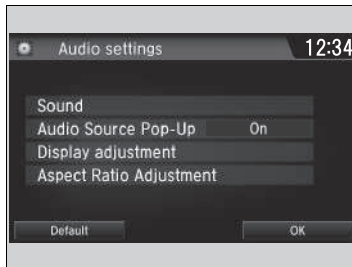
## Phát Video Bằng HDMI™

Hệ thống âm thanh cho phép bạn phát video từ thiết bị tương thích HDMI™. Kết nối thiết bị bằng dây cáp HDMI™, sau đó chọn chế độ HDMI™.

📺 Cổng HDMI™\* Tr. 192



## Thay Đổi Khung Màn Hình



1. Chọn **Settings** để chuyển sang màn hình cài đặt.
2. Select **Audio**.
3. Chọn **Audio**.
4. Chọn **Aspect Ratio Adjustment**.
5. Chọn cài đặt bạn muốn.
6. Chọn **OK**.

## Phát Video Bằng HDMI™

Tính năng này bị hạn chế trong khi lái xe. Để phát video, hãy dừng xe và kéo phanh đỗ.

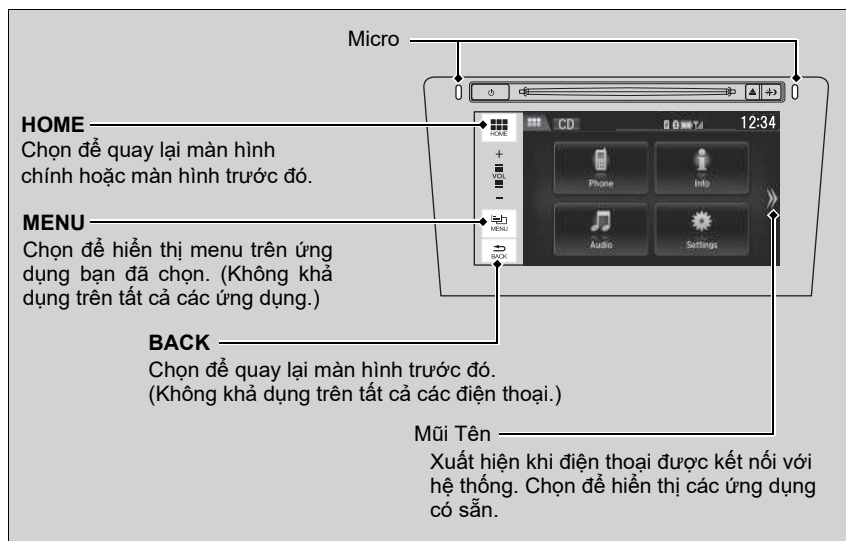
## Kết Nối Điện Thoại Thông Minh

Một số ứng dụng trên điện thoại của bạn có thể hiển thị và được kích hoạt trên màn hình âm thanh/thông tin khi điện thoại được kết nối với hệ thống âm thanh. Bạn có thể kết nối điện thoại với hệ thống bằng cáp nối.

► **Kết Nối Điện Thoại iPhone** Tr. 241

Để sử dụng kết nối điện thoại thông minh, trước tiên bạn cần phải ghép đôi điện thoại thông minh của bạn với hệ thống âm thanh qua *Bluetooth*®.

► **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 292



Tính Năng

### ►► Kết Nối Điện Thoại Thông Minh

Đỗ xe nơi an toàn trước khi kết nối điện thoại và trong khi chạy ứng dụng đã hiển thị.

Không phải tất cả các điện thoại đều tương thích với hệ thống. Hệ thống không hiển thị tất cả các ứng dụng có sẵn trên điện thoại của bạn và một số ứng dụng cần phải cài đặt trước. Tham khảo đại lý để biết thêm chi tiết.

Bạn cần phải chuyển kết nối *Bluetooth*® với điện thoại thông minh của bạn nếu hệ thống đã kết nối với thiết bị điện tử khác.

► **Thay đổi điện thoại đang ghép đôi** Tr. 293

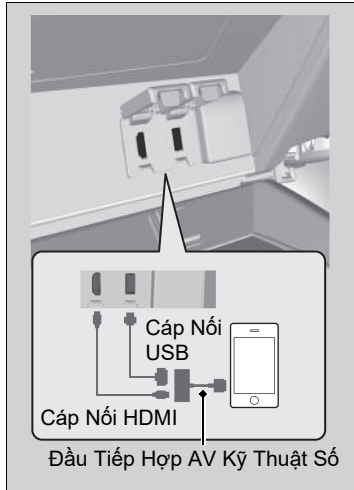
Các mục sau có thể khác nhau tùy theo loại điện thoại:

- Cách kết nối điện thoại thông minh với hệ thống.
  - Ứng dụng có thể chạy trên màn hình.
  - Hiển thị thời gian phản hồi/thời gian cập nhật.
- Chúng tôi không hỗ trợ chạy tất cả các ứng dụng trên hệ thống âm thanh.

Hãy hỏi nhà cung cấp ứng dụng khi có bất kỳ thắc mắc nào về tính năng của ứng dụng.

Không thực hiện bất kỳ thao tác nào trên màn hình hiển thị trong khi xe đang chạy.

## ■ Kết Nối Điện Thoại iPhone



1. Kết nối điện thoại của bạn với hệ thống âm thanh thông qua *Bluetooth*®.  
▶ **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 292
2. Cắm đầu tiếp hợp AV kỹ thuật số vào cổng HDMI™.
3. Nối đầu tiếp hợp AV kỹ thuật số với điện thoại iPhone.  
▶ Đợi cho đến khi có mũi tên xuất hiện trên màn hình chính.
4. Chọn mũi tên để hiển thị các ứng dụng có sẵn của điện thoại thông minh trên màn hình âm thanh/thông tin.  
▶ Có thể bạn cần phải thao tác trên điện thoại.
5. Chọn một ứng dụng bạn muốn chạy trên màn hình âm thanh/thông tin.  
▶ Để trở lại màn hình trước đó, chọn **HOME**.


## ▶▶ Kết Nối Điện Thoại iPhone

Đảm bảo bạn đã cắm đầu tiếp hợp AV kỹ thuật số vào cổng HDMI™ trước tiên. Nếu không, kết nối điện thoại thông minh có thể không hoạt động đúng.

Đề nghị sạc điện cho điện thoại, kết nối điện thoại với cổng USB.

Liên hệ với đại lý để biết thêm thông tin về việc mua đầu tiếp hợp AV kỹ thuật số hoặc cáp nối HDMI™.

## Ứng Dụng Siri Rảnh Mắt


Bạn có thể nói chuyện qua ứng dụng Siri bằng cách ấn nút  (Nói) trên vô lăng khi điện thoại iPhone được ghép đôi với Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT)/Bluetooth® HandsFreeLink® (Liên Kết Rảnh Tay) (HFL).

► Cài Đặt Điện Thoại Tr. 292

### ►► Ứng Dụng Siri Rảnh Mắt

Siri là sản phẩm của Tập Đoàn Apple.

Kiểm tra trên trang web của tập đoàn Apple để biết thêm chi tiết về các tính năng có sẵn của Siri.

Trong khi lái xe, bạn chỉ nên sử dụng Siri thông qua nút  trên vô lăng (Ứng Dụng Siri Rảnh Mắt).

### ►► Sử Dụng Ứng Dụng Siri Rảnh Mắt

Một số lệnh chỉ hoạt động trên các ứng dụng hoặc tính năng cụ thể của điện thoại.

### ■ Sử Dụng Ứng Dụng Siri Rảnh Mắt

#### Nút (Gác Máy/Trở Lại)

Ấn để hủy kích hoạt ứng dụng Siri Rảnh Mắt.



#### Nút (Nói)

Ấn và giữ đến khi màn hình hiển thị thay đổi như hình vẽ.

Xuất hiện khi Siri được kích hoạt ở chế độ Siri Rảnh Mắt





Khi ở chế độ Siri Rảnh Mắt: Màn hình vẫn hiển thị tương tự. Không có phản hồi hoặc lệnh xuất hiện.



## Thông Báo Lỗi Âm Thanh

### Máy Phát CD

Nếu xảy ra lỗi đĩa, bạn có thể thấy các thông báo lỗi sau.

Thông Báo Lỗi	Nguyên Nhân	Giải Pháp
<b>Unplayable File</b>	Định dạng theo dõi / tập tin không được hỗ trợ	<ul style="list-style-type: none"><li>Bản nhạc/tập tin hiện tại sẽ được bỏ qua. Bản nhạc/tập tin được hỗ trợ tiếp theo sẽ tự động phát.</li></ul>
<b>Bad Disc Please Check Owner's Manual Push Eject<sup>1</sup></b>	Lỗi máy móc	<ul style="list-style-type: none"><li>Ấn nút  (nhả đĩa CD) sau đó lấy đĩa ra và kiểm tra xem thông báo lỗi có bị xóa không.</li><li>Kiểm tra xem đĩa có bị hỏng hoặc biến dạng không và lắp lại đĩa. <b>➤ Bảo quản đĩa CD Tr. 247</b></li><li>Nếu thông báo lỗi xuất hiện lại, ấn nút  và lấy đĩa ra.</li><li>Đưa đĩa khác vào. Nếu đĩa mới đưa vào chạy được, đĩa đầu tiên có vấn đề.</li><li>Nếu thông báo lỗi lặp lại hoặc không lấy được đĩa ra, hãy liên hệ với đại lý.</li></ul>
<b>Bad Disc Please Check Owner's Manual Please push eject<sup>2</sup></b>		
<b>Busy Please Wait<sup>1</sup> Busy... Please wait.*<sup>2</sup></b>		
<b>Mecha Error</b>		
<b>Bad Disc Please Check Owner's Manual</b>	Lỗi Servo	Không cố lấy đĩa ra khỏi đầu phát.
<b>Check Disc</b>	Lỗi đĩa	<ul style="list-style-type: none"><li>Kiểm tra xem đĩa có bị hỏng hoặc biến dạng không. <b>➤ Bảo quản đĩa CD Tr. 247</b></li></ul>
<b>Heat Error</b>	Nhiệt độ cao	<ul style="list-style-type: none"><li>Tắt hệ thống âm thanh và để đầu phát nguội dần cho đến khi thông báo lỗi được xóa.</li></ul>

\* 1: Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh đen trắng

\* 2: Loại xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

## iPod/USB

Nếu có một lỗi xảy ra khi đang bật iPod hoặc USB, bạn có thể thấy các thông báo lỗi sau. Nếu bạn không thể xoá các thông báo lỗi, hãy liên hệ với đại lý.

Thông Báo Lỗi	Giải Pháp
<b>USB Error<sup>*2</sup></b>	Xuất hiện khi USB có sự cố. Kiểm tra xem thiết bị có tương thích với cổng USB không.
<b>The connected USB device has a problem. See Owner's Manual.<sup>*2</sup></b>	Xuất hiện khi kết nối với thiết bị không tương thích. Ngắt kết nối thiết bị. Sau đó tắt hệ thống âm thanh và bật lại. Không kết nối lại với thiết bị gây ra lỗi này.
<b>Bad USB Device Please Check Owner's Manual<sup>*1</sup></b>	
<b>Unsupported Ver.<sup>*1</sup> Unsupported Version<sup>*2</sup></b>	Xuất hiện khi kết nối với một iPod không được hỗ trợ. Nếu thông báo xuất hiện khi đã kết nối một iPod được hỗ trợ, cập nhật phiên bản phần mềm iPod mới nhất.
<b>Connect Retry</b>	Xuất hiện khi hệ thống không nhận iPod. Hãy kết nối lại iPod.
<b>Unplayable File</b>	Xuất hiện khi các bài hát trong USB được bảo vệ bản quyền hoặc định dạng không được hỗ trợ. Thông báo lỗi này sẽ xuất hiện khoảng 3 giây, sau đó chuyển sang bài tiếp theo.
<b>No Data<sup>*1</sup> No data<sup>*2</sup></b>	<b>iPod</b> Xuất hiện khi iPod không có nội dung.
<b>No Song<sup>*1</sup></b>	<b>USB</b> Xuất hiện khi USB trống hoặc không có file định dạng MP3, WMA, AAC hoặc MP4* trong USB.
	<b>iPod và USB</b> Kiểm tra xem thiết bị có lưu trữ các bài hát tương thích không.

\* 1: Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh đen trắng

\* 2: Loại xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

Thông Báo Lỗi	Giải Pháp
<b>Unsupported</b>	Xuất hiện khi kết nối với thiết bị không được hỗ trợ. Nếu thông báo xuất hiện khi kết nối với một thiết bị được hỗ trợ, hãy kết nối lại thiết bị đó.

## Thông Tin Chung về Hệ Thống Âm Thanh

### Đĩa CD Khuyến Dùng

- Chỉ sử dụng đĩa CD-R hoặc CD-RW chất lượng cao được dán nhãn để sử dụng cho hệ thống âm thanh.
- Chỉ sử dụng đĩa CD-R hoặc CD-RW trên đó các bản ghi được đóng.
- Chỉ phát CD hình tròn tiêu chuẩn.

Vỏ CD nên có một trong những nhãn hiệu này.



### Đĩa CD có tập tin định dạng MP3, WMA, hoặc AAC

- Một số tệp phần mềm có thể không cho phép phát âm thanh hoặc hiển thị dữ liệu văn bản.
- Một số phiên bản định dạng MP3, WMA hoặc AAC có thể không được hỗ trợ.

### Đĩa CD Khuyến Dùng

Đĩa kép không thể phát trên thiết bị âm thanh này. Nếu được ghi trong một số điều kiện nhất định, đĩa CD-R hoặc CD-RW cũng không thể phát.

### ■ Bảo Quản CD

Thực hiện theo các chú ý sau khi sử dụng hoặc cất giữ đĩa CD:

- Cất đĩa CD vào hộp đựng khi không sử dụng.
- Khi lau đĩa CD, sử dụng một miếng vải sạch mềm lau từ giữa ra rìa bên ngoài.
- Cầm cạnh của đĩa CD. Không được chạm vào một trong hai bề mặt đĩa.
- Không cho vật lạ vào đầu đĩa CD.
- Không để đĩa CD tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời và nhiệt độ cao.
- Không dán vòng bảo vệ hoặc nhãn trên đĩa CD.
- Tránh dấu vân tay, chất lỏng và bút cảm ứng trên CD.

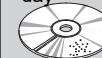
### ►► Bảo Quản CD

#### CHÚ Ý

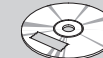
Không đưa đĩa CD bị hỏng vào. Nó có thể bị kẹt bên trong và làm hỏng bộ phận âm thanh.

Ví dụ:

- CD phồng, nhăn nheo, dán nhãn và quá dày



Phồng/  
Nhăn



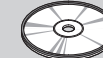
Dán nhãn/  
Hình dán



Sử dụng bộ  
In nhãn



Niêm phong



Có Vòng nhựa

- CD Hỏng



Mé/ Nứt



Vết



Rè

- CD chất lượng kém

- CD Nhỏ



CD 8cm

## iPod, iPhone và USB Tương Thích

### Loại iPod và iPhone Tương Thích

Loại
iPod (thế hệ thứ 5)
iPod classic 80GB/160GB (ra đời năm 2007)
iPod classic 120GB (ra đời năm 2008)
iPod classic 160GB (ra đời năm 2009)
iPod nano (thế hệ thứ 1 đến thứ 6) phát hành năm 2010
iPod nano (thế hệ thứ 7) phát hành năm 2012
iPod touch (thế hệ thứ 1 đến thứ 4) phát hành năm 2010
iPod touch (thế hệ thứ 5) phát hành năm 2012
iPhone 3G/iPhone 3GS/iPhone 4/iPhone 4s/iPhone 5/iPhone 5c/iPhone 5s

### USB

- Sử dụng USB khuyến dùng có dung lượng từ 256 MB trở lên.
- Một số đầu phát âm thanh kỹ thuật số có thể không tương thích.
- Một số USB (ví dụ: thiết bị có khóa bảo vệ) có thể không hoạt động.
- Một số tập tin phần mềm có thể không cho phép phát âm thanh hoặc hiển thị văn bản dữ liệu.
- Một số phiên bản định dạng MP3, WMA, AAC hoặc MP4\* không được hỗ trợ.

### Loại iPod và iPhone Tương Thích

Hệ thống này có thể không hoạt động được với tất cả các phiên bản phần mềm của các thiết bị này.

### USB

Các tập tin trong USB được phát theo thứ tự được lưu. Thứ tự này có thể khác so với thứ tự được hiển thị trên máy tính hoặc thiết bị khác.

Loại Xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

## ■ Các Thiết Bị Khuyến Dùng

Thiết Bị	USB	
Profile (phiên bản MP4)	Mức Cơ bản 3 (MPEG4-AVC), Mức Đơn 5 (MPEG4)	
Đuôi tệp tin (phiên bản MP4)	.mp4/.m4v	
Codec âm thanh tương thích	AAC	MP3
Codec video tương thích	MPEG4-AVC (H.264)	MPEG4 (ISO/IEC 14496 Phần 2)
Tốc độ truyền dữ liệu bit	10 Mbps (MPEG4-AVC)	8 Mbps (MPEG4)
Hình ảnh tối đa	720 X 576 pixels	

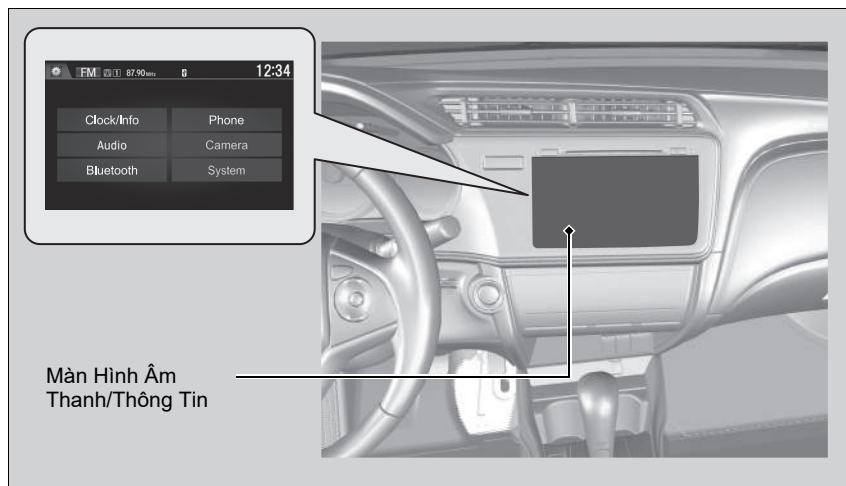
## Tính Năng Tùy Chọn\*

### Loại Xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

Sử dụng màn hình âm thanh/thông tin để tùy chọn một số tính năng cụ thể.

#### ■ Cách tùy chọn

Trong khi xe dừng hẳn mà chế độ nguồn ở BẬT, chọn **Settings**, sau đó chọn một mục cài đặt.



Tính Năng

#### » Cách tùy chọn

Khi bạn tùy chọn cài đặt:

- Đảm bảo xe đã dừng hẳn

Loại xe có hộp số vô cấp

- Gạt cần số về [P].

Loại xe có hộp số thường

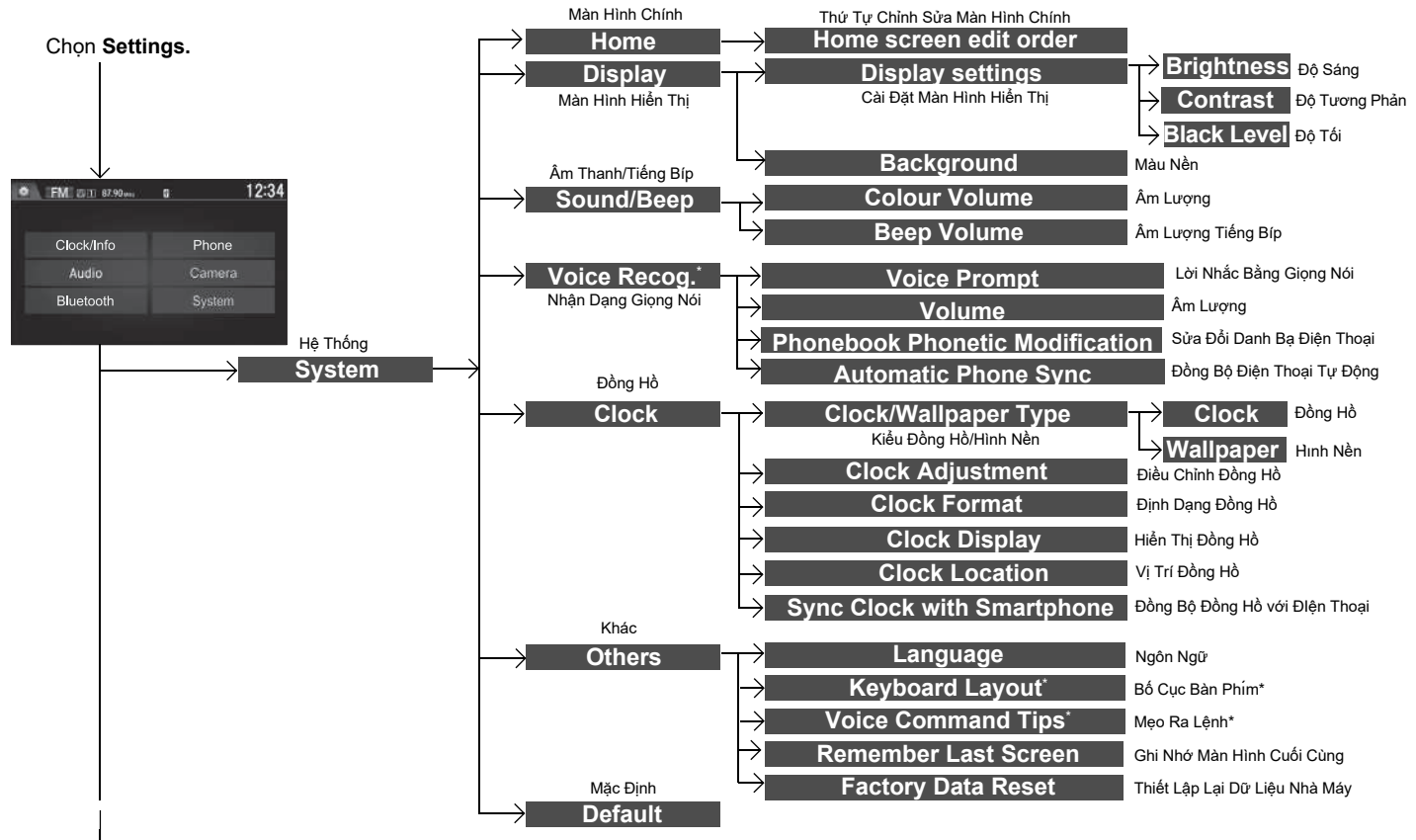
- Gài phanh đỗ.

Để tùy chọn các tính năng khác, chọn **Settings**.

➔ **Danh sách tính năng tùy chọn Tr. 254**



■ Các bước tùy chỉnh

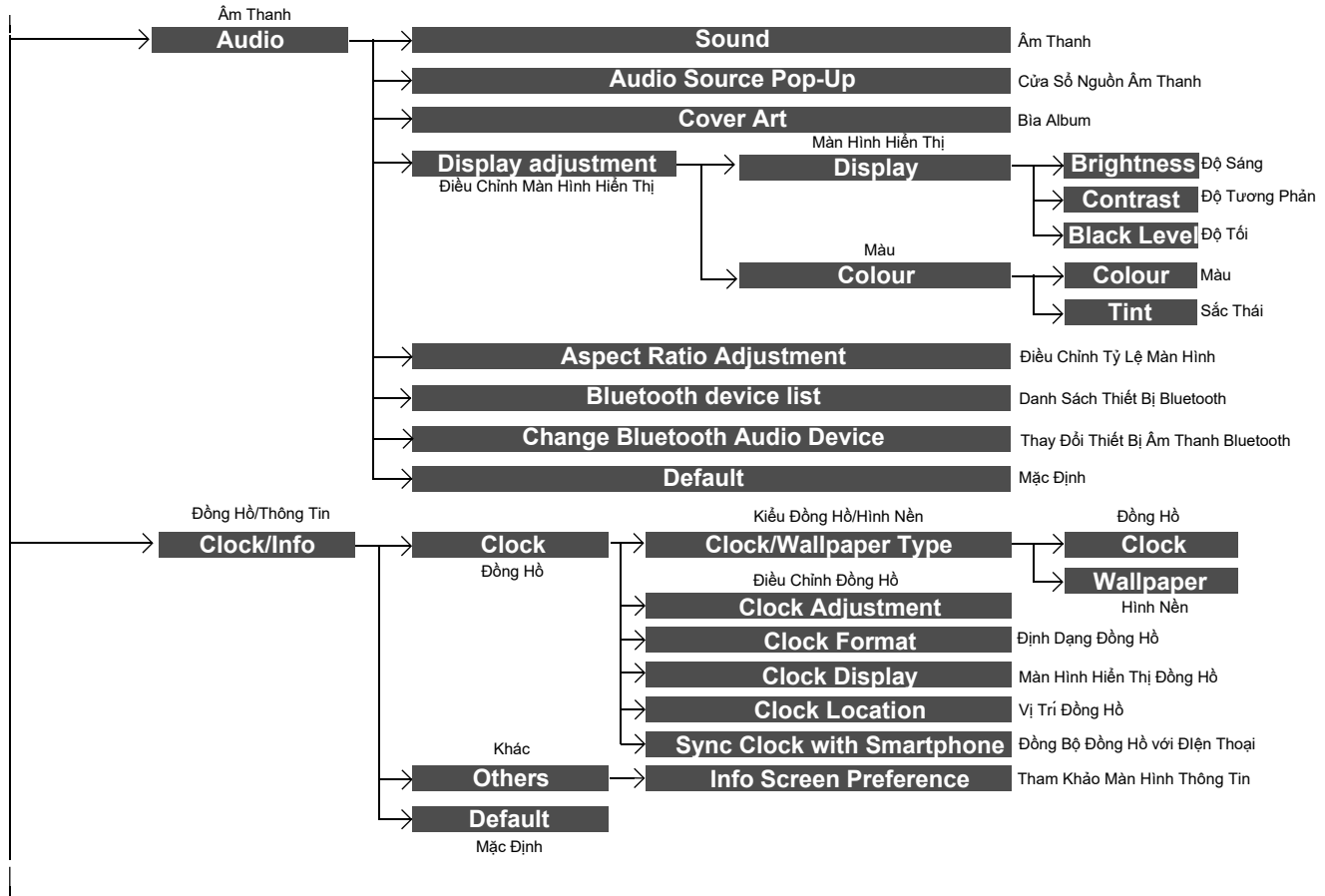


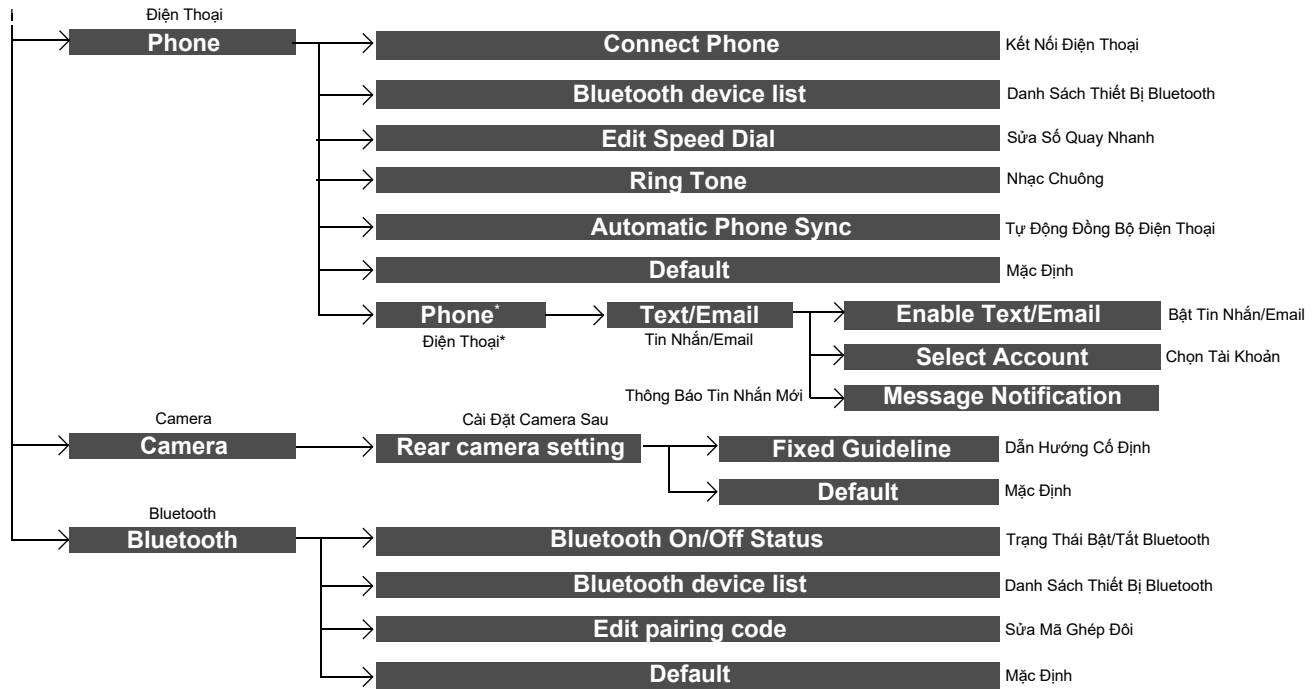
Tính Năng

\* Không áp dụng trên tất cả các đời xe

Còn nữa

Tính Năng





TÍNH NĂNG


\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Danh sách tùy chọn

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt		
<b>System</b>	<b>Home</b>	<b>Home screen edit order</b>	Thay đổi bố cục biểu tượng màn hình chính.	—	
	<b>Display</b>	<b>Display settings</b>	<b>Brightness</b>	Thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/thông tin.	—
			<b>Contrast</b>	Thay đổi độ tương phản của màn hình âm thanh/thông tin.	—
			<b>Black Level</b>	Thay đổi mức độ màu đen của màn hình âm thanh/thông tin.	—
			<b>Background Colour</b>	Thay đổi màu nền của màn hình âm thanh/thông tin.	<b>Blue<sup>*1</sup>/Amber/Red/Violet</b> (Xanh <sup>*1</sup> /Hổ Phách/Đỏ/Tím)
	<b>Sound/Beep</b>	<b>Volume</b>	Thay đổi âm lượng âm thanh.	<b>0~6<sup>*1</sup>~11</b>	
		<b>Beep Volume</b>	Thay đổi âm lượng tiếng bíp.	<b>Off/1/2<sup>*1</sup>/3</b> (Tắt/1/2 <sup>*1</sup> /3)	
	<b>Voice Recog.*</b>	<b>Voice Prompt</b>	Bật và tắt lời nhắc bằng giọng nói.	<b>On<sup>*1</sup>/Off</b> (Bật <sup>*1</sup> /Tắt)	
		<b>Volume</b>	Thay đổi âm lượng lời nhắc bằng giọng nói.	<b>0~6<sup>*1</sup>~11</b>	
		<b>Phonebook Phonetic Modification</b>	Sửa đổi lệnh thoại cho danh bạ.	—	
<b>Automatic Phone Sync</b>		Đặt dữ liệu danh bạ được nhập tự động khi điện thoại được ghép đôi với HFL.	<b>On<sup>*1</sup>/Off</b> (Bật <sup>*1</sup> /Tắt)		

\* 1: Cài đặt mặc định

254 \* Không áp dụng trên tất cả các đời xe

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt	
<b>System</b>	<b>Clock/ Wallpaper Type</b>	<b>Clock</b>	Thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ.	<b>Analog/Digital<sup>*1</sup>/ Small Digital/Off</b> (Đồng Hồ Kim/ Số <sup>*1</sup> /Số Nhỏ/Tắt)
		<b>Wallpaper</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thay đổi kiểu hình nền.</li> <li>Nhập một hình ảnh làm hình nền mới.</li> <li>Xoá một hình ảnh làm hình nền.</li> </ul>	<b>Blank/Galaxy<sup>*1</sup>/ Metallic</b> (Trống/Đen Xám <sup>*1</sup> /Ánh Kim)
	<b>Clock Adjustment</b>	Điều Chỉnh Đồng Hồ.  <b>Điều Chỉnh Đồng Hồ</b> Tr. 110	—	
	<b>Clock Format</b>	Chọn hiển thị đồng hồ số từ 12H thành 24H.	<b>12H<sup>*1</sup>/24H</b> (12 giờ <sup>*1</sup> /24 giờ)	
	<b>Clock Display</b>	Chọn hiển thị hoặc không hiển thị đồng hồ.	<b>On<sup>*1</sup>/Off</b> (Bật <sup>*1</sup> /Tắt)	
	<b>Clock Location</b>	Thay đổi sơ đồ hiển thị đồng hồ.	<b>Right Upper<sup>*1</sup>/Left Upper/Right Lower/ Left Lower/Off</b> (Trên Phải <sup>*1</sup> /Trên Trái/Dưới Phải/ Dưới Trái/Tắt)	
	<b>Sync Clock with Smartphone</b>	Chọn xem đồng hồ có liên kết với thiết bị bạn kết nối hay không.	<b>On<sup>*1</sup>/Off</b> (Bật <sup>*1</sup> /Tắt)	

\* 1:Cài đặt Mặc định

►►TÍNH NĂNG TỰY CHỌN►►

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
<b>System</b>	<b>Language</b>	Thay đổi ngôn ngữ hiển thị.	<b>English/French/Spanish</b> <sup>*1</sup> (Tiếng Anh/ Tiếng Pháp/ Tiếng Tây Ban Nha <sup>*1</sup> )
	<b>Keyboard Layout</b> <sup>*</sup>	Chọn loại bàn phím trên màn hình.	<b>Alphabet/QWERTY</b> <sup>*1</sup> Bảng Chữ Cái/ QWERTY <sup>*1</sup>
	<b>Others</b>		
	<b>Voice Command Tips</b> <sup>*</sup>	Cảnh báo cho bạn khi điều khiển bằng tay hệ thống sẽ bị vô hiệu hóa để tránh mất tập trung khi lái xe. Chỉ có lệnh thoại có sẵn.	<b>On</b> <sup>*1</sup> / <b>Off</b> (Bật <sup>*1</sup> /Tắt)
	<b>Remember Last Screen</b>	Chọn xem thiết bị có nhớ màn hình cuối cùng không.	<b>On/Off</b> <sup>*1</sup> (Bật/Tắt <sup>*1</sup> )
	<b>Factory Data Reset</b>	Đặt lại tất cả các cài đặt về cài đặt dữ liệu gốc. <input checked="" type="checkbox"/> <b>Mặc Định Tất Cả Các Cài Đặt</b> Tr. 261	<b>Yes/No</b> (Có/Không)
	<b>Default</b>	Hủy/Đặt lại tất cả các mục tùy chọn trong các cài đặt <b>System</b> về mặc định.	<b>Yes/No</b> (Có/Không)
	<b>Sound</b>	Điều chỉnh các cài đặt âm thanh của loa. <input checked="" type="checkbox"/> <b>Điều Chỉnh Âm Thanh</b> Tr. 222	<b>-6 ~ 0</b> <sup>*1</sup> ~ <b>+6 (Bass và Treble)</b> , <b>RR9~0</b> <sup>*1</sup> ~ <b>FR9(Fader)</b> , <b>L9~0</b> <sup>*1</sup> ~ <b>R9 (Balance)</b> , <b>Off/Low/Mid</b> <sup>*1</sup> / <b>High (Speed Volume Compensation)</b> -6 ~ 0 <sup>*1</sup> ~ +6 (Trầm và Cao), RR9~0 <sup>*1</sup> ~FR9(Loa Trầm), L9~0 <sup>*1</sup> ~R9 (Cân Bằng), Off/Low/Mid <sup>*1</sup> /High (Tắt/Thấp/Trung Bình <sup>*1</sup> /Cao) (Âm Lượng Thay Đổi Theo Tốc Độ)
<b>Audio</b>			
	<b>Audio Source Pop-Up</b>	Chọn xem danh sách các nguồn âm thanh có thể chọn có bật hay không khi <b>Audio</b> được chọn trên màn hình chính.	<b>On/Off</b> <sup>*1</sup> (Bật/Tắt <sup>*1</sup> )

\* 1:Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
	<b>Cover Art</b> Chế độ CD, iPod, USB	Hiển thị hoặc không hiển thị bìa album	<b>On*<sup>1</sup>/Off</b> (Bắt* <sup>1</sup> /Tắt)
	<b>Display adjustment</b> Chế độ USB*, HDMI™	<p><b>Brightness</b></p> <p><b>Contrast</b></p> <p><b>Black Level</b></p> <p>Xem Phần <b>System</b> Tr. 254</p> <p><b>Colour</b></p> <p><b>Colour</b> Thay đổi màu sắc màn hình âm thanh/thông tin. —</p> <p><b>Tint</b> Thay đổi sắc thái của màn hình âm thanh/thông tin. —</p>	
<b>Audio</b>	<b>Aspect Ratio Adjustment</b> Chế độ USB*, HDMI™	Chọn chế độ hiển thị với tỷ lệ điều chỉnh màn hình: <b>Original</b> (chỉ USB), <b>Normal</b> , <b>Full</b> hoặc <b>Zoom</b> .	<b>Original*<sup>1</sup></b> (chỉ USB)/ <b>Normal/Full*<sup>1</sup>/Zoom</b> (Bình Thường* <sup>1</sup> (chỉ USB)/Bình Thường/Toàn Bộ* <sup>1</sup> /Phóng To)
	<b>Bluetooth device list</b> Chế độ Bluetooth® Audio	Ghép đôi một điện thoại mới với HFT/HFL, chỉnh sửa hoặc xóa một điện thoại được ghép đôi. <b>▶ Cài Đặt Điện Thoại</b> Tr. 292	—
	<b>Change Bluetooth Audio Device</b> Chế độ Bluetooth® Audio	Kết nối, ngắt kết nối hoặc ghép đôi thiết bị Audio Bluetooth® với HFT/HFL.	—
	<b>Default</b>	Hủy/Đặt lại các mục tùy chọn trong nhóm cài đặt <b>Audio</b> về mặc định.	<b>Yes/No</b> (Có/Không)

\* 1:Cài Đặt Mặc Định

\* Không áp dụng trên tất cả các đời xe

Còn nữa

Tính Năng

►►TÍNH NĂNG TỰY CHỌN►►

Các Cài Đặt	Tính Năng TỰY CHỌN	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
<b>Clock/Info</b>	<b>Clock/ Wallpaper Type</b>	<b>Clock Wallpaper</b>	
	<b>Clock Adjustment</b>		
	<b>Clock Format</b>		Xem phần <b>System</b> Tr. 255
	<b>Clock Display</b>		
	<b>Clock Location</b>		
	<b>Sync Clock with Smartphone</b>		
	<b>Others</b>	<b>Info Screen Preference</b>	Thay đổi loại màn hình thông tin.
<b>Default</b>		Hủy/Đặt lại tất cả các mục tùy chọn trong nhóm cài đặt <b>Info</b> về mặc định.	<b>Yes/No</b> (Có/Không)

\* 1:Cài Đặt Mặc Định



Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt	
Phone	<b>Connect Phone</b>	Ghép đôi một điện thoại mới với HFT/HFL, kết nối hoặc ngắt kết nối điện thoại được ghép đôi. ▶ Cài Đặt Điện Thoại Tr. 292	—	
	<b>Bluetooth device list</b>	Ghép đôi điện thoại mới với HFT/HFL, sửa hoặc xóa một điện thoại đã ghép đôi. ▶ Cài Đặt Điện Thoại Tr. 292	—	
	<b>Edit Speed Dial</b>	Sửa, thêm hoặc xóa số quay nhanh. ▶ Quay Số Nhanh Tr. 299	—	
	<b>Ring Tone</b>	Chọn nhạc chuông.	<b>Fixed/Mobile phone</b> <sup>*1</sup> (Điện Thoại Cố Định/Di Động <sup>*1</sup> )	
	<b>Automatic Phone Sync</b>	Cài đặt danh bạ và dữ liệu lịch sử cuộc gọi để nhập tự động khi ghép đôi điện thoại với HFT/HFL.	<b>On/Off</b> (Bật/Tắt)	
	<b>Default</b>	Hủy/Đặt lại tất cả các mục tùy chọn trong nhóm cài đặt <b>Phone</b> và <b>Text/Email</b> <sup>*</sup> về mặc định.	<b>Yes/No</b> (Có/Không)	
	<b>Text/Email</b>	<b>Enable Text/Email</b>	Bật và tắt chức năng nhắn tin văn bản/e-mail.	<b>On<sup>*1</sup>/Off</b> (Bật <sup>*1</sup> /Tắt)
	<b>Text/Email</b>	<b>Select Account</b>	Chọn một tài khoản tin nhắn văn bản hoặc e-mail.	—
<b>Text/Email</b>	<b>New Message Notification</b>	Chọn xem thông báo danh mục có xuất hiện trên màn hình hay không khi HFL nhận được tin nhắn văn bản/email mới.	<b>On/Off</b> <sup>*1</sup> (Bật/Tắt <sup>*1</sup> )	

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

\* Không áp dụng trên tất cả các đời xe

Còn nữa

Tính Năng

►►TÍNH NĂNG TỰY CHỌN►►

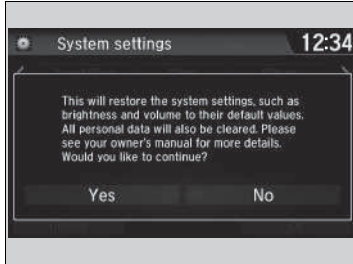
Các Cài Đặt	Tính Năng TỰY CHỌN	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
<b>Camera</b>	<b>Rear camera setting</b>	<b>Fixed Guideline</b> Chọn hiển thị hoặc không hiển thị dẫn hướng cố định trên màn hình camera quan sát sau.	<b>On<sup>*1</sup>/Off</b> (Bật <sup>*1</sup> /Tắt)
		<b>Default</b> Huỷ/Đặt lại tất cả các mục tùy chọn trong nhóm cài đặt <b>Rear Camera</b> về mặc định.	<b>Yes/No</b> (Có/Không)
	<b>Bluetooth On/Off Status</b>	Chọn hiển thị trạng thái <b>Bluetooth</b> <sup>®</sup>	<b>On<sup>*1</sup>/Off</b> (Bật <sup>*1</sup> /Tắt)
<b>Bluetooth</b>	<b>Bluetooth device list</b>	Ghép đôi điện thoại mới với HFT/HFL, sửa hoặc xóa một điện thoại đã ghép đôi, hoặc tạo một mã PIN bảo mật. <b>➤ Cài Đặt Điện Thoại</b> Tr. 292	—
	<b>Edit pairing code</b>	Chỉnh sửa mã ghép đôi. <b>➤ Để thay đổi mã ghép đôi</b> Tr. 293	<b>Random/Fixed<sup>*1</sup></b> (Ngẫu Nhiên/Cố Định <sup>*1</sup> )
	<b>Default</b>	Huỷ/Cài Đặt Lại tất cả các mục tùy chọn trong nhóm <b>Bluetooth</b> về mặc định.	<b>Yes/No</b> (Có/Không)

\* 1:Cài Đặt Mặc Định

Loại có hệ thống Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

## Mặc Định Tất Cả Các Cài Đặt

Đặt lại tất cả danh mục và cài đặt tùy chọn như cài đặt gốc.



1. Chọn **Settings**.
2. Chọn **System**.
3. Chọn thẻ **Others**.
4. Chọn **Factory Data Reset**.
  - Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình.
5. Chọn **Yes** để đặt lại cài đặt.
6. Chọn lại **Yes** để đặt lại cài đặt.
  - Thông báo xác nhận sẽ hiện ra trên màn hình. Chọn **OK**.

### ►► Mặc Định Tất Cả Các Cài Đặt

Khi bạn chuyển nhượng xe cho bên thứ ba, đặt lại tất cả các cài đặt về mặc định và hãy xoá toàn bộ dữ liệu cá nhân.

## Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay\*/Bluetooth® HandsFreeLink®\*

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh đen trắng

Loại xe Mexico

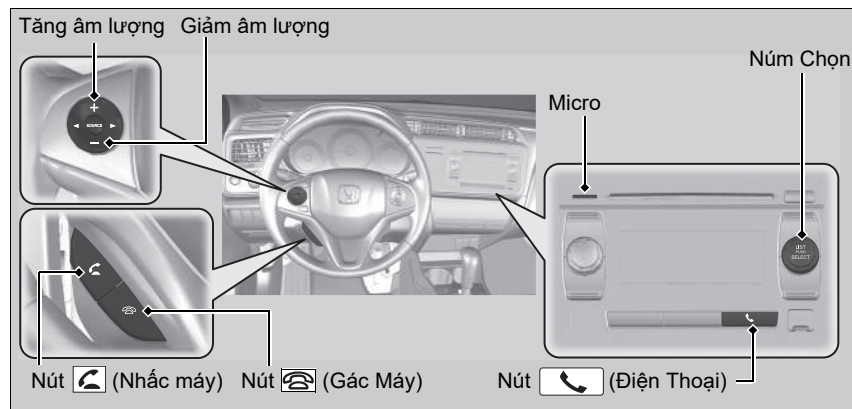
Xe của bạn được trang bị hệ thống *Bluetooth®* HandFreeLink® (HFL) cũng có các tính năng tương tự như HFT. Mặc dù hình ảnh trong phần này minh họa cho HFT, bạn có thể sử dụng chúng để tham khảo.

Ngoại trừ loại xe Mexico

Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT) cho phép bạn tạo và nhận cuộc gọi bằng cách sử dụng hệ thống âm thanh của xe mà không cần cầm điện thoại.

### Sử Dụng HFT/HFL

#### Nút HFT/HFL



#### »Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay\*/Bluetooth® HandsFreeLink®

Đặt điện thoại của bạn ở nơi có thể thu sóng tốt.

Để sử dụng HFT/HFL, bạn cần có điện thoại tương thích Bluetooth. Để biết danh sách điện thoại tương thích, quy trình ghép đôi và các tính năng đặc biệt, hãy liên hệ với đại lý Honda ở địa phương bạn.

Có thể nhập 15 đầu số quay số nhanh. Nếu không có số nào trong hệ thống, tính năng Quay Số Nhanh sẽ bị vô hiệu hoá.


☑ Quay Số Nhanh Tr. 278


Có thể lưu đến 10 cuộc gọi trong lịch sử cuộc gọi. Nếu không có lịch sử cuộc gọi nào, Lịch Sử Cuộc Gọi sẽ bị vô hiệu hoá.


Công nghệ *Bluetooth®* Không Dây Nhân *Bluetooth®* và các logo được đăng ký thương hiệu do tập đoàn *Bluetooth SIG* sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của công ty Honda Motor đều được cấp phép. Các thương hiệu và các tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.


Hạn chế của HFT/HFL

Cuộc gọi đến trên HFT/HFL sẽ làm gián đoạn hoạt động của hệ thống âm thanh khi nó đang bật. Nó sẽ tiếp tục lại khi cuộc gọi kết thúc.

**Nút  (Nhấc máy):** Ấn để chuyển trực tiếp tới màn hình **Phone** hoặc để trả lời cuộc gọi đến.

**Nút  (Gác Máy):** Ấn để kết thúc cuộc gọi.

**Nút  Điện thoại):** Ấn để chuyển trực tiếp tới màn hình **Phone** hoặc để trả lời cuộc gọi đến.

**Núm chọn:** Xoay trái hoặc phải để cuộn qua các lựa chọn có sẵn. Ấn  để cài đặt lựa chọn.

## ■ Hiện Thị Trạng Thái HFT/HFL



Màn hình âm thanh/thông tin sẽ gửi thông báo cho bạn khi có cuộc gọi đến.

## »» Hiện Thị Trạng Thái HFT/HFL

Thông tin xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin khác nhau tùy thuộc vào loại điện thoại.

Bạn có thể thay đổi ngôn ngữ hệ thống.\*

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Danh Mục HFT/HFL

Khoá điện phải ở PHỤ KIỆN I hoặc BẬT II\*1 để sử dụng hệ thống.

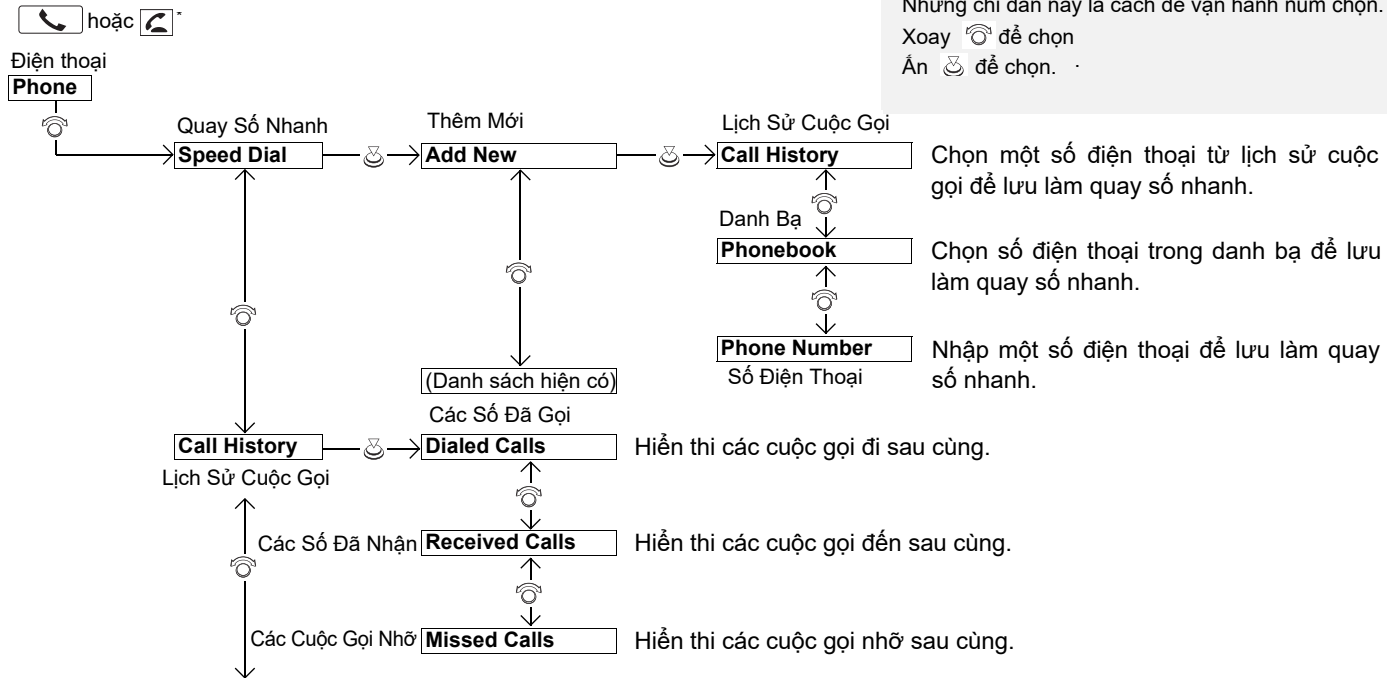
### ►► Danh Mục HFT/HFL

Để sử dụng HFT/HFL, trước tiên bạn phải ghép đôi điện thoại di động tương thích Bluetooth với hệ thống khi xe đỗ.

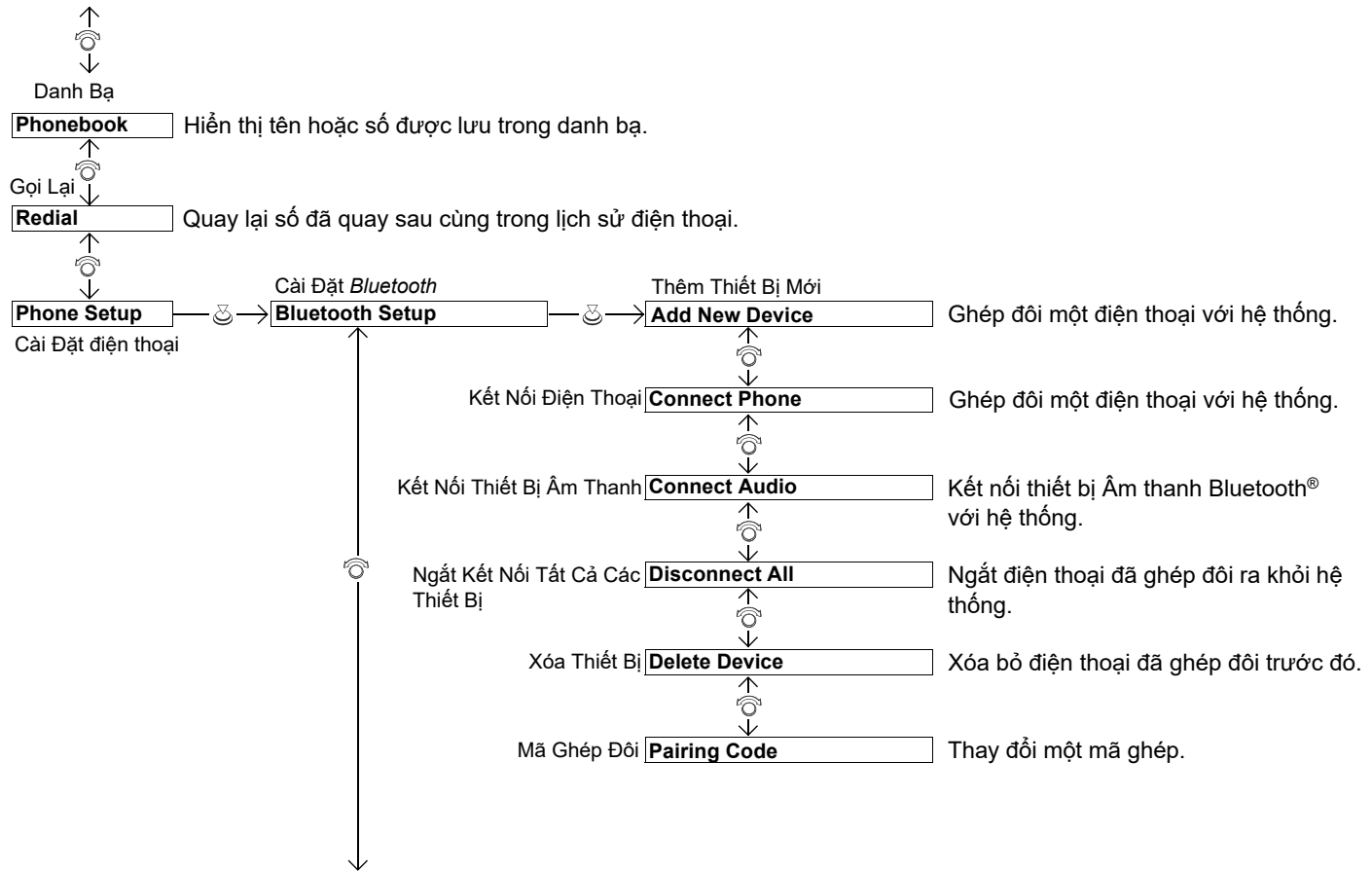
Những chỉ dẫn này là cách để vận hành núm chọn.

Xoay  để chọn

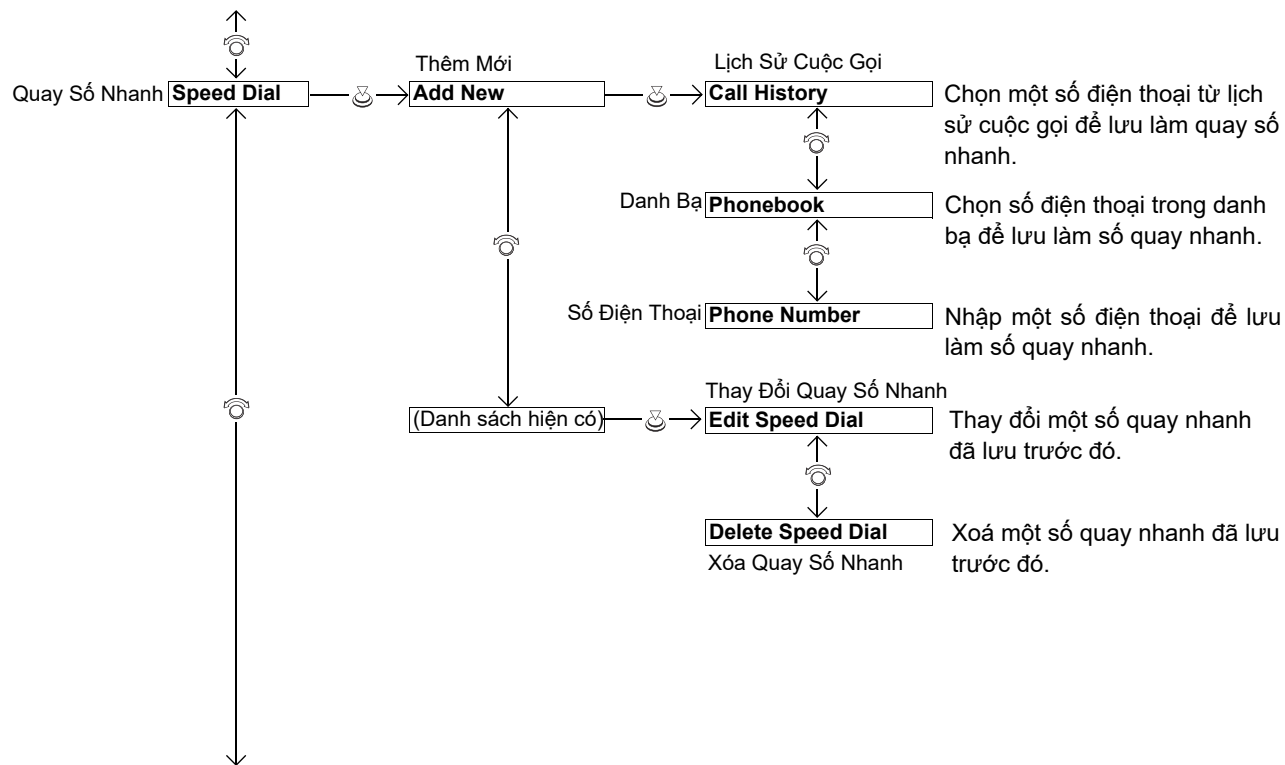
Ấn  để chọn.



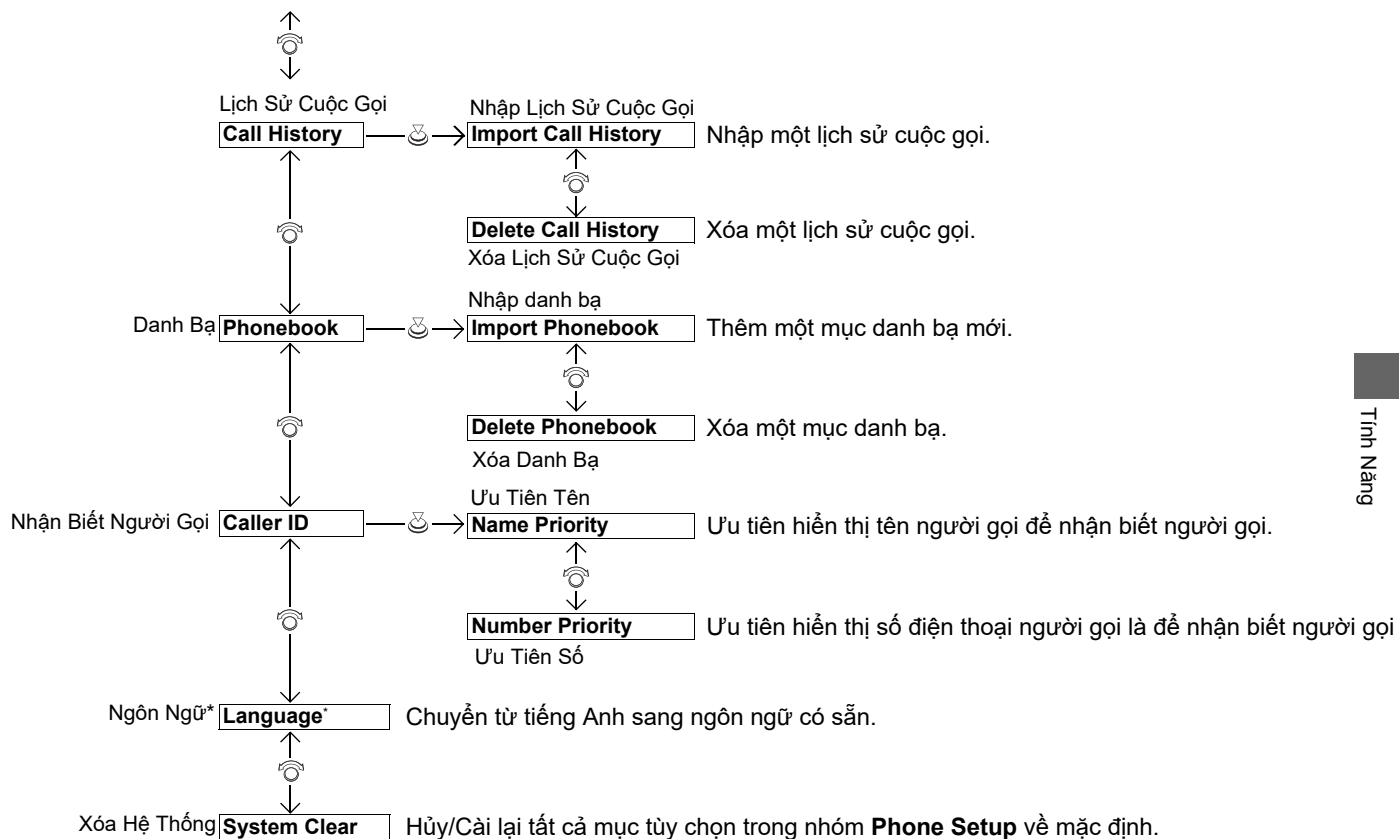
\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.



Tính Năng












Tính Năng

\* Không áp dụng trên tất cả các đời xe

## ■ Cài Đặt Điện Thoại

### ■ Ghép đôi điện thoại di động (Chưa ghép đôi điện thoại nào với hệ thống)

1. Ấn nút  (Điện thoại) hoặc nút \*.
2. Xoay  để chọn **Yes** sau đó ấn .
3. Đảm bảo điện thoại ở chế độ tìm kiếm hoặc có thể tìm thấy, sau đó ấn .
4. Hệ thống cung cấp cho bạn mã ghép đôi trên điện thoại của bạn. Khi điện thoại nhắc bạn, hãy nhập mã ghép bốn chữ số.

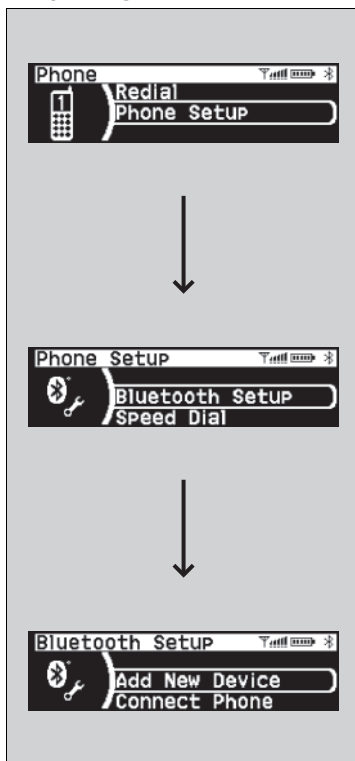
## ▣ Cài Đặt Điện Thoại

Điện thoại tương thích *Bluetooth* của bạn phải được ghép đôi với hệ thống trước khi bạn có thể tạo hoặc nhận các cuộc gọi rảnh tay.

Các Lưu Ý Khi Ghép Đôi Điện Thoại:

- Bạn không thể ghép đôi điện thoại khi xe đang chạy.
- Có thể ghép đôi đến năm điện thoại.
- Pin điện thoại có thể hết nhanh hơn khi ghép đôi với hệ thống.

■ Ghép đôi một điện thoại (Khi đã có một điện thoại được ghép đôi với hệ thống)





1. Ấn nút (Điện thoại) hoặc nút \*.  
► Nếu một nhắc nhở xuất hiện yêu cầu kết nối với điện thoại, chọn **No** và tiếp tục bước 2.
2. Xoay để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Bluetooth Setup**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn **Add New Device**, sau đó ấn .
5. Đảm bảo điện thoại của bạn ở chế độ tìm kiếm, sau đó ấn .
6. Hệ thống gửi cho bạn một mã ghép đôi trên điện thoại.  
Khi điện thoại nhắc bạn, hãy nhập mã ghép bốn chữ số.

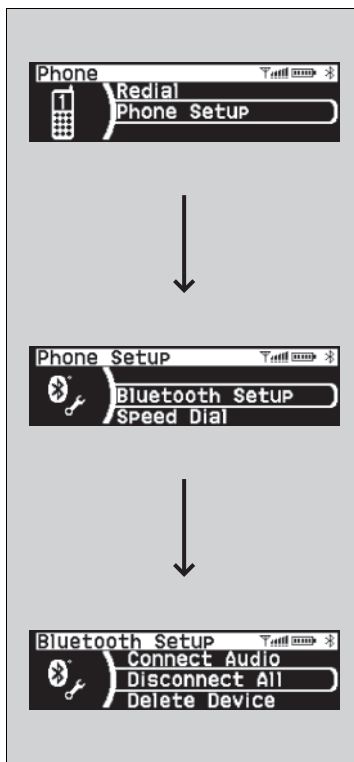
\* Không áp dụng trên tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Ngắt kết nối điện thoại đã ghép đôi

1. Ấn nút  (Điện thoại) hoặc nút  \*.

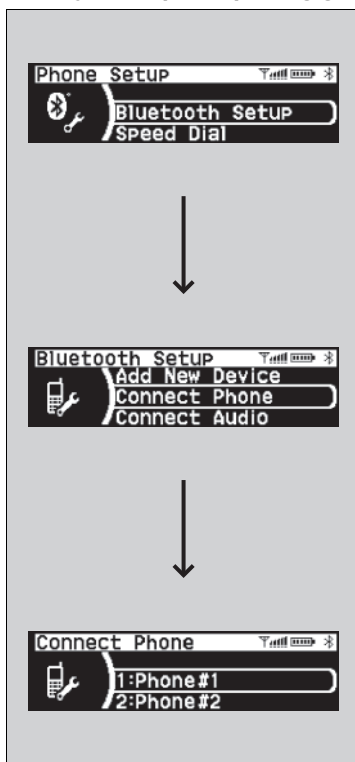
2. Xoay  để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .



3. Xoay  để chọn **Bluetooth Setup**, sau đó ấn .

4. Xoay  để chọn **Disconnect All**, sau đó ấn .

### ■ Thay đổi điện thoại đang ghép đôi



1. Ấn nút (Điện thoại) hoặc nút \*.

2. Xoay để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .



3. Xoay để chọn **Bluetooth Setup**, sau đó ấn .

4. Xoay để chọn **Connect Phone**, sau đó ấn   
► Màn hình chuyển sang danh sách thiết bị.

5. Xoay để chọn tên thiết bị mong muốn, sau đó ấn .

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe


### ■ Thay đổi cài đặt mã ghép đôi

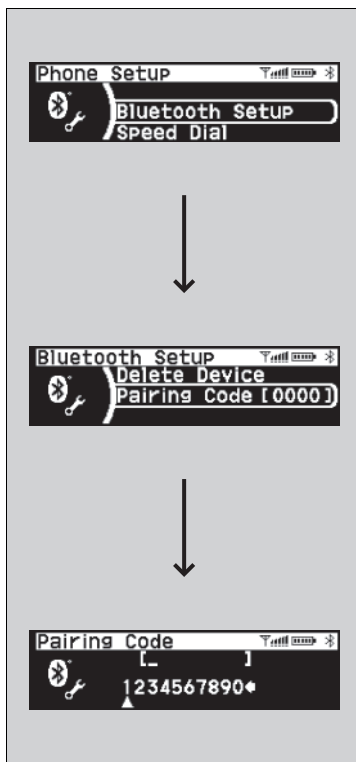
1. Ấn nút  (Điện thoại) hoặc nút \*.

2. Xoay  để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .

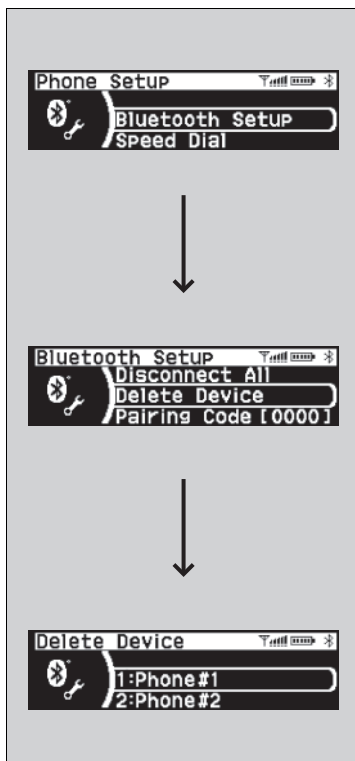
3. Xoay  để chọn **Bluetooth Setup**, sau đó ấn .

4. Xoay  để chọn **Pairing Code**, sau đó ấn .

5. Nhập mã ghép đôi mới, sau đó ấn .



### ■ Xóa điện thoại đã ghép đôi

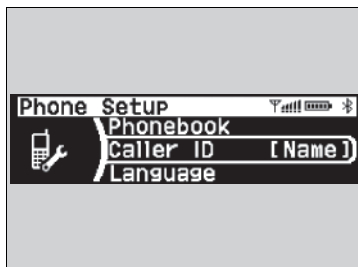










1. Ấn nút (Điện thoại) hoặc nút \*.
2. Xoay để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Bluetooth Setup**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn **Delete Device**, sau đó ấn .  
► Màn hình thay đổi sang danh sách thiết bị.
5. Xoay lựa chọn điện thoại bạn muốn xóa sau đó ấn .
6. Một thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Xoay để chọn Yes, sau đó ấn .

\* Không áp dụng với tất cả các đời xe

## ■ Thông Tin nhận dạng Của Người Gọi

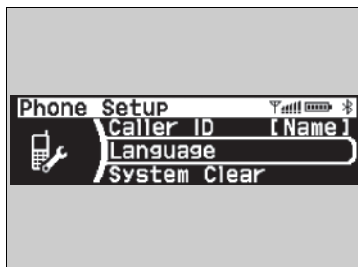
Bạn có thể chọn hiển thị thông tin của người gọi khi có cuộc gọi đến.











1. Ấn nút  (Điện thoại) hoặc nút \*.
2. Xoay  để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Caller ID**, sau đó ấn .
4. Xoay  chọn chế độ bạn muốn, sau đó ấn .

## ■ Thay Đổi Ngôn Ngữ\*

Bạn có thể cài đặt ngôn ngữ hệ thống.



1. Ấn nút  (Điện thoại) hoặc nút \*.
2. Xoay  để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Language**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn chế độ bạn muốn, sau đó ấn .

## »»Thông Tin Nhận Dạng Của Người Gọi\*

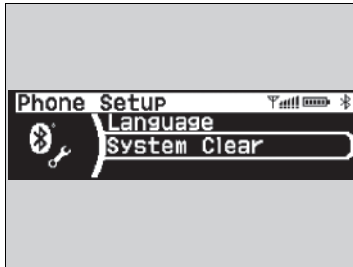
**Ưu Tiên Tên:** Tên người gọi được hiển thị nếu nó được lưu trong danh bạ điện thoại.

**Ưu Tiên Số:** Số điện thoại của người gọi được hiển thị.



## ■ Xóa Hệ Thống

Các mã ghép đôi, điện thoại đã ghép đôi, tất cả mục quay số nhanh, tất cả dữ liệu lịch sử cuộc gọi và dữ liệu danh bạ đã nhập vào đều bị xóa.

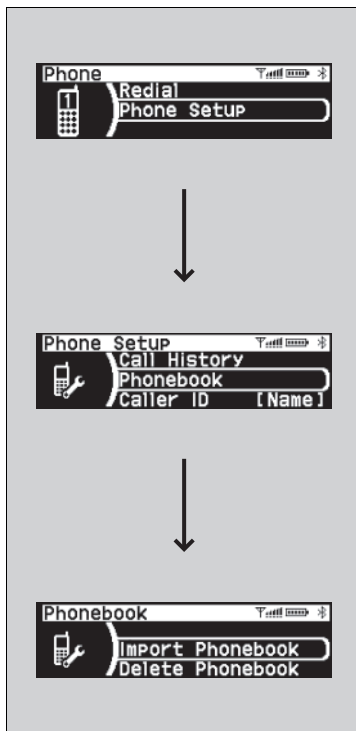


1. Ấn nút (Điện thoại) hoặc nút \*.
2. Xoay để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **System Clear**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn **Yes**, sau đó ấn .
5. Một thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Ấn .

\* Không áp dụng với tất cả các đời xe

## Danh Bạ Điện Thoại

Khi điện thoại của bạn đã được ghép đôi, các nội dung trong danh bạ điện thoại và lịch sử cuộc gọi được tự động nhập vào hệ thống.



### ■ Nhập dữ liệu danh bạ vào điện thoại

1. Ấn nút (Điện thoại) hoặc nút \*.
2. Xoay để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Phonebook**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn **Import Phonebook**, sau đó ấn .
5. Xoay để chọn **Yes**, sau đó ấn   
► Hệ thống sẽ bắt đầu nhập dữ liệu danh bạ.

### ■ Xóa dữ liệu danh bạ

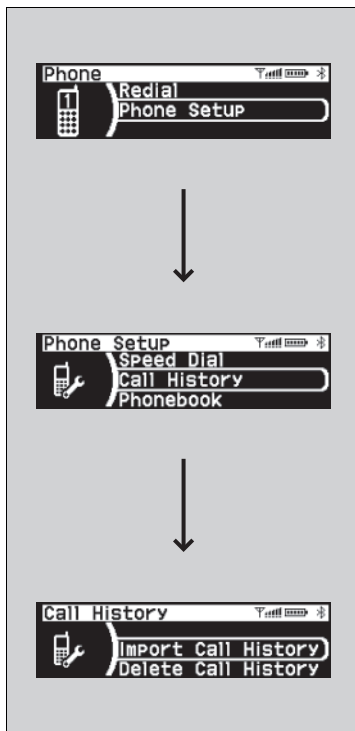
1. Ấn nút (Điện thoại) hoặc nút \*.
2. Xoay để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Phonebook**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn **Delete Phonebook**, sau đó ấn .
5. Xoay để chọn **Yes**, sau đó ấn .

## »»Danh Bạ Điện Thoại

Để biết về các tính năng này, hãy tham khảo đại lý.

## ■ Lịch Sử Cuộc Gọi

Khi điện thoại của bạn được ghép đôi, nội dung trong lịch sử cuộc gọi của nó được nhập vào hệ thống.



### ■ Nhập dữ liệu lịch sử cuộc gọi vào điện thoại

1. Ấn nút (Điện thoại) hoặc nút \*.
2. Xoay chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Call History**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn **Import Call History**, sau đó ấn .
5. Xoay để chọn **Yes**, sau đó ấn .
  - Hệ thống sẽ bắt đầu nhập dữ liệu danh bạ.

### ■ Xóa dữ liệu lịch sử cuộc gọi

1. Ấn nút (Điện thoại) hoặc nút \*.
2. Xoay để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Call History**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn **Delete Call History**, sau đó ấn .
5. Xoay để chọn **Yes**, sau đó ấn .

## » Lịch Sử Cuộc Gọi



Để biết về các tính năng này, hãy tham khảo đại lý.

\* Không áp dụng với tất cả các đời xe

## ■ Quay Số Nhanh

Có thể lưu đến 15 số quay nhanh cho mỗi điện thoại.

Để lưu một số quay nhanh:

1. Ấn nút  (Điện thoại) hoặc nút .

2. Xoay  để chọn **Speed Dial**, sau đó ấn .

► Màn hình thay đổi thành một danh sách quay số nhanh.

3. Xoay  để chọn **Add New**, sau đó ấn .

Từ **Call History**:

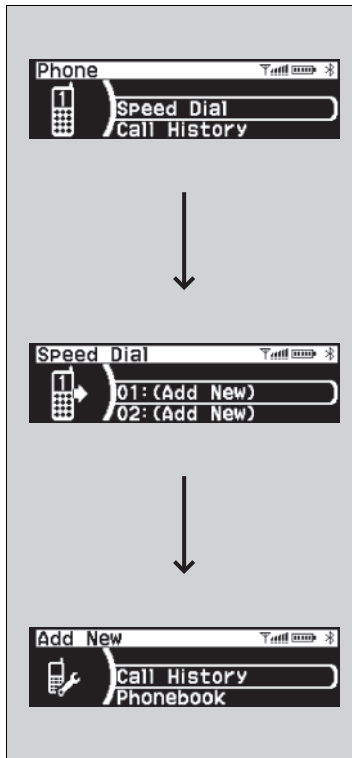
► Chọn một số từ lịch sử cuộc gọi.

Từ **Phonebook**:

► Chọn một số từ danh bạ điện thoại di động được kết nối.










Từ **Phone Number**:

► Nhập số.












Tình Năng

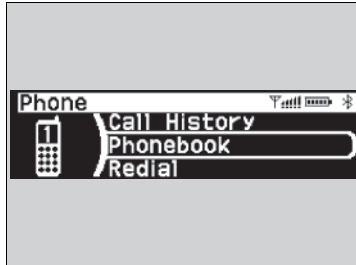
### ■ Sửa số quay nhanh

1. Ấn nút  (Điện thoại) hoặc nút .
2. Xoay  để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Speed Dial**, sau đó ấn .
4. Chọn số quay nhanh có sẵn.
5. Xoay  để chọn **Edit Speed Dial**, sau đó ấn .
6. Chọn số quay nhanh mới, sau đó ấn .

### ■ Xóa số quay nhanh

1. Ấn nút  (Điện thoại) hoặc nút .
2. Xoay  để chọn **Phone Setup**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Speed Dial**, sau đó ấn .
4. Chọn số quay nhanh có sẵn.
5. Xoay  để chọn **Delete Speed Dial**, sau đó ấn .
6. Chọn mục số quay nhanh muốn xóa, sau đó ấn .

## ■ Tạo Cuộc Gọi



Bạn có thể tạo cuộc gọi bằng:

- Lịch sử cuộc gọi
- Danh bạ
- Quay số nhanh
- Gọi lại

## ►► Tạo Cuộc Gọi

Khi cuộc gọi được kết nối, bạn có thể nghe thấy giọng của người mà bạn đang gọi qua loa âm thanh.



### ■ Tạo cuộc gọi từ Lịch Sử Cuộc Gọi

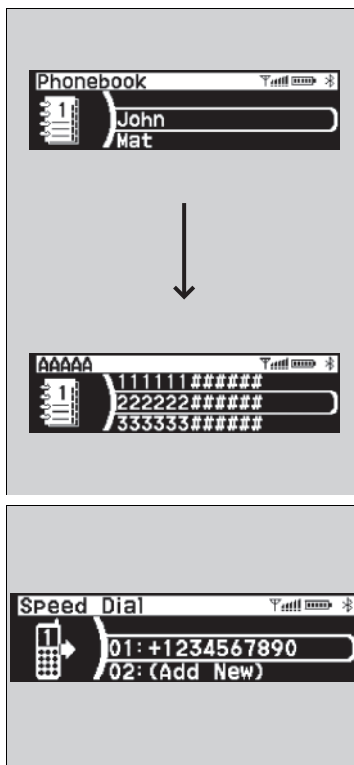
Lịch sử cuộc gọi được lưu bằng **Dialed calls**, **Received calls** và **Missed calls**.

1. Ấn nút (Điện thoại) hoặc nút \*.
2. Xoay để chọn **Call history**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Dialed calls**, **Received calls**, hoặc **Missed calls**, sau đó ấn .  
► Màn hình thay đổi theo từng danh sách.
4. Xoay để chọn một số, sau đó ấn .  
► Quay số tự động bắt đầu.

### ▣ Tạo cuộc gọi từ lịch sử cuộc gọi

Lịch sử cuộc gọi hiển thị 10 cuộc gọi đi, gọi đến, hoặc gọi nhớ gần đây nhất.  
(Chỉ xuất hiện khi điện thoại được kết nối với hệ thống.)

\* Không áp dụng với tất cả các đời xe



### ■ Tạo cuộc gọi từ danh bạ đã lưu

1. Ấn nút (Điện thoại) hoặc nút \*.
2. Xoay để chọn **Phonebook**, sau đó ấn .
- ▶ Danh bạ điện thoại được lưu theo thứ tự trong bảng chữ cái.
3. Xoay để chọn một tên, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn một số, sau đó ấn .
- ▶ Quay số tự động bắt đầu.

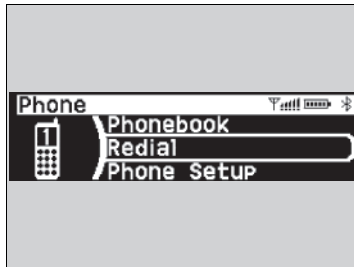
### ■ Tạo cuộc gọi bằng số quay nhanh

1. Ấn nút (Điện thoại) hoặc nút \*.
2. Xoay để chọn **Speed Dial**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn một số, sau đó ấn .
- ▶ Quay số tự động bắt đầu.

### ►► Tạo cuộc gọi từ danh bạ

Khi điện thoại của bạn được ghép đôi, nội dung của danh bạ được nhập thủ công vào hệ thống.



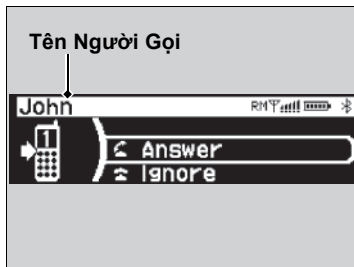


### ■ Tạo cuộc gọi bằng cách gọi lại

Có thể được gọi lại bằng cuộc gọi mới nhất.

1. Ấn nút (Điện thoại) hoặc nút \*.
  2. Xoay để chọn **Redial**, sau đó ấn .
- Quay số tự động bắt đầu.

### ■ Nhận Cuộc Gọi



Khi có cuộc gọi đến, một âm thanh thông báo được phát ra và màn hình nhận cuộc gọi **Incoming call** sẽ xuất hiện.

Ấn nút để trả lời cuộc gọi.\*

Ấn nút để từ chối hoặc kết thúc cuộc gọi.\*

### ▣ Nhận Cuộc Gọi

Cuộc Gọi Chờ

Ấn nút để giữ cuộc gọi hiện tại và trả lời cuộc gọi đang đến.\*

Chọn **Ignore** để bỏ qua cuộc gọi đang đến nếu bạn không muốn trả lời.

Ấn nút nếu bạn muốn gác máy cuộc gọi hiện tại.\*

Bạn có thể chọn biểu tượng trên màn hình âm thanh/thông tin thay vì nút và nút \*.

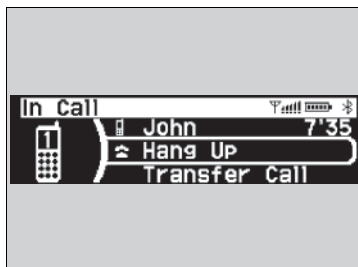
\* Không áp dụng với tất cả các đời xe



## ■ Các Tùy Chọn Khi Đang Gọi

Có các tùy chọn khi đang gọi.

**Mute:** Tắt tiếng.

**Transfer call:** Chuyển cuộc gọi từ hệ thống tới điện thoại của bạn.



1. Xoay  để chọn, sau đó ấn .

► Chọn **Mute** để bật tính năng tắt tiếng, sau đó chọn **Mute** lần nữa để tắt tính năng này.

## ▣ Các Tùy Chọn Khi Đang Gọi

Bạn có thể chọn các biểu tượng trên màn hình âm thanh/thông tin.

# Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay\*/Bluetooth® HandFreeLink®\*

Loại xe có hệ thống Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

Loại xe Mexico

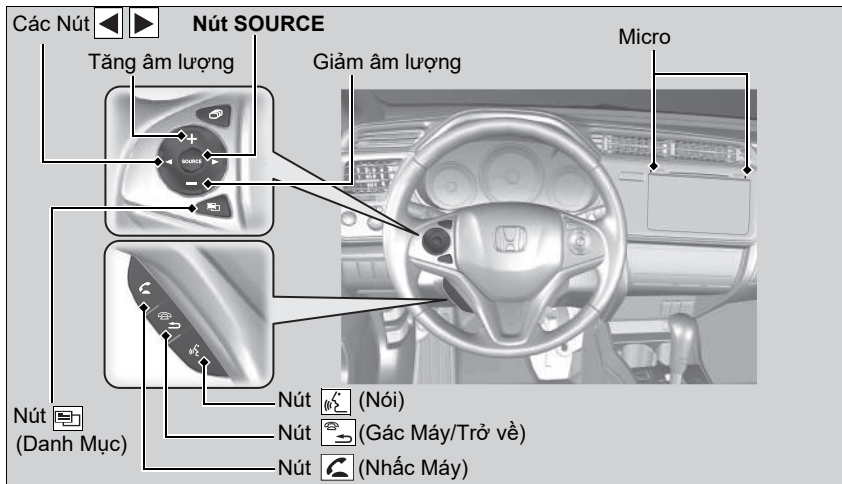
Xe của bạn được trang bị hệ thống *Bluetooth®*HandFreeLink® (HFL) cũng có các tính năng tương tự như HFT. Mặc dù hình ảnh trong phần này minh họa cho HFT, bạn có thể sử dụng chúng để tham khảo.

Loại trừ loại xe Mexico

Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT) cho phép bạn gọi và nhận cuộc gọi bằng cách sử dụng hệ thống âm thanh của xe, mà không cần cầm điện thoại.

## Sử Dụng HFT/HFL

### Nút HFT/HFL



\* Không áp dụng với tất cả các đời xe

Còn nữa

### Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay\*/Bluetooth® HandsFreeLink®

Để sử dụng HFT/HFL, bạn cần có điện thoại tương thích *Bluetooth*. Để biết danh sách điện thoại tương thích, quy trình ghép đôi và các tính năng đặc biệt, hãy liên hệ với đại lý Honda ở địa phương bạn để biết thêm thông tin chi tiết.

Để sử dụng hệ thống, cài đặt **Bluetooth On/Off Status** (Trạng Thái Bật/Tắt Bluetooth) ở chế độ **On** (Bật).

➤ **Tính Năng Tùy Chọn\*** Tr. 250


Mẹo điều khiển bằng giọng nói


- Hướng cửa thông gió tránh phía trên màn hình âm thanh/thông tin và gần cửa kính, vì tiếng ồn từ các cửa thông gió có thể làm nhiễu micro.
- Ấn nút khi bạn muốn gọi một số điện thoại bằng khẩu lệnh đã lưu. Nói rõ ràng và tự nhiên sau tiếng bíp.
- Nếu micro nhận diện giọng nói không phải là bạn, lệnh có thể không được thực hiện.
- Để thay đổi mức âm lượng, chọn nút **VOL** (Âm Lượng) của hệ thống âm thanh hoặc sử dụng điều khiển âm thanh từ xa trên vô lăng.

Có đến năm số quay nhanh có thể hiển thị trong tổng số 20 số nhập vào. Nếu không có mục nào trong hệ thống, Quay Số Nhanh sẽ bị vô hiệu hóa.


➤ **Quay Số Nhanh** Tr. 299



Có đến năm cuộc gọi trước có thể được hiển thị tại một thời điểm trong tổng số 20 cuộc gọi được nhập vào. Nếu không có lịch sử cuộc gọi nào, Lịch Sử Cuộc Gọi sẽ bị vô hiệu hóa.

**Nút  (Nhắc máy):** Ấn để chuyển trực tiếp sang màn hình điện thoại hoặc để trả lời cuộc gọi đến.

**Nút  (Gác máy/trở về):** Ấn để kết thúc cuộc gọi, trở về lệnh trước đó, hoặc hủy lệnh.

**Nút  (Nói):** Ấn để gọi một số điện thoại bằng lệnh giọng nói đã lưu.

**Nút  (Menu):** Ấn để hiển thị **Speed Dial**, **Call History**, hoặc **Redial** trên màn hình điện thoại.

**Các nút  **: Ấn để chọn mục hiển thị trên màn hình điện thoại.

**Nút SOURCE:** Ấn để gọi số đã được liệt kê trong mục lựa chọn trên màn hình điện thoại.

Để chuyển sang màn hình **Phone Menu** :

1. Chọn **Phone** để chuyển màn hình sang màn hình điện thoại.
2. Chọn **MENU**.

#### ►►Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay\*/Bluetooth® HandsFreeLink®\*

Công Nghệ *Bluetooth*® Không Dây  
Nhãn *Bluetooth*® và các logo được đăng ký thương hiệu do tập đoàn *Bluetooth* SIG sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của công ty Honda Motor đều được cấp phép. Các thương hiệu và các tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

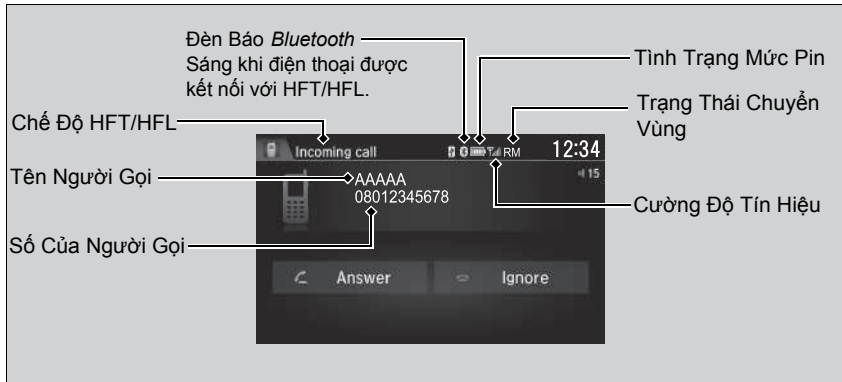
#### Hạn Chế của HFT/HFL

Cuộc gọi đến trên HFT/HFL sẽ làm gián đoạn hoạt động của hệ thống âm thanh khi nó đang phát. Hệ thống sẽ tiếp tục hoạt động khi cuộc gọi kết thúc.

Để điện thoại của bạn ở nơi có sóng tốt.

## ■ Hiện Thị Trạng Thái HFT/HFL

Màn hình âm thanh/thông tin thông báo cho bạn có cuộc gọi đến.



## ▣ Hiện Thị Trạng Thái HFT/HFL

Thông tin xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin khác nhau tùy thuộc vào loại điện thoại.

Bạn có thể thay đổi ngôn ngữ hệ thống.  
▶ **Tính Năng Tùy Chọn\*** Tr. 250

\* Không áp dụng với tất cả các đời xe

## Danh Mục HFT/HFL

Khoá điện phải ở PHỤ KIỆN  I hoặc BẬT  II\*1 để sử dụng hệ thống.

### ■ Màn hình phone settings (Cài đặt điện thoại)



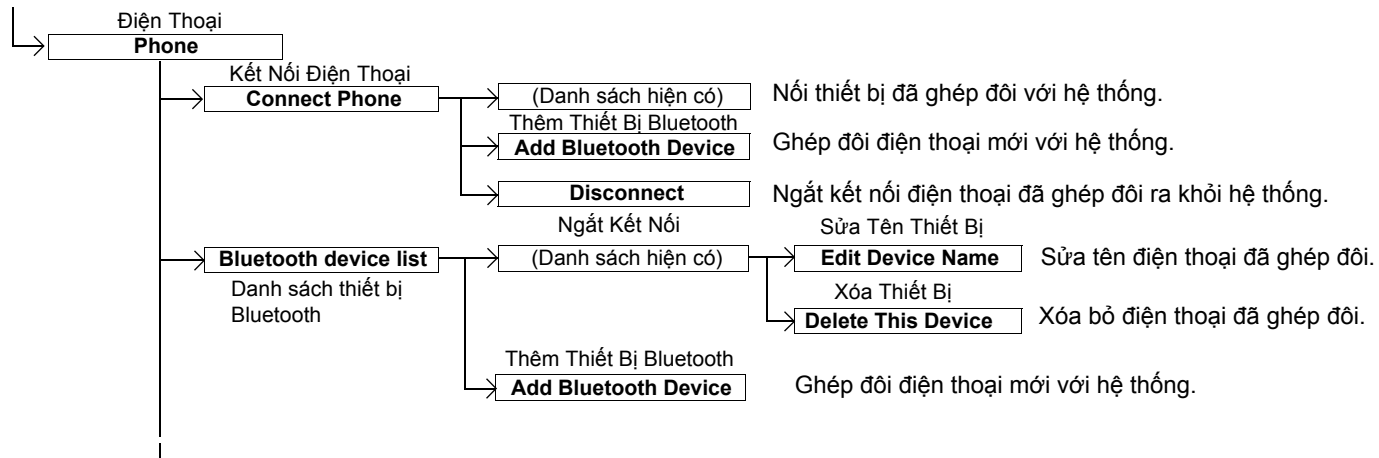
1. Chọn **HOME** để đến màn hình chính.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Phone**.

### ►► Danh Mục HFT/HFL

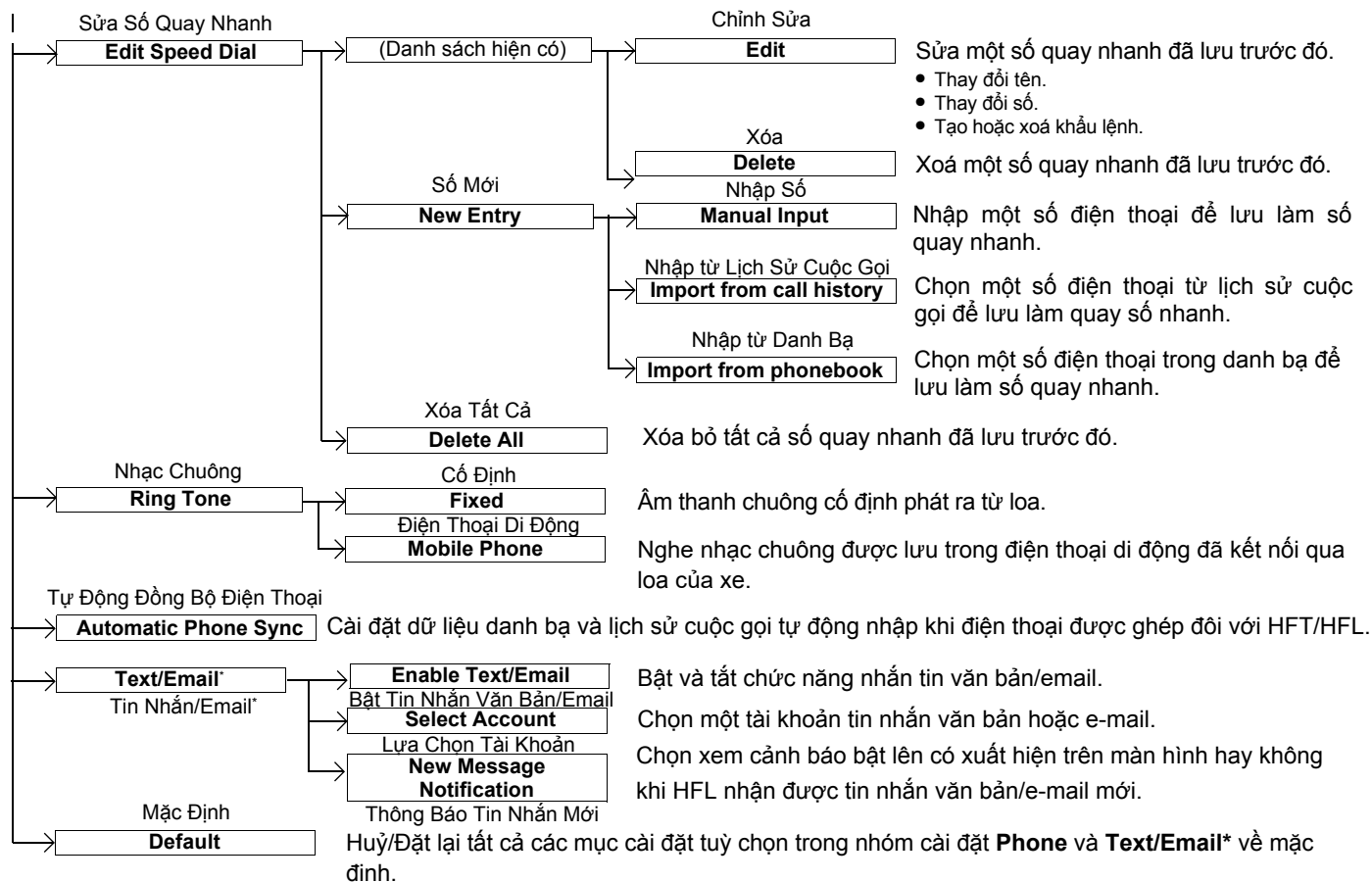
Để sử dụng HFT, trước tiên bạn phải ghép đôi điện thoại di động tương thích *Bluetooth* với hệ thống trong khi xe đang đỗ.

Một số chức năng sẽ bị hạn chế khi đang lái xe.

Tình Năng



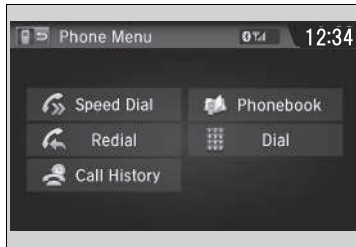
\* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.



Tính Năng

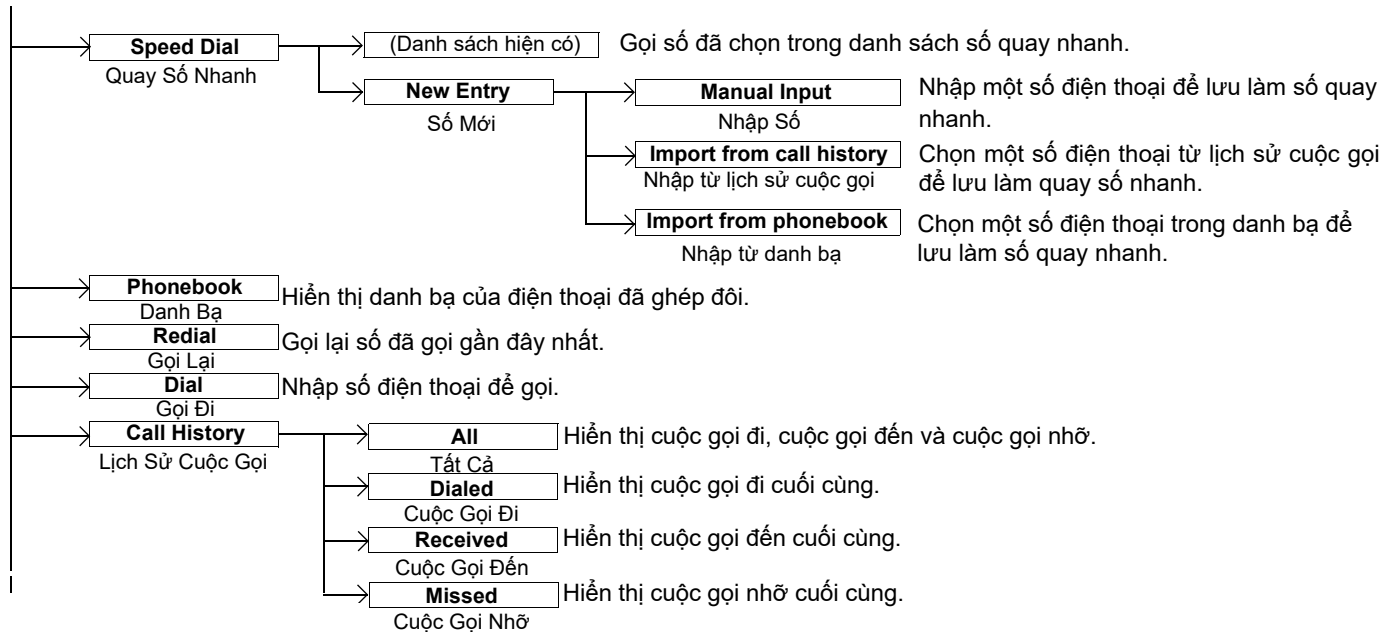
\* Không áp dụng với tất cả các đời xe

■ **Màn hình Phone Menu** (Danh Mục Điện Thoại)

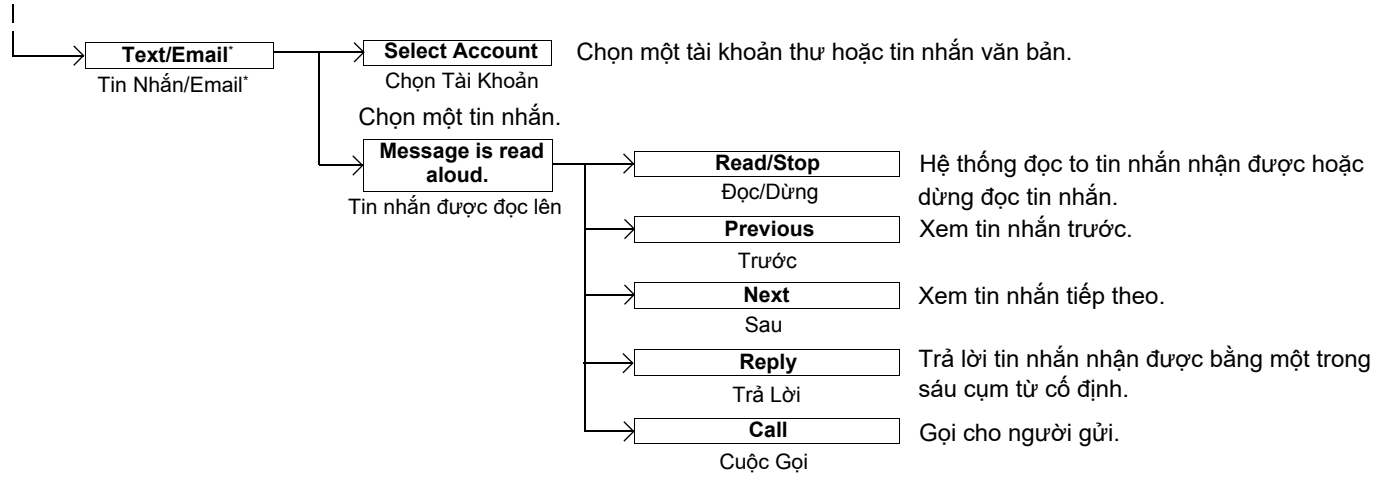


1. Chọn **HOME** để đi đến màn hình chính.
2. Chọn **Phone**.
3. Chọn **MENU**.

Tính Năng



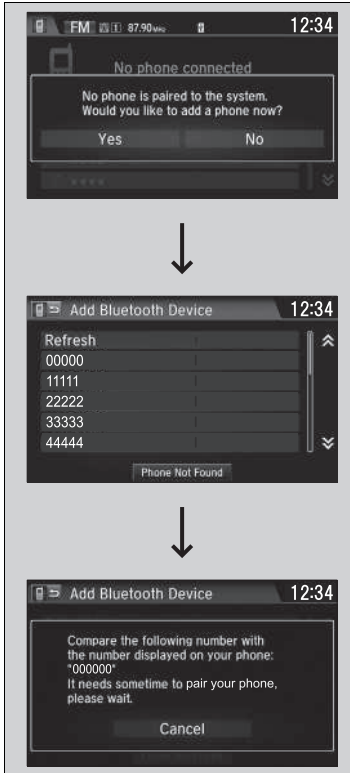




Tình Năng

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Cài Đặt Điện Thoại



Tính Năng

### ■ Ghép đôi điện thoại di động (chưa ghép đôi điện thoại nào với hệ thống)

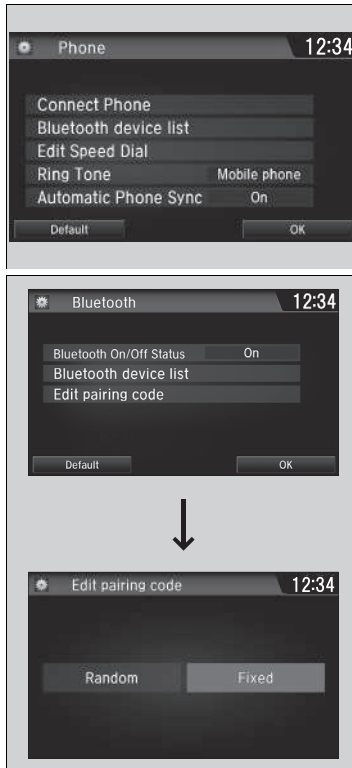
1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Yes**.
3. Đảm bảo điện thoại ở chế độ tìm kiếm hoặc có thể tìm thấy, chọn **OK**.
  - HFT/HFL tự động tìm kiếm thiết bị **Bluetooth®**.
4. Chọn điện thoại của bạn khi nó hiển thị trên danh sách.
  - Nếu điện thoại của bạn không xuất hiện, bạn có thể chọn **Refresh** để tìm kiếm lại.
  - Nếu điện thoại của bạn vẫn không xuất hiện, hãy chọn **Phone Not Found** và tìm kiếm thiết bị **Bluetooth®** bằng điện thoại của bạn. Từ điện thoại của bạn, tìm kiếm **Honda HFT/HandsFreeLink**.
5. Hệ thống tạo cho bạn một mã ghép đôi trên màn hình âm thanh/thông tin.
  - Xác nhận nếu mã ghép đôi trên màn hình và mã trên điện thoại khớp nhau. Điều này có thể thay đổi đối với từng loại điện thoại.

### » Cài Đặt Điện Thoại

Điện thoại tương thích **Bluetooth** của bạn phải được ghép đôi với hệ thống trước khi bạn có thể gọi hoặc nhận các cuộc gọi rảnh tay.

#### Các Lưu Ý Khi Ghép Đôi Điện Thoại:

- Bạn không thể ghép đôi điện thoại khi xe đang chạy.
- Có thể ghép đôi đến sáu điện thoại.
- Pin điện thoại có thể hết nhanh hơn khi ghép đôi với hệ thống.
- Nếu điện thoại của bạn không sẵn sàng ghép đôi hoặc không được tìm thấy bởi hệ thống trong vòng ba phút, hệ thống sẽ ngừng và trở về chế độ chờ.



### ■ Thay đổi điện thoại đang ghép đôi

1. Chuyển sang màn hình phone settings (cài đặt điện thoại).
  - ▶ Màn hình phone settings Tr. 288
2. Chọn **Connect Phone**.
3. Chọn điện thoại để kết nối.
  - ▶ HFT/HFL ngắt điện thoại đã kết nối và bắt đầu tìm kiếm một điện thoại ghép đôi khác.

### ■ Thay đổi cài đặt mã ghép đôi

1. Chọn **Settings**.
2. Chọn **Bluetooth**.
3. Chọn **Edit pairing code**.
4. Chọn **Random** hoặc **Fixed**.

### ▶ Thay đổi điện thoại đang ghép đôi

Nếu không có điện thoại nào được tìm thấy hoặc được ghép đôi khi chuyển sang một chiếc điện thoại khác, HFT/HFL sẽ thông báo cho bạn biết điện thoại đầu tiên đã được kết nối lại.

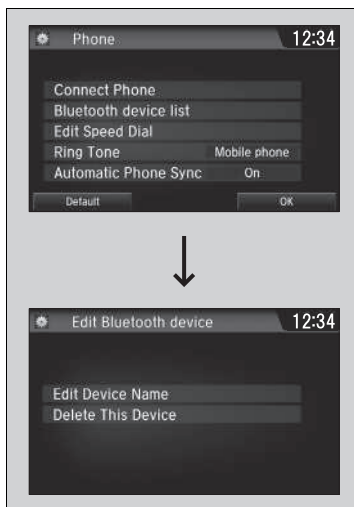
Để ghép đôi với điện thoại khác, chọn **Add Bluetooth Device** từ màn hình **Connect Phone**.

### ▶ Thay đổi cài đặt mã ghép đôi

Mã ghép đôi mặc định là **0000** đến khi bạn thay đổi cài đặt.

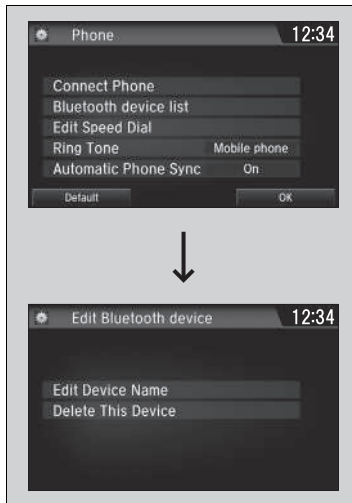
Để tạo mã cho riêng mình, chọn **Fixed**, xóa mã hiện tại, sau đó nhập một mã mới.

Để tạo mã ghép đôi được hình thành ngẫu nhiên mỗi khi ghép đôi một điện thoại, chọn **Random**.



■ **Sửa tên điện thoại đã được ghép đôi**

1. Chuyển sang màn hình phone settings  
    ➤ **Màn hình phone settings** Tr. 288
2. Chọn **Bluetooth device list**.
3. Chọn một điện thoại được ghép đôi mà bạn muốn sửa.
4. Chọn **Edit Device Name**.
5. Sửa tên và chọn **OK**.

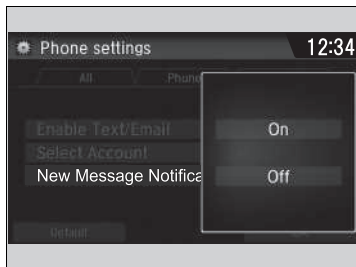
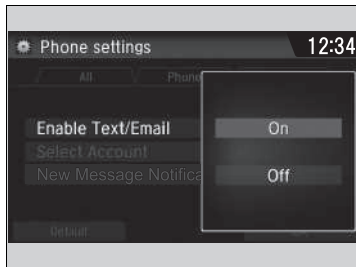


### ■ Xóa điện thoại đã ghép đôi

1. Chuyển sang màn hình phone settings.  
    ➤ Màn hình phone settings Tr. 288
2. Chọn **Bluetooth device list**.
3. Chọn điện thoại bạn muốn xoá.
4. Chọn **Delete This Device**.
5. Một thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn **Yes**.

Loại xe Mexico

## Cài Đặt Tùy Chọn Tin Nhắn Văn Bản/Email



### ■ Để bật hoặc tắt chức năng văn bản/ e-mail

1. Chuyển sang màn hình **Phone settings**.  
    ► Màn hình **phone settings** Tr. 288
2. Chọn thẻ **Text/Email**, sau đó **Enable Text/Email**.  
    ► Một danh sách xuất hiện trên màn hình.
3. Chọn **On** (Bật) hoặc **Off** (Tắt).

### ■ Để bật hoặc tắt thông báo văn bản/ e-mail

1. Chuyển sang màn hình **Phone settings**.  
    ► Màn hình **phone settings** Tr. 288
2. Chọn thẻ **Text/Email**, sau đó **New Message Notification**.  
    ► Một danh sách xuất hiện trên màn hình.
3. Chọn **On** (Bật) hoặc **Off** (Tắt).

### ►► Để bật hoặc tắt thông báo văn bản/e-mail

**Bật:** Thông báo bật lên xuất hiện mỗi khi bạn nhận được tin nhắn mới.

**Tắt:** Tin nhắn bạn nhận được được lưu trong hệ thống mà không cần thông báo.

## ■ Nhạc Chuông

Bạn có thể thay đổi cài đặt nhạc chuông.

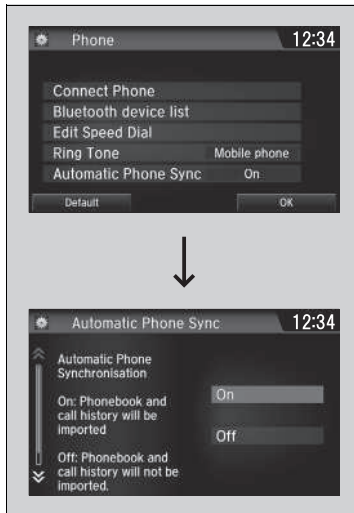
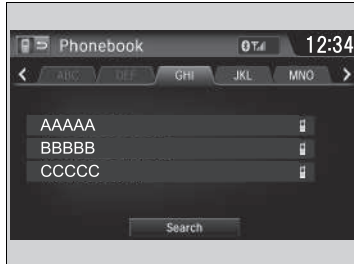


1. Chuyển sang màn hình phone settings.  
▶ Màn hình phone settings Tr. 288
2. Chọn **Ring Tone**.
3. Chọn **Fixed** hoặc **Mobile phone**.

## ▶▶ Nhạc Chuông

**Fixed:** Nhạc chuông được cài sẵn phát ra từ loa.  
**Mobile Phone:** Nhạc chuông được lưu trong điện thoại phát ra từ loa.

## ■ Tự Động Nhập Danh Bạ Điện Thoại và Lịch Sử Cuộc Gọi



### ■ Khi Bật Tự Động Đồng Bộ Điện Thoại:

Khi điện thoại của bạn đã ghép đôi, các nội dung trong danh bạ điện thoại và lịch sử cuộc gọi đều được lưu tự động vào hệ thống.

### ■ Thay đổi cài đặt Tự Động Đồng Bộ Điện Thoại

1. Chuyển sang màn hình phone settings.  
    ➡ Màn hình phone settings Tr. 288
2. Chọn **Automatic Phone Sync**.
3. Chọn **On** (Bật) hoặc **Off** (Tắt).

## »» Tự Động Nhập Danh Bạ Điện Thoại và Lịch Sử Cuộc Gọi

Khi bạn chọn một người từ danh sách trong danh bạ điện thoại, bạn có thể thấy đến ba biểu tượng hạng mục. Các biểu tượng này hiển thị loại số điện thoại được lưu cho tên đó.



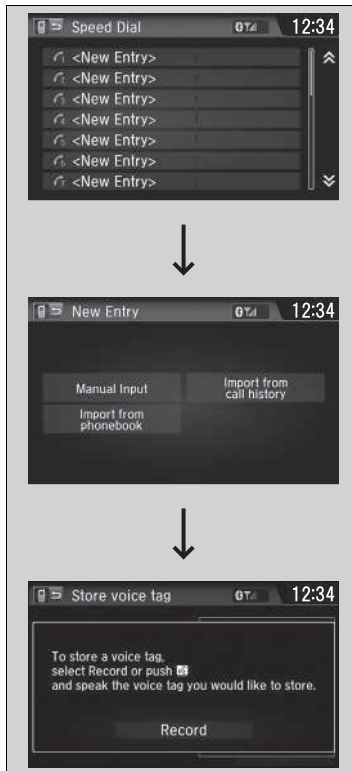
Ở một số điện thoại, có thể không nhập được các biểu tượng hạng mục vào hệ thống.

Danh bạ được cập nhật sau mỗi lần kết nối. Lịch sử cuộc gọi được cập nhật sau mỗi lần kết nối hoặc gọi.



## ■ Quay Số Nhanh

Có thể lưu đến 20 số quay nhanh cho mỗi điện thoại.



Để lưu một số quay nhanh:


1. Chuyển sang màn hình **Phone Menu**.  
▶ Màn hình Phone Menu Tr. 290
2. Chọn **Speed Dial**.
3. Chọn **New Entry**.
4. Chọn một nơi để chọn một số.  
Từ **Import from call history**:  
▶ Chọn số điện thoại từ lịch sử cuộc gọi.  
Từ **Manual Input**:  
▶ Nhập số bằng tay.  
Từ **Import from Phonebook**:  
▶ Chọn số điện thoại từ danh bạ đã lưu của điện thoại đã kết nối.
5. Khi số quay nhanh được lưu thành công bạn sẽ được yêu cầu tạo khẩu lệnh cho số điện thoại. Chọn **Yes** hoặc **No**.
6. Chọn **Record** để lưu thẻ giọng nói cho mục quay số nhanh.
7. Dùng nút [Mute], làm theo lời nhắc để lưu thẻ thoại cho mục nhập quay số nhanh.

## ☒ Quay Số Nhanh

Khi khẩu lệnh được lưu, ấn nút [Mute] để gọi số bằng khẩu lệnh. Nói tên khẩu lệnh.



### ■ Thêm khẩu lệnh vào số quay nhanh đã lưu

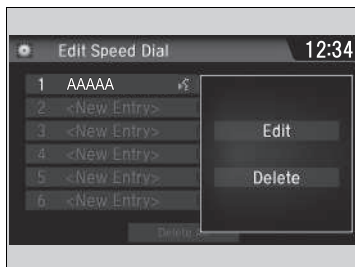
1. Chuyển sang màn hình Phone Settings.  
► **Màn hình Phone Settings** Tr. 288
2. Chọn **Edit Speed Dial**.
3. Chọn số quay nhanh đang có.  
► Từ danh mục cửa sổ, chọn **Edit**.
4. Chọn **Voice Tag**.  
► Từ danh mục cửa sổ, chọn **Record**.
5. Chọn **Record** để lưu lại khẩu lệnh.
6. Dùng nút  và làm theo hướng dẫn để hoàn thành khẩu lệnh.

### ■ Xoá khẩu lệnh

1. Chuyển sang màn hình phone settings.  
► **Màn hình phone settings** Tr. 288
2. Chọn **Edit Speed Dial**.
3. Chọn số quay nhanh đang có.  
► Từ danh mục cửa sổ, chọn **Edit**.
4. Chọn **Voice Tag**.  
► Từ danh mục cửa sổ, chọn **Clear**.
5. Bạn sẽ nhận được thông báo xác nhận trên màn hình. Chọn **Yes**.

### » Quay Số Nhanh

Tránh lặp lại khẩu lệnh.  
Tránh dùng “home” làm khẩu lệnh.  
Hệ thống sẽ dễ dàng nhận ra tên đầy đủ hơn.  
Ví dụ, dùng “John Smith” thay vì dùng “John.”



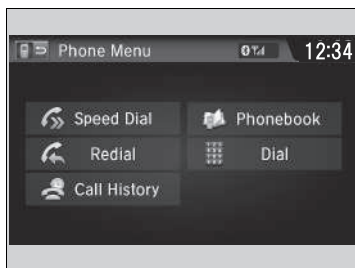
### ■ Sửa số quay nhanh

1. Chuyển sang màn hình phone settings.  
    ► Màn hình phone settings Tr. 288
2. Chọn **Edit Speed Dial**.
3. Chọn số quay nhanh đang có.  
    ► Từ danh mục cửa sổ, chọn **Edit**.
4. Chọn cài đặt bạn muốn.

### ■ Xoá số quay nhanh

1. Chuyển sang màn hình phone settings.  
    ► Màn hình phone settings Tr. 288
2. Chọn **Edit Speed Dial**.
3. Chọn số quay nhanh đang có.  
    ► Từ danh mục cửa sổ, chọn **Delete**.
4. Bạn sẽ nhận được thông báo xác nhận trên màn hình. Chọn **Yes**.


## ■ Tạo Cuộc Gọi



Bạn có thể tạo cuộc gọi bằng cách nhập số điện thoại bất kỳ, hoặc dùng danh bạ, lịch sử cuộc gọi, số quay nhanh đã lưu, hoặc gọi lại.

### ►► Tạo Cuộc Gọi

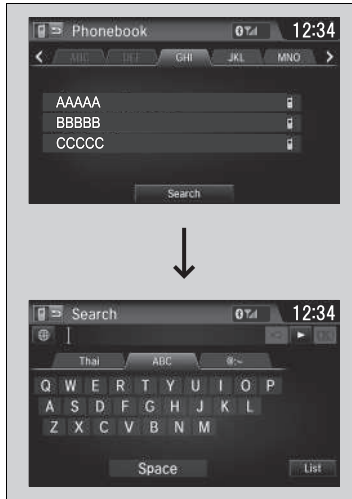
Bất kỳ số quay nhanh dùng khẩu lệnh đều có thể tạo được cuộc gọi bằng giọng nói ở hầu hết các màn hình.

Ấn nút  và nói tên khẩu lệnh.

Khi cuộc gọi được kết nối, bạn có thể nghe thấy giọng của người đang gọi qua loa âm thanh.

Còn nữa

Tính Năng



### ■ Tạo cuộc gọi từ danh bạ đã lưu

#### 1. Chuyển sang màn hình **Phone Menu**.

► **Màn hình Phone Menu** Tr. 290

#### 2. Chọn **Phonebook**.

#### 3. Chọn một tên.

► Bạn cũng có thể tìm bằng chữ cái. Chọn **Search**.

► Sử dụng bàn phím trên màn hình cảm ứng để nhập tên.

#### 4. Chọn một số.

► Quay số tự động bắt đầu.



### ■ Tạo cuộc gọi từ số điện thoại

#### 1. Chuyển sang màn hình **Phone Menu**.

► **Màn hình Phone Menu** Tr. 290

#### 2. Chọn **Dial**.

#### 3. Chọn một số.

► Sử dụng bàn phím trên màn hình cảm ứng để nhập số.

#### 4. Chọn .

► Quay số tự động bắt đầu.

### ►► Tạo cuộc gọi từ danh bạ đã lưu

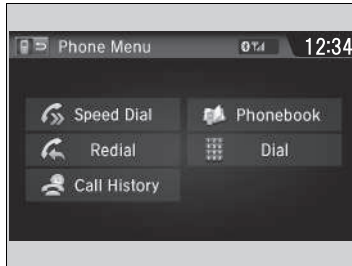
Tính năng này không khả dụng khi xe đang di chuyển. Tuy nhiên, bạn có thể sử dụng khẩu lệnh để gọi số quay nhanh đã lưu.

► **Quay Số Nhanh** Tr. 299

### ►► Tạo cuộc gọi từ số điện thoại

Tính năng này không khả dụng khi xe đang di chuyển. Tuy nhiên, bạn có thể sử dụng khẩu lệnh để gọi số quay nhanh đã lưu.

► **Quay Số Nhanh** Tr. 299



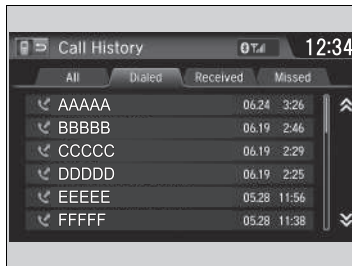
### ■ Tạo cuộc gọi bằng cách gọi lại

#### 1. Chuyển sang màn hình **Phone Menu**.

► Màn hình **Phone Menu** Tr. 290

#### 2. Chọn **Redial**.

► Quay số tự động bắt đầu.



### ■ Tạo cuộc gọi từ Lịch Sử Cuộc Gọi

Lịch sử cuộc gọi được lưu bằng **All, Dialed, Received, và Missed**.

#### 1. Chuyển sang màn hình **Phone Menu**.

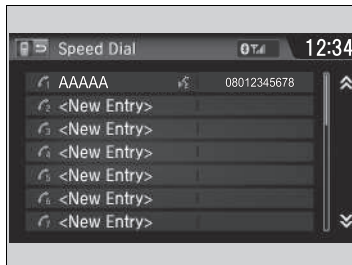
► Màn hình **Phone Menu** Tr. 290

#### 2. Chọn **Call History**.

#### 3. Chọn **All, Dialed, Received, hoặc Missed**.

#### 4. Chọn một số.

► Quay số tự động bắt đầu.



### ■ Tạo cuộc gọi bằng Số Quay Nhanh

#### 1. Chuyển sang màn hình **Phone Menu**.


► Màn hình **Phone Menu** Tr. 290

#### 2. Chọn **Speed Dial**.

#### 3. Chọn một số.

► Quay số tự động bắt đầu.

### ☒ Tạo cuộc gọi bằng cách gọi lại


Ấn và giữ nút  để gọi lại cuộc gọi gần nhất.

### ☒ Tạo cuộc gọi từ Lịch Sử Cuộc Gọi

Lịch sử cuộc gọi hiển thị 20 cuộc gọi gần nhất bao gồm tất cả các cuộc gọi đến, gọi đi, hoặc cuộc gọi nhỡ.

(Chỉ xuất hiện khi điện thoại được kết nối với hệ thống.)

### ☒ Tạo cuộc gọi bằng Số Quay Nhanh

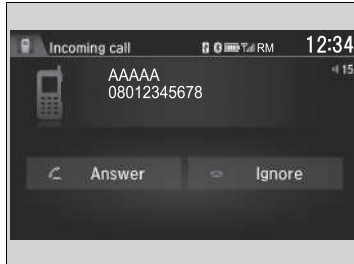
Khi khẩu lệnh được lưu, ấn nút  để gọi điện thoại bằng khẩu lệnh.

► Quay Số Nhanh Tr. 299


Có thể dùng khẩu lệnh để tạo cuộc gọi với bất kỳ số quay nhanh nào ở hầu hết các màn hình.


Ấn nút  và làm theo chỉ dẫn.

## ■ Nhận Cuộc Gọi



Khi có cuộc gọi đến, một âm thanh thông báo được phát ra (nếu kích hoạt) và màn hình nhận cuộc gọi **Incoming call** sẽ xuất hiện.

Ấn nút  để trả lời cuộc gọi.

Ấn nút  để từ chối hoặc kết thúc cuộc gọi.

## ■ Tùy Chọn Khi Đang Gọi

Có các tùy chọn sau khi đang gọi.

**Mute:** Tắt tiếng.

**Transfer:** Chuyển cuộc gọi từ hệ thống sang điện thoại của bạn.

**Touch Tones:** Gửi số trong khi gọi. Điều này thực sự hữu ích khi bạn gọi hệ thống điện thoại dưới dạng danh mục.




Các tùy chọn có sẵn được hiển thị ở phần nửa dưới góc màn hình.


Chọn tùy chọn.


► Biểu tượng tắt tiếng hiện ra khi chọn **Mute**. Chọn lại **Mute** để tắt tính năng.



## ►► Nhận Cuộc Gọi

Cuộc Gọi Chờ

Ấn nút  để giữ cuộc gọi hiện tại để trả lời cuộc gọi đang đến.

Ấn lại nút  để nghe cuộc gọi đã giữ trước đó. Chọn **Ignore** để bỏ qua cuộc gọi đang đến nếu bạn không muốn trả lời.

Ấn nút  nếu bạn muốn gác máy cuộc gọi hiện tại.

Bạn có thể chọn biểu tượng trên màn hình âm thanh/thông tin thay vì nút  và .

## ►► Các Tùy Chọn Khi Đang Gọi

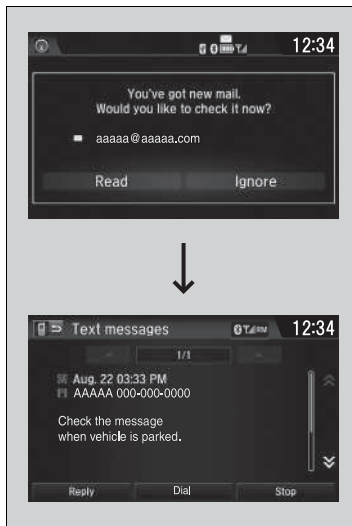
**Touch Tones:** Có sẵn trên một số điện thoại.

Bạn có thể chọn biểu tượng trên màn hình âm thanh/thông tin.

Loại xe Mexico

## ■ Nhận một Tin Nhắn Văn Bản/Email

HFL có thể hiển thị tin nhắn văn bản và e-mail mới nhận cũng như 20 tin nhắn nhận được gần đây nhất trên điện thoại di động được kết nối. Mỗi tin nhắn nhận được có thể được đọc to và trả lời bằng cách sử dụng một cụm từ phổ biến cố định.



1. Một danh mục cửa sổ xuất hiện và thông báo cho bạn về một tin nhắn văn bản hoặc e-mail mới.
2. Chọn **Read** để nghe tin nhắn.
  - Tin nhắn văn bản hoặc e-mail được hiển thị. Hệ thống tự động bắt đầu đọc tin nhắn.
3. Để ngừng đọc tin nhắn, chọn **Stop**.

## ► Nhận một Tin Nhắn Văn Bản/Email

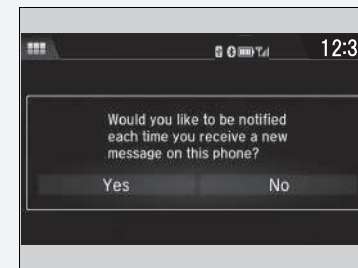
Hệ thống không hiển thị bất kỳ tin nhắn nhận được trong khi bạn đang lái xe. Bạn chỉ có thể nghe chúng được đọc to.

Với một số điện thoại, bạn có thể hiển thị tối đa 20 tin nhắn văn bản và e-mail gần đây nhất.

Luật pháp quốc gia hoặc địa phương có thể giới hạn việc sử dụng tính năng tin nhắn văn bản/e-mail HFL. Chỉ sử dụng tính năng tin nhắn văn bản/e-mail khi được phép.

Lần đầu tiên bạn nhận được tin nhắn văn bản hoặc e-mail sau khi điện thoại được ghép đôi với HFL, bạn được yêu cầu **BẬT** cài đặt **New Message Notification**.

► **Đề Bật hoặc Tắt Tin Nhắn Văn Bản/E-mail**  
Tr. 296



Còn nữa

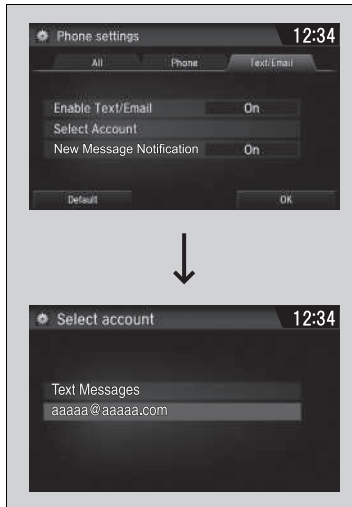
Tính Năng

Loại xe Mexico

## Chọn một Tài khoản Mail

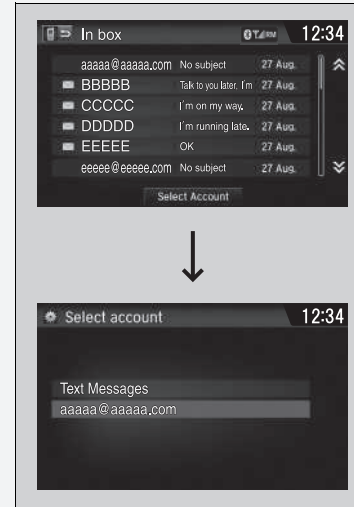
Nếu một điện thoại được ghép đôi có nhiều tài khoản tin nhắn văn bản hoặc email, bạn có thể chọn một trong số đó để kích hoạt và nhận thông báo.

1. Chuyển sang màn hình **Phone settings**.  
    ► Màn hình **Phone settings** Tr. 288
2. Chọn thẻ **Text/Email**, sau đó chọn **Select Account**.  
    ► Một danh mục cửa sổ xuất hiện trên màn hình.
3. Chọn **Text Messages** hoặc tài khoản e-mail bạn muốn.



## Chọn một Tài khoản Mail

Bạn cũng có thể chọn một tài khoản thư điện tử từ màn hình danh sách tin nhắn hoặc màn hình danh sách thư mục.



Tại một thời điểm, bạn chỉ có thể nhận thông báo từ một tài khoản tin nhắn văn bản hoặc email.



Loại xe Mexico

## ■ Hiện Thị Tin Nhắn



### ■ Hiện thị tin nhắn văn bản

1. Chuyển sang màn hình **Phone menu**.  
► Màn hình **Phone Menu** Tr. 290
2. Chọn **Text/Email**.  
► Chọn tài khoản nếu cần thiết.
3. Chọn một tin nhắn.  
► Tin nhắn văn bản được hiển thị. Hệ thống tự động bắt đầu đọc to tin nhắn.

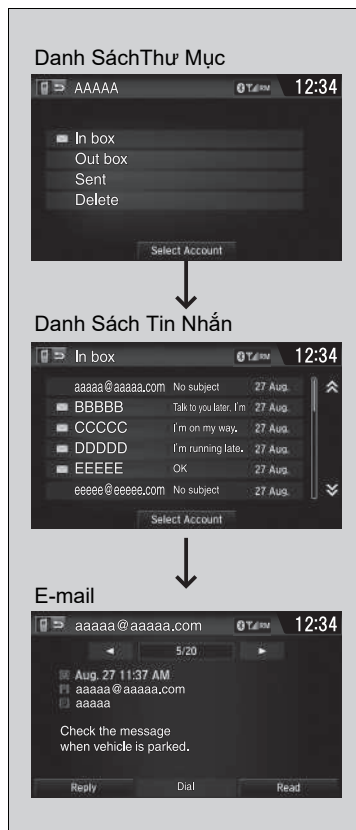
### ►► Hiện Thị Tin Nhắn

Biểu tượng xuất hiện bên cạnh một tin nhắn chưa đọc.

Nếu bạn xóa một tin nhắn trên điện thoại, tin nhắn cũng sẽ bị xóa trong hệ thống. Nếu bạn gửi tin nhắn từ hệ thống, tin nhắn sẽ chuyển đến hộp thư điện thoại của bạn.

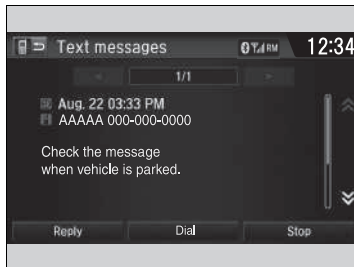
Để xem tin nhắn trước hoặc tiếp theo, chọn hoặc trên màn hình tin nhắn.

Tình Năng



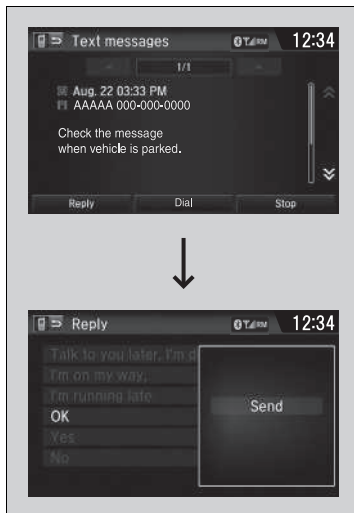
### ■ Hiện thị email

1. Chuyển sang màn hình **Phone menu**.
  - Màn hình Phone Menu Tr. 290
2. Chọn **Text/Email**.
  - Chọn tài khoản nếu cần thiết.
3. Chọn một thư mục.
4. Chọn một tin nhắn.
  - Email được hiển thị. Hệ thống tự động bắt đầu đọc to tin nhắn.



### ■ Đọc hoặc ngừng đọc tin nhắn

1. Đi đến màn hình tin nhắn văn bản/e-mail.
  - Hệ thống tự động bắt đầu đọc to tin nhắn.
    - ▣ **Hiện Thị Tin Nhắn** Tr. 307
2. Chọn **Stop** để dừng đọc.  
Chọn **Read** để bắt đầu đọc tin nhắn từ đầu.



### ■ Trả lời tin nhắn

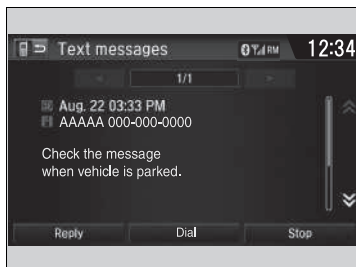
1. Đi đến màn hình tin nhắn văn bản/e-mail.
  - Hệ thống tự động bắt đầu đọc to tin nhắn.
    - ▣ **Hiện Thị Tin Nhắn** Tr. 307
2. Chọn **Reply**.
3. Chọn tin nhắn trả lời.
  - Danh mục cửa sổ xuất hiện trên màn hình.
4. Chọn **Send** để gửi tin nhắn.
  - **Complete** xuất hiện trên màn hình khi tin nhắn trả lời được gửi thành công.

### ▣ Trả lời tin nhắn

Các tin nhắn trả lời cố định có sẵn như sau:

- **Nói chuyện với bạn sau, tôi đang lái xe.**
- **Tôi đang trên đường.**
- **Tôi tới muộn.**
- **OK**
- **Được**
- **Không**

Bạn không thể thêm, chỉnh sửa hoặc xóa tin nhắn trả lời.



■ **Gọi cho người gửi**

1. Chuyển đến màn hình tin nhắn văn bản.
2. Chọn **Dial**.



# Lái Xe

Chương này bàn về vấn đề lái xe và nạp nhiên liệu.

## Trước Khi Lái Xe

Chuẩn Bị Lái.....	312
Giới Hạn Tải.....	315

<b>Kéo Rơ-moóc</b> .....	316
--------------------------	-----

## Khi Lái Xe

<b>Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa</b>	
Khởi Động Động Cơ .....	317

<b>Loại xe có hệ thống truy cập từ xa</b>	
Khởi Động Động Cơ .....	320

Lưu Ý Khi Lái .....	323
Hộp Số Vô Cấp* .....	324

<b>Loại xe có hộp số vô cấp không có lẫy sang số</b>	
Sang Số .....	325

Sang Số .....	325
---------------	-----

## Loại xe có hộp số vô cấp có lẫy sang số

Sang Số .....	327
---------------	-----

## Loại xe có hộp số thường

Sang Số .....	331
Nút ECON* .....	332

Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn định* .....	333
---------------------------------------	-----

Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)* .....	336
Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS).....	338

Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp (DWS).....	340
--------------------------------------	-----

## Phanh

Hệ Thống Phanh.....	342
Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) .....	344

Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp.....	345
-------------------------------------	-----

Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp .....	346
------------------------------	-----

## Đỗ Xe

Khí Dừng Xe .....	347
Hệ Thống Cảm Biến Đỗ* .....	348

<b>Camera Lùi Đa Hướng</b> .....	351
----------------------------------	-----

## Nạp Nhiên Liệu

Thông Tin Nhiên Liệu .....	352
Cách Nạp Nhiên Liệu .....	353

## Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thái CO<sub>2</sub>

Cải Thiện Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Giảm Khí Thái CO <sub>2</sub> .....	354
---	-----

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Trước Khi Lái

### Chuẩn Bị Lái

Kiểm tra các mục sau trước khi lái.

#### Kiểm Tra Bên Ngoài

- Đảm bảo không có vật cản trên cửa kính, gương cửa, đèn bên ngoài hoặc các bộ phận khác của xe.
  - ▶ Gạt bỏ hết sương, tuyết, hoặc băng.
  - ▶ Gạt bỏ tuyết trên nóc, vì tuyết có thể rơi xuống làm cản trở tầm nhìn của bạn khi đang lái. Nếu tuyết đã đóng cứng, gạt bỏ khi đã tan bớt.
  - ▶ Khi gạt băng ra khỏi bánh xe, cần đảm bảo không làm hỏng bánh xe hoặc các bộ phận của bánh xe.
- Đảm bảo đóng chặt nắp ca-pô.
  - ▶ Nếu nắp ca-pô mở khi đang lái, tầm nhìn phía trước sẽ bị che khuất.
- Đảm bảo các lốp xe còn tốt.
  - ▶ Kiểm tra áp suất không khí, kiểm tra hư hỏng và mòn quá mức.
    - ▶ **Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lốp** Tr. 396
- Đảm bảo không có người hoặc vật cản phía sau hoặc xung quanh xe.
  - ▶ Có các điểm mù từ bên trong xe.

#### ▶▶KiểmTra Bên Ngoài

##### CHÚ Ý

Khi các cửa bị đóng băng, đổ nước ấm xung quanh các mép cửa để làm tan băng. Không cố dùng lực mở chúng, vì nó có thể làm hỏng gioăng cao su xung quanh các cửa. Khi đã làm xong, lau khô để tránh bị đóng băng trở lại.

Không đổ nước ấm vào trong ổ khóa. Sẽ không thể cắm chìa khóa vào ổ khóa nếu nước bị đóng băng trong ổ khóa.

Nhiệt từ động cơ và ống xả có thể làm cháy các vật liệu dễ cháy bám ở nắp ca-pô, gây cháy nổ. Nếu bạn đỗ xe lâu, hãy kiểm tra và loại bỏ rác xung quanh xe như cỏ và lá khô bị rơi xuống hoặc do động vật làm tổ. Đồng thời kiểm tra các vật liệu dễ cháy có thể vương lại dưới nắp ca-pô sau khi bạn hoặc ai đó vừa thực hiện bảo dưỡng xe.

## ■ Kiểm Tra Bên Trong

- Buộc hoặc để chắc chắn các đồ vật trong khoang hành lý.
  - ▶ Chờ quá nhiều đồ, hoặc để không đúng cách có thể ảnh hưởng đến việc lái xe, độ ổn định xe, khoảng cách dừng, lốp xe và làm giảm độ an toàn.
    - 📖 **Giới Hạn Tải** Tr. 315
- Không để các đồ vật cao hơn ghế.
  - ▶ Nó có thể che tầm nhìn của bạn hoặc xô về phía trước trong trường hợp bạn phanh gấp.
- Không để vật gì ở chỗ để chân ghế trước. Đảm bảo bạn cố định chặt thảm lót sàn.
  - ▶ Bởi những đồ vật đó hoặc thảm lót sàn lắp không chắc chắn sẽ cản trở bạn nhấn bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga trong khi lái.
- Nếu có động vật trên xe, không để chúng di chuyển tự do trong xe.
  - ▶ Chúng có thể làm cản trở việc lái xe và gây ra va chạm.
- Đóng chặt các cửa và nắp khoang hành lý.
- Điều chỉnh vị trí ngồi thích hợp.
  - ▶ Đồng thời điều chỉnh tựa đầu.
    - 📖 **Điều Chỉnh Ghế Ngồi** Tr. 164
    - 📖 **Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Trước** Tr. 167
- Điều chỉnh gương và vô lăng phù hợp khi lái.
  - ▶ Điều chỉnh khi đã ngồi với tư thế thoải mái.
    - 📖 **Điều Chỉnh Gương** Tr. 161
    - 📖 **Điều Chỉnh Vô lăng** Tr. 160

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ▶▶ Kiểm Tra Bên Trong

Hướng của đèn chiếu sáng do nhà máy cài đặt, thường thì không cần điều chỉnh chúng. Tuy nhiên, nếu bạn thường xuyên để vật nặng trong khoang hành lý hoặc kéo ro-móc, hãy đến đại lý để kỹ thuật viên có tay nghề cao điều chỉnh lại hướng đèn.

**Loại xe có bộ điều chỉnh đèn chiếu sáng**

Bạn có thể tự điều chỉnh góc đèn chiếu gần.

📖 **Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng\*** Tr. 156

- Cần đảm bảo đồ vật để dưới sàn phía sau ghế trước không lăn dưới các ghế.
  - Nó có thể gây cản trở người lái trong việc sử dụng các bàn đạp, hoặc hoạt động của các ghế.
- Mọi người trong xe phải thắt dây đai an toàn.
  - ▣ **Thắt Dây Đai An Toàn** Tr. 41
- Đảm bảo các đèn báo trên bảng đồng hồ tắt-lô sáng khi bạn khởi động xe và tắt ngay sau đó.
  - Nếu các đèn báo có sự cố, hãy đến đại lý để kiểm tra.
    - ▣ **Đèn Báo** Tr. 90



## Giới Hạn Tải

Khi bạn chở hành lý, tổng trọng lượng của xe, toàn bộ hành khách và hành lý không được vượt quá tải trọng tối đa cho phép.

➤ **Thông Số Kỹ Thuật** Tr. 452

### Giới Hạn Tải

#### **⚠ CẢNH BÁO**

Tải quá nặng hoặc tải không đúng cách có thể ảnh hưởng đến điều khiển và cân bằng của xe và có thể gây ra những va chạm khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo tất cả các hướng dẫn về giới hạn tải và các hướng dẫn tải khác trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

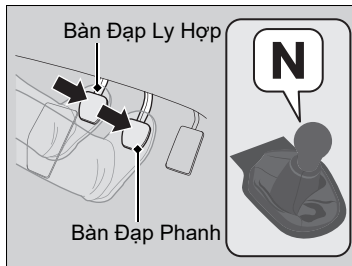
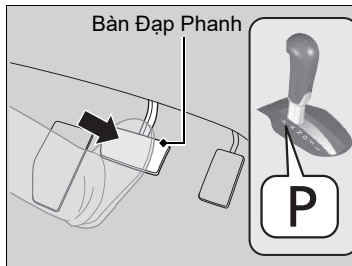
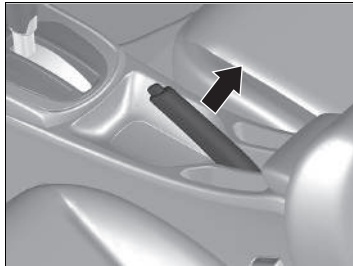
## Kéo Rơ-moóc

Xe của bạn không được thiết kế để kéo rơ-moóc. Nếu cố gắng kéo có thể làm mất hiệu lực bảo hành cho xe của bạn.

# Khi Lái Xe

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

## Khởi Động Động Cơ



1. Đảm bảo gài phanh đỗ.

Loại xe có hộp số vô cấp

2. Đảm bảo cần số ở **P**, sau đó nhấn bàn đạp phanh.

- ▶ Mặc dù có thể khởi động xe ở **N**, khởi động xe ở **P** vẫn an toàn hơn.

Loại xe có hộp số thường

2. Đảm bảo cần số ở **N**. Sau đó nhấn bàn đạp phanh bằng chân phải, và nhấn bàn đạp ly hợp bằng chân trái.

- ▶ Phải nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp mới khởi động được động cơ.

### Khởi Động Động Cơ

Giữ chắc chân của bạn trên bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

Động cơ khó khởi động hơn trong thời tiết lạnh và trong không khí loãng hơn ở độ cao trên 2.400 mét.

Khi khởi động động cơ ở thời tiết lạnh, tắt tất cả các phụ kiện điện như đèn, hệ thống làm ấm và làm mát/hệ thống điều khiển khí hậu, và bộ sấy kính sau để giảm tiêu hao điện ắc quy.

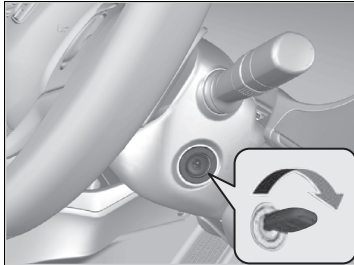
Nếu hệ thống khí xả phát ra âm thanh bất thường hoặc bạn có thể ngửi thấy khí xả bên trong xe, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Có thể động cơ hoặc hệ thống xả đã có sự cố.

Hệ thống chống nổ máy bảo vệ xe bạn khởi động. Nếu dùng thiết bị có mã không đúng, hệ thống nhiên liệu của động cơ sẽ không hoạt động.

**Hệ Thống Chống Nổ Máy** Tr. 136

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa



Tất cả các loại xe

3. Xoay khóa điện đến KHỞI ĐỘNG **III** mà không nhấn bàn đạp ga.

## ■ Bắt Đầu Lái

Loại xe có hộp số vô cấp

1. Đặt chân phải lên bàn đạp phanh, nhả phanh đỗ. Kiểm tra phanh đỗ và đèn báo hệ thống phanh đã tắt chưa.  
➡ **Phanh Đỗ** Tr. 342
2. Đặt cần số ở **D**. Chọn **R** khi quay đầu.
3. Nhả bàn đạp phanh từ từ và ấn nhẹ bàn đạp ga để kéo đi.

## »»Khởi Động Động Cơ

Không giữ chìa khóa ở KHỞI ĐỘNG **III** quá 10 giây.

- Nếu động cơ không khởi động ngay, đợi ít nhất 30 giây trước khi thử lại.
- Nếu động cơ khởi động, nhưng dừng ngay, đợi ít nhất 30 giây trước khi lặp lại bước 3 đồng thời nhấn nhẹ bàn đạp ga. Nhả bàn đạp ga khi động cơ đã khởi động.

### ■ Hệ Thống Hỗ Trợ Khởi Hành Ngang Dốc\*

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc giữ phanh luôn phanh giúp xe không bị lăn xuống dốc khi bạn rời chân từ bàn đạp phanh sang bàn đạp ga.

Loại xe có hộp số thường

Nhấn bàn đạp ly hợp, và sang số đến một trong các số tiến khi lên dốc, hoặc **R** khi xuống dốc, sau đó nhả bàn đạp phanh.

Loại xe có hộp số vô cấp

Gạt cần số tới **D**, **S** hoặc **L** \* khi lên dốc, hoặc **R** khi xuống dốc, sau đó nhả bàn đạp phanh.

### ►► Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc\*

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể giúp xe khởi lăn xuống khi dốc quá cao hoặc dựng đứng và sẽ không hoạt động trên dốc thấp.

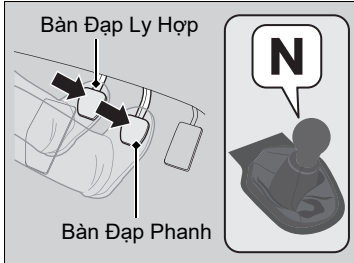
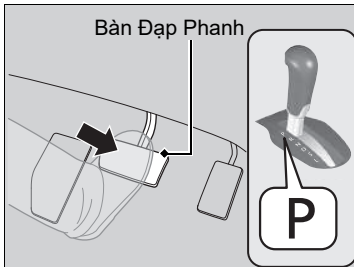
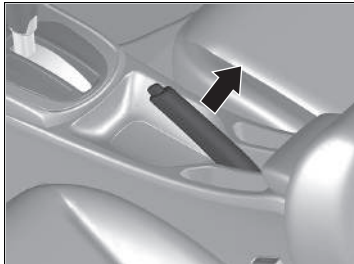
Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể thay thế phanh đỗ.

Hỗ trợ khởi động ngang dốc sẽ hoạt động ngay cả khi VSA tắt.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

## Khởi Động Động Cơ



1. Đảm bảo gài phanh đỗ.

Loại xe có hộp số vô cấp

2. Đảm bảo cần số ở **P**, sau đó nhấn bàn đạp phanh.

- Mặc dù có thể khởi động xe ở **N**, khởi động xe ở **P** vẫn an toàn hơn.

Loại xe có hộp số thường

2. Đảm bảo cần số ở **N**. Sau đó nhấn bàn đạp phanh bằng chân phải, và nhấn bàn đạp ly hợp bằng chân trái.

- Phải nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp mới khởi động được động cơ.

### ►► Khởi Động Động Cơ

Giữ chắc chân của bạn trên bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

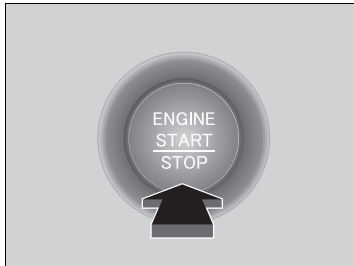
Động cơ khó khởi động hơn trong thời tiết lạnh và trong không khí loãng hơn ở độ cao trên 2.400 mét.

Khi khởi động động cơ ở thời tiết lạnh, tắt tất cả các phụ kiện điện như đèn, hệ thống sưởi và làm mát\*/hệ thống điều khiển khí hậu\* và bộ sấy kính sau để giảm tiêu hao điện ắc quy.

Nếu hệ thống khí xả phát ra âm thanh bất thường hoặc bạn ngửi thấy khí xả bên trong xe, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Có thể động cơ hoặc hệ thống xả đã có sự cố.

Hệ thống chống nổ máy bảo vệ xe bạn khỏi trộm cắp. Nếu dùng chìa khóa khác (hoặc thiết bị khác) có mã không đúng, hệ thống nhiên liệu của động cơ không hoạt động.

► **Hệ Thống Chống Nổ Máy Tr. 136**



Tất cả các loại xe

3. Ấn nút **ENGINE START/STOP** nhưng không nhấn bàn đạp ga.

## ■ Dừng Động Cơ

Bạn có thể tắt động cơ khi xe đã dừng hoàn toàn.

Loại xe có hộp số vô cấp

1. Sang số **P**.
2. Ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Loại xe có hộp số thường

- Nếu đang ở số **N**, ấn nút **ENGINE START/STOP**.
- Nếu cần số đang ở bất kỳ vị trí nào ngoài **N**, nhấn bàn đạp ly hợp, sau đó ấn nút **ENGINE START/STOP**.

## ►► Khởi Động Động Cơ

Để điều khiển từ xa gần nút **ENGINE START/STOP** nếu pin của chìa khóa điều khiển từ xa yếu.

► **Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu**  
Tr. 428

Động cơ có thể không khởi động được nếu điều khiển từ xa để gần sóng radio mạnh.

Không giữ nút **ENGINE START/STOP** để khởi động động cơ.

Nếu động cơ không khởi động, đợi ít nhất 30 giây trước khi khởi động lại.

## ■ Bắt Đầu Lái

Loại xe có hộp số vô cấp

1. Giữ chân phải của bạn trên bàn đạp phanh, nhả phanh đỗ. Kiểm tra xem đèn báo phanh đỗ đã tắt chưa.  
▶ **Phanh Đỗ** Tr. 342
2. Gạt cần số đến **[D]**. Chọn **[R]** khi lùi xe.
3. Nhả từ từ bàn đạp phanh và nhấn nhẹ bàn đạp ga để bắt đầu di chuyển.

## ■ Hệ Thống Hỗ Trợ Khởi Hành Ngang Dốc\*

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc giữ phanh luôn bám giúp xe không bị lăn xuống dốc khi bạn rời chân từ bàn đạp phanh sang ga.

Loại xe có hộp số thường

Nhấn bàn đạp ly hợp, và sang số đến một trong các số tiến khi lên dốc, hoặc **[R]** khi xuống dốc, sau đó nhả bàn đạp phanh.

Loại xe có hộp số vô cấp

Gạt cần số đến **[D]** hoặc **[S]** khi lên dốc, hoặc **[R]** khi xuống dốc, sau đó nhả bàn đạp phanh.

## ▶▶ Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc\*

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể giúp xe khởi lăn xuống khi dốc quá cao hoặc dựng đứng và cũng không hoạt động trên dốc thấp.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể thay thế phanh đỗ.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ vận hành khi VSA tắt.



## Lưu Ý Khi Lái

### ■ Khi có Sương mù

Tầm nhìn sẽ bị hạn chế khi có sương mù. Khi lái xe bạn nên bật đèn chiếu gần ngay cả vào ban ngày. Lái xe chậm lại, đi theo vạch ở giữa đường, chú ý quan sát hàng rào an toàn và đèn hậu của xe phía trước.

### ■ Khi có Gió Mạnh

Khi đang lái xe nếu gió thổi mạnh, hãy giữ chặt tay lái. Từ từ giảm tốc độ và lái xe ra giữa đường. Cần thận khi có gió mạnh, nhất là khi lái xe ra khỏi đường hầm, lái xe trên cầu hoặc bờ sông hay lái xe qua khu vực khai thác đá hoặc khi có một xe tải lớn đi qua.

### ■ Khi Trời Mưa

Đường thường bị trơn trượt khi trời mưa. Tránh phanh gấp, tăng tốc nhanh và xoay vô lăng đột ngột và chú ý hơn khi lái xe. Xe có thể bị trượt nước khi chạy trên đường có nhiều vũng nước. Không lái xe ngập sâu trong nước và trên đường ngập nước. Bởi vì việc này có thể làm hỏng động cơ, hệ thống truyền động và các thiết bị điện tử.

### ▶▶ Lưu Ý Khi Lái

**LƯU Ý:** Không lái xe trên đường có vũng nước sâu. Lái xe chỗ nước sâu sẽ làm hỏng động cơ, hỏng các thiết bị điện tử và xe sẽ bị xuống cấp.

#### CHÚ Ý

Không gạt cần số trong khi đang nhấn bàn đạp ga. Nếu không bạn sẽ làm hỏng hộp số.

#### CHÚ Ý

Nếu liên tục xoay vô lăng khi xe ở tốc độ quá thấp, hoặc xoay và giữ vô lăng sang phải hoặc trái một lúc, hệ thống lái trợ lực điện (EPS) sẽ nóng lên. Hệ thống sẽ chuyển sang chế độ bảo vệ và hạn chế hoạt động. Sẽ càng khó khăn hơn khi vận hành vô lăng. Khi hệ thống nguội đi, hệ thống EPS sẽ được khôi phục. Liên tục vận hành xe trong điều kiện này có thể làm hỏng hệ thống.

Nếu xoay khóa điện đến PHỤ KIỆN  $\square$ \*<sup>1</sup> trong khi lái, động cơ sẽ tắt và toàn bộ các chức năng hỗ trợ lái và trợ lực phanh sẽ bị dừng, gây khó khăn trong việc điều khiển xe.

Không để cần số ở  $\square$  vì sẽ làm mất hiệu suất phanh động cơ (và tăng tốc).

\* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

### ■ Các Lưu Ý Khác

Nếu có vật gì đó tác động mạnh vào gầm xe, hãy dừng xe ở nơi an toàn. Kiểm tra hư hỏng hoặc rò rỉ dầu dưới gầm xe.

## Hộp Số Vô Cấp\*

### ■ Chuyển Động Từ Từ

Khi động cơ chạy không tải ở tốc độ cao thì xe sẽ tự chuyển động từ từ. Nhấn chắc chắn bàn đạp phanh khi dừng.

### ■ Nhảy Về Số

Nhấn bàn đạp ga nhanh trong khi lái xe lên dốc có thể làm xe nhảy về số thấp hơn, làm cho xe bị tăng tốc bất ngờ. Hãy nhấn bàn đạp ga cẩn thận, đặc biệt là khi lái ở đường trơn và vòng cua.

### » Lưu Ý Khi Lái Xe

Khi lái ở 1.000 km đầu tiên, tránh tăng ga đột ngột hoặc vận hành bướm ga hết cỡ để không làm hỏng động cơ hoặc hệ thống truyền động.

Tránh phanh gấp ở 300 km đầu tiên. Bạn cũng nên thực hiện điều này khi thay các má phanh.

### » Khi Trời mưa

Hãy cẩn thận khi xảy ra hiện tượng trượt nước. Khi bạn lái xe tốc độ quá cao trên đường ngập nước, nước dưới mặt đường sẽ bắn lên lốp xe. Việc này sẽ làm bạn không thể lái xe và phanh theo ý muốn.

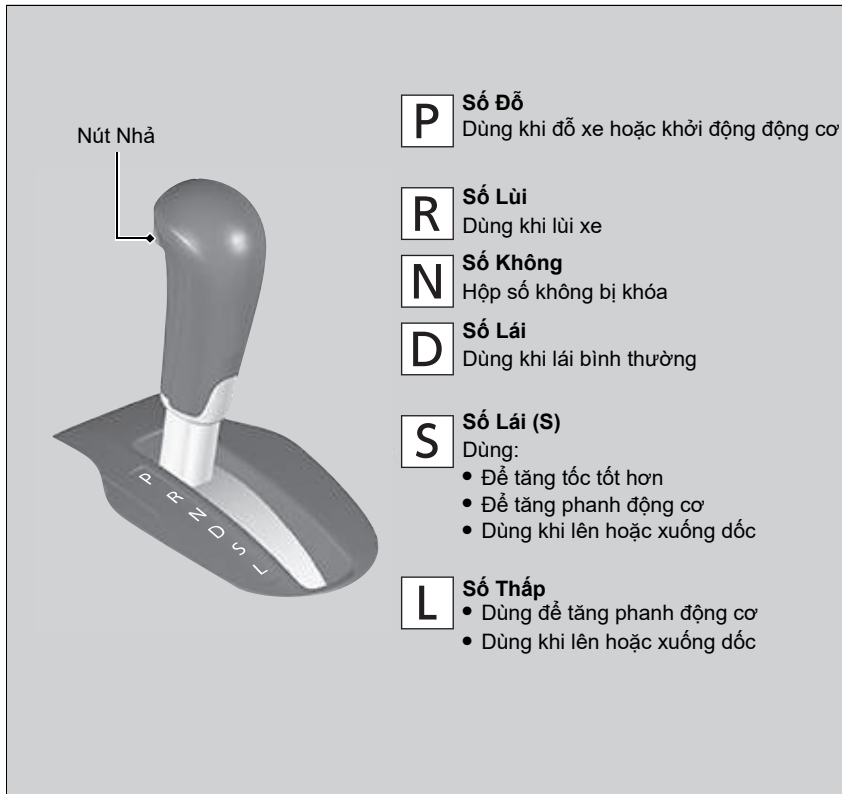
Từ từ giảm tốc khi bạn giảm số. Nếu đường trơn trượt, phanh đột ngột có thể khiến lốp bị trượt.

Loại xe có hộp số vô cấp không có lẫy sang số

## Sang Số

Chuyển vị trí số phù hợp theo nhu cầu lái xe của bạn.

### ■ Các vị trí cần số



Còn nữa

### ►►Sang Số

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

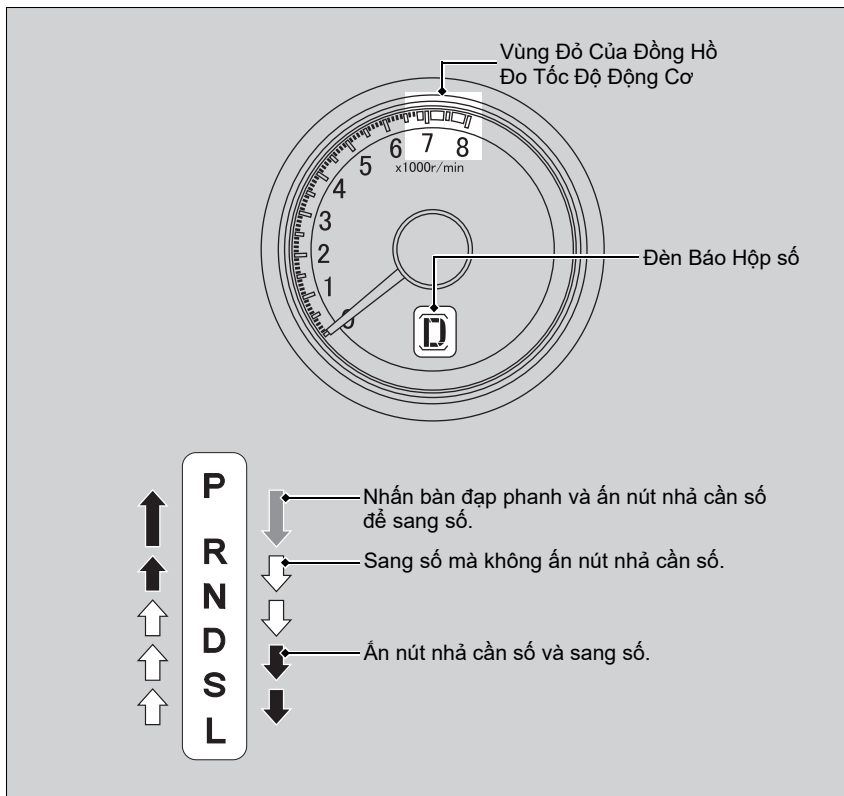
Bạn không thể xoay khóa điện đến KHÓA [0] và rút chìa khóa ra trừ khi cần số ở [P].

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Bạn không thể thay đổi chế độ nguồn từ BẬT sang TẮT MÁY (KHÓA) trừ khi cần số ở [P].

Xe có thể di chuyển nhẹ về phía trước khi ở [N] trong khi động cơ đã nguội.  
Nhấn chắc chắn bàn đạp phanh, hãy gài phanh đỗ khi cần thiết.

## Vận Hành Cần Số



Lái Xe

## Vận Hành Cần Số

### CHÚ Ý

Khi bạn gạt cần số từ **D** sang **R** và ngược lại, dừng xe hoàn toàn và tiếp tục nhấn bàn đạp phanh.

Vận hành sang số trước khi xe dừng hoàn toàn có thể làm hỏng hộp số.

Nhìn đèn báo vị trí số để kiểm tra vị trí cần số trước khi kéo cần số.

Khi đang lái xe dù cần số ở bất kỳ vị trí nào, đèn báo **D** nhấp nháy cho biết có vấn đề với hộp số. Tránh tăng tốc đột ngột và đến đại lý để kiểm tra hộp số càng sớm càng tốt.

Việc cấp nhiên liệu có thể bị ngắt nếu bạn lái xe với tốc độ động cơ ở mức hoặc vượt quá vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ (giới hạn tốc độ động cơ). Nếu điều này xảy ra, bạn có thể thấy rung nhẹ.

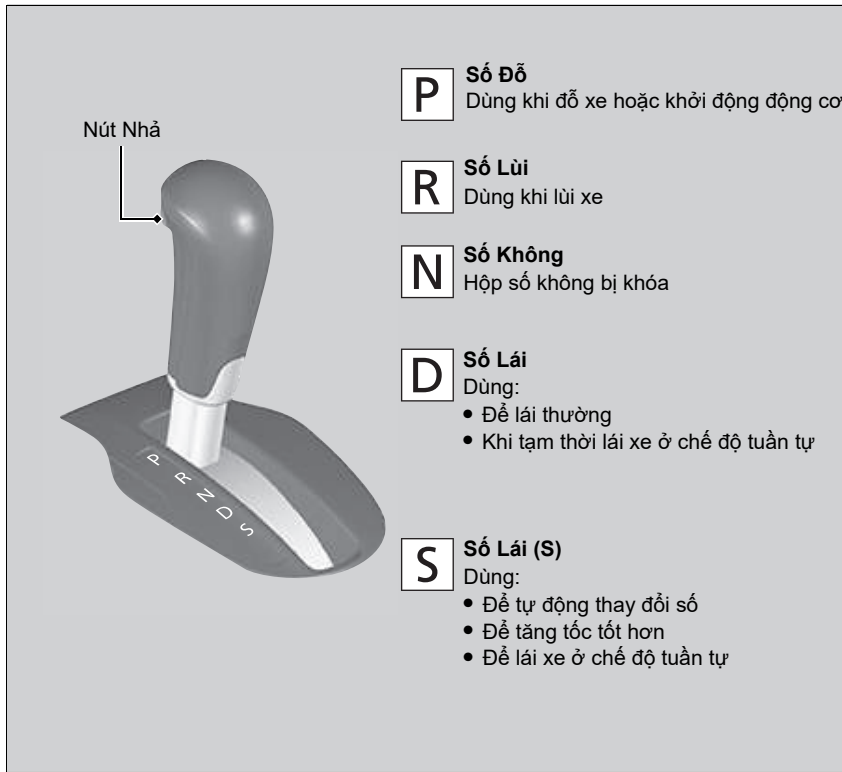
Cần số có thể không vận hành nếu đang nhấn bàn đạp phanh đồng thời ấn nút nhả cần số. Hãy nhấn bàn đạp phanh trước.

Loại xe có hộp số vô cấp có lẫy sang số

## Sang Số

Chuyển vị trí số phù hợp theo nhu cầu lái xe của bạn.

### ■ Các vị trí cần số



Còn nữa

### ►► Sang số

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

Bạn không thể xoay khoá điện đến KHÓA [0] và rút chìa khoá ra trừ khi cần số ở [P].

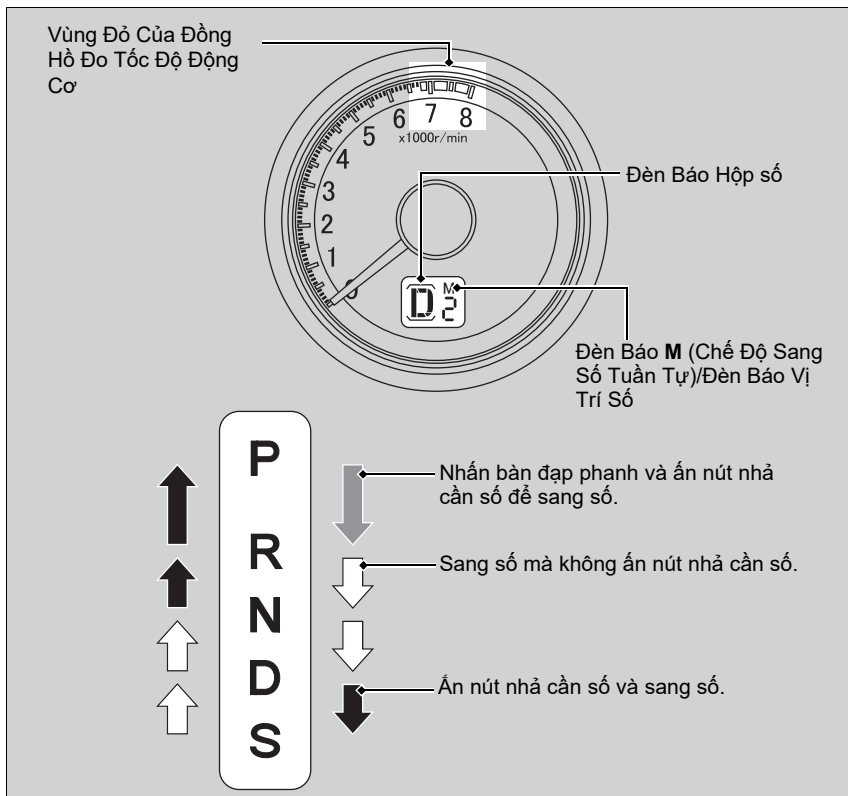
Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Bạn không thể thay đổi chế độ nguồn từ BẬT sang TẮT MÁY (KHÓA) trừ khi cần số ở trong [P].

Xe có thể di chuyển nhẹ ngay cả khi ở [N] trong khi động cơ đã nguội. Nhấn bàn đạp phanh chắc chắn, hãy kéo phanh đỗ nếu cần thiết.

Lái Xe

## Vận Hành Cần Số



Lái Xe

## Vận Hành Cần Số

### CHÚ Ý

Khi bạn gạt cần số từ **D** sang **R** và ngược lại, dừng xe hoàn toàn và tiếp tục nhấn bàn đạp phanh.  
Vận hành cần số trước khi xe dừng hoàn toàn có thể làm hỏng hộp số.

Nhìn vào đèn báo vị trí cần số để kiểm tra vị trí cần số trước khi kéo.

Khi đang lái xe dù cần số ở bất kỳ vị trí nào, đèn báo **D** nhấp nháy để chỉ báo hộp số có vấn đề. Tránh tăng tốc đột ngột và đưa xe đến đại lý để kiểm tra hộp số càng sớm càng tốt.

Việc cấp nhiên liệu có thể bị ngắt nếu bạn lái xe khi tốc độ động cơ ở mức hoặc vượt quá vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ (giới hạn tốc độ động cơ). Nếu điều này xảy ra, bạn có thể cảm thấy rung nhẹ.

Có thể không vận hành được cần số nếu đang nhấn bàn đạp phanh đồng thời ấn nút nhà cần số. Hãy nhấn bàn đạp phanh trước.

## ■ Chế Độ Sang Số Tuần Tự

Dùng lẫy sang số để thay đổi giữa cấp số 1 và cấp số 7 mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng. Hộp số sẽ chuyển sang chế độ sang số thường

### ■ Khi cần số ở **[D]**:

Xe sẽ chuyển sang chế độ sang số tuần tự trong giây lát và đèn báo vị trí số sẽ sáng.

Khi bạn bắt đầu di chuyển với tốc độ không đổi, chế độ sang số tuần tự sẽ tự động tắt và đèn báo vị trí số sẽ tắt.

Giữ cần số **[+]** trong hai giây để trở lại chế độ lái thường.

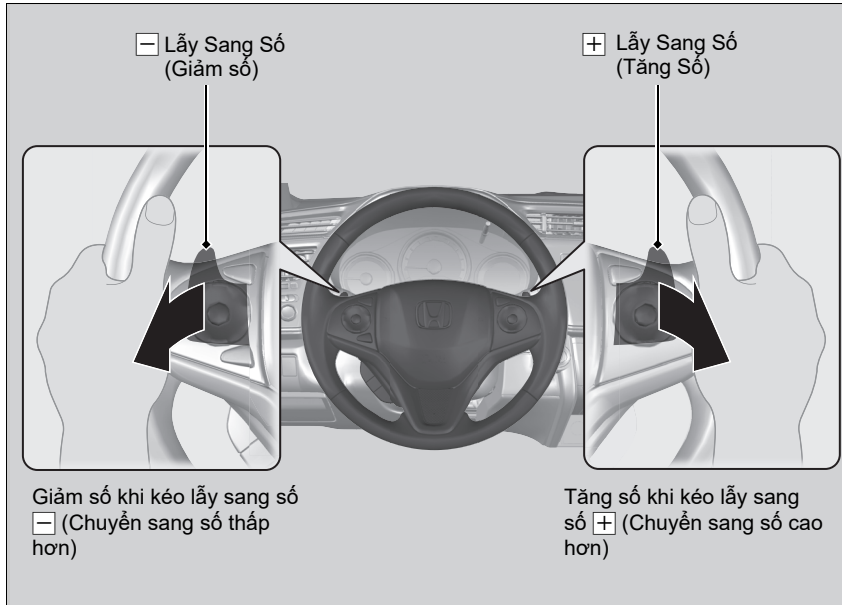
### ■ Khi cần số ở **[S]**:

Xe sẽ chuyển sang chế độ sang số tuần tự và đèn báo **[M]** (chế độ sang số tuần tự) và đèn báo vị trí số sẽ sáng. Ở tốc độ 10 km/h trở xuống, xe sẽ tự động chuyển sang số 1. Nó sẽ không tự động lên số, ngay cả khi tốc độ xe tăng.

Bạn chỉ có thể kéo cần số về số 1 hoặc số 2.

Khi chuyển khỏi chế độ sang số tuần tự, hãy di chuyển cần số từ **[S]** sang **[D]**. Khi chế độ sang số tuần tự bị hủy, đèn báo chế độ sang số tuần tự và đèn báo vị trí số sẽ tắt.

### ■ Vận Hành Chế Độ Sang Số Tuần Tự



### ▣ Vận Hành Chế Độ Sang Số Tuần Tự

Mỗi vận hành lấy sang số sẽ tạo một thay đổi một cấp tốc độ.  
Để thay đổi liên tục, nhả lấy sang số trước khi kéo lại để sang số tiếp theo.

Đèn báo số sẽ nhấp nháy khi bạn không thể tăng số hoặc giảm số. Điều này có nghĩa là tốc độ xe không nằm trong phạm vi cho phép sang số. Tăng tốc và giảm tốc một chút để tăng số và giảm số khi đèn báo nhấp nháy.



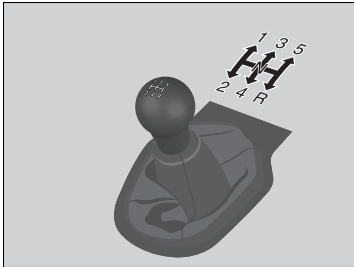
Loại xe có hộp số thường

## Sang Số

### ■ Vận Hành Cần Số

Nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp để vận hành cần số và thay đổi số, sau đó nhả từ từ bàn đạp.

Nhấn bàn đạp ly hợp và dừng trong vài giây trước khi sang số đến **[R]**, hoặc sang số đến số tiến. Điều này giúp bánh răng không "cọ sát" vào nhau.



Khi không sang số, không đặt chân lên bàn đạp ly hợp. Nếu không sẽ làm ly hợp mòn nhanh hơn.

### ■ Khóa Chuyển Sang Số Lùi Từ Số 5

Cơ chế khóa hoạt động trong trường hợp bạn vô tình chuyển sang **[R]** khi xe đang ở số 5. Luôn chuyển sang **[N]** trước, sau đó mới đến **[R]**.

### »» Sang Số

#### CHÚ Ý

Không sang số **[R]** trước khi xe dừng hoàn toàn.

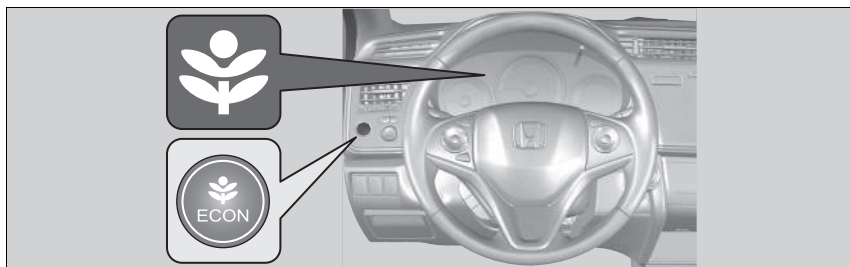
Sang số **[R]** trước khi dừng xe có thể làm hỏng hộp số.

#### CHÚ Ý

Trước khi giảm số, đảm bảo tốc độ động cơ không ở vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ. Nếu không sẽ làm hỏng động cơ nghiêm trọng.

Nếu chạy xe quá tốc độ tối đa của số hiện tại, tốc độ động cơ sẽ ở vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ. Nếu điều này xảy ra, bạn có thể thấy rung nhẹ.

## Nút ECON\*



Nút **ECON** bật và tắt chế độ ECON.

Chế độ ECON giúp tăng hiệu quả tiết kiệm nhiên liệu bằng cách điều chỉnh hiệu suất của động cơ, hộp số, hệ thống làm ấm và làm mát/hệ thống điều khiển khí hậu\* và điều khiển chế độ chạy ổn định\*.

### ►► Nút ECON\*

Trong khi ở chế độ ECON, hệ thống điều khiển khí hậu sẽ có nhiều sự thay đổi nhiệt độ hơn.

## Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định\*

Duy trì tốc độ xe ổn định mà không để chân lên bàn đạp ga. Sử dụng tính năng điều khiển chế độ chạy ổn định trên đường cao tốc hoặc đường thoáng bởi khi đó bạn có thể lái với tốc độ ổn định mà ít khi phải tăng hay giảm tốc.

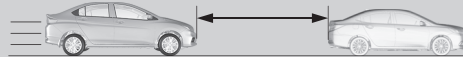
### Thời điểm sử dụng

- Tốc độ xe phù hợp để vận hành tính năng điều khiển chế độ chạy ổn định: Tốc độ lý tưởng ở mức trên 40 km/h ~

### Loại xe có hộp số vô cấp

- Các vị trí số cho điều khiển chế độ chạy ổn định: **D** hoặc **S**

Luôn giữ một khoảng cách an toàn giữa xe bạn và xe phía trước.



### Cách sử dụng

- Ấn nút **CRUISE** trên vô lăng.



**CRUISE MAIN** sáng trên bảng điều khiển.

Điều khiển chế độ chạy ổn định sẵn sàng.



\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### ►► Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định\*

## ⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định không hợp lý có thể dẫn đến va chạm. Chỉ sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định khi lái xe ở đường cao tốc thoáng trong thời tiết tốt.

Không thể duy trì một tốc độ ổn định khi lái xe lên dốc hoặc xuống dốc.

### Loại xe có hộp số thường

Khi giảm tốc độ động cơ, hãy giảm số. Bạn có thể duy trì tốc độ đã cài đặt nếu bạn chuyển số trong vòng năm giây.

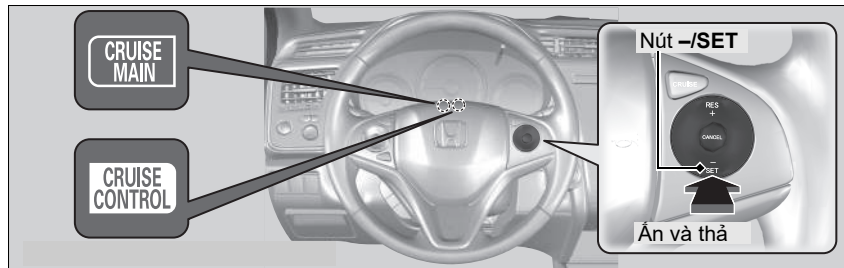
Khi không sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định:

Tắt điều khiển chế độ chạy ổn định bằng cách ấn nút **CRUISE**. (Loại xe có hệ thống ECON)

### Loại xe có hệ thống ECON

Trong khi ở chế độ ECON, có thể mất nhiều thời gian hơn để tăng tốc để duy trì tốc độ đã đặt.

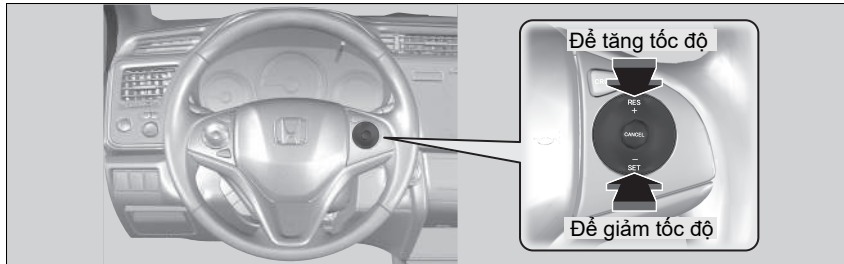
## ■ Thiết Lập Tốc Độ Xe



Nhấc chân ra khỏi bàn đạp ga và ấn nút **-/SET** khi bạn đạt tốc độ mong muốn. Khi bạn thả nút **-/SET**, tốc độ thiết lập được cố định và điều khiển chế độ chạy ổn định bắt đầu. Đèn báo **CRUISE CONTROL** sáng.

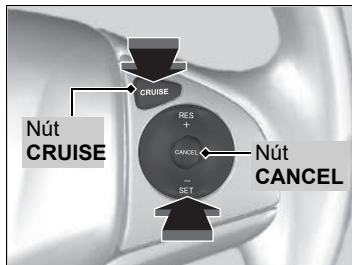
## ■ Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

Tăng hoặc giảm tốc độ xe bằng việc sử dụng các nút **RES/+** hoặc nút **-/SET** trên vô lăng.



- Mỗi lần bạn ấn nút, tốc độ của xe sẽ được tăng hoặc giảm khoảng 1,6 km/h.
- Nếu bạn tiếp tục ấn nút, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm cho đến khi bạn nhả nút. Sau đó tốc độ được thiết lập.

## ■ Hủy Chế Độ



Để hủy tính năng điều khiển chế độ chạy ổn định, thực hiện như sau:

- Ấn nút **CANCEL**.
- Ấn nút **CRUISE**.
- Nhấn bàn đạp phanh.

**Loại xe có hộp số thường**

- Nhấn bàn đạp ly hợp từ năm giây trở lên.

Đèn báo **CRUISE CONTROL** tắt.

## ►► Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

Bạn có thể cài đặt tốc độ xe bằng nút **-/SET** trên vô lăng khi điều chỉnh tốc độ bằng bàn đạp ga và phanh.

## ►► Hủy

Khôi phục tốc độ cài đặt trước đó:

Sau khi hủy tính năng điều khiển chế độ chạy ổn định, bạn vẫn có thể khôi phục tốc độ thiết lập trước đó bằng cách ấn nút **RES/+** trong khi lái xe ở tốc độ ít nhất là từ 40 km/h trở lên.

Bạn không thể thiết lập hoặc khôi phục lại trong các trường hợp sau:

- Khi tốc độ xe dưới 40 km/h
- Khi tắt nút **CRUISE**

Ở tốc độ xe từ 35 km/h trở xuống, tính năng điều khiển chế độ chạy ổn định có thể tự động hủy.

## Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)\*

VSA giúp ổn định xe trong khi rẽ nếu xe rẽ nhiều hoặc ít hơn dự định. Nó cũng hỗ trợ trong việc duy trì lực bám trên các bề mặt trơn. Hệ thống này có thể thực hiện như vậy bằng cách điều chỉnh công suất động cơ và sử dụng phanh phù hợp.

### ■ Vận Hành VSA



Khi VSA kích hoạt, bạn có thể thấy rằng động cơ không phản hồi lại bàn đạp ga. Bạn cũng có thể nghe thấy âm thanh từ hệ thống thủy lực. Bạn cũng sẽ thấy đèn báo nhấp nháy.

Lái Xe

### ►► Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)\*

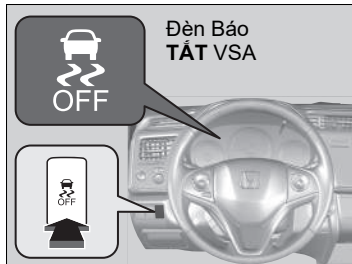
VSA có thể không thực hiện đúng chức năng nếu các lốp không cùng chủng loại và kích cỡ. Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích thước và chủng loại và áp suất lốp luôn ở mức tiêu chuẩn.

Nếu đèn báo hệ thống VSA sáng lên và tiếp tục sáng trong khi lái thì có thể hệ thống có sự cố. Dù điều này không làm cản trở đến việc lái nhưng bạn vẫn nên đưa xe đến đại lý kiểm tra ngay.

VSA không thể nâng cao tính ổn định của xe trong mọi điều kiện và không điều khiển toàn bộ hệ thống phanh. Bạn vẫn cần phải lái và cua với tốc độ phù hợp ở mọi điều kiện và luôn giữ một khoảng cách đủ an toàn.

Chức năng Chính của hệ thống VSA được hiểu chung là Điều Khiển Ổn Định Điện Tử (ESC). Hệ thống cũng có chức năng điều khiển lực kéo.


## ■ Bật và Tắt VSA



Đèn Báo  
**TẮT VSA**

Nút này ở trên bảng điều khiển phía người lái. Để vô hiệu hóa chức năng/tính năng VSA, hãy ấn và giữ nút cho đến khi nghe thấy tiếng bíp.


Xe của bạn sẽ có khả năng phanh và rẽ bình thường, nhưng khả năng bám đường sẽ giảm.

Để khôi phục chức năng/tính năng của VSA, ấn nút  (**TẮT VSA**) cho đến khi nghe thấy tiếng bíp.

VSA bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, cho dù bạn đã tắt nó vào lần lái xe gần đây nhất.

## ►► Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)\*

Trong một số điều kiện bất thường như khi xe bị kẹt trong tuyết hoặc vũng bùn nông, xe sẽ dễ vượt qua hơn khi tắt VSA.

Khi ấn nút  (**TẮT VSA**), khả năng bám đường sẽ giảm. Điều này cho phép bánh xe quay tự do hơn ở tốc độ thấp. Bạn chỉ nên tắt VSA để đưa xe thoát khỏi tình trạng bị kẹt nếu như không thể khắc phục được tình trạng đó khi bật VSA.

Ngay sau khi xe thoát khỏi tình trạng kẹt, đảm bảo bật lại VSA. Không nên lái xe khi VSA tắt.

Bạn có thể nghe thấy âm thanh hoạt động của mô-tơ từ khoang động cơ trong khi thực hiện kiểm tra hệ thống ngay sau khi khởi động động cơ hoặc trong khi lái. Điều này là bình thường.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe Đai Loan

## Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp (TPMS)

Thay vì trực tiếp đo áp suất của từng lốp, TPMS trên xe sẽ theo dõi và so sánh bán kính lăn và đặc tính quay của từng bánh xe và lốp xe trong khi lái để xác định có một hay nhiều lốp bị non hơi. Điều này sẽ làm đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/đèn báo TPMS bật sáng.

Giám sát số vòng bánh xe khi bạn lái xe trên 30 km/h. Hệ thống sẽ phát hiện áp suất lốp giảm khi có sự thay đổi về số vòng quay bánh xe.

### Hiệu Chỉnh TPMS

Bạn phải bắt đầu hiệu chỉnh TPMS mỗi khi bạn:

- Điều chỉnh áp suất của một hoặc nhiều lốp xe.
- Đảo lốp.
- Thay một hoặc nhiều lốp xe.

Trước khi hiệu chỉnh TPMS:

- Thiết lập áp suất lốp nguội ở cả bốn lốp.  
    ▶ **Kiểm Tra Lốp Xe** Tr. 396

Đảm bảo:

- Xe dừng hoàn toàn.
- Xe ở số **P**.
- Khóa điện ở **BẬT II**.

### ►►Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp (TPMS)

Hệ thống không giám sát áp suất lốp khi lái ở tốc độ thấp.

Các điều kiện như nhiệt độ môi trường thấp và thay đổi độ cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến áp suất lốp và làm cho đèn báo TPMS/áp suất lốp thấp sáng.

Kiểm tra áp suất lốp và bơm lốp khi:

- Thời tiết ẩm, lốp sẽ trở nên bị non khi thời tiết lạnh hơn.
- Thời tiết lạnh, lốp sẽ trở nên quá căng khi thời tiết ấm hơn.

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp sẽ không sáng do lốp xe quá căng.

TPMS có thể không thực hiện đúng chức năng nếu các lốp không cùng chủng loại và kích cỡ. Đảm bảo sử dụng lốp cùng chủng loại và kích cỡ.

### ▶ **Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lốp Xe** Tr. 396

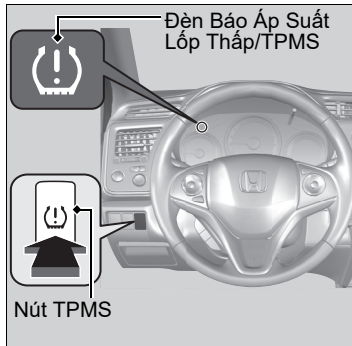
Đèn báo TPMS/áp suất lốp thấp sáng chậm hơn hoặc không sáng khi:

- Bạn tăng tốc, giảm tốc, hoặc xoay vô lăng đột ngột.
- Bạn lái xe trên đường có tuyết hoặc trơn trượt.
- Sử dụng xích bọc lốp.

Đèn báo TPMS/áp suất lốp thấp có thể sáng trong những điều kiện sau:

- Sử dụng lốp dự phòng loại nhỏ.
- Có một lốp phải tải nặng hơn hoặc các lốp tải không đều ví dụ như khi kéo rơ-moóc hoặc khi hiệu chỉnh lốp.
- Sử dụng xích bọc lốp.





Ấn và giữ nút TPMS tới khi đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS nhấp nháy hai lần để thông báo quá trình hiệu chỉnh bắt đầu.

- Nếu đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS không nhấp nháy, hãy xác nhận các điều kiện trên đó ấn lại và giữ nút TPMS.
- Quá trình hiệu chỉnh kết thúc tự động.

#### ►► Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp (TPMS)

- Có thể không hiệu chỉnh được TPMS nếu lắp lốp dự phòng loại nhỏ.
- Quy trình hiệu chỉnh phải mất khoảng 30 phút tính theo thời gian lái xe ở tốc độ từ 40-100 km/h.
- Trong khoảng thời gian này, nếu bật khoá điện và xe không di chuyển trong vòng 45 giây, bạn sẽ thấy đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp sáng trong một thời gian ngắn. Điều này là bình thường và biểu thị rằng quy trình hiệu chỉnh chưa hoàn thành.

Nếu sử dụng xích bọc lốp, tháo chúng ra trước khi hiệu chỉnh TPMS.

Nếu đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/TPMS sáng ngay cả khi đã lắp lốp bơm đúng chỉ định, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Bạn nên thay lốp cùng nhãn hiệu, cùng chủng loại và cùng kích thước với lốp ban đầu. Liên hệ với đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

Loại xe Campuchia, Lào và Trung Đông

## Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp (DWS)

Thay vì trực tiếp đo áp suất của từng lốp, hệ thống cảnh báo xẹp lốp trên xe sẽ giám sát và so sánh bán kính lăn và đặc tính quay của từng bánh xe và lốp xe trong khi lái để xác định có một hay nhiều lốp bị non hơi. Điều này sẽ làm đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng.

Giám sát số vòng quay bánh xe khi bạn lái xe trên 30 km/h. Hệ thống sẽ phát hiện áp suất lốp giảm khi sự thay đổi về số vòng quay bánh xe.

### Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp

Bạn phải bắt đầu hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp mỗi khi bạn:

- Điều chỉnh áp suất của một hoặc nhiều lốp xe.
- Đảo lốp.
- Thay một hoặc nhiều lốp xe.

Trước khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp:

- Thiết lập áp suất lốp nguội ở cả bốn lốp.

📖 **Kiểm Tra Lốp Xe** Tr. 396

### ►► Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp (TPMS)

Hệ thống không giám sát áp suất lốp khi lái ở tốc độ thấp.

Các điều kiện như nhiệt độ môi trường thấp và thay đổi độ cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến áp suất lốp và làm cho đèn báo TPMS/áp suất lốp thấp sáng.

Kiểm tra áp suất lốp và bơm lốp khi:

- Thời tiết ẩm, lốp sẽ trở nên bị non khi thời tiết lạnh hơn.
- Thời tiết lạnh, lốp sẽ trở nên quá căng khi thời tiết ấm hơn.

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp sẽ không sáng do lốp xe quá căng.

Hệ thống cảnh báo xẹp lốp có thể không thực hiện đúng chức năng nếu các lốp không cùng chủng loại và kích cỡ.

Đảm bảo sử dụng lốp cùng chủng loại và kích cỡ.

📖 **Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lốp Xe** Tr. 396

Đèn báo hệ thống cảnh báo xẹp lốp/áp suất lốp thấp sáng chậm hơn hoặc không sáng khi:

- Bạn tăng tốc, giảm tốc, hoặc xoay vô lăng đột ngột.
- Bạn lái xe trên đường có tuyết hoặc trơn trượt.
- Sử dụng xích bọc lốp.

Đèn báo hệ thống cảnh báo xẹp lốp/áp suất lốp thấp có thể sáng trong những điều kiện sau:

- Có một lốp phải tải nặng hơn hoặc các lốp tải không đều ví dụ như khi kéo rơ-moóc hoặc khi hiệu chỉnh lốp.
- Sử dụng xích bọc lốp.

Đảm bảo:

- Xe đã dừng hẳn.

Loại hộp số thường

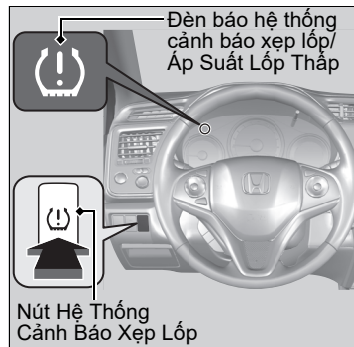
- Đã gài phanh đỗ.

Loại hộp số vô cấp

- Cần số ở **P**.

Tất cả các loại

- Khóa điện ở **BẬT II**\*1.



Ấn và giữ nút hệ thống cảnh báo xẹp lốp cho đến khi đèn báo hệ thống cảnh báo xẹp lốp/áp suất lốp thấp nhấp nháy hai lần, thể hiện quy trình hiệu chỉnh bắt đầu.

- Nếu đèn báo hệ thống cảnh báo xẹp lốp/áp suất lốp thấp không nhấp nháy, xác nhận các tình trạng trên sau đó ấn lần nữa và giữ nút hệ thống cảnh báo xẹp lốp.
- Quy trình hiệu chỉnh tự động hoàn thành.

#### ►►Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp (DWS)

- Quy trình hiệu chỉnh cần khoảng 30 phút khi lái xe với tốc độ từ 40 - 100 km/h.
- Trong khoảng thời gian này, nếu khóa điện\*1 bật và xe không di chuyển trong vòng 45 giây, bạn có thể thấy đèn báo áp suất lốp sáng trong một thời gian ngắn. Điều này là bình thường và thể hiện rằng quy trình hiệu chỉnh chưa hoàn thành.

Nếu lốp xích bọc lốp, hãy tháo nó ra trước khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

Nếu đèn báo áp suất lốp thấp/hệ thống cảnh báo xẹp lốp vẫn sáng ngay cả khi đã bơm lốp đúng chỉ định, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Bạn nên thay lốp cùng nhãn hiệu, cùng loại và kích thước với lốp ban đầu. Tham khảo đại lý để biết thêm chi tiết.

\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

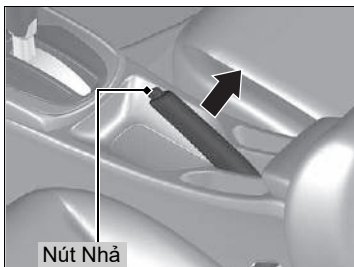
\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

# Phanh

## Hệ Thống Phanh

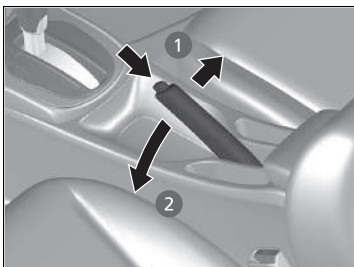
### Phanh Đỗ

Sử dụng phanh đỗ để giữ xe không chuyển động khi đỗ.



#### Để gài phanh:

Kéo cần lên hết cỡ mà không ấn nút nhả.



#### Để nhả phanh:

1. Kéo nhẹ cần lên, ấn và giữ nút nhả.
2. Hạ cần xuống hết cỡ và bỏ tay ra khỏi nút.

### Phanh Đỗ

#### CHÚ Ý

Nhả hết phanh đỗ trước khi lái xe. Nếu bạn lái xe đi trong khi phanh đỗ vẫn được gài, có thể khiến các phanh sau và cầu xe bị hỏng.

Một âm thanh cảnh báo sẽ vang lên khi bạn lái xe đi mà chưa nhả hết phanh đỗ.

Luôn gài phanh đỗ khi đỗ xe.

## ■ Phanh Chân

Xe của bạn được trang bị phanh đĩa ở các bánh trước, và phanh tang trống ở các bánh sau. Trợ lực chân không sẽ giúp giảm lực tác dụng cần thiết lên bàn đạp phanh. Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp\* làm tăng lực phanh khi bạn nhấn mạnh bàn đạp phanh trong trường hợp khẩn cấp. Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) giúp bạn giữ kiểm soát lái khi phanh gấp.

▶ **Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp** Tr. 345

▶ **Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)** Tr. 344

## ▶▶Phanh Chân

Kiểm tra các phanh sau khi lái qua vùng nước sâu, hoặc đường có nhiều nước. Nếu cần, làm khô các phanh bằng cách nhấn nhẹ bàn đạp vài lần.

Nếu bạn nghe thấy tiếng rít phát ra do kim loại cọ sát khi nhấn phanh, cần thay các má phanh. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Giữ phanh liên tục trong khi xuống dốc dài sẽ làm phanh nóng lên, làm giảm hiệu quả của phanh. Hãy dùng phanh động cơ bằng cách nhấc chân ra khỏi bàn đạp ga và về số thấp hơn. Với hộp số thường, sử dụng số thấp hơn để có lực phanh động cơ mạnh hơn.

Không đặt chân lên phanh khi đang lái, vì nó sẽ tác dụng nhẹ lên phanh và làm giảm hiệu quả và giảm tuổi thọ má phanh. Nó cũng sẽ làm người lái xe phía sau xe bạn lúng túng vì đèn phanh xe bạn luôn sáng.

\* không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)

### ■ ABS

Giúp ngăn các bánh xe không bị bó cứng và giúp bạn kiểm soát được việc lái xe nhờ việc nhấp nhả phanh rất nhanh, nhanh hơn rất nhiều thao tác chân của bạn.

Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD), một phần của ABS, giúp phân phối lực phanh giữa các bánh trước và sau theo tải trọng xe.

Bạn không nên nhấp nhả bàn đạp phanh. Hãy để ABS làm điều đó thay bạn bằng cách luôn giữ một lực chắc chắn, ổn định lên bàn đạp phanh. Điều này đôi khi được gọi là “nhấn và lái.”

### ■ Vận hành ABS

Bàn đạp phanh có thể rung động nhẹ khi ABS đang hoạt động. Hãy nhấn và giữ bàn đạp chắc chắn. Trên đường khô, bạn cần nhấn bàn đạp phanh thật mạnh trước khi ABS hoạt động. Tuy nhiên, bạn có thể cảm thấy ABS hoạt động ngay lập tức nếu bạn đang cố dừng xe trên đường băng hoặc tuyết.

Khi tốc độ xe dưới 10 km/h, ABS sẽ ngừng hoạt động.

### ►►Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)

#### CHÚ Ý

ABS có thể không thực hiện đúng chức năng nếu bạn dùng lốp xe không đúng chủng loại và kích cỡ.

Khi đèn báo **ABS** sáng trong khi lái, có thể hệ thống có sự cố. ABS có thể không hoạt động ngay cả khi phanh thông thường vẫn hoạt động bình thường. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra ngay lập tức.

ABS không được thiết kế với mục đích làm giảm thời gian và khoảng cách để dừng xe: Nó được thiết kế để hạn chế bó cứng phanh để tránh tình trạng xe bị trượt và mất kiểm soát lái.

Trong các trường hợp sau, xe của bạn có thể cần khoảng cách xa hơn để dừng xe so với xe không có ABS: Bạn lái xe trên đường gồ ghề hoặc không bằng phẳng như đường rải đá hoặc có tuyết. Lốp được gắn xích.

Bạn có thể nghe thấy tiếng ồn của mô-tơ phát ra từ khoang động cơ trong khi thực hiện kiểm tra hệ thống ngay sau khi khởi động động cơ hoặc trong khi đang lái xe. Điều này là bình thường..

Loại xe có Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)

## Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp

### ■ Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp

Được thiết kế để hỗ trợ người lái bằng cách tạo ra một lực phanh lớn hơn khi bạn nhấn bàn đạp phanh trong khi phanh khẩn cấp.

### ■ Vận hành hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp

Nhấn chắc chắn bàn đạp phanh để tăng lực phanh.

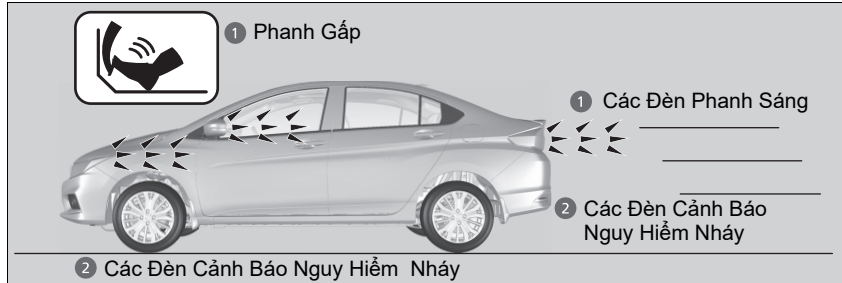
Khi hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp vận hành, bàn đạp phanh có thể lắc nhẹ và có tiếng động phát ra. Điều này là bình thường. Hãy nhấn bàn đạp phanh thật mạnh.

Loại xe có Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)

## Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp

Kích hoạt khi bạn phanh gấp trong lúc đang lái ở tốc độ 60 km/h hoặc cao hơn nhằm cảnh báo cho người lái phía sau xe bạn về việc phanh khẩn cấp bằng cách nháy liên tục các đèn cảnh báo nguy hiểm. Việc này có thể giúp cảnh báo người lái phía sau xe bạn tránh được va chạm có thể xảy ra với xe của bạn.

### ■ Khi hệ thống kích hoạt:



Đèn cảnh báo nguy hiểm ngừng nháy khi:

- Bạn nhả bàn đạp phanh.
- ABS bị vô hiệu hoá.
- Tốc độ giảm tốc của xe bạn trở nên vừa phải.
- Bạn ấn nút cảnh báo nguy hiểm.

### ►►Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp

Tín hiệu dừng khẩn cấp không phải là hệ thống có thể ngăn được các va chạm phía sau có khả năng xảy ra do phanh gấp. Các đèn cảnh báo sẽ nháy khi bạn phanh gấp. Bạn nên tránh phanh gấp trừ trường hợp thực sự cần thiết.

Tín hiệu dừng khẩn cấp không kích hoạt khi ấn nút cảnh báo nguy hiểm.

Nếu ABS dừng hoạt động trong một khoảng thời gian nhất định khi phanh, tín hiệu dừng khẩn cấp có thể không hoạt động.



# Đỗ Xe

## Khi Đã Dừng

1. Nhấn chắc chắn bàn đạp phanh.
2. Gài phanh đỗ chắc chắn.

Loại xe có hộp số vô cấp

3. Gạt cần số từ **D** sang **P**.

Loại xe có hộp số thường

3. Gạt cần số đến **1** hoặc **R**.

Tất cả các loại xe

4. Tắt máy.

Luôn gài phanh đỗ khi đỗ xe.

### »Đỗ Xe

Không đỗ xe gần những vật dễ bắt lửa, như cỏ khô, dầu, hoặc gỗ.

Nhiệt từ hệ thống xả cũng có thể gây cháy.

### »Khi Đã Dừng

Loại xe có hộp số vô cấp

#### CHÚ Ý

Những hành động sau có thể làm hỏng hộp số:

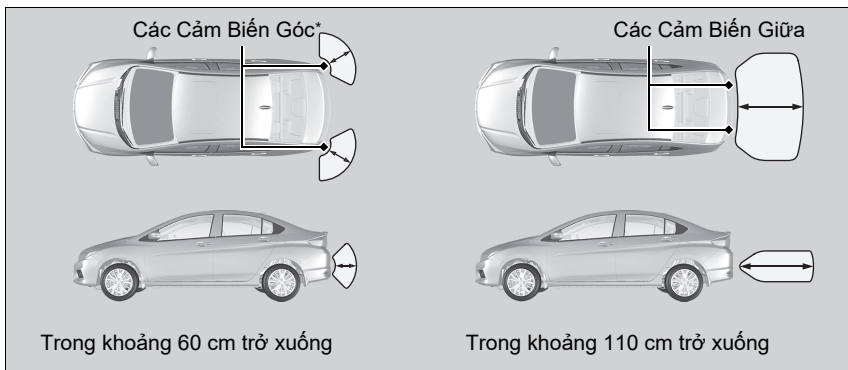
- Nhấn đồng thời cả bàn đạp ga và phanh.
- Giữ xe đứng yên trên dốc bằng cách nhấn bàn đạp ga.
- Gạt cần số tới **P** trước khi xe dừng hẳn.

Ở điều kiện thời tiết quá lạnh, phanh đỗ có thể bị đóng băng khi đã gài. Nếu gặp phải tình trạng thời tiết như vậy, không gài phanh đỗ, nhưng nếu đỗ xe trên dốc, bạn cần đánh lái sao cho các bánh trước quay vào sát gờ lề đường nếu xe có xu hướng lăn xuống, hoặc cần chèn các bánh xe để cho xe không di chuyển. Nếu không làm như vậy, xe có thể bị lăn bất ngờ, gây va chạm.

## Hệ Thống Cảm Biến Đỗ\*

Các cảm biến góc sau\* và giữa phát hiện các vật cản phía sau xe, và bộ phát tiếng bíp sẽ cho bạn biết khoảng cách ước chừng giữa xe và vật cản.

### ■ Vị trí và phạm vi của cảm biến



Lái Xe

### ☒ Hệ Thống Cảm Biến Đỗ\*

Thậm chí khi hệ thống bật, trước khi đỗ xe cần quan sát xem có vật cản nào gần xe bạn không.

Hệ thống có thể không hoạt động đúng cách khi:

- Các cảm biến bị tuyết, băng, bùn hoặc bụi che phủ.
- Xe đi ở nơi không bằng phẳng, như có cỏ, đường gồ ghề, hoặc đường đồi.
- Xe để bên ngoài trong thời tiết nóng hoặc lạnh.
- Hệ thống bị ảnh hưởng từ các thiết bị điện tử phát ra sóng siêu âm.
- Lái xe trong thời tiết xấu.

Hệ thống có thể không cảm nhận được:

- Các vật thể mỏng hoặc thấp.
- Các vật liệu hấp thụ sóng âm, như tuyết, bông, hoặc xốp.
- Các vật bên dưới cản xe.

Không đặt các phụ kiện lên trên hoặc xung quanh các cảm biến.

### ■ Bật và Tắt Hệ Thống Cảm Biến Đỗ\*



Khi khóa điện ở BẬT **II**\*<sup>1</sup>, ấn nút hệ thống cảm biến đỗ để bật hoặc tắt hệ thống. Đèn báo trên nút sẽ sáng khi hệ thống bật.

Các cảm biến giữa và góc sau bắt đầu phát hiện vật cản khi cần số ở **R**, và tốc độ xe thấp hơn 8 km/h.

**Loại hộp số thường**

Đồng thời bạn cần nhả phanh đỗ.

### ►►Bật và Tắt Hệ Thống Cảm Biến Đỗ\*

Khi bạn xoay khóa điện đến BẬT **II**\*<sup>1</sup>, hệ thống sẽ ở điều kiện đã được chọn trước đó.

\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Khi khoảng cách giữa xe và chướng ngại vật ngắn hơn

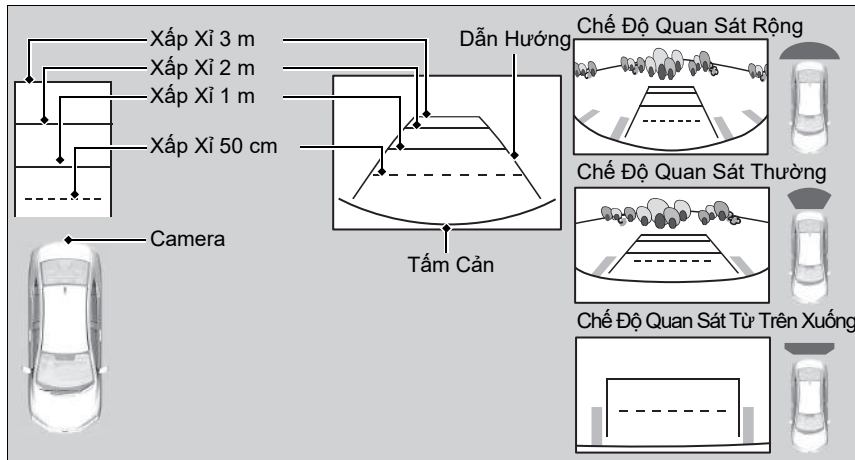
Độ gián đoạn giữa các tiếng bíp	Khoảng cách giữa Tấm Cản và Vật Cản	
	Các Cảm Biến Góc*	Các Cảm Biến Giữa
Trung bình	—	Khoảng 110-60 cm
Ngắn	Khoảng 60-45 cm	Khoảng 60-45 cm
Rất ngắn	Khoảng 45-35 cm	Khoảng 45-35 cm
Liên tục	Khoảng 35 cm trở xuống	Khoảng 35 cm trở xuống

## Camera Lùi Đa Hướng\*

### Camera Lùi Đa Hướng Ở Xe Bạn

Màn hình âm thanh/thông tin có thể hiển thị tầm nhìn sau xe bạn. Màn hình sẽ tự động chuyển sang tầm nhìn sau khi cần số được gạt sang [R].

#### Vùng Hiển Thị Camera Lùi Đa Hướng



Bạn có thể quan sát 3 góc camera khác nhau trên màn hình hiển thị phía sau. Chọn chế độ để chuyển góc quan sát.

Nếu chế độ quan sát được sử dụng gần đây nhất là chế độ quan sát Rộng hoặc Bình Thường, chế độ đó sẽ được chọn vào lần tiếp theo bạn gạt cần số đến [R]. Nếu chế độ quan sát được sử dụng gần đây nhất là chế độ quan sát Từ Trên Xuống, chế độ quan sát Rộng sẽ được chọn.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

#### Camera Lùi Đa Hướng

Tầm nhìn camera quan sát sau bị hạn chế. Bạn không thể nhìn thấy các đuôi góc của tấm cản hoặc vật nằm dưới tấm cản. Thấu kính của nó làm cho vật thể trông gần hơn hoặc xa hơn so với thực tế.

Hãy quan sát thật kỹ về độ an toàn trước khi lùi xe. Các điều kiện cụ thể (như thời tiết, ánh sáng, và nhiệt độ cao) cũng có thể làm hạn chế tầm nhìn sau. Không nên phụ thuộc vào màn hình hiển thị tầm nhìn sau vì nó không thể cung cấp cho bạn tất cả thông tin về tình hình phía sau xe của bạn.

Nếu thấu kính bị bụi bẩn hoặc ẩm, dùng vải mềm, ẩm để làm sạch thấu kính.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt **Fixed Guideline** và **Dynamic Guideline**.

☑ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 250

**Fixed Guideline** (Dẫn Hướng Cố Định)

**On:** Dẫn hướng xuất hiện khi bạn sang số đến [R].

**Off:** Dẫn hướng không xuất hiện.

**Dynamic Guideline** (Dẫn Hướng Động)

**On:** Dẫn hướng di chuyển theo hướng quay của vô lăng.

**Off:** Dẫn hướng không di chuyển.

## Nạp Nhiên Liệu

### Thông Tin Nhiên Liệu

#### ■ Nhiên liệu khuyến dùng

**Xăng không chì, chỉ số Ôc-tan 91 trở lên**

Sử dụng xăng có chỉ số ôc-tan thấp hơn có thể để lại cặn, gây ra tiếng gõ kim loại lớn làm hỏng động cơ.

#### ■ Dung tích bình nhiên liệu: 40 lít

#### » Thông Tin Nhiên Liệu

##### CHÚ Ý

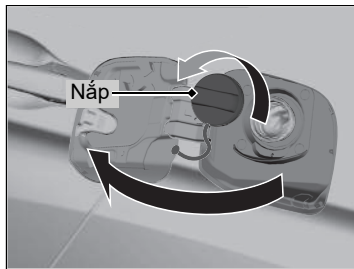
Sử dụng xăng có chì có thể dẫn đến những nguy hại sau:

- Làm hỏng hệ thống xả bao gồm bộ trung hòa khí xả
- Làm hỏng động cơ và hệ thống nhiên liệu
- Ảnh hưởng đến động cơ và các hệ thống khác

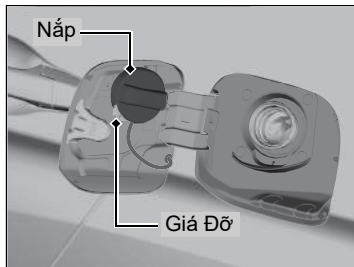
## Cách Nạp Nhiên Liệu



1. Dừng xe ở trạm xăng sao cho máy bơm xăng ở phía sau, bên trái của xe.
2. Tắt động cơ.
3. Kéo lấy mở cửa nạp nhiên liệu ở góc ngoài bên dưới bảng táp-lô phía người lái  
► Cửa nạp nhiên liệu mở.



4. Xoay từ từ nắp bình nhiên liệu. Nếu nghe thấy tiếng hơi xì ra, đợi đến khi không còn tiếng xì, xoay núp từ từ để mở nắp bình nhiên liệu.



5. Đặt nắp bình nhiên liệu vào giá đỡ.
6. Đưa vòi bơm nhiên liệu vào.  
► Khi bình nhiên liệu đầy, vòi phun sẽ tự động ngắt. Nó sẽ để lại khoảng trống trong bình phòng khi nhiên liệu nở ra do thay đổi về nhiệt độ.
7. Sau khi đổ đầy, đẩy lại nắp bình nhiên liệu, siết chặt nắp đến khi nghe thấy ít nhất một tiếng tách.  
► Dùng tay đóng cửa nạp nhiên liệu.

### ► Cách Nạp Nhiên Liệu

## ⚠ CẢNH BÁO

Xăng có nguy cơ cháy và nổ rất cao. Bạn có thể bị bỏng hoặc bị trọng thương khi xử lý nhiên liệu.

- Dừng động cơ, và để xe tránh xa nhiệt, các tia lửa, và ngọn lửa.
- Chỉ xử lý nhiên liệu ở ngoài trời.
- Lau sạch ngay vết xăng tràn ra.

Vòi bơm nhiên liệu tự động ngắt để lại khoảng trống trong bình nhiên liệu để phòng trường hợp nhiên liệu nở ra do thay đổi nhiệt độ.

Không nạp thêm nhiên liệu sau khi vòi bơm đã tự động ngắt. Nếu cứ nạp thêm có thể làm tràn nhiên liệu.

## Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải CO<sub>2</sub>

### Cải Thiện Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Giảm Khí Thải CO<sub>2</sub>

Để tiết kiệm được nhiên liệu và giảm thiểu khí thải CO<sub>2</sub> phụ thuộc vào một số yếu tố như điều kiện lái xe, tải trọng, thời gian chạy không tải, thói quen lái xe và tình trạng của xe. Tùy theo các điều kiện này và một số điều kiện khác, bạn không thể tiết kiệm nhiên liệu định mức cho xe.

#### Bảo Dưỡng và Tiết Kiệm Nhiên Liệu

Bạn có thể tối ưu hóa tiết kiệm nhiên liệu nếu bảo dưỡng xe đúng cách. Thực hiện bảo dưỡng theo lịch, nếu cần tham khảo sổ bảo hành.

➤ **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 361

Loại xe có Bộ Nhắc Bảo Dưỡng

Kiểm tra Bộ Nhắc Bảo Dưỡng và phải thực hiện bảo dưỡng trên xe bạn.

➤ **Bộ Nhắc Bảo Dưỡng\*** Tr. 359

- Sử dụng dầu động cơ có độ nhớt khuyên dùng.
- **Dầu Động Cơ Khuyên Dùng\*** Tr. 374
- Duy trì áp suất lốp theo quy định.
- Không chở đồ quá trọng lượng cho phép.
- Vệ sinh xe sạch sẽ. Tuyệt hoặc bùn tích tụ dưới gầm xe sẽ làm tăng trọng lượng và sức cản gió cho xe.

#### ➤ Cải Thiện Tính Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Giảm Khí Thải CO<sub>2</sub>

Tính toán trực tiếp là cách tính được khuyến nghị nhằm xác định lượng nhiên liệu tiêu thụ thực tế khi lái.

$$\begin{array}{c} 100 \times \frac{\text{Lit nhiên liệu}}{\text{Kilomet đi được}} \div \frac{\text{Kilomet đi được}}{\text{Lit trên 100 km}} \\ \frac{\text{Kilomet đi được}}{\text{Lit nhiên liệu}} = \frac{\text{Kilomet trên Lit}}{\text{Lit trên 100 km}} \end{array}$$

Loại xe thuộc quốc gia hội đồng hợp tác vùng vịnh GCC

Bạn có thể cải thiện quãng đường đi được và giảm khí thải CO<sub>2</sub> cho xe bằng cách thực hiện theo các chỉ dẫn sau:

- Vận hành xe đúng cách.
- Bảo dưỡng xe định kỳ.
- Duy trì áp suất lốp tiêu chuẩn.
- Tránh chờ quá trọng tải.
- Tận dụng các kỹ thuật lái xe tiết kiệm nhiên liệu như: lái xe ở tốc độ thấp hơn, giảm thời gian không tải và tránh tăng tốc đột ngột.

#### MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU

CỤC ĐĂNG KÍ VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Nhãn hiệu: HONDA

Nhà sản xuất/Nhập khẩu: CÔNG TY HONDA VIỆT NAM

Loại nhiên liệu: XĂNG KHỔNG CHỈ

Chu trình thử: QCVN 86:2015/BGTVT

Số loại	Chu trình tổ hợp	Chu trình đô thị cơ bản	Chu trình đô thị phụ
CITY 1.5V-CVT	<b>6,1</b>	<b>7,97</b>	<b>5,01</b>
CITY 1.5V-TOP	<b>5,8</b>	<b>7,59</b>	<b>4,86</b>
CITY 1.5E-CVT	<b>6,1</b>	<b>8</b>	<b>5</b>

Đơn vị: Lit/100km

**Ghi chú:** mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng, kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.



# Bảo dưỡng

Chương này đề cập quy trình bảo dưỡng cơ bản.



## **Trước Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng**

Kiểm Tra và Bảo Dưỡng .....	356
An Toàn Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng ...	357
Phụ Tùng và Dầu Dùng trong Bảo Dưỡng .....	358

## **Bộ Nhắc Bảo Dưỡng\***

<b>Lịch Bảo Dưỡng</b> .....	361
-----------------------------	-----

## **Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô**

Mục Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô ...	372
Mở Nắp Ca-pô.....	373
Dầu Động Cơ Khuyến Dùng .....	374
KiểmTra Dầu.....	375
Bổ Sung Dầu Động Cơ.....	376

Nước Làm Mát Động Cơ .....	377
----------------------------	-----

Dầu Hộp Số .....	379
Dầu Phanh/Ly Hợp* .....	380
Bổ Sung Nước Rửa Kính .....	381
Lọc Nhiên Liệu .....	381

## **Thay Bóng Đèn**

<b>Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lưới Gạt Nước</b> .....	382
--	-----

## **Gạt Nước**

<b>Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lốp</b> .....	394
--	-----

Kiểm Tra Lốp .....	396
Vạch Báo Độ Mòn Lốp .....	398
Tuổi Thọ Lốp.....	398
Thay Lốp và Bánh Xe.....	399

Đảo Lốp .....	400
---------------	-----

Thiết Bị Bám Đường Tuyết .....	401
--------------------------------	-----

## **Ắc Quy**

<b>Bảo Dưỡng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa</b> .....	403
---	-----

Thay Pin.....	406
---------------	-----

## **Bảo Dưỡng Hệ Thống Sưởi\* và Làm Mát/Hệ Thống Điều Khiển**

<b>Khí Hệu</b> .....	408
----------------------	-----

## **Vệ Sinh**

Vệ Sinh Nội Thất .....	410
------------------------	-----

Vệ Sinh Ngoại Thất.....	412
-------------------------	-----

<b>Phụ Kiện và Điều Chỉnh</b> .....	415
-------------------------------------	-----

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Trước Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

### Kiểm Tra và Bảo Dưỡng

Để đảm bảo an toàn, hãy thực hiện tất cả các quy trình kiểm tra và bảo dưỡng đã được liệt kê để xe luôn trong tình trạng tốt. Nếu phát hiện ra bất kỳ bất thường nào (tiếng ồn, có mùi lạ, thiếu dầu phanh, cạn dầu trên đất, v.v.), hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Tham khảo lịch bảo dưỡng trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này để biết thêm thông tin về quy trình kiểm tra và bảo dưỡng.

📖 **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 361

### Phân Loại Kiểm Tra và Bảo Dưỡng

#### ■ Kiểm tra hàng ngày

Thực hiện kiểm tra trước các chuyến đi xa, khi rửa xe, hoặc khi nạp nhiên liệu.

#### ■ Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra mức dầu phanh hàng tháng.  
📖 **Dầu Phanh/Ly Hợp\*** Tr. 380
- Kiểm tra áp suất lốp hàng tháng. Kiểm tra gân lốp có bị mòn và dính bất kỳ vật lạ nào không.  
📖 **Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lốp** Tr. 396
- Kiểm tra vận hành các bóng đèn bên ngoài xe hàng tháng.  
📖 **Thay Bóng Đèn** Tr. 382
- Kiểm tra tình trạng của các lưới gạt nước ít nhất sau mỗi sáu tháng một lần.  
📖 **Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lưới Gạt Nước** Tr. 394

## An Toàn Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

Phần này đề cập đến một số biện pháp an toàn quan trọng nhất.

Tuy nhiên, chúng tôi không thể cảnh báo cho bạn tất cả các nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình bảo dưỡng. Chỉ bạn mới có thể quyết định có nên thực hiện các công việc bảo dưỡng đã đưa ra hay không.

### An Toàn Khi Bảo Dưỡng

- Để giảm thiểu nguy cơ cháy nổ, hãy để ắc quy và tất cả các bộ phận liên quan đến nhiên liệu tránh xa thuốc lá, các tia lửa và ngọn lửa.
- Không để vải vụn, giẻ lau, hoặc các vật dễ cháy dưới nắp ca-pô.
  - Nhiệt nóng từ động cơ và khí xả có thể khiến những vật này bắt lửa và gây cháy.
- Để làm sạch các phụ tùng, dùng bình xịt hoặc dung dịch vệ sinh phụ tùng có sẵn trên thị trường, không dùng xăng.
- Đeo kính bảo vệ mắt và mặc quần áo bảo hộ khi làm việc với ắc quy hoặc khí nén.
- Khí xả động cơ có chứa cacbon monoxit rất độc hại và có thể gây chết người.
  - Chỉ vận hành động cơ trong khu vực có thông gió tốt.

### An Toàn Cho Xe

- Phải dừng xe.
  - Đảm bảo đỗ xe nơi bằng phẳng, cài phanh đỗ và dừng động cơ.
- Hãy cẩn thận với các bộ phận nóng có thể khiến bạn bị bỏng.
  - Đảm bảo để động cơ và hệ thống xả nguội hoàn toàn trước khi tiếp xúc với các bộ phận trên xe.
- Hãy cẩn thận các bộ phận di chuyển trên xe có thể khiến bạn bị thương.
  - Không khởi động động cơ trừ khi được chỉ dẫn và không chạm tay vào các bộ phận đang di chuyển.

### ► An Toàn Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

#### ⚠ CẢNH BÁO

Bảo dưỡng xe không đúng cách hoặc không điều chỉnh đúng trước khi lái có thể gây ra va chạm khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Luôn làm theo các khuyến nghị và lịch trình về kiểm tra, bảo dưỡng trong tài liệu hướng dẫn sử dụng/Sổ Bảo Dưỡng này.

#### ⚠ CẢNH BÁO

Không thực hiện đúng theo các chỉ dẫn và biện pháp bảo dưỡng có thể khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Luôn làm theo các quy trình và lưu ý trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

## **Phụ Tùng và Dầu Dùng trong Bảo Dưỡng**

Hãy dùng các phụ tùng và các loại dầu chính hiệu Honda khi bảo dưỡng và bảo trì xe. Các phụ tùng chính hiệu Honda được sản xuất theo các tiêu chuẩn chung chất lượng cao được sử dụng cho các xe của Honda.


## Bộ Nhắc Bảo Dưỡng\*

Chỉ loại xe Mexico

Khi quãng đường đi của xe bạn đạt mức chỉ định, bạn sẽ nhìn thấy một đèn báo nhắc nhở bạn đưa xe đến đại lý để bảo dưỡng theo lịch trình.

➤ **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 361

### Khi Có Yêu Cầu Bảo Dưỡng

Đèn báo yêu cầu bảo dưỡng nhấp nháy hoặc sáng mỗi khi bạn xoay khoá điện đến BẬT <sup>1</sup>.

#### ■ Đèn Báo Yêu Cầu Bảo Dưỡng



■ **Đèn báo nhấp nháy trong mười giây:**

Quãng đường đi được của xe bạn nằm trong khoảng 8.500 km và 10.000 km.

▶ Xe của bạn cần phải được kiểm tra và bảo dưỡng ngay.

■ **Đèn báo vẫn sáng:**

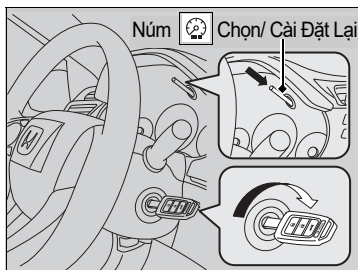
Quãng đường đi được của xe bạn vượt quá 10.000 km mà không được thực hiện bảo dưỡng theo lịch trình.

▶ Phải thực hiện bảo dưỡng theo lịch trình càng sớm càng tốt.

\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ■ Cài Đặt Lại Đèn Báo



1. Xoay khóa điện đến KHÓA \*<sup>1</sup> hoặc PHỤ KIỆN .
2. Xoay khóa điện đến BẬT \*<sup>1</sup> trong khi ấn và giữ nút (Chọn/Cài Đặt Lại.)
3. Giữ nút chọn khoảng 10 giây cho đến khi đèn báo được cài đặt lại.

## ►► Cài Đặt Lại Đèn Báo

Đại lý sẽ cài đặt lại đèn báo yêu cầu bảo dưỡng sau khi hoàn thành dịch vụ bảo dưỡng theo lịch trình. Nếu người nào khác không thuộc đại lý thực hiện dịch vụ bảo dưỡng, hãy tự cài đặt lại đèn báo.

\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

## Lịch Bảo Dưỡng

Nếu xe của bạn có sổ bảo dưỡng, thì lịch bảo dưỡng cho xe đã có sẵn trong sổ này. Đối với xe không có sổ bảo dưỡng, hãy tham khảo lịch bảo dưỡng dưới đây.

Lịch bảo dưỡng tóm tắt các mục bảo dưỡng tối thiểu cần thiết mà bạn nên thực hiện để đảm bảo xe không gặp sự cố khi vận hành. Do sự khác nhau về khí hậu và vùng miền, sẽ có thêm một số mục bảo dưỡng cần thiết. Hãy tham khảo sổ tay bảo hành để biết thêm thông tin chi tiết.

Công việc bảo dưỡng phải được thực hiện bởi kỹ thuật viên có tay nghề và có đầy đủ thiết bị. Đại lý ủy quyền của bạn sẽ đáp ứng tất cả các yêu cầu này.

Ngoại trừ các loại xe Bahrain, Kuwait, Mexico, Oman, Qatar, Ả rập Xê Út và các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.	km x 1.000 tháng	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
		12	24	36	48	60	72	84	96	108	120
Thay dầu động cơ	Bình Thường	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
	Khắc Nghiệt <sup>4</sup>	Sau mỗi 5.000 km hoặc 6 tháng									
Thay lọc dầu động cơ	Bình Thường	Sau mỗi 20.000 km hoặc 2 năm									
	Khắc Nghiệt <sup>4</sup>	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
Vệ sinh màng lọc gió	Khô	Sau mỗi 10.000 km, nhưng không làm sạch khi thay thế.									
Thay màng lọc gió <sup>1</sup>		Sau mỗi 30.000 km									
Kiểm tra khe hở xu-páp <sup>2</sup>		Sau mỗi 120.000 km									
Thay lọc nhiên liệu <sup>3</sup>					•				•		

\* 1: Chỉ một số quốc gia yêu cầu lịch bảo dưỡng trong điều kiện lái khắc nghiệt: tham khảo sổ bảo hành tại quốc gia đó.

\* 2: Phương Pháp Chăm Nhận: Điều chỉnh xu-páp trong khi bảo dưỡng ở 120.000 km nếu xảy ra ồn.

\* 3: Tham khảo thông tin thay thế trong điều kiện lái khắc nghiệt ở trang 381.

\* 4: Tham khảo thông tin thay thế trong điều kiện khắc nghiệt ở trang 364.

►►Lịch Bảo Dưỡng►►

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.	km x 1.000 tháng	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
Thay bugi		Sau mỗi 100.000 km									
Kiểm tra dây đai truyền động			•		•		•		•		•
Thay nước làm mát động cơ		Ở 200.000 km hoặc 10 năm, sau đó sau mỗi 100.000 km hoặc 5 năm									
Thay dầu hộp số	MT Bình Thường	Sau mỗi 120.000 km hoặc 6 năm									
	Khắc Nghiệt <sup>1</sup>			•			•			•	
	CVT		•		•		•		•		•
Kiểm tra các phanh trước và sau		Sau mỗi 10.000 km hoặc 6 tháng									
Thay dầu phanh		Sau mỗi 3 năm									
Kiểm tra điều chỉnh phanh đỗ		•	•		•		•		•		•
Thay lọc gió điều hòa		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Đảo lốp xe (Kiểm tra hơi lốp và tình trạng lốp ít nhất mỗi tháng một lần.)		Sau mỗi 10.000 km									

\* 1:Tham khảo thông tin thay thế trong điều kiện khắc nghiệt ở trang 364.



Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
km x 1.000 / tháng	12	24	36	48	60	72	84	96	108	120

**Kiểm tra bằng mắt các mục sau:**

Đầu thanh nối, hộp bánh răng hệ thống lái, chấn bụi Thành phần hệ thống treo Chấn bụi trực truyền động	Sau mỗi 10.000 km hoặc 6 tháng									
Các ống mềm phanh và dây phanh (bao gồm ABS) Tất cả các mức dầu và tình trạng dầu Hệ thống xả Đường ống và những chỗ nối đường ống nhiên liệu	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•

Nếu lái xe trong điều kiện khắc nghiệt, bạn phải bảo dưỡng các chi tiết sau theo lịch bảo dưỡng cho điều kiện lái Khắc Nghiệt

Chi Tiết	Điều Kiện
Dầu động cơ và lọc dầu	A, B, C, D và E
Dầu hộp số	B và D

#### ►►Lịch Bảo Dưỡng

Các điều kiện sau được cho là điều kiện lái khắc nghiệt:

- A. Trong mỗi chuyến đi, lái dưới 8 km, hoặc dưới 16 km trong nhiệt độ đóng băng.
- B. Nhiệt độ quá nóng trên 35°C.
- C. Xe chạy không tải trong thời gian dài hoặc xe phải đi trong tình trạng dừng và đi trong thời gian dài.
- D. Kéo rơ-moóc\*, tải nặng trên nóc xe, hoặc lái xe ở vùng đồi núi.
- E. Lái trên đường bùn đất, bụi, hoặc băng tan.

**Loại xe Bahrain, Kuwait, Oman, Qatar, Ả rập Xê Út và Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất**

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.	km x 1.000		20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
	tháng		12	24	36	48	60	72	84	96	108	120
Thay dầu động cơ	Bình Thường	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm										
	Khắc Nghiệt <sup>3</sup>	Sau mỗi 5.000 km hoặc 6 tháng										
Thay lọc dầu động cơ	Bình Thường	Sau mỗi 5.000 km hoặc 6 tháng										
	Khắc Nghiệt <sup>3</sup>	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm										
Thay màng lọc gió	Sau mỗi 30.000 km											
Kiểm tra khe hở xu páp <sup>1</sup>	Sau mỗi 120.000 km											
Thay lọc nhiên liệu <sup>2</sup>	• • • • •											
Thay bugi	Sau mỗi 100.000 km											
Kiểm tra dây đai truyền động	• • • • •											
Thay nước làm mát động cơ	Ở 200.000 km hoặc 10 năm, sau đó sau mỗi 100.000 km hoặc 5 năm											
Thay dầu hộp số	MT	Bình Thường	Sau mỗi 120.000 km hoặc 6 năm									
		Khắc Nghiệt <sup>3</sup>		•			•		•		•	
	CVT		•		•		•		•		•	

\* 1: Phương Pháp Chăm Nhận: Điều chỉnh xu-páp khi bảo dưỡng ở 120.000 km nếu thấy tiếng ồn.

\* 2: Tham khảo thông tin thay thế trong điều kiện lái khắc nghiệt ở trang 381.

\* 3: Tham khảo thông tin thay thế trong điều kiện khắc nghiệt ở trang 367.

Bảo Dưỡng

►►Lịch Bảo Dưỡng►►

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
km x 1.000 / tháng	12	24	36	48	60	72	84	96	108	120
Kiểm tra phanh trước và sau	Sau mỗi 10.000 km hoặc 6 tháng									
Thay dầu phanh	Sau mỗi 3 năm									
Kiểm tra điều chỉnh phanh đỗ	•	•		•		•		•		•
Thay lọc gió điều hòa	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Đảo lốp (Kiểm tra hơi lốp và tình trạng lốp ít nhất mỗi tháng một lần)	Sau mỗi 10.000 km									
<b>Kiểm tra bằng mắt các mục sau:</b>										
Đầu thanh nối, hộp bánh răng hệ thống lái, chấn bụi Thành phần hệ thống treo Chấn bụi trục truyền động Mức dung dịch bình Ác quy	Sau mỗi 10.000 km hoặc 6 tháng									
Các ống mềm phanh và dây phanh (bao gồm ABS) Tất cả các mức dầu và tình trạng dầu Hệ thống xả Đường ống và những chỗ nối ống nhiên liệu	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•

Nếu lái xe trong điều kiện khắc nghiệt, phải bảo dưỡng các mục sau theo lịch bảo dưỡng cho điều kiện lái Khắc Nghiệt

Mục	Điều Kiện
Dầu động cơ và lọc dầu	A, B, C, D và E
Dầu hộp số	B và D

►► Lịch Bảo Dưỡng\*

Các điều kiện sau được cho là điều kiện lái khắc nghiệt:

- A. Trong mỗi chuyến đi, lái dưới 8 km, hoặc dưới 16 km trong nhiệt độ đóng băng.
- B. Nhiệt độ quá nóng trên 35°C.
- C. Chạy không tải trong thời gian dài hoặc xe phải đi trong tình trạng dừng và đi trong thời gian dài.
- D. Kéo rơ-móc\*, tải nặng trên nóc xe, hoặc lái xe ở vùng đồi núi.
- E. Lái trên đường bùn đất, bụi, hoặc băng tan.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►►Lịch Bảo Dưỡng►►

Loại xe Mexico

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.	km x 1.000	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
	tháng	12	24	36	48	60	72	84	96	108	120
Thay dầu động cơ	Bình Thường	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
	Khắc Nghiệt <sup>3</sup>	Sau mỗi 5.000 km hoặc 6 tháng									
Thay lọc dầu động cơ	Bình Thường	Sau mỗi 20.000 km hoặc 2 năm									
	Khắc Nghiệt <sup>3</sup>	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
Thay màng lọc gió	Sau mỗi 30.000 km										
Kiểm tra khe hở xu páp <sup>1</sup>	Sau mỗi 120.000 km										
Thay lọc nhiên liệu <sup>2</sup>				•					•		
Thay bugi	Sau mỗi 100,000 km										
Kiểm tra dây đai truyền động		•		•		•		•		•	
Thay nước làm mát động cơ	Ở 200.000 km hoặc 10 năm, sau đó sau mỗi 100.000 km hoặc 5 năm										
Thay dầu hộp số	MT Bình Thường	Sau mỗi 120.000 km hoặc 6 năm									
	Khắc Nghiệt <sup>3</sup>			•			•			•	
	CVT		•		•		•		•		•

\* 1: Phương Pháp Cảm Nhận: Điều chỉnh xu-páp khi bảo dưỡng ở 120.000 km nếu thấy tiếng ồn.

\* 2: Tham khảo thông tin thay thế trong điều kiện lái khắc nghiệt ở trang 381.

\* 3: Tham khảo thông tin thay thế trong điều kiện khắc nghiệt ở trang 370.

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.	km x 1.000 tháng	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
Kiểm tra phanh trước và sau		Sau mỗi 10.000 km hoặc 6 tháng									
Thay dầu phanh		Sau mỗi 3 years									
Kiểm tra điều chỉnh phanh đỗ		•	•		•		•		•		•
Thay lọc gió điều hòa		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Đảo lốp (Kiểm tra hơi lốp và tình trạng lốp ít nhất mỗi tháng một lần)		Sau mỗi 10.000 km									
<b>Kiểm tra bằng mắt các mục sau:</b>											
Đầu thanh nối, hộp bánh răng hệ thống lái, chấn bụi Thành phần hệ thống treo Chấn bụi trục truyền động		Sau mỗi 10.000 km hoặc 6 tháng									
Các ống mềm phanh và dây phanh (bao gồm ABS) Tất cả các mức dầu và tình trạng dầu Hệ thống xả Đường ống và những chỗ nối đường ống nhiên liệu		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•

Bảo Dưỡng

Nếu lái xe trong điều kiện khắc nghiệt, bạn phải bảo dưỡng các mục sau theo lịch bảo dưỡng cho điều kiện lái Khắc Nghiệt

Mục	Điều Kiện
Dầu động cơ và lọc dầu	A, B, C, D và E
Dầu hộp số	B và D

#### ►►Lịch Bảo Dưỡng

Các điều kiện sau được cho là điều kiện lái khắc nghiệt:

- A. Trong mỗi chuyến đi, lái dưới 8 km, hoặc dưới 16 km trong nhiệt độ đóng băng.
- B. Nhiệt độ quá nóng trên 35°C.
- C. Xe chạy không tải trong thời gian dài hoặc xe phải đi trong tình trạng dừng và đi trong thời gian dài.
- D. Kéo rơ-moóc\*, tải nặng trên nóc xe, hoặc lái xe ở vùng đồi núi.
- E. Lái trên đường bùn đất, bụi, hoặc băng tan.



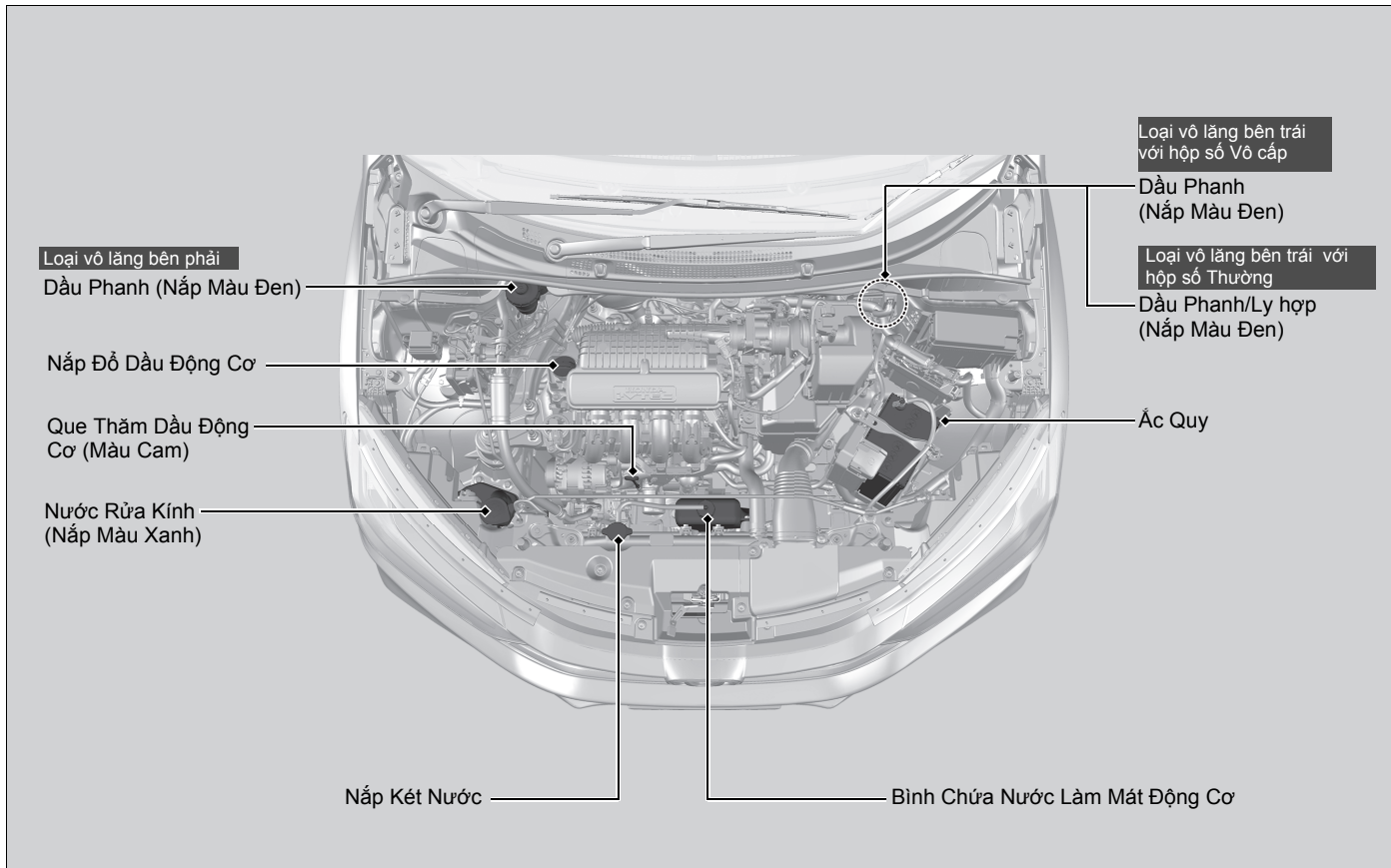
## Hồ Sơ Bảo Dưỡng (Các Xe không có Sổ Bảo Dưỡng)

Yêu cầu đại lý bảo dưỡng ghi lại các dữ liệu bảo dưỡng cần thiết dưới đây. Giữ lại các biên lai cho tất cả các công việc bảo dưỡng đã thực hiện.

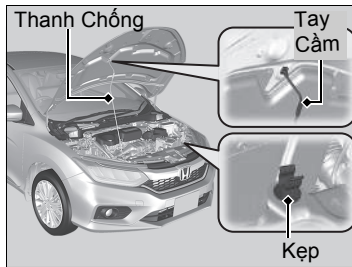
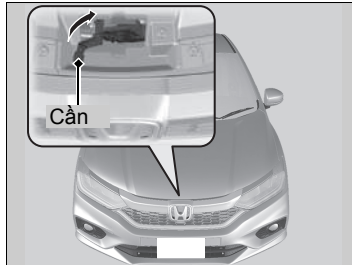
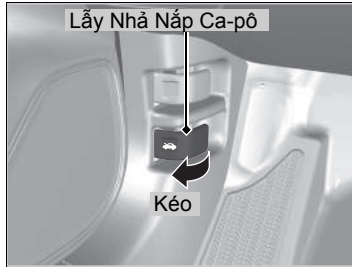
Km hoặc Tháng	Ngày	Chữ Ký hoặc Đóng Dấu
<b>20.000 km</b> (hoặc 12 Tháng)		
<b>40.000 km</b> (hoặc 24 Tháng)		
<b>60.000 km</b> (hoặc 36 Tháng)		
<b>80.000 km</b> (hoặc 48 Tháng)		
<b>100.000 km</b> (hoặc 60 Tháng)		
<b>120.000 km</b> (hoặc 72 Tháng)		
<b>140.000 km</b> (hoặc 84 Tháng)		
<b>160.000 km</b> (hoặc 96 Tháng)		
<b>180.000 km</b> (hoặc 108 Tháng)		
<b>200.000 km</b> (hoặc 120 Tháng)		

## Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô

### Mục Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô



## Mở Nắp Ca-pô



1. Đỗ xe nơi bằng phẳng và gài phanh đỗ.
2. Kéo lấy nhả nắp ca-pô ở bên dưới góc ngoài phía dưới bảng táp-lô phía người lái.  
► Nắp ca-pô sẽ nảy lên.

3. Kéo cần chốt nắp ca-pô (dưới mép trước của nắp ca-pô ra giữa) và nâng nắp ca-pô. Khi bạn nâng nhẹ nắp ca-pô, bạn có thể nhả cần chốt.

4. Dùng tay cầm gạt thanh chống nắp ca-pô ra khỏi kẹp. Đặt thanh chống nắp ca-pô vào phía trong nắp ca-pô.

Khi đóng, bỏ thanh chống ra và xếp gọn vào kẹp, sau đó hạ nhẹ nắp ca-pô. Hạ nắp xuống thấp khoảng 30 cm, rồi thả tay ra để đóng nắp ca-pô.

### ►► Mở Nắp Ca-pô

#### CHÚ Ý

Không mở nắp ca-pô khi các cần gạt nước đang được nâng lên.

Nắp ca-pô sẽ chạm vào cần gạt nước, dẫn đến hỏng nắp ca-pô và/hoặc cần gạt nước.

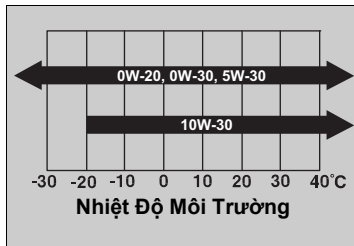
Khi đóng nắp ca-pô, kiểm tra xem nắp ca-pô đã được chốt chặt chưa.

Nếu cần chốt nắp ca-pô khó di chuyển, hoặc nếu có thể mở nắp ca-pô mà không cần nâng cần lên, hãy làm sạch và bôi trơn chốt.

## Dầu Động Cơ Khuyến Dùng

Dầu đóng vai trò quan trọng đối với hiệu suất vận hành và tuổi thọ của động cơ. Nếu lái xe trong điều kiện lượng dầu không đủ hoặc xuống cấp, động cơ có thể bị lỗi hoặc hỏng.

- **Dầu Động Cơ Chính Hiệu Honda**
- **API cấp dịch vụ SM hoặc cấp tiết kiệm nhiên liệu cao hơn**



Dùng dầu động cơ chính hiệu Honda hoặc loại dầu động cơ khác có độ nhớt phù hợp với nhiệt độ môi trường như hình vẽ.

Dầu 0W-20 được tính toán để cải thiện tiết kiệm nhiên liệu.

### ►► Dầu Động Cơ Khuyến Dùng

#### Chất Phụ Gia Dầu Động Cơ

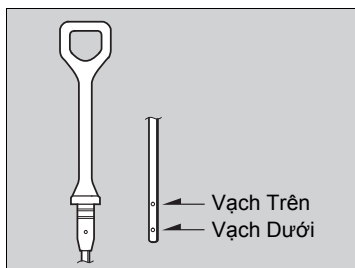
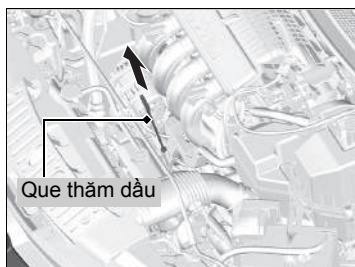
Xe của bạn không cần thêm chất phụ gia cho dầu động cơ. Thực chất, nó có thể gây tác dụng ngược đến hiệu suất vận hành và độ bền của động cơ.

## Kiểm Tra Dầu

Bạn nên kiểm tra mức dầu động cơ bất cứ khi nào nạp nhiên liệu.

Đỗ xe nơi bằng phẳng.

Trước khi kiểm tra dầu, hãy đợi khoảng ba phút sau khi tắt động cơ.



1. Rút que thăm dầu ra (màu cam).
2. Lau sạch que thăm dầu bằng khăn sạch hoặc khăn giấy.
3. Cắm que thăm dầu trở lại vị trí ban đầu, cắm hết cỡ vào đúng vị trí.
4. Rút que thăm dầu ra lần nữa và kiểm tra mức dầu. Nó phải nằm giữa vạch trên và vạch dưới. Đổ thêm dầu nếu cần.

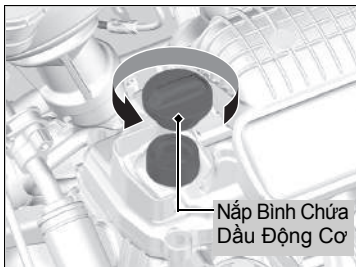
### ►► Kiểm Tra Dầu

Nếu mức dầu ở gần hoặc ở dưới vạch dưới, đổ dầu vào từ từ, cẩn thận không để tràn ra ngoài.

Lượng dầu tiêu thụ phụ thuộc vào cách lái xe và điều kiện thời tiết, đường xá. Tỷ lệ tiêu thụ có thể lên đến 1 lít trên 1.000 km.

Lượng tiêu thụ có thể cao hơn khi động cơ còn mới.

## Bổ Sung Dầu Động Cơ



1. Xoay để tháo nắp bình chứa dầu động cơ.
2. Đổ từ từ dầu vào bình.
3. Lắp lại nắp bình chứa dầu động cơ và siết thật chặt.
4. Đợi khoảng ba phút và kiểm tra lại que thăm dầu động cơ.

### ►► Bổ Sung Dầu Động Cơ

#### CHÚ Ý

Không đổ dầu động cơ quá vạch giới hạn phía trên. Dầu động cơ tràn ra có thể gây rò rỉ và hư hỏng động cơ.

Nếu tràn dầu, hãy lau sạch ngay lập tức. Dầu tràn có thể làm hỏng các bộ phận ở khoang động cơ.

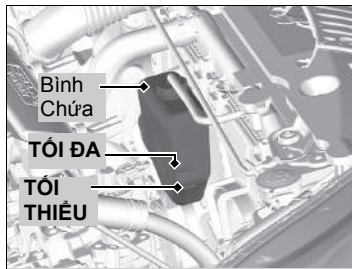
## Nước Làm Mát Động Cơ

**Nước làm mát chỉ định: Chất Chống Đông 4 Mùa/Nước Làm Mát Loại 2**

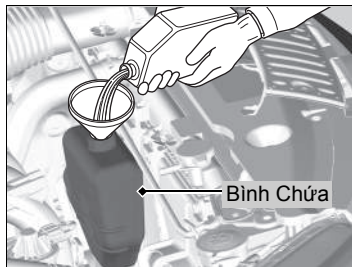
Nước làm mát là hỗn hợp của 50% chất chống đông và 50% nước. Không bổ sung chất chống đông và nước làm mát chưa qua pha chế.

Bạn nên kiểm tra mức nước làm mát động cơ mỗi khi nạp nhiên liệu. Trước tiên kiểm tra bình chứa. Nếu bình chứa cạn, kiểm tra mức nước làm mát trong két nước. Bổ sung nước làm mát động cơ sao cho phù hợp.

### Bình Chứa



1. Đảm bảo động cơ và két nước nguội.



2. Kiểm tra lượng nước làm mát trong bình chứa.

► Nếu mức nước làm mát dưới vạch **TỐI THIỂU**, bổ sung nước làm mát vào bình chứa đến vạch **TỐI ĐA**

3. Kiểm tra rò rỉ hệ thống làm mát.

### ⚠️Nước Làm Mát Động Cơ

#### ⚠️CẢNH BÁO

Tháo nắp két nước khi động cơ còn nóng có thể làm bắn nước làm mát ra ngoài, gây bỏng nghiêm trọng

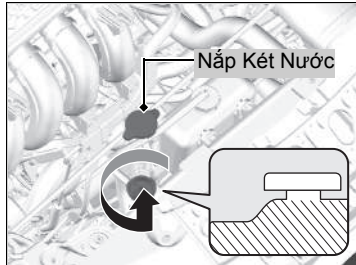
Luôn để động cơ nguội trước khi tháo nắp két nước.

Nếu nhiệt độ thường xuyên dưới  $-30^{\circ}\text{C}$ , thì nên thay đổi hỗn hợp làm mát có nồng độ đặc hơn. Liên hệ với đại lý Honda để biết chi tiết về hỗn hợp nước làm mát phù hợp.

Nếu không có chất chống đông/nước làm mát của Honda, bạn có thể sử dụng nước làm mát không có silicat để thay thế tạm thời. Kiểm tra nó có phải là nước làm mát chất lượng cao khuyến dùng cho động cơ nhôm không. Sử dụng lâu nước làm mát không phải của Honda có thể gây ăn mòn, khiến hệ thống làm mát gặp sự cố hoặc bị lỗi. Xúc rửa hệ thống làm mát và đổ đầy chất chống đông/nước làm mát chính hiệu Honda vào hệ thống càng sớm càng tốt.

Không cho thêm chất chống gỉ hoặc các chất phụ gia khác vào hệ thống làm mát. Các chất này có thể không tương thích với nước làm mát hoặc với các bộ phận của động cơ.

## ■ Két Nước



1. Đảm bảo động cơ và két nước đều nguội.
2. Xoay nắp két nước 1/8 vòng ngược chiều kim đồng hồ và xả hết áp suất trong hệ thống làm mát.
3. Ấn nắp xuống và xoay ngược chiều kim đồng hồ để tháo nó ra.
4. Đổ đầy nước làm mát đến chân cổ bình chứa. Nếu nó ở dưới mức đó, bổ sung nước làm mát.
5. Đậy nắp két nước và vặn nắp thật chặt.

## ►► Két Nước

### CHÚ Ý

Đổ dầu từ từ vào bình và cẩn thận không làm nó tràn ra. Lau sạch ngay dầu tràn ra để tránh làm hỏng các bộ phận trong khoang động cơ.



## Dầu Hộp Số

### ■ Dầu Hộp Số Vô Cấp (CVT)

Dầu chỉ định: **Honda HCF-2**

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra mức dầu và thay nếu cần thiết.  
Tuân theo đúng thời gian bảo dưỡng xe khi thay dầu hộp số vô cấp.

➡ **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 361

Không cố tự kiểm tra hoặc thay dầu hộp số vô cấp.

### ■ Dầu Hộp Số Thường

Dầu chỉ định: **Honda (MTF)**

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra mức dầu và thay nếu cần thiết.  
Tuân theo đúng thời gian bảo dưỡng xe khi thay dầu hộp số thường.

➡ **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 361

Không cố tự kiểm tra hoặc thay dầu hộp số thường.

### ►► Dầu Hộp Số Vô Cấp (CVT)

#### CHÚ Ý

**Không pha dầu hộp số Honda HCF-2 với các loại dầu hộp số khác**

Sử dụng dầu hộp số không phải loại Honda HCF-2 có thể làm ảnh hưởng đến vận hành và độ bền hộp số của xe và gây hỏng hộp số.

Bất kỳ hư hỏng nào do không sử dụng loại dầu hộp số tương đương với dầu hộp số Honda HCF-2 sẽ không được hưởng chế độ bảo hành dành cho xe mới của Honda.

### ►► Dầu Hộp số Thường

Nếu không có sẵn dầu hộp số Honda MTF, bạn có thể sử dụng tạm thời dầu động cơ có độ nhớt SAE 0W-20 hoặc 5W-20 theo tiêu chuẩn API.

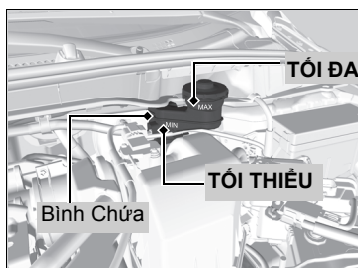
Sử dụng loại dầu MTF càng sớm càng tốt. Nếu tiếp tục sử dụng dầu động cơ không chứa chất phụ gia phù hợp cho hộp số có thể làm giảm hiệu suất sang số và làm hỏng hộp số.

## Dầu Phanh/Ly Hợp\*

**Dầu chỉ định: Dầu Phanh DOT 3 hoặc DOT 4**

Sử dụng cùng loại dầu cho phanh và ly hợp.

### Kiểm Tra Dầu Phanh



Mức dầu phải ở giữa vạch **MIN** và **MAX** ở sườn bình chứa.

#### Loại xe có hộp số thường

Không cần kiểm tra mức dầu ly hợp, bình chứa dầu phanh cũng có thể được sử dụng để chứa dầu ly hợp của xe. Miễn là bạn duy trì mức dầu phanh theo chỉ dẫn ở trên.

### ►► Dầu Phanh/Ly Hợp\*

#### CHÚ Ý

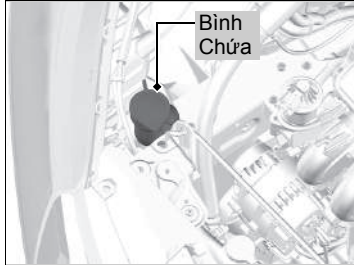
Dầu phanh loại DOT 5 không tương thích với hệ thống phanh của xe và có thể gây hư hỏng nghiêm trọng.

Bạn nên sử dụng sản phẩm chính hiệu.

Nếu mức dầu phanh ở mức **MIN** hoặc dưới mức **MIN**, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra rò rỉ và mòn các má phanh càng sớm càng tốt.

## Bể Sung Nước Rửa Kính

Kiểm tra mức nước rửa kính bằng cách qua sát bình chứa.



Nếu nó ở mức thấp, hãy đổ đầy bình chứa nước rửa kính.

Đổ cẩn thận nước rửa kính. Không để nó tràn ra bình chứa.

## Lọc Nhiên Liệu

Thay lọc nhiên liệu theo khuyến nghị về thời gian và quãng đường trong lịch bảo dưỡng.

Sau mỗi 40.000 km, hoặc 2 năm nên thay lọc nhiên liệu nếu bạn nghi ngờ nhiên liệu đang dùng bị nhiễm bẩn. Trong môi trường bụi bặm, lọc nhiên liệu có thể nhanh bị tắc.

Phải để kỹ thuật viên lành nghề thay lọc nhiên liệu. Nhiên liệu trong hệ thống có thể rỉ ra và gây nguy hiểm nếu không nối chính xác các đường ống nhiên liệu.

### ►► Bể Sung Nước Rửa Kính

#### CHÚ Ý

Không đổ chất chống đông động cơ hoặc dung dịch giấm/nước vào bình chứa nước rửa kính chắn gió.

Chất chống đông có thể làm hỏng bề mặt sơn xe. Dung dịch giấm/nước có thể làm hỏng bơm rửa kính chắn gió.

Chỉ dùng nước rửa kính chắn gió có sẵn trên thị trường.

Không sử dụng nước cứng trong thời gian dài để tránh tạo ra mảng bám.

# Thay Bóng Đèn

## Bóng Đèn Chiếu Sáng

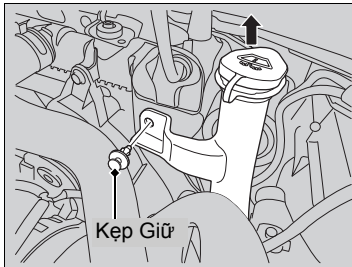
Khi thay, sử dụng các bóng sau.

**Đèn chiếu sáng chiếu xa: 60 W (HB3 cho loại bóng đèn halogen)\*  
Loại đèn LED\***

**Đèn chiếu sáng chiếu gần: 55 W (H11 cho loại bóng đèn halogen)\*  
Loại đèn LED\***

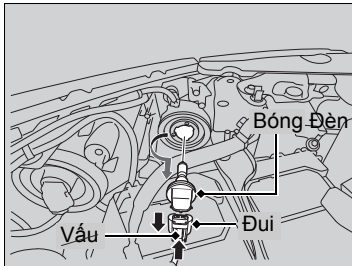
### Đèn Chiếu Sáng Chiếu Xa

Loại xe có đèn chiếu sáng halogen



Bên phải

1. Tháo kẹp giữ bằng một tua-vít dẹt, sau đó tháo phần trên của bình chứa nước rửa kính.



Hai bên

2. Đẩy vấu để tháo đui đèn.
3. Xoay bóng đèn cũ sang bên trái để tháo ra.
4. Lắp bóng đèn mới vào cụm đèn chiếu sáng và xoay sang bên phải.
5. Xoay bóng vào đui đèn.

### »Bóng Đèn Chiếu Sáng

#### CHÚ Ý

Bóng đèn halogen rất nóng khi sáng. Dầu, mồ hôi, hoặc vết xước trên kính có thể khiến bóng đèn quá nóng và vỡ vụn.

Hướng đèn chiếu sáng do nhà máy cài đặt, thường thì không cần điều chỉnh chúng. Tuy nhiên, nếu bạn thường xuyên chở vật nặng trong khoang hành lý hoặc kéo rơ-moóc\*, hãy để đại lý hoặc kỹ thuật viên có tay nghề cao điều chỉnh lại hướng đèn.

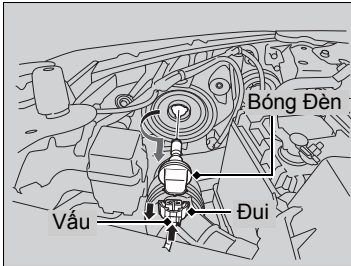
Khi thay bóng đèn halogen, cầm ở đế và tránh để vỏ bóng tiếp xúc với da bạn hoặc với các vật cứng. Nếu chạm phải vỏ bóng, hãy lau bóng bằng rượu đã methyl hoá và khăn sạch.

#### Loại xe có đèn chiếu sáng LED

Bóng đèn chiếu sáng là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

## Đèn Chiếu Sáng Chiếu Gần

Loại xe có đèn chiếu sáng halogen

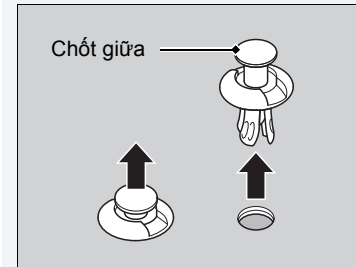


1. Đẩy vấu để tháo đui đèn.
2. Xoay bóng đèn cũ sang bên trái để tháo ra.
3. Lắp bóng đèn mới vào cụm đèn chiếu sáng và xoay sang bên phải.
4. Xoay bóng vào đui đèn.

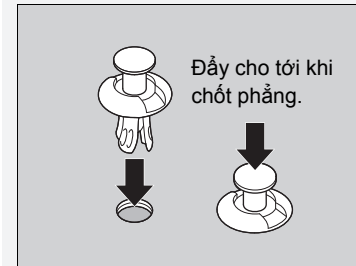
## ►►Bóng Đèn Chiếu Sáng

Kẹp giữ

Đưa tua-vít đầu dẹt vào, nâng và tháo chốt giữa để tháo kẹp.



Luồn kẹp vào đồng thời nâng chốt giữa lên và đẩy cho đến khi nó phẳng.

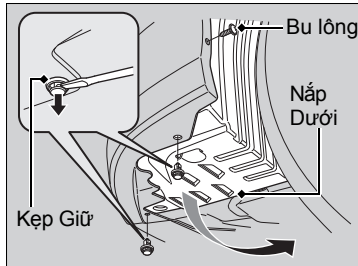


Đẩy cho tới khi chốt phẳng.

## Bóng Đèn Sương Mù Trước\*

Khi thay bóng đèn, sử dụng các bóng đèn sau.

**Đèn Sương Mù Trước: 35 W (H8 cho loại bóng đèn halogen)\*  
Loại đèn LED\***



1. Dùng tua vít bốn cạnh tháo bu lông và tháo kẹp giữ bằng tua vít đầu dẹt.
2. Kéo nắp dưới xuống.

### ►► Bóng Đèn Sương Mù Trước\*

#### CHÚ Ý

Bóng đèn halogen rất nóng khi sáng. Dầu, mồ hôi, hoặc vết xước trên kính có thể làm bóng đèn quá nóng và vỡ vụn.

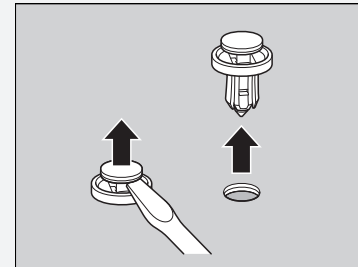
Khi thay bóng đèn halogen, cầm ở đế và tránh để vỏ bóng tiếp xúc với da bạn hoặc với các vật cứng. Nếu chạm phải vỏ bóng, lau bóng bằng rượu đã methyl hoá và khăn sạch.

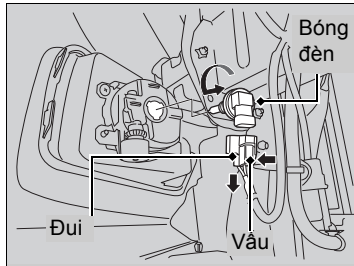
#### Loại xe có đèn chiếu sáng LED

Các đèn sương mù là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

#### Kẹp giữ

Đưa tua-vít đầu dẹt vào, nâng và tháo chốt giữ để tháo kẹp.

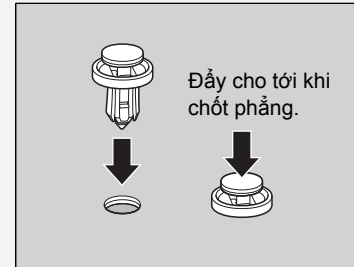




3. Đẩy vấu để tháo đui đèn.
4. Xoay bóng đèn cũ sang bên trái để tháo ra.
5. Lắp bóng đèn mới vào cụm đèn sương mù và xoay nó sang bên phải
6. Xoáy bóng vào đui đèn.

☒ **Bóng Đèn Sương Mù Trước\***

Luồn kẹp vào trong khi nâng chốt giữa lên và đẩy cho đến khi nó phẳng.

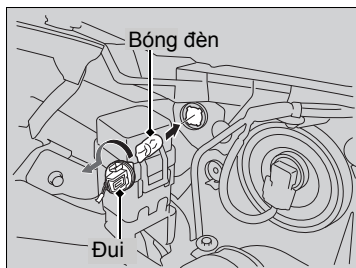


\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Bóng Đèn Xi Nhan Trước

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

**Đèn Xi Nhan Trước: Loại 21 W (Hỗ Phách)\***



1. Xoay đui sang bên trái và tháo nó ra.
2. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới.

## Đèn Ban Ngày

Đèn ban ngày là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

## Đèn Vị Trí

Đèn vị trí là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

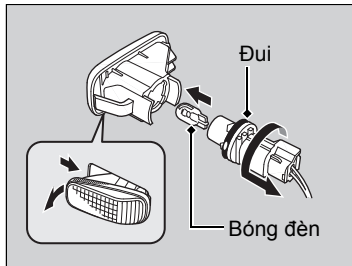


## Đèn Xi Nhan Bên/Đèn Báo Khẩn Cấp

### Loại vè xe

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

### Đèn Xi Nhan Bên: 5 W (Hỗ Phách)



1. Đẩy phía trước của bộ đèn xi nhan bên về phía sau của xe cho đến nó bật ra khỏi thân xe.
2. Xoay đui về bên trái và tháo ra.
3. Tháo bóng đèn cũ và lắp bóng đèn mới.

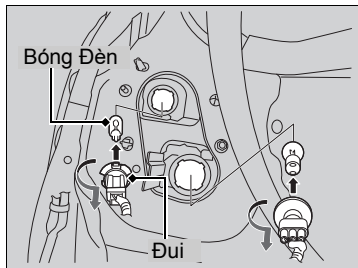
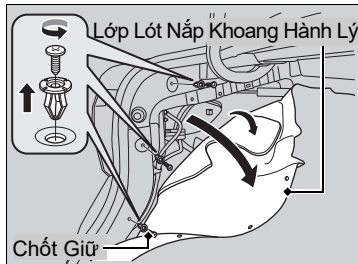
### Loại gương cửa

Đèn xi nhan bên là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

## Bóng Đèn Phanh/Đèn Hậu, Đèn Bên hông Sau và Đèn Xi Nhan Sau

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

<b>Đèn Phanh/Đèn Hậu:</b>	<b>21/5W*</b> <b>Loại đèn LED*</b>
<b>Đèn Bên hông Sau:</b>	<b>Loại đèn LED*</b>
<b>Đèn Xi Nhan Sau:</b>	<b>21W*</b> <b>21W (Hỗ phách)*</b>



1. Tháo các vít ra khỏi phần giữa của các chốt giữ bằng tua vít dẹt đầu Phillips, sau đó kéo lớp lót khoang hành lý về sau.

2. Xoay đui về bên trái và tháo ra.  
3. Tháo bóng cũ và lắp bóng mới.

►►Bóng Đèn Phanh/Đèn Hậu, Đèn Bên hông Sau và Đèn Xi Nhan Sau

### Loại có bóng đèn phanh/đèn hậu LED

Đèn hậu/đèn phanh là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

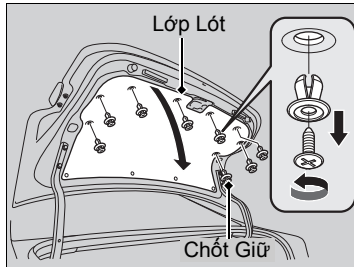
### Loại có đèn bên hông sau LED

Đèn bên hông sau là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

## Bóng Đèn Lùi, Đèn Hậu và Đèn Sương Mù Sau\*

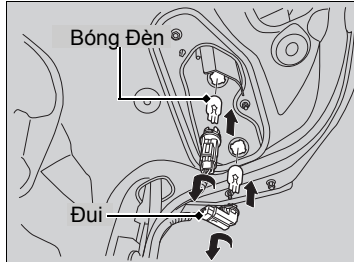
Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

**Đèn Lùi: 16 W**  
**Đèn Hậu: 5 W\***  
**Loại đèn LED\***  
**Đèn Sương Mù Sau: 21 W**



Loại xe có lớp lót nắp khoang hành lý

1. Tháo từng vít ra khỏi chốt giữ bằng tua vít dẹt đầu Phillips, sau đó kéo lớp lót về sau.



Tất cả các loại xe

2. Tháo khớp nối khỏi đui bóng.
3. Xoay đui bóng về bên trái và tháo ra.
4. Tháo bóng cũ và lắp bóng mới.

►►Bóng Đèn Lùi, Đèn Hậu và Đèn Sương Mù Sau\*

Loại có đèn hậu LED

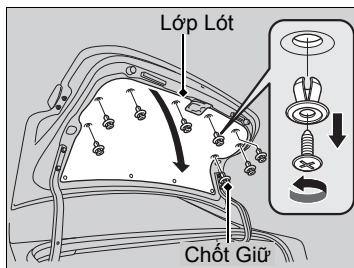
Đèn hậu là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Bóng Đèn Biển Số Sau

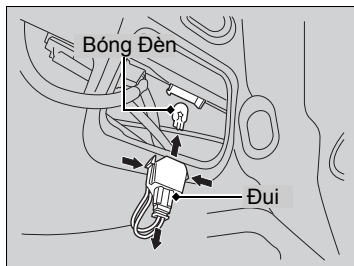
Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

### Bóng Đèn Biển Số Sau: 5 W



Loại xe có lớp lót nắp khoang hành lý

1. Tháo từng vít ra khỏi chốt giữ bằng tua vít dẹt đầu Phillips, sau đó kéo lớp lót về sau.



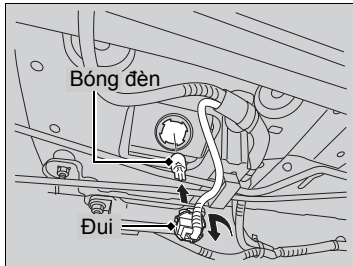
Tất cả các loại xe

2. Tháo bóng đèn biển số sau bằng cách bóp các vấu ở hai bên đui.
3. Tháo bóng cũ và lắp bóng mới.

## Bóng Đèn Phanh Cao

Khi thay bóng, sử dụng các bóng sau.

**Bóng Đèn Phanh Gắn Cao: 21 W\***  
**Loại đèn LED\***



1. Mở nắp khoang hành lý.
2. Xoay đui sang trái để tháo nó ra.
3. Tháo bóng cũ ra và lắp bóng mới vào.

### ►►Bóng Đèn Phanh Cao

Loại có bóng đèn phanh cao loại đèn LED

Đèn phanh cao là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

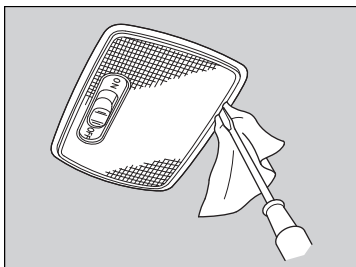
\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Các Bóng Đèn Khác

### ■ Bóng Đèn Trần\*

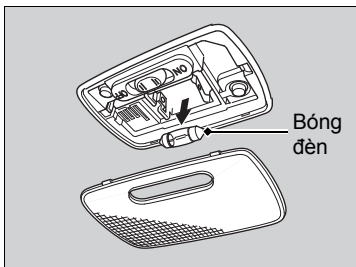
Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

**Đèn Trần: 8 W**



1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.

► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

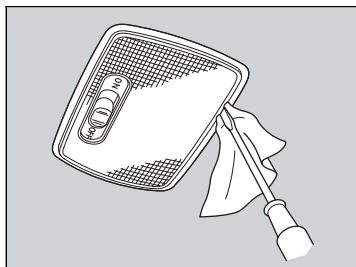


2. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

### ■ Bóng Đèn Trần\*

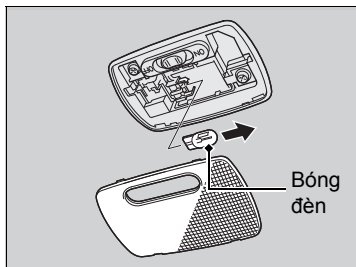
Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

**Đèn Trần: 8 W**



1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.

► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



2. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

### ■ Bóng Đèn Đọc Sách\*

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

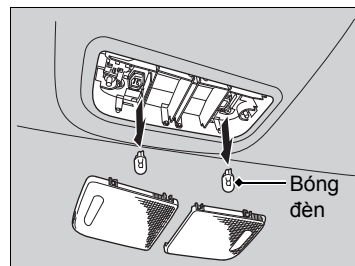
**Đèn Đọc Sách: 8 W**



1. Đẩy chốt đèn của bên đối diện bạn đang thay.

2. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.

► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

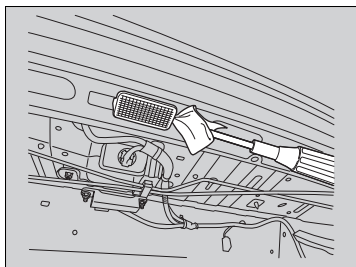


3. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

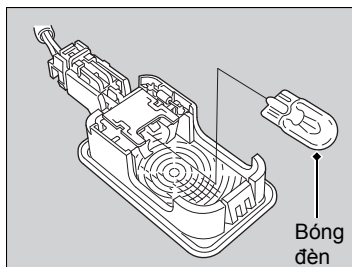
## ■ Bóng Đèn Khoang Hành Lý

Khi thay bóng, sử dụng các bóng sau.

### Đèn Khoang Hành Lý: 5 W



1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.
  - Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



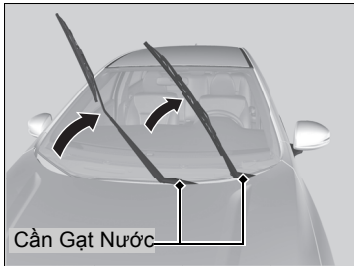
2. Tháo bóng đèn cũ và lắp bóng đèn mới vào.

## Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lưỡi Gạt Nước

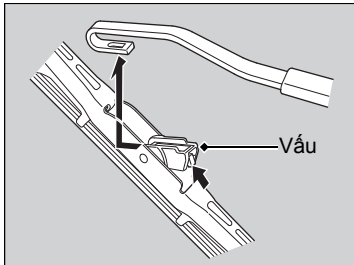
### Kiểm Tra Lưỡi Gạt Nước

Nếu miếng cao su lưỡi gạt nước xuống cấp, nó sẽ để lại các vết bẩn và bề mặt lưỡi gạt cứng sẽ làm xước cửa kính.

### Thay Cao Su Lưỡi Gạt Nước



1. Trước tiên, nâng cần gạt nước phía người lái lên, sau đó nâng cần gạt nước phía hành khách.



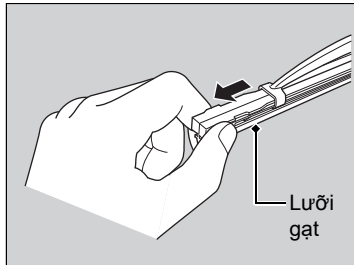
2. Ấn để vấu bật lên và giữ, sau đó trượt cần gạt nước ra khỏi giá đỡ.

### Thay Cao Su Lưỡi Gạt Nước

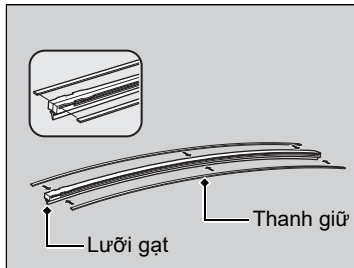
#### CHÚ Ý

Tránh thả mạnh cần gạt nước vào kính chắn gió, nó có thể làm hỏng cần gạt nước và/hoặc kính chắn gió.





**3.** Trượt lưới gạt nước ra khỏi giá đỡ bằng cách kéo đầu có chốt kẹp ra.



**4.** Tháo các thanh giữ ra khỏi lưới gạt đã được tháo, và gắn lưới gạt mới vào.  
► Căn chính xác phần nhô ra bằng cao su thẳng với rãnh thanh giữ.

**5.** Trượt lưới gạt nước mới vào giá đỡ từ phía cuối.  
► Vấu của giá đỡ phải khít với rãnh của lưới gạt nước.

**6.** Trượt giá đỡ vào cần gạt nước một cách chắc chắn.

**7.** Trước tiên, hạ thấp cần gạt phía hành khách xuống, sau đó hạ thấp cần gạt phía người lái.

## Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lốp

### Kiểm Tra Lốp

Để vận hành xe an toàn, phải sử dụng lốp đúng chủng loại và kích cỡ, lốp ở tình trạng tốt với gân lốp phù hợp, và áp suất lốp đúng tiêu chuẩn.

#### ■ Hướng dẫn bơm lốp

Áp suất lốp phù hợp sẽ giúp việc điều khiển xe dễ dàng hơn, nâng cao tuổi thọ lốp và tiện lợi. Tham khảo nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái để biết áp suất lốp chỉ định.

Lốp quá non hơi sẽ bị mòn không đều, làm ảnh hưởng đến việc điều khiển xe và tiết kiệm nhiên liệu và dễ hỏng hơn do quá nhiệt.

Lốp quá căng sẽ gây khó khăn khi lái xe, và dễ bị hư hỏng hơn khi đụng phải chướng ngại vật trên đường và làm lốp bị mòn không đều.

Hàng ngày trước khi lái xe, hãy để ý các lốp. Nếu một trong các lốp có vẻ không căng như các lốp kia, kiểm tra áp suất bằng đồng hồ đo áp suất lốp xe.

Ít nhất một tháng một lần hoặc trước mỗi chuyến đi xa, hãy đo áp suất ở các lốp xe bằng đồng hồ đo áp suất lốp, cả lốp dự phòng. Ngay cả khi lốp ở tình trạng tốt vẫn có thể giảm áp suất từ 10 đến 20 kPa (0,1 đến 0,2 bar, 1 đến 2 psi) mỗi tháng.

#### »Kiểm Tra Lốp

### ⚠CẢNH BÁO

Sử dụng lốp xe quá mòn hoặc có áp suất không phù hợp có thể dẫn đến tai nạn gây trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng về bơm căng lốp và bảo dưỡng lốp xe.

Đo áp suất lốp khi lốp nguội. Điều này có nghĩa là đã đỗ xe ít nhất được ba tiếng hoặc đã đi chưa đến 1,6 km. Nếu cần, hãy bơm thêm hoặc xì bớt hơi ra cho đến khi đạt áp suất quy định.

Nếu kiểm tra lốp khi nóng, áp suất lốp có thể cao hơn 30–40 kPa (0,3–0,4 bar, 4–6 psi) so với kiểm tra lúc nguội.

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra lốp xe nếu cảm nhận thấy độ rung khi lái xe. Mỗi khi thay lốp mới hay tháo lốp ra rồi lắp lại đều phải cân chỉnh lại bánh xe.

### ■ Hướng dẫn kiểm tra

Mỗi khi kiểm tra độ căng lốp, kiểm tra luôn lốp xe và thân van.

Hãy kiểm tra:

- Chỗ lồi hoặc chỗ phình trên mặt lốp. Thay lốp nếu thấy có vết cắt, vết nứt, hoặc vết rạn trên mặt lốp. Thay lốp nếu thấy lốp mòn đến lớp vải hoặc lớp thép.
- Để loại bỏ bất kỳ vật gì bám vào lốp và kiểm tra rò rỉ khí.
- Xem nếu độ mòn lốp không đều, đưa xe đến đại lý để cân chỉnh bánh xe.
- Xem lốp mòn quá không.
  - **Vạch Báo Độ Mòn Lốp** Tr. 398
- Các vết rạn hoặc các hư hỏng khác xung quanh thân van.

### ►►Kiểm Tra Lốp

#### Loại xe Đại Loan

Mỗi khi điều chỉnh áp suất lốp, bạn phải hiệu chỉnh hệ thống theo dõi áp suất lốp (TPMS).

► **Hệ thống Theo dõi Áp suất Lốp (TPMS)**  
Tr. 338

#### Loại xe Trung Đông và Đông Nam Á

Mỗi khi điều chỉnh áp suất lốp, bạn phải hiệu chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp.

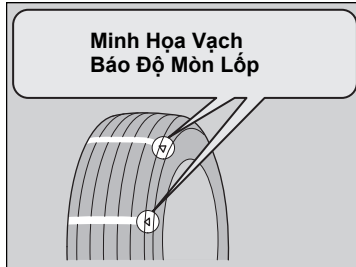
► **Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp (DWS)** Tr. 340

#### Lái xe tốc độ cao

Bạn không nên lái xe nhanh hơn giới hạn tốc độ và điều kiện cho phép. Nếu bạn thường xuyên lái xe ở tốc độ cao (trên 160km/h), hãy điều chỉnh áp suất lốp khi lốp đã nguội như bên dưới để tránh bị quá nhiệt và hỏng lốp đột ngột.

Kích Thước Lốp	175/65R15 84T 185/55R16 83H
Áp Suất	Trước: 240 kPa (2,4 kgf/cm <sup>2</sup> , 35 psi) Sau: 230 kPa (2,3 kgf/cm <sup>2</sup> , 33 psi)

## Vạch Báo Độ Mòn Lốp



Rãnh lốp là nơi có vạch báo mòn lốp. Rãnh thường nông hơn 1,6 mm so với các vị trí khác trên lốp xe. Nếu gân lốp bị mòn sẽ làm cho vạch báo độ mòn lộ ra ngoài, hãy thay lốp xe ngay. **Lốp bị mòn sẽ có độ bám đường kém khi đi trên đường ướt.**

## Tuổi Thọ Lốp

Tuổi thọ lốp phụ thuộc vào nhiều yếu tố như thói quen điều khiển xe, điều kiện mặt đường, tải trọng xe, áp suất lốp, lịch sử bảo dưỡng, tốc độ và điều kiện môi trường (ngay cả khi lốp không được sử dụng).

Bên cạnh việc thường xuyên kiểm tra và duy trì áp suất lốp xe, bạn nên tiến hành kiểm tra lốp thường niên khi đã sử dụng lốp được 5 năm. Tất cả lốp xe, gồm cả lốp dự phòng cần phải được thay sau 10 năm kể từ ngày sản xuất, không kể điều kiện và độ mòn lốp lúc đó.

## Thay Lốp và Bánh Xe

Thay lốp xe mới cùng kích thước, giới hạn tải, giới hạn tốc độ, định mức áp suất lốp nguội tối đa (được ghi ở thành lốp). Sử dụng lốp không cùng kích thước, cấu tạo sẽ làm cho các hệ thống ABS, và Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)\* vận hành kém hiệu quả.

Tốt nhất là thay cả bốn lốp cùng một lúc. Nếu không thể, hãy thay hai lốp trước cùng lúc và hai lốp sau cùng lúc.

Đảm bảo các thông số kỹ thuật bánh xe mới giống với bánh xe ban đầu.

### ►►Thay Lốp và Bánh Xe

#### **⚠CẢNH BÁO**

Lắp lốp mới không phù hợp có thể gây ảnh hưởng đến vận hành và ổn định xe. Việc này có thể dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

Luôn sử dụng lốp xe có thông số kỹ thuật như trên nhãn thông tin dán trên xe.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

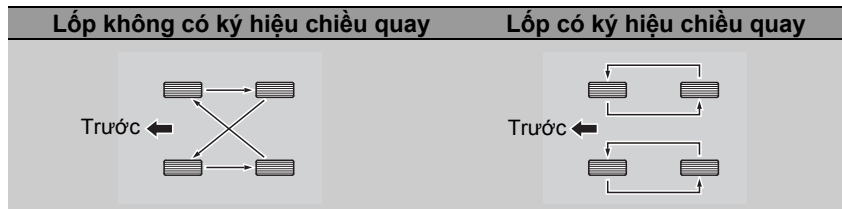
## Đảo Lốp

Đảo lốp theo lịch bảo dưỡng giúp phân bổ đều độ mài mòn và gia tăng tuổi thọ cho lốp.

### Mô Hình Đảo Lốp

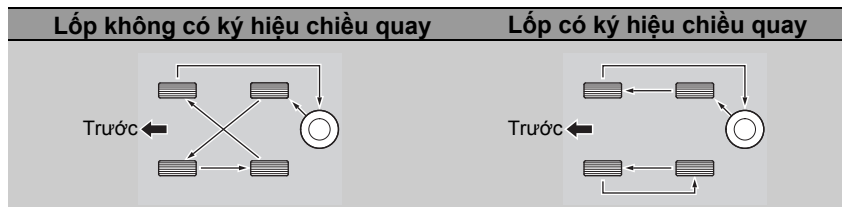
**Loại có lốp dự phòng tạm thời/loại nhỏ**

Đảo lốp như hình vẽ dưới đây.



**Loại có lốp dự phòng cùng kích cỡ**

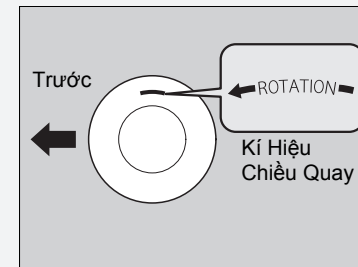
Đảo lốp, bao gồm lốp dự phòng, như hình vẽ dưới đây.



Bảo Dưỡng

### ►► Đảo Lốp

Lốp xe loại hướng quay một chiều chỉ được đảo từ trước ra sau (không đảo từ bên này sang bên khác). Hướng lắp của lốp phải giống với dấu hướng quay trên lốp như hình vẽ dưới đây.



Khi đảo lốp, đảm bảo kiểm tra áp suất lốp.

**Loại xe Đài Loan**

Mỗi khi đảo lốp, bạn phải hiệu chỉnh hệ thống theo dõi áp suất lốp.

► **Hệ thống Theo dõi Áp suất Lốp (TPMS)**

Tr. 338

**Loại xe Trung Đông và Đông Nam Á**

Mỗi khi đảo lốp, bạn phải hiệu chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp.

► **Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp (DWS)**

Tr. 340

## Thiết Bị Bám Đường Tuyết

Nếu lái xe trên đường tuyết hoặc băng, cần lắp lốp mùa đông hoặc xích bọc lốp; giảm tốc độ; và duy trì khoảng cách với xe khác khi lái.

Chú ý khi vận hành vô lăng hoặc phanh để không bị trơn trượt.

Sử dụng xích bọc lốp, lốp mùa đông, hoặc lốp các mùa theo quy định của pháp luật.

Khi lắp lốp, chú ý các điểm sau.

Đối với lốp mùa đông:

- Chọn các lốp có kích thước và giới hạn tải giống như các lốp ban đầu.
- Lắp lốp cho tất cả bốn bánh.

Về loại xích bọc lốp:

- Liên hệ với đại lý khi mua bất kỳ loại xích nào cho xe của bạn.
- Chỉ lắp xích bọc lốp cho lốp trước.
- Vì xe của bạn có giới hạn bề mặt lốp, bạn nên sử dụng các loại xích sau:

Kích Thước Lốp Ban Đầu*1	Loại Xích
175/65R15 84T	RUD-matic classic 4716674
185/55R16 83H	RUD-matic classic 48479

\*1: Kích thước lốp ban đầu được nêu trên nhãn thông tin lốp xe trên thanh đọc cửa người lái.

### ►►Thiết Bị Bám Đường Tuyết

#### ⚠CẢNH BÁO

Sử dụng sai xích bọc lốp, hoặc lắp xích không đúng cách, có thể làm hỏng các dây phanh, dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng, phần chọn và sử dụng xích bọc lốp.

#### CHÚ Ý

Sử dụng thiết bị bám đường sai kích cỡ hoặc lắp không đúng cách có thể làm hỏng dây phanh, hệ thống treo, thân xe, và bánh xe. Dừng xe nếu các thiết bị này chạm vào bất cứ bộ phận nào của xe.

Khi lắp xích bọc lốp, làm theo hướng dẫn của nhà sản xuất xích liên quan đến giới hạn vận hành của xe.

Chỉ sử dụng xích bọc lốp trong trường hợp khẩn cấp hoặc ở khu vực nhất định theo quy định pháp luật.

Bạn cần chú ý hơn khi lái xe có xích bọc lốp trên đường tuyết hoặc băng. Xích bọc lốp làm hạn chế thao tác xử lý tình huống so với lốp mùa đông không có xích bọc lốp.

- Làm theo hướng dẫn của nhà sản xuất khi lắp lốp xe. Lắp càng chặt càng tốt.
- Đảm bảo xích không chạm vào dây phanh và hệ thống treo.
- Lái xe chậm.

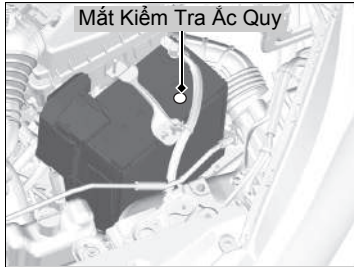
#### ►►Thiết Bị Bám Đường Tuyết

Nếu xe của bạn được trang bị lốp chạy trong điều kiện thời tiết mùa hè, thì cần lưu ý loại lốp này không thích hợp trong điều kiện thời tiết mùa đông. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với đại lý.



# Ắc Quy

## Kiểm Tra Ắc Quy



Mắt Kiểm Tra Ắc Quy

### Loại xe có mắt kiểm tra trên ắc quy

Kiểm tra ắc quy hàng tháng. Nhìn vào mắt kiểm tra ắc quy.

### Loại xe không có mắt kiểm tra trên ắc quy

Kiểm tra tình trạng pin bằng cách nhìn vào mức chất lỏng. Các vạch báo mức trên và dưới được hiển thị trên vỏ pin. Nếu mức chất lỏng dưới mức thấp hơn, hãy liên hệ với đại lý.

### Tất cả các loại xe

Kiểm tra ăn mòn các cực ắc quy hàng tháng.

Nếu ắc quy của xe bạn bị ngắt kết nối hoặc hết:

- Cài đặt lại đồng hồ.  
➔ **Đồng Hồ** Tr. 110

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### »Ắc Quy

## ⚠ CẢNH BÁO

Ắc quy xả ra khí hydro dễ nổ trong khi hoạt động bình thường.

Tia lửa hoặc lửa có thể làm nổ ắc quy gây tử vong hoặc bị trọng thương.

Đề tắt cả các tia lửa, ngọn lửa và các chất dễ bắt lửa tránh xa ắc quy.

Mặc quần áo bảo hộ và đeo mặt nạ, hoặc nhờ kỹ thuật viên có kinh nghiệm bảo dưỡng ắc quy.

## ⚠ CẢNH BÁO

Ắc quy chứa axit sunphuric (chất điện phân) có độ ăn mòn và độc hại cao.

Đề chất điện phân dính vào da hoặc mắt có thể gây bỏng nặng. Mặc quần áo bảo hộ và đeo mặt nạ khi làm việc hoặc đứng gần ắc quy.

Nuốt chất điện phân có thể gây tử vong nếu không được xử lý kịp thời.

**ĐỀ XA TÂM TAY TRẺ EM**

## Nạp Ác Quy

Tháo cả hai cáp ác quy để tránh làm hỏng hệ thống điện của xe. Luôn tháo cáp âm (-) trước và nối lại cáp này sau cùng.

### ►► Ác Quy

#### Loại xe có mắt kiểm tra trên ác quy

Thông tin về màu của mắt kiểm tra có trên ác quy.

Vị trí của mắt kiểm tra trên ác quy có thể thay đổi tùy từng loại xe.

#### Phương Pháp Sơ Cứu Khẩn Cấp

**Mắt:** Rửa bằng nước lấy từ cốc hoặc thùng chứa khác trong khoảng ít nhất 15 phút. (Nước áp suất cao có thể làm hỏng mắt). Gọi bác sĩ ngay lập tức.

**Da:** Thay quần áo bị dính axit. Rửa sạch da bằng nhiều nước. Gọi bác sĩ ngay lập tức.

**Nướu phải:** Uống nước hoặc sữa. Gọi bác sĩ ngay lập tức.

Khi bạn thấy dấu hiệu ăn mòn, lau sạch các cực ác quy bằng dung dịch bột nở và nước. Lau sạch các cực bằng khăn ẩm. Dùng vải/khăn mềm lau khô ác quy. Phủ mỡ bôi trơn lên các cực để giúp ác quy không bị ăn mòn nữa.

Khi thay ác quy, phải thay loại có cùng thông số kỹ thuật.

Liên hệ với đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

## Nhãn Ác Quy



Ví Dụ

### ▶▶ Nhãn Ác Quy

#### NGUY HIỂM

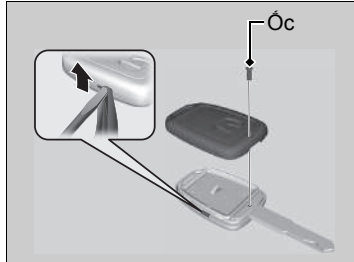
- Để ác quy tránh xa ngọn lửa và tia lửa. Ác quy có thể tạo ra khí nổ gây cháy nổ.
- Đeo kính bảo vệ mắt và găng tay cao su khi nạp ác quy để tránh nguy cơ bị bỏng hoặc mất thị lực nếu tiếp xúc với chất điện phân của ác quy.
- Không cho phép trẻ em xử lý ác quy trong mọi trường hợp. Đảm bảo bất kỳ ai xử lý ác quy phải có hiểu biết đúng về các mối nguy hiểm và các quy trình xử lý chính xác liên quan.
- Cần hết sức cẩn thận khi xử lý chất điện phân ác quy vì nó có chất axit sulfuric lỏng. Để dính vào mắt hoặc da có thể gây bỏng hoặc mất thị lực.
- Đọc tài liệu hướng dẫn này một cách cẩn thận và hiểu nó trước khi xử lý ác quy. Không làm như vậy có thể gây thương tích cá nhân và thiệt hại cho xe.
- Không sử dụng ác quy nếu chất điện phân chỉ còn ở mức hoặc dưới mức khuyến nghị. Sử dụng ác quy khi chất điện phân ở mức thấp có thể khiến nó phát nổ, gây trọng thương.

## Bảo Dưỡng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa

### Thay Pin Cúc

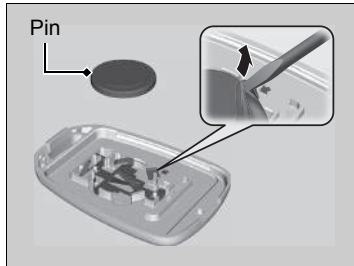
Khi ấn nút mà không thấy đèn sáng, phải thay pin điều khiển.

#### ■ Khóa Điện Có Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa\*



**Loại Pin: CR1620**

1. Tháo nắp bằng tua-vít bốn cạnh nhỏ.



2. Đảm bảo thay pin mới đúng đầu cực.

Bảo Dưỡng

#### » Thay Pin Cúc

### ⚠ CẢNH BÁO

#### NGUY HIỂM BỔNG HÓA CHẤT

Nếu nuốt phải pin cấp điện cho bộ truyền tín hiệu từ xa có thể gây bỏng nặng và thậm chí có thể gây tử vong.

Đề pin mới và pin đã sử dụng tránh xa trẻ em.

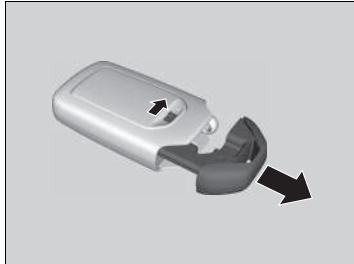
Nếu trẻ nuốt phải, cần đưa trẻ đến ngay sở y tế để được can thiệp kịp thời.

#### CHÚ Ý

Thải pin không đúng cách có thể gây hại cho môi trường. Luôn tuân thủ quy định của địa phương khi thải pin.

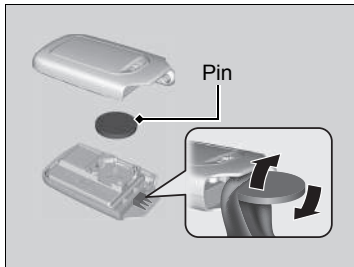
Thay pin sử dụng pin có trên thị trường hoặc mua tại đại lý.

## ■ Chia Khoá Điều Khiển Từ Xa\*



Loại pin: CR2032

1. Tháo chia khoá tích hợp.



2. Tháo nửa trên của vỏ chia khoá bằng cách cạy cẩn thận mép vỏ bằng miếng kim loại mỏng.

► Bọc miếng kim loại bằng vải để tránh làm xước chia khoá điều khiển từ xa.

3. Đảm bảo thay pin mới đúng đầu cực.

Bảo Dưỡng

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Bảo Dưỡng Hệ Thống Sưởi\* và Làm Mát\*/Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu\*

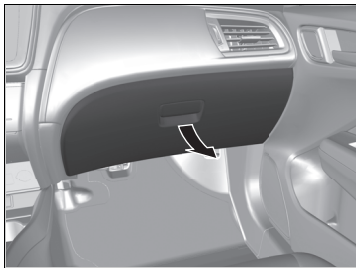
### Lọc Gió Điều Hoà

#### ■ Khi Thay Lọc Gió Điều Hoà

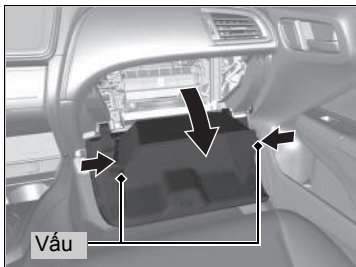
Thay lọc gió điều hoà theo lịch bảo dưỡng khuyến dùng. Nếu lái xe trong môi trường nhiều bụi bẩn, nên thay lọc gió điều hoà sớm hơn lịch bảo dưỡng.

📖 **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 361

#### ■ Cách Thay Lọc Gió Điều Hoà



1. Mở hộp đựng đồ.

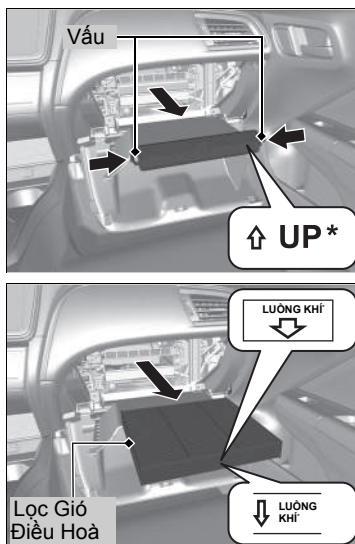


2. Tháo hai vấu bằng cách ấn lên hai tấm ốp bên.
3. Xoay hết cỡ hộp đựng đồ ra.

#### » Lọc Gió Điều Hoà

Nếu luồng khí từ hệ thống sưởi\* và làm mát\*/ hệ thống điều khiển khí hậu\* bị giảm đáng kể, và cửa kính nhanh bị đọng sương, cần phải thay lọc gió điều hoà mới.

Lọc gió điều hoà có tác dụng hút bụi, phấn hoa và mảnh vụn nhỏ trong không khí.



4. Ấn vào vấu ở góc của vỏ lọc gió điều hoà, và tháo nó ra.

#### ►► Lọc Gió Điều Hoà

Nếu bạn không biết cách thay lọc gió điều hoà, hãy đưa xe đến đại lý để thay.

5. Tháo lọc gió.

6. Lắp lọc mới.

► Đặt mũi tên **LUỒNG KHÍ** hướng xuống.

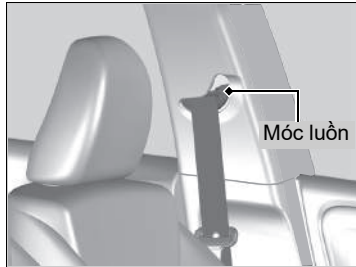
## Vệ Sinh

### Vệ Sinh Nội Thất

Dùng máy hút bụi để hút bụi trước khi dùng khăn lau sạch.  
Dùng vải ướt nhúng dung dịch trung tính và nước ấm để làm sạch bụi.  
Dùng vải sạch lau bụi bẩn còn sót lại.

### Vệ Sinh Dây Đai An Toàn

Dùng khăn mềm, xà phòng trung tính và nước ấm để vệ sinh dây đai an toàn.  
Để dây đai an toàn tự khô. Dùng vải sạch lau sạch móc luôn dây đai an toàn.



Bảo Dưỡng

### Vệ Sinh Cửa Kính

Dùng nước rửa kính để lau sạch.

### Vệ Sinh Nội Thất

Không làm đổ chất lỏng ra xe.  
Thiết bị và hệ thống điện sẽ bị trục trặc nếu bị chất lỏng dính vào.

Không xịt chất thơm có silicon lên thiết bị điện như thiết bị âm thanh và công tắc.  
Làm như vậy có thể khiến thiết bị hỏng hoặc cháy bên trong xe.  
Nếu không may để chất thơm có silicon rây vào thiết bị điện tử, hãy liên hệ với đại lý để xử lý.

Tùy thuộc vào thành phần hóa học, chất thơm có thể làm các thiết bị nhựa và bọc vải bên trong xe bị bạc màu, nhăn nheo hoặc nứt.  
Không dùng dung môi alkali hoặc dung môi hữu cơ như benzene hoặc xăng.

Sau khi sử dụng hóa chất, dùng giẻ khô lau lại thật kỹ.  
Không để giẻ bẩn lên các thiết bị nhựa hoặc bọc vải trong thời gian dài.

Chú ý không làm đổ chất thơm ra xe.

### Vệ Sinh Cửa Kính

Dây điện được lắp bên trong cửa kính sau. Dùng giẻ mềm để lau kính theo chiều của dây điện để không làm hỏng dây.



### ■ Thảm Lót Sàn\*

Thảm lót sàn phía người lái được móc vào móc neo trên sàn xe để giữ thảm không bị trượt. Khi lột thảm để vệ sinh, xoay núm móc neo đến vị trí mở khoá. Khi lắp lại thảm sau khi vệ sinh, xoay núm móc neo đến vị trí khoá.

**Không lắp thêm thảm lên móc neo thảm lót sàn.**

### ■ Vệ Sinh Đồ Da Chính Hiệu\*

Để vệ sinh da đúng cách:

1. Trước tiên dùng máy hút bụi hoặc vải khô mềm để loại bỏ bụi bẩn.
2. Làm sạch da bằng vải mềm ướt với tỷ lệ 90% nước và 10% dung dịch xà phòng trung tính.
3. Dùng khăn ướt lau sạch hết xà phòng còn sót lại.
4. Lau sạch nước còn sót lại và để đồ da ở nơi khô và thoáng mát.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### ► Thảm Lót Sàn\*

Nếu bạn không sử dụng thảm lót sàn thiết kế cho loại xe của bạn thì bạn cần đảm bảo đó là thảm thiết kế cho loại xe cụ thể, vừa vặn với xe và có thể móc chắc chắn vào móc neo sàn xe. Cố định thảm lót sàn ghế sau đúng vị trí. Nếu cố định không đúng, thảm sàn có thể làm ảnh hưởng đến chức năng của ghế trước.

### ► Vệ Sinh Đồ Da Chính Hiệu\*

Cần phải làm sạch hoặc lau vết bẩn và bụi càng nhanh càng tốt. Nước tràn ra ngấm vào lớp da có thể gây ố. Chất bẩn hoặc bụi có thể làm trầy xước da. Ngoài ra, lưu ý rằng một số quần áo màu tối có thể chà xát vào ghế da sẽ làm thay đổi màu hoặc làm ố da.

## Vệ Sinh Ngoại Thất

Lau sạch bụi trên thân xe sau khi lái xe.

Thường xuyên kiểm tra xe và các vết xước trên bề mặt sơn. Một vết xước trên bề mặt sơn có thể làm thân xe bị gỉ. Nếu thấy có vết xước, xử lý ngay lập tức.

### Rửa Xe

Rửa xe thường xuyên. Phải rửa xe thường xuyên hơn khi lái xe trong các điều kiện sau:

- Lái trên đường có muối.
- Lái trên đường bờ biển.
- Xe bị nhựa đường, có muối than, phân chim, côn trùng hoặc nhựa cây dính vào bề mặt sơn.

### Sử Dụng Máy Rửa Xe Tự Động

- Đảm bảo làm theo hướng dẫn trên máy rửa xe tự động.
- Tháo ăng ten âm thanh ra\*.

► **Ăng Ten Âm Thanh\*** Tr. 194

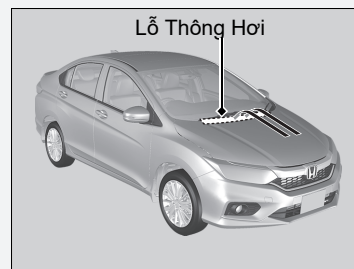
- Cụp các gương cửa lại.

### Sử Dụng Máy Rửa Xe Áp Suất Cao

- Giữ khoảng cách phù hợp giữa vòi phun và thân xe.
- Chú ý đến vùng quanh cửa kính. Để máy rửa xe quá gần cửa kính xe có thể làm nước bắn vào bên trong xe.
- Không phun nước áp suất cao trực tiếp vào khoang động cơ. Hãy sử dụng nước áp suất thấp và chất tẩy trung tính.

### ►► Rửa Xe

Không phun nước vào các lỗ thông hơi. Nếu không có thể gây ra sự cố.



### ■ Sử Dụng Sáp

Một lớp sáp phủ tốt sẽ giúp bảo vệ sơn khỏi những yếu tố bên ngoài. Qua thời gian, sáp sẽ bai dần đi làm cho lớp sơn xe bị hở ra và dễ bị tác động bởi những yếu tố bên ngoài, vì vậy hãy sử dụng lại sáp ngay khi cần thiết.

### ■ Vệ Sinh Cản Xe và Các Bộ Phận Tráng Nhựa Khác

Nếu làm đổ xăng, dầu, nước làm mát hoặc dung dịch ắc quy lên các bộ phận tráng nhựa, nó có thể làm mất màu hoặc bị bong tróc. Luôn dùng vải mềm và nước sạch để làm sạch những bộ phận này.

### ■ Vệ Sinh Cửa Kính

Lau bằng nước rửa kính.

### ■ Vệ Sinh Bánh Xe Vành Nhôm\*

Vành nhôm dễ bị hỏng nếu mặt đường có muối hoặc các chất nhiễm bẩn khác. Khi cần, hãy dùng miếng xốp và các chất tẩy rửa trung tính để lau vành nhôm càng sớm càng tốt. Không dùng chổi cứng hoặc các chất hoá học mạnh (bao gồm một số loại dung dịch vệ sinh bánh xe trên thị trường). Những chất này có thể làm hỏng lớp mạ nhôm trên vành nhôm khiến vành nhôm bị ăn mòn. Tùy vào loại sơn phủ mà vành bánh xe có thể mất đi độ sáng bóng hoặc bị trầy xước. Để tránh bị gỉ do nước, dùng khăn lau thật khô vành bánh xe khi nó còn ướt.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### ►► Sử Dụng Sáp

#### CHÚ Ý

Chất dung môi hóa học và dung dịch vệ sinh hoạt tính mạnh có thể làm hỏng lớp sơn, lớp kim loại và nhựa trên xe. Nếu để tràn ra xe, hãy lau ngay lập tức.

#### ►► Vệ Sinh Cản Xe và Các Bộ Phận Tráng Nhựa Khác

Liên hệ với đại lý để có vật liệu thay thế phù hợp khi cần sửa chữa bề mặt sơn của các bộ phận tráng nhựa.

### ■ Chóa Đèn Bên Ngoài Xe Bị Mờ

Các chóa bên trong của đèn ngoài xe (đèn chiếu sáng, đèn phanh, v.v.) có thể tạm thời bị mờ nếu bạn lái xe dưới trời mưa, hoặc sau khi xe chạy qua máy rửa xe. Có thể xảy ra tình trạng đọng sương trong chóa đèn khi có sự chênh lệch lớn giữa nhiệt độ ngoài trời và nhiệt độ bên trong chóa đèn (tương tự như cửa kính bị mờ khi trời mưa). Đây là tình trạng bình thường, không phải là vấn đề về thiết kế cấu tạo của đèn ngoài xe.

Đặc tính thiết kế của chóa đèn có thể dẫn đến việc tăng độ ẩm trên bề mặt khung của chóa đèn. Điều này cũng không phải là sự cố.

Tuy nhiên, nếu bạn thấy có lượng nước tích tụ lớn, hoặc nhiều giọt nước lớn hình thành bên trong chóa đèn, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

## Phụ Kiện và Điều Chỉnh

### Phụ Kiện

Khi lắp phụ kiện, kiểm tra các mục sau:

- Không lắp các phụ kiện lên kính chắn gió. Nó sẽ cản trở tầm nhìn của bạn và có thể khiến bạn không kịp phản ứng với các điều kiện lái.
- Không lắp phụ kiện lên các khu vực đánh dấu SRS Airbag (Túi Khí SRS) lên cạnh hoặc phía sau của ghế trước, lên các trụ trước hoặc bên, hoặc gần các cửa kính bên. Lắp các phụ kiện ở những chỗ này có thể khiến các túi khí của xe hoạt động không hiệu quả hoặc có thể văng vào bạn hoặc hành khách trong xe nếu túi khí nổ.
- Đảm bảo các phụ kiện điện không vượt quá tải các mạch điện hoặc không gây cản trở đến hoạt động của xe.
  - ▣ Cầu Chì Tr. 440
- Trước khi lắp bất cứ phụ kiện điện nào, người lắp đặt phải liên lạc với đại lý để hỗ trợ. Nếu có thể, yêu cầu đại lý kiểm tra khâu lắp đặt cuối.

### Điều Chỉnh

Điều chỉnh xe không phù hợp sẽ gây ảnh hưởng đến khả năng xử lý, tính ổn định và chắc chắn của xe, hay lắp bộ phận hay phụ kiện không chính hiệu Honda cũng có thể gây ảnh hưởng tương tự như vậy.

Thậm chí điều chỉnh một phần hệ thống xe có thể gây ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của toàn bộ xe. Luôn đảm bảo lắp và bảo dưỡng đúng cách tất cả các thiết bị và không thực hiện điều chỉnh xe hoặc hệ thống mà không đáp ứng các quy định ở địa phương và quốc gia của bạn.

Không điều chỉnh hoặc cố sửa bất cứ bộ phận điện tử nào.

### ▣ Phụ Kiện và Điều Chỉnh

#### ⚠ CẢNH BÁO

Điều chỉnh hoặc lắp thêm phụ kiện không phù hợp có thể làm ảnh hưởng đến khả năng xử lý, tính ổn định và hiệu suất của xe và gây va chạm khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo các chỉ dẫn trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng này liên quan đến phụ kiện và điều chỉnh.

Khi được lắp đúng cách, điện thoại di động, chuông báo động, máy bộ đàm, ăng ten radio và hệ thống âm thanh công suất thấp sẽ không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các hệ thống được điều khiển bởi máy tính trên xe, như túi khí và hệ thống chống bó cứng phanh.

Nên dùng phụ kiện Chính Hiệu Honda để đảm bảo cho xe hoạt động đúng cách.



# Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ

Chương này giải thích cách xử lý các tình huống bất ngờ.

<b>Dụng Cụ</b>	
Loại Dụng Cụ.....	418
<b>Nếu Lốp Xe Bị Xẹp</b>	
Thay Lốp Xẹp .....	419
<b>Động Cơ Không Khởi Động</b>	
Kiểm Tra Động Cơ .....	427
Loại xe có hệ thống truy cập từ xa	
Nếu Pin Chia Khóa Điều Khiển Từ Xa	
Yếu .....	428
Loại xe có hệ thống truy cập từ xa	
Dừng Động Cơ Khẩn Cấp.....	429
<b>Khởi Động Bằng Ấc Quy Nối Ngoài...</b>	430
<b>Không Gạt Được Cần Số.....</b>	432

<b>Quá Nhiệt</b>	
Cách Xử Lý Quá Nhiệt .....	433
<b>Đèn Báo, Sáng/Nhấp Nháy</b>	
Nếu Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp	
Sáng .....	435
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện	
Sáng .....	435
Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy .....	436
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ)	
Sáng hoặc Nhấp Nháy .....	436
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) Sáng .....	437

## Loại xe Trung Đông và Đông Nam Á

Nếu Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp\* Sáng hoặc Nhấp Nháy..... 438

## Loại xe Đài Loan

Nếu Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp /Đèn Báo TPMS Sáng hoặc Nhấp Nháy .. 439

## Cầu Chi

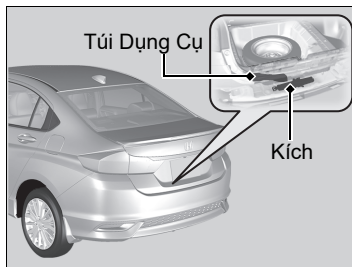
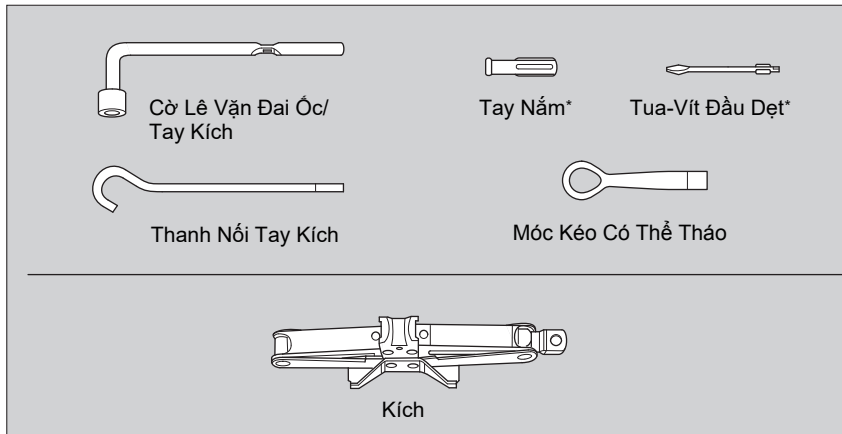
Vị Trí Cầu Chi..... 440

Kiểm Tra và Thay Cầu Chi .....

**Kéo Xe Khẩn Cấp.** .....

## Dụng Cụ

### Các Loại Dụng Cụ



### ▣ Các Loại Dụng Cụ

Các dụng cụ được cất trong khoang hành lý.

Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ



# Nếu Lốp Xe Bị Xẹp

## Thay Lốp Xẹp

Nếu lốp bị xẹp khi đang lái, cầm chắc vô lăng và phanh từ từ để giảm tốc độ. Sau đó, đỗ xe ở nơi an toàn. Thay lốp xẹp bằng lốp dự phòng loại nhỏ\*/lốp dự phòng tạm thời\*/lốp dự phòng cùng kích cỡ\*. Đưa xe đến đại lý càng sớm càng tốt để sửa hoặc thay lốp bị xẹp

1. Đỗ xe nơi bằng phẳng, có bề mặt cứng không trơn và gài phanh đỗ.

Loại xe có hộp số vô cấp

2. Chuyển sang số **P**.

Loại xe có hộp số thường

2. Chuyển sang số **R**.

Tất cả các loại xe

3. Bật đèn cảnh báo nguy hiểm và xoay khóa điện sang KHÓA **0**\*1.

\*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### Thay Lốp Xẹp

Tuân theo các lưu ý đối với lốp dự phòng loại nhỏ/tạm thời\*:

Lốp dự phòng loại nhỏ

Kiểm tra định kỳ áp suất của lốp dự phòng loại nhỏ. Áp suất lốp cần ở mức chỉ định. Mức chỉ định: 420 kPa (4,2 kgf/cm<sup>2</sup>, 60 psi)

Lốp dự phòng tạm thời

Kiểm tra áp suất khí của lốp dự phòng tạm thời loại kích thước 175/65R15 mỗi lần bạn kiểm tra các lốp xe. Bạn nên bơm đến áp suất khuyến dùng được ghi ở nhãn dán trên thanh dọc cửa phía người lái.

Khi bạn lái xe bằng lốp xe dự phòng loại nhỏ/tạm thời, cần giữ xe ở tốc độ dưới 80 km/h. Thay bằng lốp cùng kích cỡ càng sớm càng tốt.

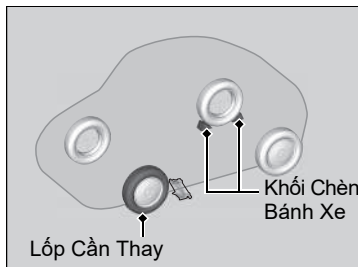
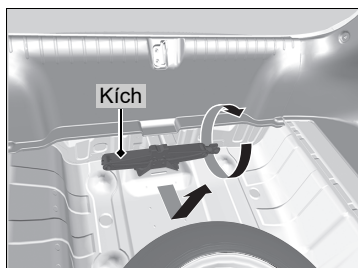
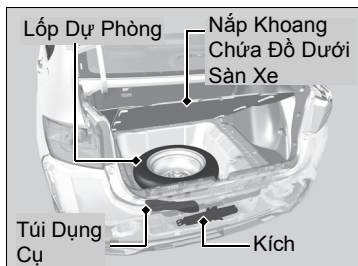
Lốp dự phòng loại nhỏ/tạm thời và bánh xe trên xe bạn là dành riêng cho loại xe này. Không sử dụng chúng cho xe khác cũng như không sử dụng lốp dự phòng loại nhỏ/tạm thời hoặc bánh xe khác cho xe bạn.

Không gắn xích bọc lốp lên lốp dự phòng loại nhỏ/tạm thời.

Nếu lốp trước có gắn xích bị xẹp, hãy tháo một trong các lốp cùng kích cỡ phía sau thay cho lốp xẹp đó và lấy lốp dự phòng loại nhỏ/tạm thời thay cho chiếc lốp sau vừa tháo. Gắn xích bọc lốp vào lốp trước.

Dùng lốp dự phòng loại nhỏ sẽ làm xe đi gần hơn và độ bám đường giảm đi. Bạn cần phải chú ý hơn khi lái xe.

## Chuẩn Bị Thay Lốp Xẹp



1. Mở nắp khoang chứa đồ dưới sàn xe
2. Lấy túi dụng cụ và kích ra khỏi cốp xe.  
► Xoay để kích sang trái để kích lỏng ra rồi lấy kích ra.
3. Vận bu-lông tai và tháo đệm côn. Sau đó, tháo lốp dự phòng.
4. Lấy khối chèn bánh xe hoặc hòn đá chèn vào phía trước và phía sau của bánh chéo với bánh xe cần thay.

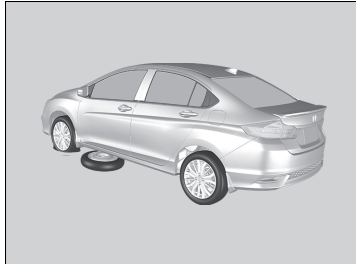
## Thay Lốp Xẹp

**CẢNH BÁO:** Chỉ sử dụng kích để hỗ trợ những trường hợp xe bị hư hỏng bất ngờ, không dùng để thay lốp theo mùa thông thường hay cho bất kỳ hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa thông thường khác.

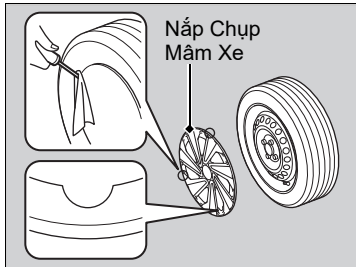
### CHÚ Ý

Không dùng quá một lốp dự phòng loại nhỏ/tạm thời cùng một lúc.

Lốp dự phòng loại nhỏ/tạm thời nhỏ hơn lốp thông thường. Vì vậy, khoảng sáng gầm xe sẽ thấp hơn thông thường khi bạn lắp lốp dự phòng loại nhỏ/tạm thời. Lái xe qua những đoạn đường nhiều mảnh vỡ hoặc có vật cản có thể làm hư hỏng gầm xe.



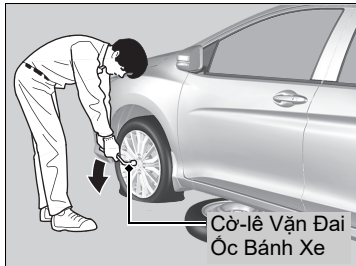
**5. Đặt lốp dự phòng (mặt bánh xe hướng lên) bên dưới thân xe, ở gần lốp cần được thay.**



**Loại xe có nắp chụp mâm xe**

**6. Dùng tua-vít đầu dẹt cạy vào cạnh của nắp chụp mâm xe rồi tháo nắp chụp đó ra.**

► Bọc một mảnh vải vào đầu của tua-vít để tránh làm xước xát.



**Tất cả các loại xe**

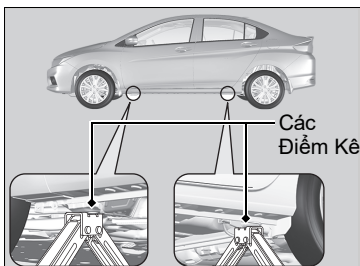
**7. Dùng cờ-lê vận lỏng mỗi đai ốc bánh xe từng vòng một.**

#### ►► Thay Lốp Xe

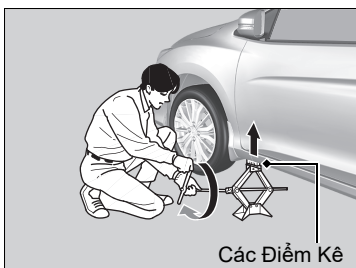
##### CHÚ Ý

Không dùng kích nếu nó không hoạt động đúng. Hãy gọi đại lý hoặc đội dịch vụ cứu hộ xe chuyên nghiệp.

## Cách Lắp Kịch



1. Đặt kịch bên dưới điểm kê gần nhất với lốp xe cần thay.



2. Xoay đầu tay quay theo chiều kim đồng hồ như hình vẽ cho đến khi đầu kịch chạm vào điểm kê.

► Đảm bảo vấu điểm kê tỳ vào rãnh kịch.

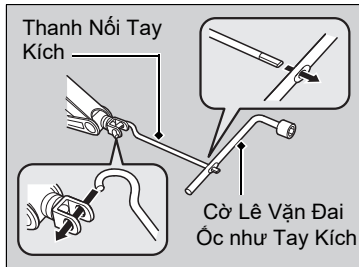
## Cách Lắp Kịch

### ⚠ CẢNH BÁO

Xe có thể dễ dàng trượt khỏi kịch, gây trọng thương cho người đang làm việc dưới gầm xe.

Làm đúng theo hướng dẫn thay lốp, không được để ai lại gần hoặc ở dưới gầm xe khi đang đỡ xe bằng kịch.

**CẢNH BÁO:** Kịch phải được đặt trên bề mặt phẳng và chắc chắn bằng với bề mặt đang đỡ xe.



3. Nâng xe lên bằng thanh nối tay kích và tay kích cho đến khi lốp xe nâng lên khỏi mặt đất.

#### ► Cách Lắp Kích

Không dùng kích khi có người hoặc đồ đạc trên xe.

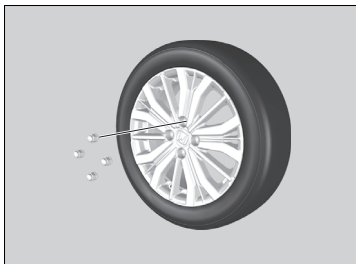
Dùng kích của xe bạn.

Các kích khác có thể không phù hợp với cân nặng ("tải trọng") hoặc không vừa điểm kích.

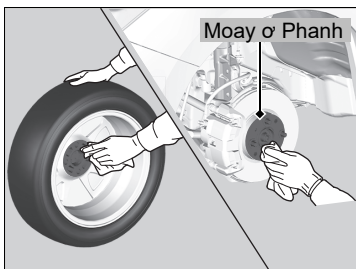
Làm theo các hướng dẫn sau để dùng kích an toàn:

- Không dùng kích khi động cơ đang chạy.
- Chỉ sử dụng kích trên bề mặt phẳng và chắc chắn.
- Chỉ kích tại điểm kê.
- Không đợc vào xe khi xe đang dùng kích.
- Không kê thêm bất cứ thứ gì lên phía trên hoặc phía dưới kích.

## Thay Lốp Xẹp



1. Tháo đai ốc bánh xe và lốp xẹp.



2. Lau sạch bề mặt lắp ghép bánh xe bằng vải sạch.

3. Lắp lốp dự phòng vào.

4. Vận đai ốc bánh xe đến khi nó chạm vào miệng xung quanh lỗ gắn, sau đó ngừng vận.

## Thay Lốp Xẹp

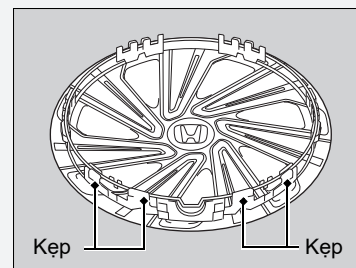
Không dùng chân hay ống nối để siết đai ốc bánh xe quá chặt.

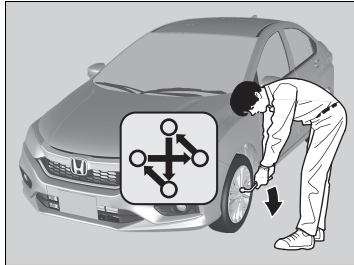
**Loại xe có nắp chụp mâm xe**

Không cố cạy thật mạnh nắp chụp mâm xe bằng tua vít hay dụng cụ khác.

**Loại xe có nắp chụp mâm xe và lốp dự phòng cùng kích cỡ**

Đảm bảo vòng kẹp dây được móc vào các kẹp xung quanh rìa của nắp chụp mâm xe.





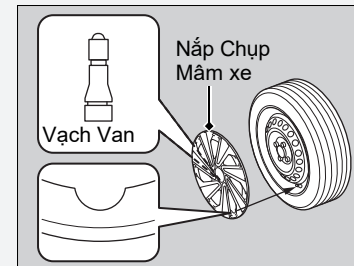
**5.** Hạ thấp xe và tháo kích ra. Siết chặt các đai ốc bánh xe theo thứ tự như hình vẽ. Siết lần lượt mỗi ốc từ hai đến ba lần theo thứ tự này.

**Lực siết đai ốc bánh xe:**  
108 N·m (11 kgf·m, 80 lbf·ft)

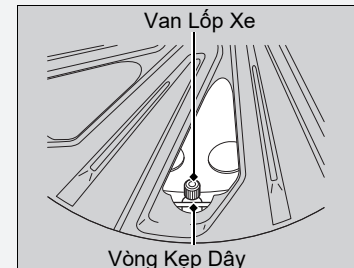
#### ► Thay Lốp Xe

Loại xe có nắp chụp mâm xe và lốp dự phòng cùng kích cỡ

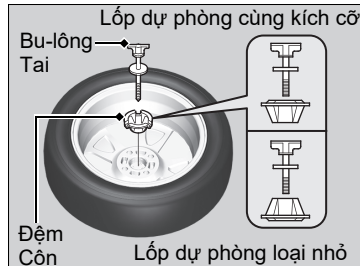
Cần vạch đánh dấu van trên nắp chụp mâm xe với thẳng với van trên bánh xe, sau đó lắp nắp chụp mâm xe.



Đảm bảo vòng kẹp dây nằm ở mặt ngoài của van như hình vẽ.



## Cất Giữ Lốp Xẹp



Loại xe có bánh xe vành nhôm

1. Tháo chụp giữa.

Loại xe có lốp dự phòng loại nhỏ

2. Tháo đệm côn ra khỏi bu lông tai, lật ngược nó lại và lắp lại vào bu lông.


Tất cả các loại xe

3. Đặt lốp xẹp vào khoang chứa lốp dự phòng.

4. Giữ lốp xẹp bằng bu lông tai.

5. Để kích thật chắc chắn ở chỗ cất giữ và cất đầu cờ-le vào túi dụng cụ. Cất hộp dụng cụ vào trong cốp xe.

## Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp/TPMS và Lốp Dự Phòng

Nếu như bạn thay lốp xẹp bằng lốp dự phòng, đèn báo  sẽ sáng trong khi bạn đang lái xe. Sau khi lái được vài kilomet, đèn báo sẽ nhấp nháy trong khoảng thời gian ngắn và sau đó tiếp tục sáng, nhưng điều này là bình thường.

Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp/TPMS khi bạn thay lốp bằng một lốp bình thường đạt tiêu chuẩn.

► Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp Tr. 340

► Hiệu Chỉnh TPMS Tr. 338

## Cất Giữ Lốp Xẹp

### ⚠ CẢNH BÁO

Vật dụng không được cất giữ cẩn thận có thể vướng trong xe gây trọng thương cho người ngồi trong xe.

Cất bánh xe, kích và dụng cụ cẩn thận trước khi lái xe.



# Động Cơ Không Khởi Động

## Kiểm Tra Động Cơ

Nếu động cơ không khởi động, hãy kiểm tra bộ khởi động.

### 🔍Kiểm Tra Động Cơ

Nếu cần khởi động xe ngay, dùng ắc quy nổi ngoài để khởi động động cơ.

🔍 **Khởi Động Bằng Ắc Quy Nổi Ngoài** Tr. 430

Tình trạng bộ khởi động	Danh mục kiểm tra
<b>Bộ khởi động không khởi động hoặc khởi động quá chậm.</b> Có thể ắc quy chết. Kiểm tra từng chi tiết xem có hoạt động bình thường không.	<b>Kiểm tra độ sáng của các đèn trong xe.</b> Bật các đèn trong xe lên và kiểm tra độ sáng. <ul style="list-style-type: none"><li>• Nếu các đèn trong xe mờ hoặc không sáng lên được 🔍 <b>Kiểm Tra Ắc Quy</b> Tr. 403</li><li>• Nếu các đèn trong xe sáng bình thường. 🔍 <b>Cầu Chì</b> Tr. 440</li></ul>
<b>Bộ khởi động hoạt động bình thường nhưng động cơ không khởi động.</b> Có thể cầu chì có sự cố. Kiểm tra từng mục xem có hoạt động bình thường không.	<b>Xem lại quy trình khởi động động cơ.</b> Làm theo các hướng dẫn, và cố gắng khởi động lại động cơ. 🔍 <b>Khởi Động Động Cơ</b> Tr. 317, 320 <b>Kiểm tra đèn báo hệ thống chống nổ máy.</b> Khi đèn báo hệ thống chống nổ máy nhấp nháy, không thể khởi động động cơ. 🔍 <b>Hệ Thống Chống Nổ Máy</b> Tr. 136 <b>Kiểm tra mức nhiên liệu.</b> Cần có đủ nhiên liệu trong bình. 🔍 <b>Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu*</b> Tr. 103, 106 <b>Kiểm tra cầu chì.</b> Kiểm tra tất cả các cầu chì, hoặc đưa xe đến đại lý kiểm tra. 🔍 <b>Kiểm Tra và Thay Cầu Chì</b> Tr. 447 <b>Nếu sự cố vẫn còn:</b> 🔍 <b>Kéo Xe Khẩn Cấp</b> Tr. 448

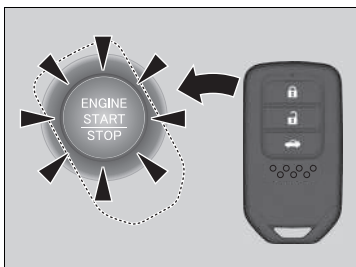
\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

## Nếu Pin Chia Khoá Điều Khiển Từ Xa Yếu

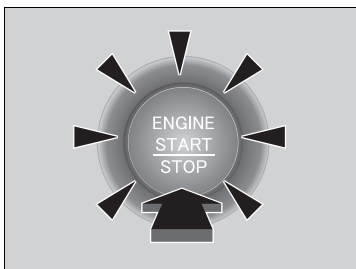
Nếu tiếng bíp vang lên, thông báo **KEY BATT** xuất hiện trên màn hình hiển thị thông tin, nút **ENGINE START/STOP** nhấp nháy, và động cơ không khởi động.

Hãy khởi động động cơ như sau:



1. Áp logo chữ **H** trên chìa khoá điều khiển từ xa vào giữa nút **ENGINE START/STOP** trong khi nút **ENGINE START/STOP** đang nhấp nháy. Mặt có các nút bấm phải quay về phía bạn.

► Nút **ENGINE START/STOP** nhấp nháy trong khoảng 30 giây.



2. Nhấn bàn đạp phanh (hộp số vô cấp) hoặc bàn đạp ly hợp (hộp số thường) và ấn nút **ENGINE START/STOP** trong 10 giây sau khi hệ thống cảnh báo phát ra tiếng bíp và nút **ENGINE START/STOP** thay đổi từ nhấp nháy sang sáng hẳn.

► Nếu bạn không nhấn bàn đạp phanh, chế độ sẽ chuyển sang PHỤ KIỆN.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

## Dừng Động Cơ Khẩn Cấp

Bạn có thể dùng nút **ENGINE START/STOP** để dừng động cơ trong trường hợp khẩn cấp ngay cả khi đang lái xe. Nếu bạn phải dừng động cơ, tiến hành một trong hai thao tác sau:

- Ấn và giữ nút **ENGINE START/STOP** trong khoảng hai giây.
- Ấn dứt khoát nút **ENGINE START/STOP** ba lần.

Vô lăng sẽ không khóa.

Loại xe có hộp số vô cấp

Chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN khi động cơ tắt.

Để thay đổi chế độ sang TẮT MÁY, chuyển sang số **P** sau khi xe dừng hoàn toàn. Sau đó ấn nút **ENGINE START/STOP** hai lần mà không nhấn bàn đạp phanh.

Loại xe có hộp số thường

Chế độ nguồn chuyển sang TẮT MÁY.

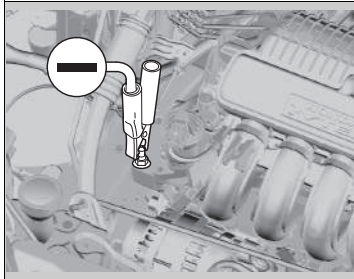
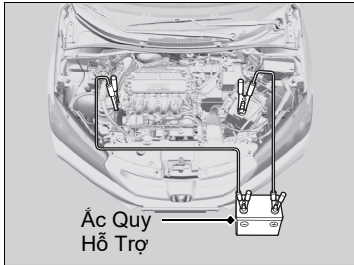
### » Dừng Động Cơ Khẩn Cấp

Không ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi đang lái trừ khi thật sự cần thiết phải tắt động cơ. Nếu bạn ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi đang lái xe, tiếng bíp sẽ kêu lên.

# Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài

## Quy Trình Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài

Tắt hết các thiết bị điện, như đèn và hệ thống âm thanh. Tắt động cơ, sau đó mở nắp ca-pô.



1. Nối dây cáp nối ngoài thứ nhất vào cực  $\oplus$  của ắc quy xe.
2. Nối đầu còn lại của dây cáp thứ nhất vào cực  $\oplus$  của ắc quy hỗ trợ.  
▶ Chỉ sử dụng ắc quy hỗ trợ loại 12 vôn. Khi sử dụng bộ nạp ắc quy xe, chọn điện áp từ 15 vôn trở xuống.
3. Nối đầu dây cáp nối ngoài thứ hai vào cực  $\ominus$  của ắc quy hỗ trợ.
4. Nối đầu còn lại của dây cáp thứ hai vào bu lông gắn động cơ như hình vẽ. Không nối dây cáp nối ngoài vào bất cứ bộ phận nào khác.
5. Nếu xe của bạn được nối với xe khác, khởi động động cơ xe hỗ trợ và ga nhẹ.
6. Cố khởi động động cơ xe. Nếu xe khởi động chậm, kiểm tra xem các dây cáp nối ngoài có bị nối lỏng không.

## Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài

### ⚠ CẢNH BÁO

Ắc quy có thể nổ nếu không làm đúng theo quy trình, gây trọng thương cho bất kỳ ai ở gần ắc quy.

Để ắc quy tránh xa tia lửa, ngọn lửa và các chất dễ bắt lửa.

### CHÚ Ý

Nếu để ắc quy trong điều kiện nhiệt độ cực thấp, chất điện phân có thể bị đông lại. Khởi động bằng ắc quy nối ngoài có dung dịch bị đông có thể dẫn đến đoản mạch.

Gắn chắc kẹp dây cáp nối ngoài để nó không tuột khi động cơ rung. Chú ý không để lộn xộn kẹp nối ngoài hoặc để các đầu cáp chạm vào nhau khi đang gắn hoặc tháo rời các cáp nối ngoài.

Trong thời tiết lạnh, ắc quy sẽ hoạt động kém làm động cơ khó khởi động.

### ■ Làm Gì Sau Khi Khởi Động Động Cơ

Sau khi đã khởi động được động cơ, tháo dây cáp nối ngoài ra theo trình tự dưới đây:

1. Tháo dây cáp nối ngoài ra khỏi tiếp mát xe.
2. Tháo đầu còn lại của dây cáp nối ngoài ra khỏi cực  $\ominus$  của ắc quy hỗ trợ.
3. Tháo dây cáp nối ngoài ra khỏi cực  $\oplus$  của ắc quy xe.
4. Tháo đầu còn lại của dây cáp nối ngoài ra khỏi cực  $\oplus$  của ắc quy hỗ trợ.

Đưa xe đến gara gần đó hoặc đến đại lý để kiểm tra.

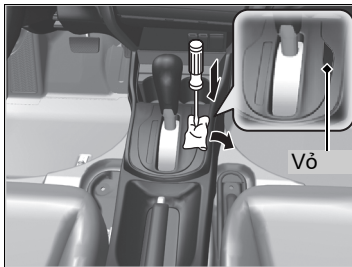
# Không Gạt Được Cần Số

Loại xe có hộp số vô cấp

Làm theo quy trình dưới đây nếu không thể gạt được cần số ra khỏi vị trí

**P**.

## Nhả Khóa



1. Gài phanh đỗ.

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

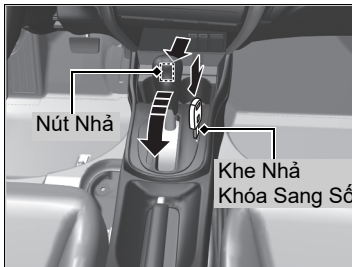
2. Rút chìa khóa ra khỏi khóa điện.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

2. Rút chìa khóa tích hợp ra khỏi chìa khóa điều khiển từ xa.

Tất cả các loại xe

3. Bọc vải xung quanh đầu tua vít dẹt. Đưa nó vào trong khe nhả khóa sang số như trong hình vẽ và tháo vỏ ra.



4. Cắm chìa khóa vào trong khe nhả khóa sang số.

5. Trong khi ấn chìa khóa xuống, bấm nút nhả cần số và gạt cần số đến **N**.

► Lúc này khóa đã nhả ra. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra cần số càng sớm càng tốt.

## Quá Nhiệt

### Cách Xử Lý Quá Nhiệt

Dấu hiệu động cơ bị quá nhiệt:

- Đèn báo nhiệt độ cao bật hoặc động cơ đột nhiên mất điện.
- Hơi nước hoặc tia nước bắn ra từ khoang động cơ.

#### ■ Bước đầu tiên

1. Đỗ xe vào nơi an toàn ngay lập tức.
2. Tắt hết tất cả các phụ kiện và bật đèn cảnh báo nguy hiểm.
  - ▶ **Không có hơi nước hoặc tia nước bắn ra:**  
Đề động cơ chạy và mở nắp ca-pô.
  - ▶ **Hơi nước hoặc tia nước bắn ra:**  
Tắt động cơ và đợi đến khi hơi hoặc tia nước không còn bắn ra. Sau đó mở nắp ca-pô.

#### » Cách Xử Lý Quá Nhiệt

### ⚠ CẢNH BÁO

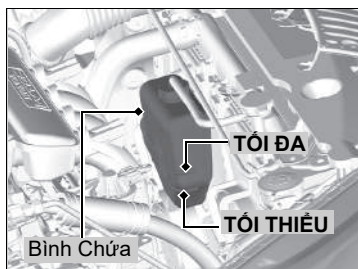
Hơi nước và tia nước bắn ra do động cơ bị quá nhiệt có thể gây bỏng nặng.

Không mở nắp ca-pô khi có hơi nước đang bắn ra.

#### CHÚ Ý

Tiếp tục lái xe với đèn báo nhiệt độ cao sáng có thể làm hỏng động cơ.

### ■ Bước tiếp theo



1. Kiểm tra quạt làm mát đang vận hành và dừng động cơ khi đèn báo nhiệt độ cao tắt.
  - Nếu quạt làm mát không hoạt động, phải tắt động cơ ngay.
2. Khi động cơ đã nguội, kiểm tra mức nước làm mát và kiểm tra rò rỉ các bộ phận hệ thống làm mát.
  - Nếu mức nước làm mát trong bình chứa thấp, bổ sung nước làm mát cho đến khi nó đến vạch **TỐI ĐA**.
  - Nếu không có nước làm mát trong bình, kiểm tra xem bình có mát không. Bọc nắp bình bằng miếng vải dày rồi mở nắp. Nếu cần, bổ sung nước làm mát đến để cở lọc và đóng nắp lại.

### ■ Bước cuối cùng

Khi động cơ đã nguội hẳn, khởi động lại và kiểm tra đèn báo nhiệt độ cao. Nếu đèn báo nhiệt độ cao tắt, tiếp tục lái xe. Nếu không, hãy liên hệ với đại lý để sửa chữa.

### ►► Cách Xử Lý Quá Nhiệt

#### ⚠ CẢNH BÁO

Tháo nắp bình chứa khi động cơ còn nóng có thể làm bắn nước làm mát ra ngoài, gây bỏng nặng.

Luôn để động cơ và bình chứa nguội trước khi tháo nắp bình chứa.

Nếu bị rò rỉ nước làm mát, hãy liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Dùng nước chỉ là biện pháp khẩn cấp/tạm thời. Hãy đưa xe đến đại lý để thay nước làm mát chính hãng càng sớm càng tốt.



## Đèn Báo, Sáng/Nhấp Nháy

### Nếu Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp Sáng



#### ■ Nguyên nhân đèn báo sáng

Sáng lên khi áp suất dầu động cơ thấp.

#### ■ Làm gì ngay khi đèn báo sáng

1. Đỗ xe nơi bằng phẳng, an toàn.
2. Nếu cần, bật đèn cảnh báo nguy hiểm.

#### ■ Làm gì sau khi đỗ xe

1. Dừng động cơ và để động cơ nghỉ khoảng ba phút.
2. Mở nắp ca-pô và kiểm tra mức dầu.
  - ▶ Kiểm Tra Dầu.
  - ▶ **Kiểm Tra Dầu** Tr. 375
3. Khởi động động cơ và kiểm tra đèn báo áp suất dầu thấp.
  - ▶ Đèn tắt: Tiếp tục lái xe.
  - ▶ Đèn không tắt trong vòng 10 giây: Dừng động cơ và liên hệ với đại lý để sửa chữa ngay lập tức.

### Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng



#### ■ Nguyên nhân đèn báo sáng

Sáng khi không nạp được ắc quy.

#### ■ Làm gì khi đèn báo sáng

Tắt hệ thống sưởi và làm mát\*/hệ thống điều khiển khí hậu\*, bộ sấy sau và các hệ thống điện khác và liên hệ ngay với đại lý để sửa chữa.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### » Nếu Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp Sáng

#### CHÚ Ý

Chạy động cơ với áp suất dầu thấp có thể làm động cơ hư hỏng nghiêm trọng.

### » Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng

Nếu cần dừng tạm thời, không tắt động cơ. Khởi động lại động cơ có thể làm ắc quy nhanh hết điện.

## Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp nháy



### ■ Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy

- Sáng nếu có vấn đề ở hệ thống kiểm soát khí xả động cơ.
- Nhấp nháy khi phát hiện ra hiện tượng mất lửa.

### ■ Làm gì khi đèn báo sáng

Tránh lái xe ở tốc độ cao và đưa xe đến ngay đại lý để kiểm tra.

### ■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy

Đỗ xe ở nơi an toàn và không có vật dễ cháy ở gần, đợi ít nhất 10 phút hoặc hơn trong khi động cơ dừng đến khi nguội.

## Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) Sáng



### ■ Nguyên nhân đèn báo sáng

- Dầu phanh thấp.
- Có sự cố ở hệ thống phanh.

### ■ Làm gì khi đèn báo sáng trong khi đang lái

Nhấn nhẹ bàn đạp phanh để kiểm tra áp suất phanh.

- Nếu bình thường, kiểm tra mức dầu phanh khi dừng xe.
- Nếu bất thường, cần xử lý ngay. Nếu cần, giảm số để giảm tốc độ sử dụng phanh động cơ.

## ►►Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp nháy

### CHÚ Ý

Nếu bạn lái xe khi đèn báo sự cố sáng, hệ thống kiểm soát khí xả và động cơ có thể bị hỏng.

Nếu đèn báo sự cố vẫn nhấp nháy khi khởi động lại động cơ, lái xe đến đại lý gần nhất với tốc độ 50 km/h hoặc thấp hơn để kiểm tra.

## ►►Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) Sáng

Đưa xe đi sửa chữa ngay lập tức.

Lái xe với mức dầu phanh thấp sẽ rất nguy hiểm. Nếu không thấy có lực cản ở bàn đạp phanh, dừng xe ngay lập tức ở nơi an toàn. Nếu cần, giảm số.

Nếu đèn báo hệ thống phanh và đèn báo **ABS** cùng sáng, hệ thống phân phối phanh điện tử không hoạt động. Điều này có thể làm mất tính ổn định của xe khi phanh gấp.

Hãy đưa xe đến đại lý ngay lập tức để kiểm tra.

## Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) Sáng



### ■ Nguyên nhân đèn báo sáng

- Sáng nếu hệ thống EPS có sự cố.
- Nếu liên tục nhấn bàn đạp ga để tăng tốc độ động cơ khi động cơ đang ở chế độ chạy không tải, đèn báo sẽ sáng và đôi khi sẽ rất khó để vận hành vô lăng.

### ■ Làm gì khi đèn báo sáng

Dừng xe ở nơi an toàn và khởi động lại động cơ.

Nếu đèn báo vẫn tiếp tục sáng, hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe Trung Đông và Đông Nam Á

## Nếu Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp Sáng hoặc Nhấp Nháy



### ■ Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy

Một lốp có áp suất thấp đáng kể, hoặc hệ thống cảnh báo xẹp lốp không được hiệu chỉnh.

Nếu có vấn đề với hệ thống cảnh báo xẹp lốp hoặc xe đang lắp lốp dự phòng loại nhỏ, đèn báo sẽ nhấp nháy trong khoảng một phút và sau đó sáng.

### ■ Làm gì khi đèn báo sáng

Lái xe cẩn thận và tránh cua gấp và phanh gấp.

Dừng xe ở nơi an toàn. Kiểm tra áp suất lốp và điều chỉnh áp suất tới mức chỉ định. Áp suất lốp chỉ định có ở nhãn dán trên thanh dọc cửa phía người lái.

- Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp sau khi áp suất lốp được điều chỉnh.

► **Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp** Tr. 340

### ■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy, sau đó sáng

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra lốp càng sớm càng tốt. Nếu lốp dự phòng loại nhỏ làm đèn báo nhấp nháy, thay bằng lốp cùng kích cỡ.

Đèn báo tắt sau khi xe đi được vài kilomet.

- Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp sau khi lắp lại lốp cùng kích cỡ.

► **Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp** Tr. 340

►►Nếu Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp Sáng hoặc Nhấp nháy

### CHÚ Ý

Lái xe với lốp quá xẹp có thể làm cho lốp xe bị quá nhiệt. Lốp quá nhiệt có thể bị hỏng. Luôn bơm căng lốp đến mức chỉ định.

Loại xe Đài Loan

## Nếu Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS Sáng hoặc Nhấp Nháy



### ■ Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy

Một lốp có áp suất lốp thấp đáng kể, hoặc TPMS không được hiệu chỉnh. Nếu có vấn đề với TPMS hoặc xe đang lắp lốp dự phòng loại nhỏ, đèn báo sẽ nhấp nháy trong khoảng một phút và sau đó sáng.

### ■ Làm gì khi đèn báo sáng

Lái xe cẩn thận và tránh cua gấp và phanh gấp.

Dừng xe ở nơi an toàn. Kiểm tra áp suất lốp và điều chỉnh áp suất tới mức chỉ định. Áp suất lốp chỉ định có ở nhãn dán trên thanh dọc cửa phía người lái.

▶ Hiệu chỉnh TPMS sau khi áp suất lốp được điều chỉnh.

🔧 **Hiệu Chỉnh TPMS** Tr. 338

### ■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy, sau đó sáng

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra lốp càng sớm càng tốt. Nếu lốp dự phòng loại nhỏ làm đèn báo nhấp nháy, thay bằng lốp cùng kích cỡ.

Đèn tắt sau khi xe đi được vài kilomet.

▶ Hiệu chỉnh TPMS sau khi thay lốp cùng kích cỡ.

🔧 **Hiệu Chỉnh TPMS** Tr. 338

### ▶▶Nếu Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS Sáng hoặc Nhấp Nháy

#### CHÚ Ý

Lái xe với lốp quá xẹp có thể làm cho lốp xe bị quá nhiệt. Lốp quá nhiệt có thể bị hỏng. Luôn bơm căng lốp đến mức chỉ định.

# Cầu Chì

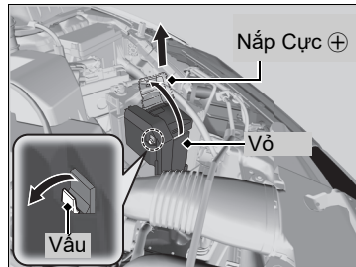
## Vị Trí Cầu chì

Nếu có bất kỳ thiết bị điện nào không hoạt động, xoay khoá điện đến KHOÁ 0<sup>\*1</sup> và kiểm tra xem có cầu chì nào bị nổ không.

Có hai hộp cầu chì trong khoang động cơ.

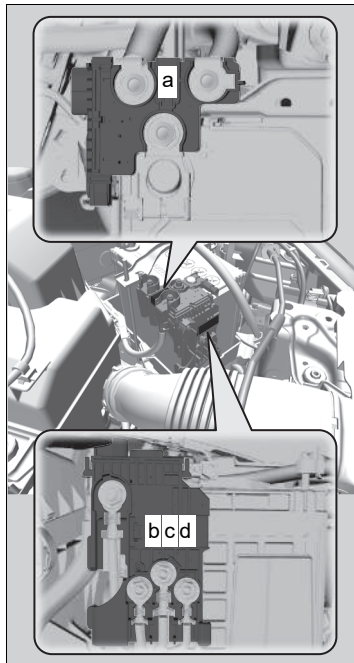
### Hộp Cầu Chì Khoang Động Cơ (Loại A)

Nằm gần cực ⊕ trên ắc quy.



1. Mở nắp cực ⊕.
2. Tháo vỏ bằng cách kéo vấu như hình vẽ.  
Hãy thay cầu chì khoang động cơ ở đại lý.

\* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

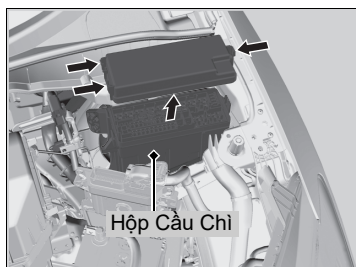


■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
a	CHÍNH	100 A
b	RB CHÍNH 1	70 A
c	RB CHÍNH 2	80 A
d	CAP CHÍNH	70 A

### Hộp Cầu Chì Khoang Động Cơ (Loại B)

Nằm ở phía sau khoang động cơ ở phía bên trái. Đẩy các vấu để mở hộp.



Vị trí cầu chì có ở trên vỏ hộp cầu chì. Đặt cầu chì đúng thứ tự theo số cầu chì và nhãn ở vỏ hộp cầu chì.

### Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
1	Đèn Chiếu Gần Chính	20 A
2	-	(15 A)
3	Nguy Hiểm	10 A
4	DBW	15 A
5	Cần Gạt Nước	(30 A)
6	Dừng Xe	10 A
7	IGP	15 A
8	Cuộn IG	15 A
9	-	-
10	-	(20 A)
11	-	-
12	Mô-tơ Quạt Chính	30 A
13	Công Tác Khởi Động Từ*	(30 A)
14	LY HỢP TỰ	7,5 A
15	-	(7,5 A)
16	QUẠT PHỤ	(20 A)
17	Bộ Rửa Kính*	(15 A)
18	Còi	10 A
19	Đèn Sương Mù*	(20 A)
20	Đèn Ban Ngày	(7,5 A)

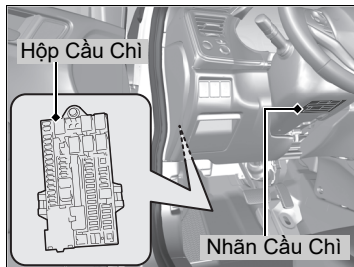
### Mạch Được Bảo Vệ Cường Độ

21	BUCKUP CHÍNH	15 A
22	Các Đèn Trong Xe	(7,5 A)
23	-	-
24	-	-
25	STRLD*	(7,5 A)
26	ST MG*	(7,5 A)
27	-	-
28	-	(7,5 A)
29	DỰ PHÒNG	(10 A)
30	IGP LAF	(10 A)
31	IGPS	(7,5 A)
32	Đèn Chiếu Gần Phải	10 A
33	Đèn Chiếu Gần Trái	10 A



### ■ Hộp Cầu Chì Bên Trong\*

Đặt dưới bảng táp-lô.



Các vị trí cầu chì được thể hiện trên nhãn.

Đặt cầu chì đúng thứ tự theo số cầu chì và số trên nhãn.

### ■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
a	RO-LE ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC (7,5A)	
b	-	-
1	Cửa Kính Điện Người Lái	20 A
2	Đèn Chiếu Xa Phải <sup>1</sup>	10 A
	Đèn Chiếu Xa Phải <sup>2</sup>	20 A
3	ABS/VSA FSR	30 A
4	Gương Cụp Tự Động* (7,5 A)	
5	Đèn Nhỏ	10 A
6	Khóa Cửa	20 A
7	Ổ Cắm Điện Phụ Kiện (Hộp Đựng Đồ Trung Tâm) <sup>5</sup>	(20 A)
	- <sup>6</sup>	(20 A)
8	Đèn Chiếu Xa Trái <sup>1</sup>	10 A
	- <sup>2</sup>	-
9	-	(20 A)
10	-	-
11	-	-
12	-	-

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
13	Ổ Cắm Điện Phụ Kiện (Hộp Đựng Đồ Trung Tâm) <sup>5</sup>	(20 A)
	- <sup>6</sup>	(20 A)
14	ĐÈN SƯƠNG MÙ SAU	(10 A)
15	-	-
16	IG Chính 2 <sup>3</sup>	30 A
	- <sup>4</sup>	-
17	-	-
18	-	-
19	THÔNG MINH <sup>3</sup>	10 A
	- <sup>4</sup>	-

\* 1:Loại xe có đèn chiếu xa có độ bền cao

\* 2:Loại xe có đèn chiếu xa có độ bền trung bình

















\* 3:Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

















\* 4:Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa








\* 5:Loại xe có ổ cắm điện phụ kiện trong hộp đựng đồ

\* 6:Loại xe không có ổ cắm điện phụ kiện trong hộp đựng đồ

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Mạch Được Bảo Vệ Cường Độ		
20		SẤY KÍNH SAU* (40 A)
21		MÔ-TƠ BỘ SỬỞI* (40 A)
22		MÔ-TƠ ABS/VSA 40 A
23		MÔ-TƠ BỘ SỬỞI* (30 A)
24		Cửa Kính Điện Chính 40 A
25		IG Chính <sup>*3</sup> 30 A
		IG Chính <sup>*4</sup> 50 A
26		SẤY KÍNH SAU 30 A (30 A) <sup>*5</sup>
27		EPS 60 A
28		Gạt Nước Chạm Trước 7,5 A
29		- (7,5 A)
30		A/C (7,5 A)
31		QUẠT GIÓ NHANH* (7,5 A)
	-	- <sup>*1</sup> -
32		Đèn Chiếu Xa Trái <sup>*2</sup> 10 A
	-	- <sup>*1</sup> -
33		Đèn Chiếu Xa Phải <sup>*2</sup> 10 A
34		Khóa Cửa Bên Phải 10 A

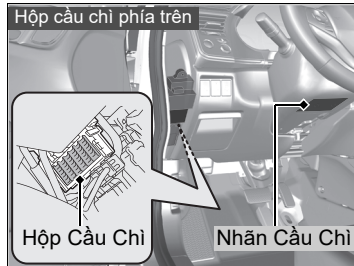
Mạch Được Bảo Vệ Cường Độ		
35		Khóa Cửa Bên Trái 10 A
36		Mở Khóa Cửa Bên Phải 10 A
37		Mở Khóa Cửa Bên Trái 10 A
38		ACC 7,5 A
39		Ổ Cắm Điện Phụ Kiện (Trước) 20 A
40		Cửa Kính Điện Sau Trái 20 A
41		Cửa Kính Điện Sau Phải 20 A
42		Cửa Kính Điện Phía Hành Khách Trước 20 A
43		- (10 A)
44		- (10 A)
45		MISS SOL (7,5 A)
46		Đồng Hồ Đo 7,5 A
47		CẢN GẠT NƯỚC/BỘ RỬA KÍNH (RO-LE) <sup>*3</sup> 7,5 A
		BỘ RỬA KÍNH <sup>*4</sup> 15 A
48		SRS (10 A)
49		- (7,5 A)

Mạch Được Bảo Vệ Cường Độ		
	-	- <sup>*3</sup> -
50		Gạt Nước Trước <sup>*4</sup> 30 A
51		RO-LE NGẮT KHỞI ĐỘNG <sup>*3</sup> (7,5 A)
		- <sup>*4</sup> (7,5 A)
52		- (10 A)
53		VSA/ABS (7,5 A)
54		ACG (10 A)
55		Bơm Nhiên Liệu (15 A)

- \* 1:Loại xe có đèn chiếu xa có độ bền cao
- \* 2:Loại xe có đèn chiếu xa có độ bền trung bình
- \* 3:Loại xe có hệ thống truy cập từ xa
- \* 4:Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa
- \* 5:Loại xe có thông gió sau không có hệ thống truy cập từ xa

## Hộp Cầu Chì Bên Trong\*

Đặt dưới bảng táp-lô.



Các vị trí cầu chì được thể hiện trên nhãn.

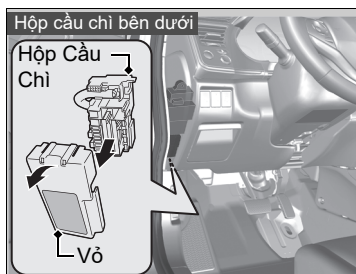
Đặt cầu chì đúng thứ tự theo số cầu chì và số trên nhãn.

## Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
1	Khoá Cửa	20 A
2	-	-
3	Thông Minh*	(10 A)
4	Mở Khóa Cửa Phía Người Lái	10 A
5	Mở Khóa Cửa Phía AS	10 A
6	Mở Khóa Cửa Người Lái*	(10 A)
7	Khóa Cửa Người Lái*	(10 A)
8	Cửa Kính Điện Người Lái	20 A
9	Cửa Kính Điện Phía AS	20 A
10	Cửa Kính Điện Sau Trái	20 A
11	Cửa Kính Điện Sau Phải	20 A
12	Khóa Cửa Phía Người Lái	10 A
13	Khóa Cửa Phía AS	10 A
14	Đèn Sương Mù Sau*	(10 A)
15	Đèn Chiếu Xa Phải	10 A
16	STS*	(7.5 A)
17	Ổ Cắm Điện Phụ Kiện (Hộp Dụng Cụ)*	(20 A)
18	-	20 A
19	Bộ Sưởi Ghế*	(20 A)
20	-	-
21	-	-

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
22	Bộ Rửa Kính	15 A
23	-	(10 A)
24	A/C	7,5 A
25	Đèn Ban Ngày*	(7,5 A)
26	Bộ Khởi Động	(7,5 A)
27	ABS/VSA	7,5 A
28	SRS	10 A
29	Đèn Chiếu Xa Trái	10 A
30	ACG	10 A
31	Cửa Kính Điện	10 A
32	Bơm Nhiên Liệu	15 A
33	SRS	(7,5 A)
34	Đồng Hồ Đo	7,5 A
35	MISS SOL	7,5 A
36	Ổ Cắm Điện Phụ Kiện (Trước)	20 A
37	ACC	7,5 A
38	Khoá Cửa Khoá ACC	7,5 A
39	Tự Chọn	(10 A)
40	-	(10 A)
41	-	-
42	-	-

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



Các vị trí cầu chì được thể hiện trên vỏ hộp cầu chì.

Đặt cầu chì đúng thứ tự theo số cầu chì và dấu trên vỏ hộp cầu chì.

Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ

■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
	EPS	60 A
	IG CHÍNH <sup>*1, *2</sup>	50 A
	IG CHÍNH <sup>*3</sup>	30 A
1	HỘP CẦU CHỈ CHÍNH 2	50 A
	MÔ-TƠ ABS/VSA	40 A
	HỘP CẦU CHỈ CHÍNH	30 A
	—	40 A
2	—	—
	—	—
	—	—
	—	—
3	MÔ-TƠ BỘ SỬỞI <sup>*1</sup>	30 A
	MÔ-TƠ BỘ SỬỞI <sup>*2, *3</sup>	40 A
	— <sup>*1, *2</sup>	—
4	IG CHÍNH 2 <sup>*3</sup>	30 A
5	ABS/VSA FSR	30 A
6	—	(10 A)
7	—	(7,5 A)
8	Ổ CẮM PHỤ KIỆN (HỘP DỰNG ĐỒ) <sup>*</sup>	(20 A)
9	NHỎ	10 A

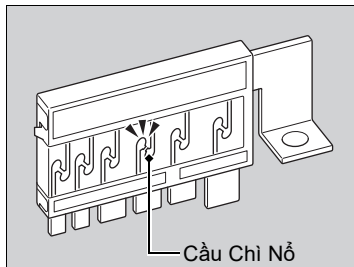
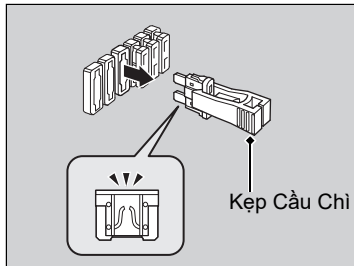
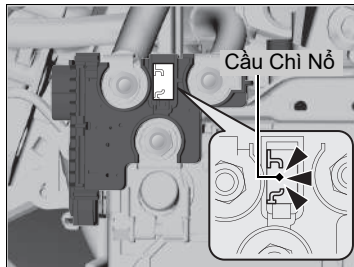
	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
10	Ổ CẮM PHỤ KIỆN (HỘP DỰNG ĐỒ) <sup>*</sup>	(20 A)
11	SẤY KÍNH SAU	40 A <sup>*</sup> 30 A <sup>*</sup>
12	— <sup>*1, *2</sup>	(7,5 A)
	— <sup>*3</sup>	—
13	—	(10 A)
14	QUẠT GIÓ NHANH	(7,5 A)
15	GẠT NƯỚC TRƯỚC <sup>*1, *2</sup>	30 A
	— <sup>*3</sup>	—

\*1:Loại xe không có thông gió sau

\*2:Loại xe có thông gió sau và không có hệ thống truy cập từ xa

\*3:Loại xe có thông gió sau và hệ thống truy cập từ xa

## Kiểm Tra và Thay Cầu Chì



1. Xoay khoá điện đến KHOÁ 0<sup>\*1</sup>. Tắt các đèn chiếu sáng và tắt cả các phụ kiện
2. Tháo vỏ hộp cầu chì.
3. Kiểm tra cầu chì tổng trong khoang động cơ.
  - Nếu cầu chì nổ, hãy đến đại lý để thay.
4. Kiểm tra các cầu chì nhỏ trong khoang động cơ và bên trong xe.
  - Nếu có cầu chì bị nổ, tháo nó bằng kẹp tháo cầu chì và thay cái mới.
5. Kiểm tra cầu chì tổng bên trong xe.
  - Nếu cầu chì nổ, dùng tua vít đầu Phillip để tháo vít và thay cầu chì mới.
6. Kiểm tra cầu chì nhỏ bên trong xe.
  - Nếu có cầu chì bị cháy, tháo bằng dụng cụ kẹp cầu chì và thay cầu chì mới.

\* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

### ►► Kiểm Tra và Thay Cầu Chì

#### CHÚ Ý

Nếu thay bằng cầu chì có cường độ cao hơn sẽ làm hệ thống điện nhanh hỏng hơn.

Thay cầu chì mới có cùng cường độ dòng điện quy định.

Đặt cầu chì đúng thứ tự và xác nhận cường độ dòng điện quy định bằng cách sử dụng sơ đồ vị trí cầu chì.

► Vị Trí Cầu Chì Tr. 440, 442, 443

Có một kẹp tháo cầu chì ở phía trên vỏ hộp cầu chì trong khoang động cơ loại B.

## Kéo Xe Khẩn Cấp

Hãy gọi đội dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp nếu bạn cần kéo xe bạn.

### ■ Thiết bị kéo sàn phẳng

Xe của bạn được đặt trên thùng xe chuyên dụng để vận chuyển.

**Đây là cách tốt nhất để di chuyển xe của bạn.**

### ■ Thiết bị nhắc bánh xe

Xe kéo chuyên dụng sử dụng hai tay nâng để nâng hai lốp trước lên khỏi mặt đất. Các lốp xe sau vẫn nằm trên mặt đất. **Có thể sử dụng cách này để kéo xe bạn.**

### » Kéo Xe Khẩn Cấp

#### CHÚ Ý

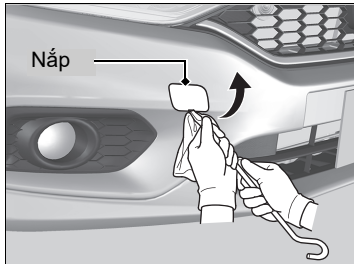
Cổ nâng hoặc kéo xe bằng tấm cân sẽ gây hư hỏng nặng. Các tấm cân không được thiết kế để nâng đỡ trọng lượng của xe.

Không được kéo xe bằng dây thừng hoặc xích. Điều này rất nguy hiểm vì dây thừng hoặc xích có thể di chuyển từ bên này sang bên kia hoặc bị đứt.

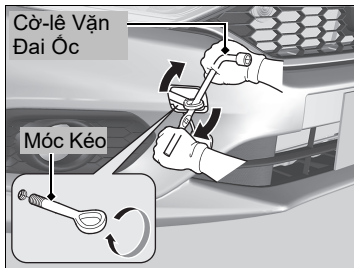
Loại trừ loại xe Mexico

**■ Nếu phải kéo xe với các bánh trước trên mặt đất:**

1. Kiểm tra rò rỉ chất lỏng ở mặt đất dưới xe xung quanh khu vực hộp số.
  - ▶ Nếu nhận thấy rò rỉ, liên hệ dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp và tới đại lý kiểm tra xe.



2. Đặt một miếng vải vào mép của nắp. **Cẩn thận với một thanh nối tay kích để tháo nắp.**
  - ▶ Các móc kéo có thể tháo rời gắn trên móc neo ở cản trước.
3. Tháo móc kéo và cờ lê vặn đai ốc trong nắp khoang hành lý.



4. Vặn móc kéo vào lỗ, và siết chặt bằng cờ lê vặn đai ốc cho chắc chắn.

▶▶ Nếu phải kéo xe với các bánh trước trên mặt đất:

Ở một số nước có luật cấm kéo xe. Kiểm tra và tuân theo các quy định pháp lý của nước mà bạn đang lái xe trước khi kéo xe.

Nếu bạn không thể làm theo quy trình chính xác, không được kéo xe với các bánh trước trên mặt đất.

Nếu bạn không thể khởi động động cơ, bạn có thể gặp phải những vấn đề trong khi kéo xe.

- Phanh khó do hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp không hoạt động.
- Vô lăng nặng khó xoay do hệ thống hỗ trợ lái điện không hoạt động.

Loại hộp số thường

- Xoay khoá điện đến KHOÁ [0]<sup>\*1</sup> để khóa vô lăng.

Xuống dốc dài làm phanh nóng lên. Việc này có thể làm phanh hoạt động không đúng. Nếu bạn cần phải kéo xe trên dốc, hãy gọi dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp.

Với các bánh trước ở trên mặt đất, tốt nhất là kéo xe trong phạm vi không quá 80 km và duy trì tốc độ dưới 55 km/h.

\* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

5. Móc thiết bị kéo vào móc kéo.

6. Khởi động động cơ.

► Nếu khó khởi động động cơ, xoay khoá điện đến PHỤ KIỆN

I<sup>\*1</sup> hoặc BẬT II<sup>\*1</sup>.

Loại hộp số vô cấp

7. Sang số **D** và giữ khoảng năm giây, sau đó chọn **N**.

Loại hộp số thường

7. Sang số **N**.

Tất cả các loại

8. Nhả phanh đỗ.

\* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

►► Nếu phải kéo xe với các bánh trước trên mặt đất:

**CHÚ Ý**

Loại hộp số vô cấp

Nếu không thể sang số hoặc bật động cơ, hộp số sẽ bị hư hỏng. Phải kéo xe trên mặt đất bằng các bánh trước.

**CHÚ Ý**

Để tránh làm hỏng xe, sử dụng móc kéo chỉ để kéo thẳng trên mặt đất phẳng. Không kéo ở các góc rẽ. Không nên sử dụng móc này để kéo xe với thiết bị kéo xe sàn phẳng. Không nên sử dụng nó để móc dây kéo.

Đảm bảo sử dụng thiết bị kéo được thiết kế phù hợp bán kèm theo xe.



# Thông Tin

Chương này bao gồm các thông số kỹ thuật của xe, vị trí của các số nhận dạng và các thông tin khác theo quy định.

<b>Thông Số Kỹ Thuật</b> .....	452
<b>Số Nhận Dạng Xe</b>	
Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và	
Số Hộp Số .....	455
<b>Tuân Thủ Quy Định*</b>	
Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio .....	456
Quy Định Bảo Vệ Môi Trường .....	459

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

# Thông Số Kỹ Thuật

## ■ Thông Số Kỹ Thuật Xe

Loại Xe	CITY	
	1.074 kg <sup>*1</sup>	
	1.075-1.080 kg <sup>*11</sup>	
Trọng Lượng	MT	1.075-1.102 kg <sup>*2</sup>
		1.079-1.100 kg <sup>*3</sup>
		1.080-1.102 kg <sup>*4</sup>
		1.081-1.112 kg <sup>*5</sup>
		1.091-1.221 kg <sup>*1</sup>
		1.092-1.117 kg <sup>*6</sup>
Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép	CVT	1.094-1.113 kg <sup>*11</sup>
		1.099-1.125 kg <sup>*2</sup>
		1.100-1.110 kg <sup>*7</sup>
		1.104-1.125 kg <sup>*4</sup>
		1.109-1.124 kg <sup>*8</sup>
Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép <sup>*10</sup>	MT	1.480 kg <sup>*1, *3, *11</sup>
		1.490 kg <sup>*9</sup>
		1.492 kg <sup>*5</sup>
		1.495 kg <sup>*3, *10, *11</sup>
	CVT	1.500 kg <sup>*1, *7</sup>
		1.510 kg <sup>*9</sup>
		1.530 kg <sup>*8</sup>
Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép <sup>*10</sup>	Trước	795 kg
	Sau	700 kg

- \*1: Loại xe Philippin  
 \*2: Loại xe Caribe và Trung Mỹ  
 \*3: Loại xe Châu Phi, Armenia, Azerbaijan và Georgia  
 \*4: Loại xe Chile  
 \*5: Loại xe Malaysia  
 \*6: Ngoại trừ loại xe Mỹ La-tinh, Malaysia, Philippin, Đài Loan và Việt Nam  
 \*7: Loại xe Đài Loan  
 \*8: Loại xe Việt Nam  
 \*9: Loại xe Mỹ La-tinh ngoại trừ loại xe Mexico  
 \*10: Loại xe Campuchia, Lào và Trung Đông  
 \*11: Loại xe Mexico

## ■ Thông Số Kỹ Thuật Động Cơ

Loại	SOHC 4 xy lạnh thẳng hàng, làm mát bằng nước	
Đường Kính x Hành Trình	73,0 x 89,0 mm <sup>*2</sup>	
Dung Tích	1.497 cm <sup>3</sup>	
Tỷ Số Nén	10,3 : 1	
Công Suất Cực Đại <sup>*1</sup>	188 kW (118 HP)/6.600 rpm	
Mô-men Xoắn Cực Đại <sup>*1</sup>	145 N·m (14.8 kgf·m)/4.600 rpm	
Tốc Độ Tối Đa <sup>*1</sup>	190 km/h	
Bu-gi	NGK	DIFR6D13
	DENSO	DK20PR-D13

\*1: Loại xe các nước Hội Đồng Hợp Tác Vùng Vịnh GCC và I-rắc

\*2: Loại xe Philippin  
 \*3: Ngoại trừ loại xe Philippin

## ■ Nhiên liệu

Loại	Xăng không chì, chỉ số ốc-tan 91 trở lên
Dung Tích Bình	40L
Nhiên Liệu	

## ■ Ấc Quy

Dung Lượng	24AH(5)/30AH(20) <sup>*</sup>
	27AH(5)/30AH(20) <sup>*</sup>
	28AH(5)/35AH(20) <sup>*</sup>
	32AH(5)/40AH(20) <sup>*</sup>

## ■ Nước Rửa Kính

Dung Tích Bình	1,8 L
----------------	-------

## ■ Bóng Đèn

Đèn Chiếu Sáng	Chiếu Xa	60 W (HB3) <sup>*</sup> LED <sup>*</sup>
	Chiếu Gần	55 W (H11) <sup>*</sup> LED <sup>*</sup>
Đèn Sương Mù Trước <sup>*</sup>		35 W (H8) <sup>*</sup> LED <sup>*</sup>
Các Đèn Xi Nhan Trước		21 W (Hỗ Phách)
Các Đèn Vị Trí		LED
Các Đèn Ban Ngày		LED
Các Đèn Xi Nhan Bên (ở trên Gương Cửa) <sup>*</sup>		LED
Các Đèn Xi Nhan Bên (ở trên Vè Xe Trước) <sup>*</sup>		5 W (Hỗ Phách)
Đèn Phanh/Đèn Hậu		21/5 W <sup>*</sup> LED <sup>*</sup>
Các Đèn Hậu		5 W <sup>*</sup> LED <sup>*</sup>
Đèn Sương Mù Sau <sup>*</sup>		21 W
Các Đèn Bên Hồng Sau <sup>*</sup>		LED
Các Đèn Xi Nhan Sau		21 W <sup>*</sup> 21 W (Hỗ Phách) <sup>*</sup>
Các Đèn Lùi		16 W
Đèn Phanh Cao		21 W <sup>*</sup> LED <sup>*</sup>
Đèn Biển Số Sau		5 W
Các Đèn Trong Xe	Đèn Đọc Sách <sup>*</sup>	8 W
	Đèn Trần	8 W
	Đèn Khoang Hành Lý	5 W

■ **Dầu Phanh/Ly Hộp\***

Quy Định	Dầu Phanh có DOT3 hoặc DOT4
----------	-----------------------------

■ **Dầu Hộp Số Vô Cấp**

Quy Định	Honda HCF-2
Dung Tích	Thay 3,4 L

■ **Dầu Hộp Số Thường**

Quy Định	Honda MTF
Dung Tích	Thay 1,4 L

■ **Nước Làm Mát Động Cơ**

Chỉ Định	Chất Chống Đông/Nước Làm Mát Bốn Mùa Honda Loại 2
Tỷ Lệ	50/50 nước chưng cất
Dung Tích <sup>*1</sup>	4,41 L (thay cả 0,44 L còn lại trong bình chứa)
Dung Tích <sup>*2</sup>	4,37 L (thay cả 0,44 L còn lại trong bình chứa)
Dung Tích <sup>*3</sup>	3,97 L (thay cả 0,44 L còn lại trong bình chứa)
Dung Tích <sup>*4</sup>	4,55 L (thay cả 0,44 L còn lại trong bình chứa)
Dung Tích <sup>*5</sup>	4,51 L (thay cả 0,44 L còn lại trong bình chứa)
Dung Tích <sup>*6</sup>	4,07 L (thay cả 0,44 L còn lại trong bình chứa)

- \*1: Loại hộp số thường có bộ sườn và ống thông hơi
- \*2: Loại hộp số thường có bộ sườn
- \*3: Loại hộp số thường không có bộ sườn và ống thông hơi
- \*4: Loại hộp số vô cấp có bộ sườn và ống thông hơi
- \*5: Loại hộp số vô cấp có bộ sườn
- \*6: Loại hộp số vô cấp không có bộ sườn và ống thông hơi

■ **Dầu Động Cơ**

Khuyến Nghị	Dầu Mô-tơ Honda Chính Hiệu API cấp SM hoặc cao hơn 0W-20, 0W-30, 5W-30, 10W-30
Dung Tích	Thay 3,4 L Thay cả lọc 3,6 L

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ **Lốp Xe**

Thường	Kích Thước <sup>*1</sup>	175/65R15 84T 185/55R16 83H
	Áp Suất	Xem ở nhãn trên thanh dọc cửa người lái.
	Kích Thước	T135/80D15 99M T135/80D15 100M
Dự Phòng Loại Nhỏ*	Áp Suất	420 (4,2 [60]) kPa (kgf/cm <sup>2</sup> [psi])
	Kích Thước	175/65R15 84T 185/55R16 83H
Dự Phòng* (Cùng Kích Cỡ)	Áp Suất	Giống như lốp thường. Xem ở nhãn trên thanh dọc cửa người lái.
	Thường	15 x 5 1/2J <sup>2</sup> 16 x 6J <sup>3</sup>
Kính Thước Bánh Xe	Dự Phòng Loại Nhỏ*	15 x 4T
	Dự Phòng Cùng Kích Cỡ*	15 x 5 1/2J <sup>2</sup> 16 x 6J <sup>3</sup>

\*1: Kích thước lốp ban đầu được nêu trên nhãn thông tin lốp xe trên thanh dọc cửa người lái.

\*2: Loại xe có 175/65 R15

\*3: Loại xe có 185/55 R16

■ **Phanh**

Loại	Trợ lực
Trước	Đĩa thông gió
Sau	Tang trống
Đỗ	Cơ

■ **Điều Hoà Không Khí**

Loại Ga Lạnh	HFC-134a (R-134a)
Khối Lượng Nạp	375-425 g <sup>1</sup> 405-455 g <sup>2</sup>

\*1: Ngoại trừ loại xe Malaysia

\*2: Loại xe Malaysia

■ **Kích Thước Xe**

Chiều Dài	4.440 mm <sup>*3, *4, *5</sup>	
	4.442 mm <sup>*6</sup>	
	4.455 mm <sup>*7</sup>	
Chiều Rộng	1.694 mm <sup>*3, *4, *6, *8</sup>	
	1.695 mm <sup>*9</sup>	
Chiều Cao	1.471 mm <sup>*14</sup>	
	1.475 mm <sup>*10</sup>	
	1.477 mm <sup>*4, *5, *6, *15</sup>	
	1.485 mm <sup>*11</sup>	
	1.487 mm <sup>*8</sup>	
Chiều Dài Cơ Sở	2.600 mm	
	1.490 mm <sup>*7</sup>	
Vệt Bánh Xe <sup>2</sup>	Trước	1.492 mm <sup>*3, *5, *6</sup>
	Sau	1.480 mm <sup>*12</sup>
		1.481 mm <sup>*3, *5, *6, *8, *13</sup>
Vệt Bánh Xe <sup>2</sup>	Trước	1.474 mm <sup>*4, *8, *13</sup>
	Trước	1.475 mm <sup>*12</sup>
	Sau	1.476 mm <sup>*3, *5, *6</sup>
	Sau	1.465 mm

\*1 : Loại xe có lốp 175/65 R15

\*2 : Loại xe có lốp 185/55 R16

\*3 : Loại xe Đài Loan

\*4 : Loại xe Việt Nam

\*5 : Loại xe Philippin

\*6 : Loại xe Malaysia

\*7 : Ngoại trừ loại xe Malaysia, Philippin, Đài Loan và Việt Nam

\*8 : Loại xe Tunisia

\*9 : Ngoại trừ loại xe Malaysia, Đài Loan, Tunisia and Việt Nam

\*10: Loại xe Campuchia, Lào, Trung Đông

\*11: Ngoại trừ loại xe Trung Đông, Đông Nam Á, Đài Loan và Tunisia

\*12: Ngoại trừ loại xe Mỹ La-tinh, Malaysia, Philippin, Đài Loan, Tunisia và Việt Nam

\*13: Loại xe Mỹ La-tinh

\*14: Loại xe Đài Loan không có ăng ten vây cá mập

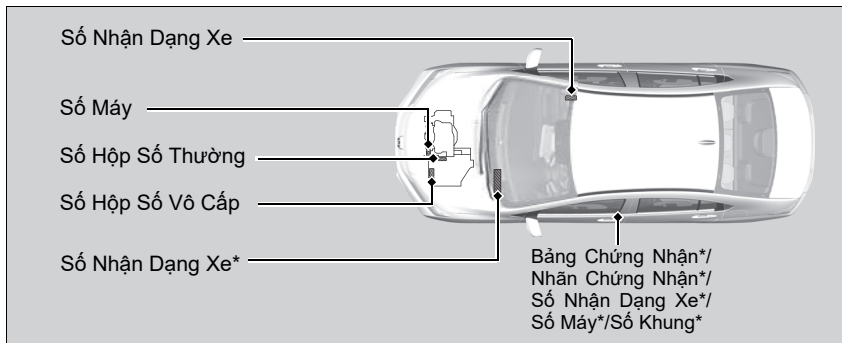
\*15: Loại xe Đài Loan có ăng ten vây cá mập

## Số Nhận Dạng Xe

### Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và Số Hộp Số

Xe có số nhận dạng 17 ký tự (VIN) dùng để đăng ký xe nhằm mục đích bảo hành, cấp bằng và bảo hiểm.

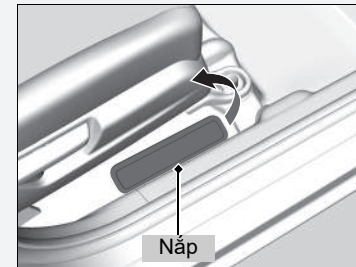
Xem hình ảnh bên dưới để biết vị trí của số VIN, số máy và số hộp số.



\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### ☒ Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và Số Hộp Số

Số Nhận Dạng Xe (VIN) trong xe được khắc gần chân kính chắn gió và có nắp che.



## Tuân Thủ Quy Định\*

### Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio

Các thiết bị và hệ thống sau trên xe phát ra sóng radio khi vận hành.

#### Loại xe Mỹ La-tinh

Mỗi thiết bị phát ra sóng radio lắp trong xe phải tuân theo các yêu cầu và tiêu chuẩn của quy định liệt kê bên dưới:

Theo quy định của FCC:

Thiết bị này tuân thủ Phần 15 trong các quy định của FCC. Hoạt động phải tuân theo hai điều kiện sau: (1) Thiết bị này có thể không gây nhiễu có hại và (2) thiết bị này phải chấp nhận mọi nhiễu nhận được, kể cả nhiễu có thể gây ra hoạt động không mong muốn.

Các thay đổi hoặc sửa đổi không được bên chịu trách nhiệm phê duyệt một cách rõ ràng có thể khiến người dùng mất quyền sử dụng thiết bị đó.

#### »Tuân Thủ Quy Định\*

##### Loại xe Đài Loan

Theo quy định của Bộ Giao Thông Vận Tải và Kiểm Soát Thiết Bị Công Suất Thấp:  
Quy định tại Điều 12: Không có sự cho phép của DGT, bất kỳ công ty, doanh nghiệp hoặc người dùng nào cũng không được phép thay đổi tần số, tăng cường công suất phát hoặc thay đổi đặc tính ban đầu cũng như hiệu suất của các thiết bị tần số radio công suất thấp được phê duyệt.

Quy định tại Điều 14:

Các thiết bị tần số radio công suất thấp sẽ không ảnh hưởng đến an ninh máy bay và cản trở liên lạc pháp lý; Nếu thiết bị gây ảnh hưởng, người dùng sẽ phải ngừng hoạt động ngay lập tức cho đến khi không có nhiễu. Liên lạc pháp lý nói trên là liên lạc radio được vận hành tuân thủ Luật Viễn Thông. Các thiết bị tần số radio công suất thấp dễ bị nhiễu bởi các thiết bị liên lạc hợp pháp hoặc các thiết bị bức xạ sóng radio ISM.

	Hệ Thống Chống Nổ Máy	Hệ Thống Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa	Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay*	Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*
Loại xe Nigeria	<small>Connection and use of this communication equipment is permitted by the Nigerian Communications Commission</small>	<small>Connection and use of this communication equipment is permitted by the Nigerian Communications Commission</small>	<small>Connection and use of this communication equipment is permitted by the Nigerian Communications Commission</small>	<small>Connection and use of this communication equipment is permitted by the Nigerian Communications Commission</small>
Loại xe Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất	<b>TRA</b> REGISTERED No: ER0108496/13 DEALER No: DA0046049/10	<b>TRA</b> REGISTERED No: ER0108504/13 DEALER No: DA0046049/10	-	SSSW <b>TRA</b> REGISTERED No: ER35377/14 DEALER No: 34163/10  PCU <b>TRA</b> REGISTERED No: ER0101333/13 DEALER No: DA36975/14  FOB <b>TRA</b> REGISTERED No: ER0104979/13 DEALER No: DA36975/14

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Loại xe Việt Nam



Thông Tin



## Quy Định Bảo Vệ Môi Trường

Loại xe Đài Loan

**CHÚ Ý**

Pin đã sử dụng phải được thu thập theo đúng các quy định của Cục Quản Lý Bảo Vệ Môi Trường.



## DẤU HỢP QUY XE Ô TÔ VÀ PHỤ TÙNG AN TOÀN

1. Ô tô con



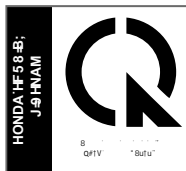
2. „b`W] i `gz b[ `d\ .J  
f Wl Y` `h



3. ; b[ `W] i \ i l Y `.  
`h `E; b[ `fcb[ ``



4. ; b[ `W] i \ i l Y `.  
`h `E; b[ `b[ c{ ]



5. Kính an toàn xe ô tô



6. Thùng nhiên liệu xe ô tô

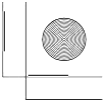


+ . Lớp hơi l Y ô tô



, . Vành hợp kim l Y` `h





## Mục Lục

### A

<b>ABS (Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh)</b> .....	344
<b>An Toàn Cho Trẻ</b> .....	60
Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em .....	123
<b>Áp Suất Khí</b> .....	454
<b>Áp Suất Lốp Thấp /TPMS</b>	
Đèn Báo .....	97, 439

### Ă

<b>Ăc Quy</b> .....	403
Bảo Dưỡng (Kiểm Tra Ăc Quy) .....	403
Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện .....	91, 435
Khởi Động Bằng Ăc Quy Nối Ngoài .....	430
<b>Ăc Quy Chết</b> .....	430

### Â

<b>Âm Thanh Bluetooth®</b> .....	214, 236
----------------------------------	----------

### B

<b>Bảng Điều Khiển</b> .....	89
Điều Chính Độ Sáng .....	158
<b>Bảng Thông Số Kỹ Thuật Chất Bồi Trộn</b> .....	453
<b>Bảo Dưỡng</b> .....	355
An Toàn .....	357
Ăc Quy .....	403
Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa .....	406
Dầu .....	375

Dầu Hộp Số .....	379
Dầu Phanh/Ly Hợp .....	380
Dưới Nắp Ca-pô .....	372
Điều Khiển Khí Hậu .....	408
Hệ Thống Sưởi và Làm Mát .....	408
Két Nước .....	378
Lốp Xe .....	396
Lưu Ý .....	356
Nước Làm Mát .....	377
Thay Bóng Đèn .....	382
Vệ Sinh .....	410

<b>Bảo Vệ Hệ Thống Âm Thanh</b> .....	194
<b>Bóng Đèn Halogen</b> .....	382, 384

#### Bộ Lọc

Lọc Gió Điều Hoà .....	408
------------------------	-----

#### Bộ Rửa Kính

Bổ Sung/Nạp Nước Rửa Kính .....	381
Công Tắc .....	157

#### Bổ Sung

Dầu Động Cơ .....	376
Nước Làm Mát .....	377
Nước Rửa Kính .....	381

<b>Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa</b> .....	115
<b>Bu-gi</b> .....	452

### C

<b>Cài Đặt Đồng Hồ</b> .....	110
<b>Cài Đặt Lại Đồng Hồ Đo Hành Trình</b> .....	106
<b>Cảm Biến Nhiệt Độ</b> .....	108, 188
<b>Camera Lùi Đa Hướng</b> .....	351
<b>Cảnh Báo và Thông Báo Thông Tin</b> .....	102
<b>Cần Gạt Nước và Bộ Rửa</b> .....	157
Kiểm Tra và Thay Lưỡi Cần Gạt Nước .....	394

<b>Cần Số</b> .....	325, 327, 331
Đèn Báo Vị Trí Số	
(Đèn Báo Hộp Số) .....	326, 328
Không Gạt Được .....	432
Nhà .....	432
Vận Hành .....	325, 327, 331

#### Cầu Chi

Kiểm Tra và Thay Thế .....	447
Vị Trí .....	440, 442, 443, 445

#### Chất Phụ Gia, Dầu Động Cơ

<b>Chế Độ Sang Số Tuân Tự</b> .....	329
-------------------------------------	-----

#### Chìa Khóa

Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa .....	115
Chống Khóa Cửa .....	120
Cửa Sau Không Mở .....	123
Không Xoay Được .....	28
Loại và Chức Năng .....	112
Nhấn Mã Số .....	113

#### Chiếu Sáng Tự Động

<b>Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em</b> .....	67
--	----

#### Chở Hành Lý

.....	313, 315
-------	----------

#### Chuyên Động Từ Từ (Hộp Số Vô Cấp)

.....	324
-------	-----

#### Công Tắc (Quanh Vô Lăng)

.....	4, 5, 6, 144
-------	--------------

#### Công Tắc Đèn

.....	150
-------	-----

#### Cổng AUX

.....	193
-------	-----

#### Cổng HDMI™

.....	192
-------	-----

#### Cổng USB

.....	191
-------	-----

#### Cơ-lé Vận Đai Ốc (Kịch)

.....	452
-------	-----

#### Cửa

Đèn Báo Cửa/Nắp Khoang Hành Lý	
Mở .....	35, 95
Chìa Khóa .....	112
Hệ Thống Chống Khóa Cửa .....	120
Khóa Cửa Tự Động .....	124
Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài .....	115





Khoá/Mở Khoá Cửa từ Bên Trong .....	121
Mở Khoá Cửa Tự Động .....	124
<b>Cửa Kính (Mở và Đóng)</b> .....	141
<b>Cửa Nạp Nhiên Liệu</b> .....	25, 353

## D

### Dầu

Bộ Rửa Kính Chắn Gió .....	381
Hộp Số Thường .....	379
Hộp Số Vô Cấp .....	379
Nước Làm Mát Động Cơ .....	377
Phanh/Ly Hợp .....	380
<b>Dầu (Động Cơ)</b> .....	374
Bổ Sung .....	376
Dầu Động Cơ Khuyến Dùng .....	374
Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp .....	90, 435
Độ Nhớt .....	374
Kiểm Tra .....	375
<b>Dầu Ly Hợp</b> .....	380
<b>Dây Đai An Toàn</b> .....	36
Bộ Nhắc .....	39
Đèn Cảnh Báo .....	39, 92
Kiểm Tra .....	45
Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai Hông/Vai .....	78
Phụ Nữ Mang Thai .....	44
Thất .....	41
<b>Dụng Cụ</b> .....	418
<b>Dùng Xe</b> .....	347

## Đ

<b>Đài AM/FM</b> .....	200, 224
<b>Đầu Phát CD</b> .....	203, 227
<b>Đèn</b> .....	150, 382
Đèn Báo Chiếu Xa .....	98
Đèn Báo Đèn Chiếu Sáng Bật .....	98
Đèn Sương Mù .....	153
Thay Bóng Đèn .....	382
Trong Xe .....	172
Tự Động .....	151
Xi Nhan .....	149
<b>Đèn Báo</b> .....	90
Áp Suất Dầu Thấp .....	90
Áp Suất Lốp Thấp/TPMS .....	97, 439
Bật/Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách .....	94
Cảnh Báo Tốc Độ .....	100
Chế Độ ECON .....	100
Chiếu Xa .....	98
Cửa/Nắp Khoang Hành Lý Mở .....	95
Đèn Báo Sự Cố .....	91
Đèn Chiếu Sáng Bật .....	98
Đèn Sương Mù Sau .....	98
Đèn Sương Mù Trước .....	98
Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định .....	101, 334
Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Chính .....	101, 333, 334
ECO .....	100
Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ .....	93
Hệ Thống Bộ Khởi Động .....	101
Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh .....	99
Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp/Áp Suất Lốp Thấp .....	96, 438
Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) .....	93
Hệ Thống Chống Nổ Máy .....	100

Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) .....	95, 336
Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) .....	95
Hệ Thống Nạp .....	91
Hệ Thống Phanh .....	90
Hệ Thống Phanh và Phanh Đỗ .....	90
Hệ Thống Truy Cập Từ Xa .....	99
Hộp Số .....	91
M (Chế Độ Sang Số Tuần Tự) .....	92
Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn .....	92
Nhiên Liệu Thấp .....	93
Nhiệt Độ Cao .....	94
Nhiệt Độ Thấp .....	94
Quay Vô Lăng .....	101
Sang Số Đỗ .....	101
TẮT Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) .....	95, 337
Xi Nhan .....	98
Yêu Cầu Bảo Dưỡng .....	101
<b>Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp</b> .....	90, 435
<b>Đèn Báo Cảnh Báo Tốc Độ</b> .....	100
<b>Đèn Báo Chiếu Xa</b> .....	98
<b>Đèn Báo Đèn Sương Mù Sau</b> .....	98
<b>Đèn Báo Đèn Sương Mù Trước</b> .....	98
<b>Đèn Báo Hệ Thống Khởi Động</b> .....	101
<b>Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện</b> .....	91, 435
<b>Đèn Báo Hệ Thống Phanh và Phanh Đỗ</b> .....	90, 436
<b>Đèn Báo M (Chế Độ Sang Số Tuần Tự)</b> .....	92
<b>Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp</b> .....	93
<b>Đèn Báo Nhiệt Độ Cao</b> .....	94
<b>Đèn Báo Nhiệt Độ Thấp</b> .....	94
<b>Đèn Báo Sang Số Đỗ</b> .....	101
<b>Đèn Báo Sự Cố</b> .....	91, 436
<b>Đèn Báo Tắt Túi Khí Hành Khách</b> .....	58, 94
<b>Đèn Báo Vượt</b> .....	150
<b>Đèn Cảnh Báo Sáng/Nhấp Nháy</b> .....	435





<b>Đèn Chiếu Sáng</b> .....	150
Bộ Điều Chỉnh .....	156
Cân Chỉnh .....	382
Làm Mờ .....	150
Vận Hành .....	150
Vận Hành Tự Động .....	151
<b>Đèn Đọc Sách</b> .....	173
<b>Đèn Trong Xe</b> .....	172
<b>Điều Chỉnh</b>	
Đèn Chiếu Sáng .....	156
Ghế Sau .....	170
Ghế Trước .....	164
Gương .....	161
Nhiệt Độ .....	108
Tựa Tay .....	171
Vô Lãng .....	160
<b>Điều Chỉnh (và Phụ Kiện)</b> .....	415
<b>Điều Chỉnh Độ Sáng (Bảng Điều</b>	
<b>Khiển)</b> .....	158
<b>Điều Khiển</b> .....	109
<b>Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa</b> .....	195
<b>Điều Khiển Chế Độ Chạy Ôn</b>	
<b>Định</b> .....	333
Đèn Báo .....	101
<b>Điều Khiển Chiếu Sáng</b>	
Núm .....	158
<b>Độ Nhớt (Dầu)</b> .....	374, 453
<b>Động Cơ</b>	
Bộ Phát Tiếng Bíp .....	144
Dầu .....	374
Khởi Động .....	317, 320
Khởi Động Bằng Ác Quy Nối Ngoài .....	430
Nước Làm Mát .....	377
Số Máy .....	455
<b>Đồng Hồ</b> .....	110
<b>Đồng Hồ Đo</b> .....	103
<b>Đồng Hồ Đo Hành Trình</b> .....	106
<b>Đồng Hồ Đo Quãng Đường</b> .....	106

<b>Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ</b> .....	103
<b>Đồng Hồ Đo Tốc Độ Xe</b> .....	103

## G

<b>Gập Các Ghế Sau Xuống</b> .....	170
<b>Ghế</b> .....	164
Điều Chỉnh .....	164
Ghế Sau .....	170
Ghế Trước .....	164
<b>Ghế Lót Đặc Biệt (Cho Trẻ Em)</b> .....	84
<b>Ghế Sau (Gập Xuống)</b> .....	170
<b>Ghế Trước</b> .....	164
Điều Chỉnh .....	164
<b>Giới Hạn Tải</b> .....	315
<b>Gương</b> .....	161
Bên Ngoài .....	162
Chiếu Hậu Trong Xe .....	161
Cửa .....	162
Điều Chỉnh .....	161
<b>Gương Bên Ngoài</b> .....	162
<b>Gương Cá Nhân</b> .....	9
<b>Gương Chiếu Hậu</b> .....	161
<b>Gương Chiếu Hậu Trong Xe</b> .....	161
<b>Gương Cửa</b> .....	162

## H

<b>Hành Lý (Giới Hạn Tải)</b> .....	315
<b>Hệ Thống An Ninh</b> .....	136
Đèn Báo Cảnh Báo Hệ Thống An Ninh ...	99
Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy .....	100
<b>Hệ Thống Âm Thanh</b> .....	190
Bảo Vệ Hệ Thống Âm Thanh .....	194
CD Khuyến Dùng .....	246
Cổng AUX .....	193

Cổng HDMI™ .....	192
Cổng USB .....	191
Điều Chỉnh Âm Thanh .....	198, 222
Điều Khiển Từ Xa .....	195
iPod .....	207, 230
MP3/WMA/AAC .....	203, 210, 227, 233
Thiết Bị Khuyến Dùng .....	248
Thông Báo Lỗi .....	243
Thông Tin Chung .....	246
<b>Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ (SRS)</b> .....	49
<b>Hệ Thống Cảm Biến Đổ</b> .....	348
<b>Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp</b> .....	340
Đèn Báo .....	96, 438
Hiệu Chỉnh .....	340
<b>Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp/Áp Suất</b>	
<b>Lốp Thấp</b>	
Đèn Báo .....	96, 438
<b>Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh</b>	
<b>(ABS)</b> .....	344
Đèn Báo .....	93
<b>Hệ Thống Chống Khóa Cửa</b> .....	120
<b>Hệ Thống Chống Nổ Máy</b> .....	136
Đèn Báo .....	100
<b>Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT)/</b>	
<b>Bluetooth® HandsFreeLink®</b>	
<b>(HFL)</b> .....	262, 285
Cài Đặt Điện Thoại .....	268, 292
Cài Đặt Tùy Chọn Tin Nhắn Văn Bản/ E-mail .....	296
Chọn một Tài Khoản E-mail .....	306
Danh Mục .....	264, 288
Danh Mục HFT/HFL .....	264, 288
Hiện Thị Thông Báo .....	307
Hiện Thị Trạng Thái HFT/HFL .....	263, 287
Nhạc Chuông .....	297
Nhận Cuộc Gọi .....	283, 304
Nhận Một Tin Nhắn Văn Bản/E-mail .....	305
Nút HFT/HFL .....	262, 285



Quay Số Nhanh.....	278, 299
Tạo Cuộc Gọi.....	280, 301
Tin Nhắn Văn Bản.....	296, 305
Tự Động Nhập Danh Bạ Điện Thoại và Lịch Sử Cuộc Gọi.....	298
Tùy Chọn Khi Đang Gọi.....	284, 304
<b>Hệ Thống Điều Hoà Không Khí (Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu)</b> .....	183
Cảm Biến.....	188
Chế Độ Lấy Gió Trong/Lấy Gió Ngoài.....	183, 184
Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính.....	185
Lọc Gió Điều Hoà.....	408
Sử Dụng Điều Khiển Khí Hậu Tự Động.....	183
Thay Đổi Chế Độ.....	183
<b>Hệ Thống Điều Hoà Không Khí (Hệ Thống Sưởi và Làm Mát)</b> .....	179
Làm Mát.....	181
Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính.....	182
Lọc Gió Điều Hoà.....	408
Sưởi.....	180
<b>Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu</b> .....	183
Cảm Biến.....	188
Chế Độ Lấy Gió Trong/Lấy Gió Ngoài.....	183, 184
Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính.....	185
Lọc Gió Điều Hoà.....	408
Sử Dụng Điều Khiển Khí Hậu Tự Động.....	183
Thay Đổi Chế Độ.....	183

**Hệ Thống EPS (Lái Trợ Lực**

<b>Điện</b> .....	95, 437
<b>Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em</b> .....	60
Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em.....	67
Ghế Lót Đặc Biệt.....	84
Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em cho Trẻ Nhỏ.....	66
Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em cho Trẻ Sơ Sinh.....	64
Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Quay Mặt Về Phía Sau.....	64
Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai Hồng/Vai.....	78
Sử Dụng Dây Thắt.....	82
Trẻ Lớn.....	83
<b>Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS)</b> .....	338
Đèn Báo.....	97, 439
Hiệu Chính TPMS.....	338
<b>Hệ Thống Hỗ Trợ Eco</b> .....	11
<b>Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)</b> .....	336
Đèn Báo Hệ Thống.....	95
Đèn Báo TẮT.....	95
Nút tắt.....	337
<b>Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS)</b> Đèn Báo.....	95, 437
<b>Hệ Thống Phanh</b> .....	342
Dầu.....	380
Đèn Báo.....	90, 436
Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS).....	344
Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp.....	345

Phanh Chân.....	343
Phanh Đổ.....	342
<b>Hệ Thống Sưởi và Làm Mát</b> .....	179
Làm Mát.....	181
Sưởi.....	180
Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính.....	182
Lọc Gió Điều Hoà.....	408
<b>HFL (Bluetooth® HandsFreeLink®)</b> .....	262, 285
<b>HFT (Điện Thoại Rảnh Tay)</b> .....	262, 285
<b>Hộp Đựng Đồ</b> .....	174
<b>Hộp Đựng Đồ Phía Người Lái</b> .....	178
<b>Hộp Đựng Đồ Trung Tâm</b> .....	174
<b>Hộp Số</b> .....	325, 327, 331
Chế Độ Sang Số Tuần Tự.....	329
CVT.....	325, 327
Dầu.....	379
Đèn Báo.....	91
Đèn Báo Vị Trí Cản Số (Đèn Báo Hộp Số).....	91, 326, 328
Đèn Báo Vị Trí Số.....	92
Số.....	455
Số Thường.....	331
<b>Hộp Số Thường</b> .....	331
<b>Hộp Số Vô Cấp</b> .....	324
Chế Độ Sang Số Tuần Tự.....	329
Chuyển Động Từ Từ.....	324
Dầu.....	379
Không Gạt Được Cản Số.....	432
Nhảy Về Số.....	324
Sang số.....	325, 327
Vận Hành Cản Số.....	23, 325, 326, 327, 328





## K

<b>Kéo Rơ-moóc</b> .....	316
<b>Kéo Xe</b>	
Khẩn Cấp .....	448
<b>Két Nước</b> .....	378
<b>Khẩn Cấp</b> .....	448
<b>Khí CO</b> .....	86
<b>Khí Xà Nguy Hiểm (CO)</b> .....	86
<b>Khoá Điện</b> .....	144
<b>Khoá/Mở Khoá</b> .....	112
Chìa Khoá .....	112
Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em .....	123
Khoá/Mở Khoá Cửa Tự Động .....	124
Sử Dụng Chìa Khoá.....	119
Từ Bên Ngoài.....	115
Từ Bên Trong .....	121
<b>Khoá/Mở Khoá Cửa Tự Động</b> .....	124
<b>Khoang Hành Lý</b> .....	133
Bóng Đèn .....	393
Nắp .....	133
<b>Khởi Động Bằng Ác Quy Nối Ngoài</b> ...	430
<b>Khởi Động Động Cơ</b> .....	317, 320
Bộ Phát Tiếng Bíp Động Cơ .....	144
Không Khởi Động .....	427
Khởi Động Bằng Ác Quy Nối Ngoài .....	430
<b>Kích (Cờ-lê Vận Đai Ốc)</b> .....	422
<b>Kiểm Tra An Toàn</b> .....	35
<b>Kính (Vệ Sinh)</b> .....	410, 413
<b>Kính Chắn Gió</b>	
Cần Gạt Nước và Bộ Rửa .....	157
Lưỡi Gạt .....	394
Nước Rửa .....	381
Sấy Kính/Làm Tan Sương.....	182, 185
Vệ Sinh .....	410, 413

## L

<b>Lái Xe</b> .....	311
Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định .....	333
Hộp Số Vô Cấp .....	324
Khởi Động Động Cơ.....	317, 320
Phanh .....	342
Sang Số.....	325, 327, 331
<b>Lái Xe An Toàn</b> .....	31
<b>Làm Mờ</b>	
Đèn Chiếu Sáng.....	150
<b>Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính</b> .....	182, 185
<b>Lấy Sang Số (Chế Độ Sang Số Tuần Tự)</b> .....	329
<b>Lọc Gió Điều Hoà</b> .....	408
<b>Lốp</b> .....	396
Áp Suất Khí .....	454
Đào Lốp.....	400
Kiểm Tra.....	397
Kiểm Tra và Bảo Dưỡng .....	396
Lốp Dự Phòng .....	419, 454
Mùa Đông.....	401
Thùng (Lốp Xẹp) .....	419
Vạch Báo Độ Mòn .....	398
Xích Bọc Lốp.....	401
<b>Lốp Bị Mòn</b> .....	396
<b>Lốp Dự Phòng</b> .....	419, 454
<b>Lốp Dự Phòng Loại Nhỏ</b> .....	419, 456
<b>Lốp Mùa Đông</b> .....	401
Xích Bọc Lốp.....	401
<b>Lốp Xẹp</b> .....	419
<b>Lưu Ý Khi Lái</b> .....	323
Trời Mưa .....	323

## M

<b>Móc Neo Phía Dưới</b> .....	75
<b>Mờ/Đóng</b>	
Cửa Kính Điện .....	141
Nắp Ca-pô .....	373
Nắp Khoang Hành Lý .....	133
<b>Mở Khoá Cửa</b> .....	115
<b>Mở Khoá Cửa Trước từ Bên Trong</b> ...	121
<b>MP3</b> .....	203, 210, 227, 233

## N

<b>Nạp Ác Quy Yếu</b> .....	435
<b>Nạp Nhiên Liệu</b> .....	352
Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu.....	103, 106
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp .....	93
Xăng .....	352, 452
<b>Nắp Bình Nhiên Liệu</b> .....	25, 353
<b>Nắp Chụp Mâm Xe</b> .....	421
<b>Ngăn Đẻ Cốc</b> .....	175
<b>Ngôn Ngữ (HFT/HFL)</b> .....	263, 287
<b>Nhãn An Toàn</b> .....	87
<b>Nhãn Cảnh Báo</b> .....	87
<b>Nhãn Chứng Nhận</b> .....	455
<b>Nhãn Mã Số Chia Khoá</b> .....	113
<b>Nhảy Về Số (Hộp Số Vô Cấp)</b> .....	324
<b>Nhắc Nhở Bảo Dưỡng</b> .....	101
<b>Nhiên Liệu</b> .....	25, 352
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp .....	93
Đồng Hồ Đo .....	103, 106
Khoảng Cách .....	107



Khuyến Dùng.....	352
Nạp Nhiên Liệu.....	352
Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải CO <sub>2</sub> .....	354
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời.....	106
<b>Nhiên Liệu Chỉ Định</b> .....	352
<b>Nhiệt Độ</b>	
Đèn Báo Nhiệt Độ Cao.....	94
Đèn Báo Nhiệt Độ Thấp.....	94
Hiển Thị Nhiệt Độ Bên Ngoài.....	108
<b>Nhiệt Độ Bên Ngoài</b> .....	108
Điều Chỉnh.....	108
<b>Núm Chạm (Âm Thanh)</b> .....	197
<b>Núm SEL/RESET</b> .....	104
<b>Nước Làm Mát Động Cơ</b> .....	377
Bổ Sung Vào Bình Chứa.....	377
Bổ Sung Vào Két Nước.....	378
Đèn Báo Nhiệt Độ Cao.....	94
Đèn Báo Nhiệt Độ Thấp.....	94
Quá Nhiệt.....	433
<b>Nút Cảnh Báo Nguy Hiểm</b> .....	4, 5
<b>Nút ECON</b> .....	332
<b>Nút ENGINE START/STOP</b> .....	145
<b>Nút Màn Hình Hiển Thị</b> .....	217
<b>Nút/Biểu Tượng Sấy Kính Sau</b> .....	159
<b>O</b>	
<b>Oát</b> .....	452
<b>Ô</b>	
<b>Ô Cắm Điện Phụ Kiện</b> .....	177

<b>P</b>	
<b>Phanh Chân</b> .....	343
<b>Phanh Đỗ</b> .....	342
<b>Phụ Kiện và Điều Chỉnh</b> .....	415
<b>Phụ Nữ Mang Thai</b> .....	44
<b>Q</b>	
<b>Quá Nhiệt</b> .....	433
<b>Que Thăm Dầu (Dầu Động Cơ)</b> .....	375
<b>Quy Định</b> .....	456
<b>S</b>	
<b>Sang Số (Hộp Số)</b> .....	325, 327, 331
<b>SMS (Tin Nhắn Văn Bản)</b> .....	296, 305
<b>Số Nhận Dạng</b> .....	455
Động Cơ và Hộp Số.....	455
Nhận Dạng Xe.....	455
<b>Số Nhận Dạng Xe</b> .....	455
<b>T</b>	
<b>Tải Trọng Tối Đa Cho Phép</b> .....	315
<b>Thay</b>	
Ắc Quy.....	403
Bóng Đèn.....	382
Cao Su Lưới Gạt Nước.....	394

Cầu Chì.....	440, 442, 443, 445
Lốp Xe.....	419
<b>Thay Bóng Đèn</b> .....	382
Đèn Biển Số Sau.....	390
Đèn Chiếu Sáng.....	382
Đèn Khoang Hành Lý.....	393
Đèn Lùi, Đèn Hậu và Đèn Sương Mù	
Sau.....	389
Đèn Phanh Cao.....	391
Đèn Phanh/Đèn Hậu và Đèn Xi Nhan	
Sau.....	388
Đèn Sương Mù.....	384
Đèn Trần.....	392
Đèn Trong Xe.....	392
Đèn Vị Trí.....	386
Đèn Xi Nhan Bên.....	387
<b>Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio</b> .....	456
<b>Thông Báo An Toàn</b> .....	0
<b>Thông Gió</b> .....	179, 183
<b>Thông Số Kỹ Thuật</b> .....	452
<b>Thông Số Kỹ Thuật Bóng Đèn</b> .....	452
<b>Thời Gian (Cài Đặt)</b> .....	110
<b>Thùng (Lốp)</b> .....	419
<b>Tiện Ích Trong Xe</b> .....	141
<b>Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải</b>	
CO <sub>2</sub> .....	354
<b>Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình</b> .....	107
<b>Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời</b> .....	106
<b>Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp</b> .....	346
<b>Tín Hiệu Rẽ (Xi Nhan)</b> .....	149
<b>Tin Nhắn Văn Bản</b> .....	296, 305
<b>Tính Năng</b> .....	189
<b>Tính Năng Tùy Chọn</b> .....	250







<b>Tựa Tay</b> .....	171
<b>Túi Khí</b> .....	47
Cảm Biến .....	47
Đèn Báo .....	57, 93
Đèn Báo Tắt Túi Khí Phía Hành Khách ...	58
Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí .....	59
Sau Va Chạm .....	50
Thiết Bị Ghi Nhận Dữ Liệu Sự Cố .....	1
Túi Khí Bên .....	54
Túi Khí Rèm .....	56
Túi Khí Trước (SRS) .....	49
<b>Túi Khí Bên</b> .....	54
<b>Túi Khí Rèm</b> .....	56
<b>Túi Khí SRS (Túi Khí)</b> .....	49
<b>Túi Khí Trước (SRS)</b> .....	49
<b>Tùy Chọn Cài Đặt Khóa/Mở Khóa Cửa</b>	
<b>Tự Động</b> .....	125
<b>U</b>	
<b>USB</b> .....	248
<b>V</b>	
<b>Vạch Báo Độ Mòn (Lốp)</b> .....	398
<b>Vệ Sinh Ngoại Thất</b> .....	412
<b>Vệ Sinh Nội Thất</b> .....	410
<b>Vị Trí Cản Số</b>	
Hộp Số Vô Cấp .....	325, 327
Hộp Số Thường .....	331
<b>Vô Lăng</b> .....	160
Điều Chỉnh .....	160
<b>VSA (Hệ Trợ Ổn Định Xe)</b> .....	336

## W

<b>WMA</b> .....	203, 210, 227, 233
------------------	--------------------

## X

<b>Xăng</b> .....	25, 352
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp .....	93
Đồng Hồ Đo .....	103, 106
Nạp Nhiên Liệu .....	352
Thông Tin .....	352
Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải	
CO <sub>2</sub> .....	354
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời .....	106
<b>Xi Nhan</b> .....	149
Đèn Báo (Bảng Điều Khiển) .....	98
<b>Xử Lý Sự Cố</b> .....	417
Bàn Đạp Phanh Rung .....	28
Cầu Chi Bị Nổ .....	440, 442, 443, 445
Cửa Sau Không Mở .....	29
Đèn Cảnh Báo .....	90
Động Cơ Không Khởi Động .....	427
Kéo Xe Khẩn Cấp .....	448
Không Gạt Được Cản Số .....	432
Lốp Thủng/Xẹp .....	419
Quá Nhiệt .....	433
Tiếng Bíp Kêu Khi Mở Cửa .....	29
Tiếng Òn Khi Phanh .....	30



